

KINH TÌ-KHEO NA-TIÊN

Càn Long Đại Tạng Kinh Quyển 108, trang 706-753

Thiện Nhựt phỏng dịch và tìm hiểu

Nguồn

www.thuvienhoasen.org

Chuyển sang ebook 29-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Nội-dung tập sách này gồm có:

- 1.- Tại sao tôi lại phỏng-dịch "Kinh Na-Tiên"?
- 2.- Xuất-xứ của quyển "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh".
- 3.- Nội-dung được bố-cục có phần hơi "lông-lẻo".
- 4.- Viên ngọc quý thứ nhứt trong bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh"
- 5.- Viên ngọc quý thứ hai trong bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh".
- 6.- Nhân nhìn thấy "hòn ngọc ẩn" trong lời đáp của Tì-kheo Na-Tiên về vấn-đề Tái-sanh.
- 7.- Lời nói ngàn vàng của Ngài Xá-lợi-phất.
- 8.- Bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" giúp ta ôn lại Giáo-lý với nụ cười hàm-tiểu!

A.- Bản Phỏng-dịch

Quyển Thượng

- 001.- Đức Phật vào rừng tòng.
- 002.- Tượng-vương vào rừng tòng gặp Đức Phật.
- 003.- Tượng-vương đến chùa nghe Kinh
- 004.- Tiền-kiếp của tì-kheo Na-Tiên và vua Di-Lan
- 005.- Na-Tiên xuất-gia cầu Đạo với Lâu-Hán.
- 006.- Na-Tiên đến chùa Hoà-Thiên-Tự.
- 007.- Na-Tiên bị Sư Ca-Duy-Viết trục-xuất, liền đi vào rừng ẩn-tu và đắc quả-vị A-la-hán.
- 008.- Na-Tiên đi hành-đạo trong dân-gian.
- 009.- Vua Di-Lan cai-trị nước Xá-Kiệt.
- 010.- Vua Di-Lan hỏi bí tu-sĩ Dã-Hoà-La.
- 011.- Vua Di-Lan thỉnh Na-Tiên.
- 012.- Vua Di-Lan vừa gặp Na-Tiên.
- 013.- Ai là Na-Tiên? Xe là gì? Người là gì?

- 014.- Thái-độ đứng-đắn khi thảo-luận.
- 015.- Câu hỏi rất khó: chẳng nghe hỏi, mà đã có đáp rồi chẳng?
- 016.- Thỉnh Na-Tiên, mời thêm bao-nhiêu sa-môn
- 017.- Dọc đường, Na-Tiên khai-ngộ cho Triêm.
- 018.- Bàn về điều tinh-yếu: tại sao làm sa-môn?
- 019.- Tại sao phải sanh trở lại? Trí-huệ giúp được gì?
- 020.- Thiện là gì? Thành-tín là gì?
- 021.- Năm điều ác là những gì?
- 022.- Tinh-tấn là làm sao?
- 023.- Hiếu-thuận ở đây là tuân theo 37 Phẩm trợ Đạo.
- 024.- Thế nào là bốn sự dừng-ý (= tứ niệm-xứ)?
- 025.- Thế nào là bốn sự đoạn-ý?
- 026.- Thế nào là bốn niệm thân-túc?
- 027.- Năm căn là những gì?
- 028.- Năm lực gồm có những gì?
- 029.- Thế nào là bảy giác-ý?
- 030.- Tám loại đạo-hạnh (Bát chánh-đạo) là những gì?
- 031.- Lấy Bát-Chánh-Đạo làm căn-bản tu-hành.
- 032.- Tinh-tấn là gì?
- 033.- Niệm điều thiện là phải làm sao?
- 034.- Thế nào gọi là nhứt-tâm?
- 035.- Trí-huệ là như thế nào?
- 036.- Các loại Kinh đều dạy điều thiện để nhắm vào việc tận-diệt các điều ác .
- 037.- Người tái-sanh lại thì dùng thân cũ, hay là có thân mới?
- 038.- Người hết tái-sanh có biết mình chẳng sanh lại ở đời sau hay không?
- 039.- Khả-năng của Trí-huệ ra sao?
- 040.- Năm điều thiện là những gì?
- 041.- Vì sao bực đắc-đạo còn sống lại phải chịu khổ?
- Quyển Trung
- 042.- Ba loại cảm-thọ: vui, khổ, chẳng vui chẳng khổ.
- 043.- Khi chết rồi, ai sanh trở lại?
- 044.- Vua hỏi, Na-Tiên có sanh trở lại nữa không?
- 045.- Danh-Thân nghĩa là gì?
- 046.- Thời-gian.
- 047.- Thời-gian cùng với Danh-Thân triển-chuyển.
- 048.- "Người có gốc" nghĩa là gì?
- 049.- Cái "gốc sanh-tử" là gì?
- 050.- Thế-gian chẳng hề có việc tự-nhiên mà sanh ra
- 051.- "Cái gì" là "Người"?

- 052.- Mắt và tâm cùng thấy.
 053.- Giác-quan và tâm phối-hiệp nhau .
 054.- Vui-sướng nghĩa là gì?
 055.- Giác-tri là gì?
 056.- Sở-niệm là gì?
 057.- Thế nào nội-động?
 058.- Các tâm-niệm phối-hiệp nhau rồi chẳng tách ra riêng từ món được.
 059.- Vị của muối .
 060.- Năm giác-quan .
 061.- Tại sao có sự bất-bình-đẳng giữa loài người?
 062.- Phải làm điều lành từ trước .
 063.- "Lộc riêng" phải chăng là "Nghệp-lực"?
 064.- Bốn đại (bốn nguyên-tố) nương vào nhau .
 065.- Niết-bàn là vượt qua chướng trở lại.
 066.- Đắc đạo Niết-bàn .
 067.- Dầu chưa đắc Niết-bàn, cũng có thể biết Niết-bàn là vui-sướng .
 068.- Chẳng từng thấy Phật, đâu có nghĩa là chẳng hề có Đức Phật .

Quyển Hạ

- 069.- Chẳng ai thắng nổi Đức Phật.
 070.- Khi tái-sanh, con người thọ thân mới.
 071.- Thân mới mang theo nghiệp của thân cũ.
 072.- Chỗ đã làm thiện-ác trước, nay ở vào đâu?
 073.- Người phải tái-sanh, tự biết điều đó.
 074.- Có Niết-bàn chăng?
 075.- Sa-môn giữ-gìn thân, chớ chẳng mền-thương thân.
 076.- Thân-tướng trang-nghiêm của Đức Phật.
 077.- Đức Phật đâu phải là đệ-tử của Đại-Phạm-thiên.
 078.- Đức Phật tự biết lấy Kinh-kệ và Giới-luật.
 079.- Khóc cha mẹ chết và khóc khi nghe Kinh Phật.
 080.- Bực đắc đạo và kẻ chưa đắc đạo, khác nhau.
 081.- Trí-nhớ của con người.
 082.- Mười sáu cách để nhớ lại việc cũ.
 083.- Đức Phật biết tất cả, sao chẳng dạy hết một lần?
 084.- Lỡ làm ác, biết niệm Phật, chết khỏi sa địa-ngục
 085.- Sa-môn học đạo vì muốn thoát mọi khổ về sau.
 086.- Bực La-hán bay lên Trời nhanh như duỗi cánh tay
 087.- Chết cùng lúc thì đến nơi tái-sanh cùng một lúc.
 088.- Dùng bảy việc để học biết Đạo.
 089.- Lỡ làm điều ác, biết hối-cải, tội giảm đi dần.
 090.- Người trí, kẻ ngu cùng làm ác ai nặng tội hơn?

- 091.- Sức thần-túc.
- 092.- Có thể ngưng hơi thở ra vào chăng?
- 093.- Biển và nước biển.
- 094.- Tư-duy đến các sự-việc cao-thâm.
- 095.- Tinh-thần, Trí-huệ và Tự-nhiên.
- 096.- Phân-tách kỹ thân-tâm ra, đó là vô-ngã chăng?
- 097.- Luận-bàn Giáo-Pháp, Vương và Na-Tiên đều vui .

B.- Phần Tìm hiểu Nghĩa Chữ

A
Â
B
C
D
Đ
H
K
L
M
N
P
Q
R
S
T
U
V
X
Y

C.- Phần Tìm hiểu Nghĩa Ý

- 098.- Xuất-xứ của quyển Tì-kheo Na-Tiên.
- 099.- Bố-cục quyển Tì-kheo Na-Tiên .
- 100.- Tóm-lược về Tiền kiếp của Na-Tiên và Di-Lan .
- 101.- Na-Tiên đắc quả A-la-hán .
- 102.- Sa-môn Dã-Hoà-La bị vua Di-Lan hỏi bí .
- 103.- Vua Di-Lan thử-thách Tì-kheo Na-Tiên .
- 104.- Thái-độ trong khi bàn-luận Giáo-pháp.
- 105.- Dọc đường, Triêm-Di-Lợi được Na-Tiên khai-ngộ .
- 106.- Sắp-xếp lại các loại câu hỏi về Giáo-Pháp .

I.- Vấn-đề: Đi tu làm Sa-môn

- 107.- Tại sao đi tu làm sa-môn?

- 108.- Có mấy hạng sa-môn?
- II.- Vấn-đề: Tái-sanh Luân-hồi
- 109.- Vấn-đề tái-sanh được nêu lên nhiều lần trong quyển Tì-kheo Na-Tiên .
- 110.- Thắc-mắc lớn: Chết rồi, đi về đâu?
- 111.- Có "hiện-tượng" tái-sanh hay không?
- 112.- Cái gì mất, cái gì còn, khi chết đi?
- 113.- Tại sao phải tái-sanh lại? Ai phải tái-sanh lại, còn ai chẳng phải tái-sanh nữa?
- 114.- Người hết tái-sanh lại có tự-biết điều đó chẳng?
- 115.- Vua hỏi Na-Tiên có biết mình còn phải tái-sanh nữa không?
- 116.- Khi tái-sanh, dùng thân cũ hay có thân mới?
- 117.- Chỗ đã làm thiện, ác nay đi về đâu và thân mới có mang theo nghiệp cũ không?
- 118.- Thế nào là Danh-Sắc triển-chuyển qua Thời-gian, tòng theo các nguyên-nhân dây chuyền?
- 119.- Đối-chiếu lập-luận của Na-Tiên với Lý Mười-hai Nhân-Duyên trong giáo-lý.
- 120.- Cái "gốc sanh-tử" của chúng-sanh là gì?
- 121.- Hai người chết cùng lúc, có tái-sanh cùng một lúc, ở hai nơi xa gần khác nhau không?
- 122.- Chẳng hề có việc tự-nhiên mà sanh ra .
- 123.- Vấn-đề tái-sanh Luân-hồi: tin hay chẳng tin?
- III.- Vấn-đề: Phân-biệt các điều thiện, ác .
- 124.- Năm điều thiện và năm điều ác là những gì?
- 125.- Kinh Thập-Thiện kể mười điều thiện cụ-thể hơn.
- 126.- Phải làm điều thiện từ trước.
- 127.- Trót gây điều ác, nay phải làm gì?
- IV.- Vấn-đề: Ba mươi bảy Phạm Trợ Đạo.
- 128.- Ba mươi bảy Phạm Trợ Đạo gồm có những gì?
- 129.- Tứ niệm-xứ: bốn lãnh-vực để giữ chánh-niệm.
- 131.- Phải chăng Bốn niệm thần-túc là Tứ Như-ý-túc?
- 132.- Năm căn và năm lực là những gì?
- 133.- Bảy Giác-ý hay là Bảy Giác-chi?
- 134.- Bát Chánh-Đạo là những gì?
- 135.- Lấy tám loại đạo-hạnh (Bát Chánh-Đạo) làm căn-bản tu-hành.
- V.- Vấn-đề: Trí - Huệ .
- 136.- Vấn-đề Trí-Huệ được đặt ra ở đây như thế nào?
- 137.- Thế nào là Trí-Huệ?
- 138.- Trí-huệ với Bản-năng, và với Nghiệp-lực .

- 139.- Trí nhớ và các cách nhớ lại của con người.
- VI.- Vấn-đề: Các loại cảm-thọ .
- 140.- Ba loại cảm-thọ: lạc-thọ, khổ-thọ và xả-thọ .
- VII.- Vấn-đề: Đắc Đạo và cõi Niết-bàn.
- 141.- Vấn-đề đắc Đạo trong quyển "Tì-kheo Na-Tiên"
- 142.- Làm cách nào để học biết Đạo?
- 143.- Bực đắc Đạo khác kẻ chưa đắc Đạo ở điểm nào?
- 144.- Bực đắc Đạo có những khả-năng nào?
- 145.- Bực đắc Đạo suy-tư đến các điều cao-thâm.
- 146.- Niết-bàn là gì?
- 147.- Sống đến bao giờ mới "nhập Niết-bàn"?
- VIII.- Vấn-đề: Phật
- 148.- 32 tướng trang-nghiêm trên thân Phật.
- 149.- Khả-năng siêu-việt của Đức Phật.
- IX.- Vấn-đề: Con người và thuyết Vô-ngã
- 150.- Thế-gian chẳng có "người" .
- 151.- Từ nhãn-thức đến ý-thức .
- 152.- Giác-quan và tâm phối-hiệp sanh ra srong-khổ .
- 153.- Các tâm-sở đã phối-hiệp rồi chẳng tách ra được .
- 154.- Vai-trò của các giác-quan .
- 155.- Sự bất-bình-đẳng nơi loài người .
- 156.- "Lộc riêng" hay là chính đó là Nghiệp-lực?
- 157.- Nên có thái-độ nào đối với thân-tâm này?
- 158.- Thân-tâm này, khi phân-tách kỹ ra, là vô-ngã.
- X.- Vấn-đề: Các câu hỏi linh-tinh về kiến-thức tổng-quát
- 159.- Muối, nước biển và biển .
- 160.- Tứ-đại là gì?
- 161.- Khốc .
- 162.- Tâm-trạng của Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên sau cuộc đàm-luận về đạo-pháp .

D- Bản Phiên-âm NA-TIÊN TÌ-KHEO KINH

Quyển Thượng

Quyển Trung

Quyển Hạ

HẾT

Nội-dung tập sách này gồm có:

- A.-** Bản Phỏng-dịch từ chánh-văn trong Đại-Tạng, còn thiếu tên tác-giả chữ Phạn và dịch-giả chữ Hán;
- B.-** Phần Tìm hiểu Nghĩa Chữ: từ-ngữ Phật-học được tra Từ-điển và giải-thích gọn, theo thứ-tự A, B, C;
- C.-** Phần Tìm hiểu Nghĩa Ý: các câu vấn-đáp xếp lại thành 10 vấn-đề: 9 về giáo-lý, 1 về linh-tinh.
- D.-** Bản Phiên-âm Hán-Việt

Thân-kính tặng Quý-Vị Đạo-hữu Tổ-đình Từ-Quang và Thiền-viện Linh-Sơn,
để nhớ các buổi trưa nói chuyện Đạo vào dịp cuối tuần,

Thiền-Nhựt
Huỳnh-Hữu-Hồng

Vài cảm-nghĩ về Kinh Tì-kheo Na-Tiên
Bài Tham-luận thuyết-trình tại Tổ-đình Từ-Quang, Montreal, Canada
Khoá Nghiên-Tu An-Cu
Tháng Bảy 2005

1.- Tại sao tôi lại phỏng-dịch "Kinh Na-Tiên"?

Quyển "Na-Tiên Tì-kheo Kinh" là một bộ Luận ghi bằng tiếng Pali, rất nổi danh, được phiên-dịch ra nhiều thứ tiếng: tiếng Hán, tiếng Việt, tiếng Miến, tiếng Thái, tiếng Tích-lan, tiếng Anh, tiếng Pháp, v.v. Tại Việt-Nam, đã có các bản dịch của các Cư-sĩ Đoàn-Trung-Còn, Cao-Hữu-Đính, và của Hòa-Thượng Giới-Nghiêm, rất phổ-biến. Tại sao Thiền Nhựt còn "đèo-bồng" mang ra dịch nữa?

1.- Thiền Nhựt học Kinh kệ Phật xuất-xứ từ Hán-Tạng, nên chỉ biết đọc và tìm hiểu các bản Kinh kệ được dịch ra tiếng Việt của các bậc đại-sư Việt-Nam. Chẳng phải các Kinh sách chữ Anh, chữ Pháp quá khó-khăn, nhưng khi tìm hiểu về chúng, Thiền Nhựt cảm thấy chúng "hơi xa lạ" đối với người Việt có sức học trung-bình, tu theo đường-lối của ông-bà để lại. Như trong Hán-tạng dùng hai chữ Hỉ và Lạc để chỉ hai thiền-chi của Sơ-Thiền, các sách Anh-ngữ đã dịch ra là Joy, Happiness, Bliss... ; trong khi đó tiếng Việt thuần-túy của ta lại có hai chữ Mừng và Vui, rất dễ hiểu mà mô-tả rất rõ-ràng tâm-trạng của thiền-giả khi sắp bước vào định-tâm: Mừng thì thân còn đang xúc-động, tâm còn vọng-động. Vui thì khi nổi mừng đã lắng-dịu, tâm-y

lông-lông, nhẹ-nhàng. Sao ta lại bỏ quên chẳng dùng những tiếng Việt thông-thường ấy để diễn-đạt hai thiên-chi đó, một cách giản-dị và rất chính-xác? Chính vì lẽ đó mà Thiện Nhựt đã mạo-muội đem bản văn Hán-tạng phỏng-dịch ra tiếng Việt thông-thường ngày nay, trước để cho mình tìm hiểu và học-hỏi bằng tiếng Việt, sau cũng có thể giúp được phần nào lợi-ích cho các bạn đạo cùng tu.

2.- Mỗi cuối tuần vào chùa lạy Phật nghe kinh, nhìn lên các tủ kiếng sắp hàng-hàng lớp-lớp các bộ Kinh chữ Hán trong Đại-Tạng, Thiện Nhựt chẳng khỏi bùi-ngùi nghĩ đến thân-phận dốt-nát của mình còn chưa dám mở một quyển nào ra đọc, vì lẽ vốn-liếng chữ Hán của mình quá ít-oi, hiểu được mặt chữ đã là khó, nói chi đến nghĩa-lý cao-siêu, huyền-diệu được "gói-ghém kỹ" trong các dòng chữ mà con mắt thịt mình nhìn thấy quá ư bí-hiêm! Các bộ Kinh được Việt-dịch cũng chẳng dễ chi mà hiểu cho tận-tường, vì lẽ còn nhan-nhản các danh-từ Phạn-ngữ được phiên-âm ra Hán-văn, có lẽ còn khó nghe hơn chữ Pali chánh gốc. Hoạ-hoãn lắm mới thấy nơi vài quyển, sau phần dịch-thuật và cước-chú, có năm ba trang hiêm-hoi ở phía sau, giải-thích vắn-tắt ý-nghĩa cao-sâu lời chư Phật và Bồ-tát mở lối cho con đường tu-tập. Người học Phật, với thành-tâm mong được giác-ngộ và giải-thoát, khó mà tìm thấy một quyển Kinh với đầy-đủ lời giải-thích bằng ngôn-từ thông-thường, cùng sự phân-tách rõ-ràng các điểm chánh-yếu cần lưu-tâm, để vững lòng bước đi, từ bước một, trên con đường học-hỏi giáo-lý nhà Phật. Nói tóm lại, còn chưa thấy có nhiều kinh-sách được soạn dưới hình-thức giáo-khoa-thư, để cho một người bập-bẹ mới biết học Phật như Thiện Nhựt có thể dùng làm quyển sách gối đầu giường mà học Kinh học Kệ.

Nhân tìm thấy trong Hán-Tạng bản cổ-văn dịch từ chữ Phạn, bộ Luận Milinda panha, nhan đề là "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh", thiếu tên dịch-giả, được sao-lục lại từ thời Đông-Tấn bên Tàu (khoảng thế-kỷ thứ 5), Thiện Nhựt mới mạo-muội đem ra "phỏng-dịch" thành tiếng Việt thông-thường ngày nay. Mục-đích chỉ là để có một bản Việt-văn mà học ôn lại giáo-lý, vì nội-dung bộ Luận này nêu ra gần trăm câu thắc-mắc, nghi-ngờ, của vua Milinda (Di-Lan) cùng với lời giải-thích khá rõ-ràng và đầy-đủ của Tì-kheo Nagasena (Na-Tiên) về Giáo-pháp của Đức Phật. Trong khi phỏng-dịch, Thiện Nhựt nhận thấy vài từ-ngữ chuyên-môn về Phật-học trong bản dịch Hán-văn hết còn thích-hợp với các thuật-ngữ ngày nay, như Ba-mươi-bảy Phẩm Kinh thay vì nói Ba-mươi-bảy Phẩm Trợ-Đạo, như Hiếu-thuận thay vì Giới-hạnh, như Danh-Thân thay vì Danh-Sắc, như Lộc riêng thay vì Nghiệp-lực, v.v. nên Thiện Nhựt muốn đề-nghị thay-thế bằng các danh-từ đang hiện-hành, nhưng chẳng dám tự-tiện sửa lại trong phần phỏng-dịch theo Hán-văn, mà

chỉ xin ghi lại ở sau, nơi phần Tìm hiểu Nghĩa Chữ. Và nhân đó, có chép lại hơn hai mươi trang lời giải-thích vắn-tắt các chữ khó, sắp-xếp theo thứ-tự A, B, C, để các bạn trẻ nào muốn dùng đến tập sách nhỏ ấy, khỏi phải mất công tra thêm Từ-điển.

Lại nữa, các câu hỏi thắc-mắc của vua Di-Lan thường là tùy-hứng, nghe giảng đến đâu thì hỏi đến đấy, chẳng theo một đề-mục nhất-định nào, lại thêm được nhắc tới nhắc lui nhiều lần ở lắm chỗ khác nhau, nên Thiện Nhựt, khi tìm hiểu về ý-nghĩa giáo-lý trong quyển Luận này, thấy nên sắp xếp lại các câu hỏi đó ra mười vấn-đề, chín thuộc về giáo-lý và một về các câu hỏi linh-tinh có liên-quan đến kiến-thức tổng-quát. Khi sắp-xếp các câu hỏi của vua Di-Lan lại, đúng theo thứ-tự các vấn-đề giáo-lý, Thiện Nhựt có ghi lại trong phần Tìm hiểu Nghĩa Y của mình, các điểm bất-đồng ý-kiến với vị Tì-kheo lỗi-lạc, đó chẳng phải là dám khoe mình có "biết chút đỉnh" về giáo-lý, mà chính là để gọi lên cơ-hội cho các bạn trẻ, đem đặt lại vấn-đề với các vị Thầy dạy Đạo của mình, hầu có được lời giải-đáp thích-đáng (và nhớ làm ơn cho Thiện Nhựt biết với, để học hỏi thêm).

2.- Xuất-xứ của quyển "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh".

Bộ Luận Milinda panha được ghi lại bằng tiếng Phạn, tác-giả là ai, hiện còn chưa được các học-giả về Phật-học trên thế-giới xác-định rõ. Bắc-Tông cho rằng Bồ-tát Long-Thọ (Nagarjuna) đã sáng-tác quyển này, vì Ngài muốn mượn tên của Na-Tiên (Nagasena) để đối-đáp về Giáo-pháp với vua Ménéandre mà Ngài ám-chỉ là Di-Lan (bản dịch của đại-cư-sĩ Đoàn-Trung-Còn gọi là Di-Lan-Đà). Còn Hòa-thượng Giới-Nghiêm, nguyên Tăng-Thống Giáo-hội Phật-giáo Nguyên-thủy Việt-nam, ghi tên tác-giả là Ngài Pitakaculabhaya, gốc người Trung-Ấn.

Quyển Milinda panha được gọi là Kinh, vì được kết-tập trong hệ Pali nơi Tiểu-Bộ-Kinh (Khuddaka Nikaya). Bản dịch Hán-văn "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" được ghi trong Hán-Tạng, Càn-Long Đại-Tạng Kinh, quyển số 108, các trang từ 706 đến 753. Đúng ra đó là một bộ Luận được một vị đại-sư trước-tác, sở dĩ được tôn-vinh là Kinh, có lẽ vì nội-dung cao-sâu tựa như lời của chư Phật hay Bồ-tát.

Các bạn thanh-niên nghiên-cứu về Phật-học có thể đòi hỏi thêm về tiểu-sử của tác-giả, cùng lý-do nào đã khiến tác-giả sáng-tác nên bộ Luận này. Đòi hỏi này rất chính-đáng khi ta cần nghiên-cứu kỹ-lưỡng một vấn-đề triết-học hay văn-chương. Nhưng Thiện Nhựt chẳng thấy có mảy-may thắc-mắc chi

về các chi-tiết quan-trọng đó. Tại sao? Vì khi học Kinh-kệ, Thiện Nhựt chỉ cần biết đó là một bản Kinh được ghi trong Đại-Tạng, điều quan-trọng là tìm hiểu ý-nghĩa về lời dạy tu-tập, còn việc nghiên-cứu đúng theo các phương-pháp khoa-học của nhà khảo-cổ, thì xin kính-cần chờ sự chứng-minh chính-xác với đầy-đủ bằng-cớ của các bực đại-trí-thức. Lại nữa, mình đọc Kinh Phật chỉ cần hiểu và biết ứng-dụng lời dạy tu-tập về đường tu của mình, hơn là thắc-mắc về danh-xung, tiểu-sử, v.v..., thí-dụ như trong Tâm-Kinh Bát-Nhã có nói đến Bồ-tát Quán-Tự-Tại, được các vị đại-sư giải-thích đó là tên khác của Bồ-tát Quán-Thế-Âm, mình cần chi thắc-mắc là đúng hay sai; còn chỗ đáng thắc-mắc là mình có theo Kinh đó để tu-tập tánh Không chưa, và nay đã tới mức nào rồi. Do đó, Thiện Nhựt đề-nghị nên xem bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" do một bực cổ-đức nào đó đã sáng-tác vào một thời xa-xưa, vậy thôi!

3.- Nội-dung được bố-cục có phần hơi "lỏng-lẻo".

Bộ "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" trong Hán-Tạng được chia ra làm ba quyển: Thượng, Trung, Hạ, nhưng xét theo ý-nghĩa, lời văn, thì chẳng thấy có sự phân-biệt rõ-ràng giữa ba quyển đó, vì lẽ các câu hỏi ở quyển Thượng lại được nhắc lại ở quyển Trung và quyển Hạ; cũng như ở hai quyển sau, vẫn thấy còn bàn lại các vấn-đề đã được thảo-luận ở quyển trước. Sở dĩ có sự trùng-điệp đó là vì các câu hỏi của vua Di-Lan phần lớn là tùy-hứng, nhân nghe giảng một đoạn rồi liền nêu lên thắc-mắc, khiến cho mạch kinh-văn... hơi "lỏng-lẻo".

Về Nội-dung, bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo" có thể tạm chia ra làm ba phần:

- 1.- Tiền-kiếp của Tì-kheo Na-Tiên và của vua Di-Lan;
- 2.- Các câu vấn-đáp giữa nhà Vua và vị Tì-kheo lỗi-lạc;
- 3.- Tâm-trạng của Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên sau cuộc đàm-luận lý-thứ về giáo-lý.

Riêng phần vấn-đáp, trong Hán-tạng có ghi vào khoảng một trăm câu hỏi; nơi Tạng Pali, số câu hỏi thay đổi lên xuống tùy vào nơi xuất-bản, khoảng hơn hai trăm sáu mươi câu. Điều này cho thấy bản nguyên-tác bằng chữ Phạn có thể bị thêm bớt, thay đổi, tùy theo thời-gian và nơi chốn đã xuất-bản bộ Luận.

Để tiện việc nghiên-cứu, Thiện Nhựt đã sắp-xếp lại, trong Phần Tìm hiểu Nghĩa Y của mình, thành mười vấn-đề: chín về giáo-lý, và một về các kiến-thức tổng-quát linh-tinh. Vì tuân theo thứ-tự trong bản nguyên-tác khi các

câu hỏi được vua Di-Lan lần-lượt nêu lên, nên chín vấn-đề giáo-lý được ghi chép lại như sau:

- 1.- Tại sao đi tu làm Sa-môn?
- 2.- Sự tái-sanh, nghiệp-lực và thuyết Luân-hồi;
- 3.- Sự phân-biệt các điều thiện và ác;
- 4.- 37 Phẩm trợ-Đạo;
- 5.- Trí-huệ;
- 6.- Các loại cảm-thọ;
- 7.- Sự đắc Đạo và cõi Niết-bàn;
- 8.- Đức Phật;
- 9.- Con "người" và thuyết vô-ngã.

Lẽ ra, nếu nhìn chung toàn-bộ tư-tưởng diễn-đạt trong bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh", ta sẽ thấy ý-tưởng cốt-cán là: Tại sao đi tu làm Sa-môn? Đó là vì muốn được giác-ngộ và giải-thoát. Giác-ngộ về điều gì? Giác-ngộ về lẽ sống-chết và thân-phận của con người. Giải-thoát khỏi điều gì? Giải-thoát khỏi cảnh Khổ trong vòng Luân-hồi để được an-nhiên, tự-tại trong cõi Niết-bàn.

Để khai-triển ý-tưởng cốt-cán nói trên, tác-giả bộ Luận lần-lượt đề-cập đến nghiệp-lực đã dẫn-dắt chúng-sanh theo sáu nẻo của vòng Luân-hồi; rồi chỉ cho ta thấy lối phá vỡ vòng lẩn-quẩn sanh-tử đó, bằng cách (a) biết phân-biệt điều thiện, điều ác; (b) tuân theo 37 Phẩm Trợ-Đạo; (c) phát-triển Trí-huệ để tiêu-diệt đến tận gốc-rễ các trở-ngại là phiền-não-chướng và sở-tri-chướng. Để tận-diệt hết các trở-ngại lớn-lao đó, tác-giả đã phân-tách tỉ-mỉ sự phát-khởi của các cảm-thọ nơi thân-tâm thường đưa đến các phiền-não-chướng, và vạch rõ sự cố-chấp vào các tà-kiến, đã đưa tới các sở-tri-chướng, nhưt là ngã-kiến, một tà-kiến trầm-trọng hơn cả. Để đối-trị lại với ngã-kiến, tác-giả đã nhiều lần chứng-minh rằng trong năm uẩn kết-tụ lại thành thân-tâm này chẳng có "cái chi" thường-hằng, chẳng thấy ra được "con người" nào đứng làm chủ cả: đó là thuyết vô-ngã trong Phật-học. Và sau cùng, hễ theo đúng con đường tu-tập ấy, hành-giả sẽ đắc Đạo, chứng được Niết-bàn vô-sanh và an-tịnh, theo như gương của Đức Phật đã đi trước.

4.- Viên ngọc quý thứ nhứt trong bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh"

Đi sâu vào nội-dung của bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" ta tìm thấy khá nhiều viên ngọc quý, chẳng trách nào bộ Luận đã được tôn-vinh là "Kinh" và được sự hâm-mộ của các hàng trí-thức trên khắp thế-giới từ xưa đến nay.

Viên ngọc đầu-tiên là "Vua Di-Lan thử-thách Tì-kheo Na-Tiên hai lần", như vậy:

Lần thứ nhất:

Ngay tại buổi sơ-kiến, sau các lời thăm hỏi xã-giao, vua Di-Lan thử-thách Tì-kheo Na-Tiên, bằng một câu hỏi khó:

- Na-Tiên! Ai là Na-Tiên? Đầu là Na-Tiên chẳng?
- Đầu chẳng phải là Na-Tiên.
- Mắt, tai, mũi, miệng là Na-Tiên chẳng?
- Mắt, tai, mũi, miệng chẳng phải là Na-Tiên.

... ..

- Vậy chớ chỗ nào là Na-Tiên?

Na-Tiên hỏi lại Vương:

- Xe kia, chỗ nào là xe? Trục xe có phải là xe chẳng?
- Trục xe chẳng phải là xe.
- Vành bánh xe có phải là xe chẳng?
- Vành bánh xe chẳng phải là xe.

... ..

- Vậy thì cái gì là xe?

Vương im lặng chẳng trả lời được.

Na-Tiên liền nói:

- Kinh Phật có nói đến, hiệp-tụ các bộ-phận (...) đó lại, là nguyên-nhân để có được chiếc xe. Con người cũng lại như vậy, hễ hiệp-tụ đầu mắt, tai, mũi, miệng... chung lại thì thành con người.

Vương khen: Lành thay! Lành thay!

Lần thứ hai:

Vương nói:

- Ta có điều muốn hỏi.
- Xin Đại-Vương cứ hỏi.
- Ta đã hỏi xong.
- Tôi cũng đã đáp xong.

- Đáp những gì đâu?
- Đại-Vương hỏi tôi những gì đâu?

Vương nói:

- Ta chẳng có chỗ hỏi, Na-Tiên cũng chẳng có chỗ đáp...

Giờ đây ta thử hỏi: Đâu là chỗ thử-thách? Đâu là viên ngọc quý?

Trước nhất là câu hỏi: "Ai là Na-Tiên?" Nghĩa sâu-kín của câu hỏi đó là: Vậy chớ cái gì mới thật là Na-Tiên? Bản-chất của con người là gì? Nơi thân-tâm con người, có cái gì là cái Ta, là bản-ngã không? Hoặc nói theo những người còn mê-tín, trong thân-tâm này, có cái linh-hồn tồn-tại mãi qua thời-gian chăng?

Các câu trả lời của Na-Tiên, cùng lời kết-luận trích-dẫn trong Kinh Phật đều qui-hướng về một vấn-đề căn-bản của Giáo-lý nhà Phật: lý vô-ngã, trong thân-tâm con người chẳng hề có cái Ta, chẳng hề có cái bản-ngã. Tuy Na-Tiên chẳng nói rõ ra, nhưng ta biết thân-tâm con người chỉ là sự tập-hợp của năm uẩn: sắc-uẩn là phần vật-chất, gọi là thân, và bốn uẩn kia, thọ, tưởng, hành, thức-uẩn thuộc về phần tinh-thần, tức là tâm. Chẳng hề thấy trong thân-tâm này, đâu là ông chủ gọi là Ta, đâu là linh-hồn, gọi là phần hồn của Ta cả, chỉ có các uẩn tập-hợp lại mà thôi. Đó là lý-lẽ rất vững-chắc chứng-minh Chơn-ly vô-ngã trong Phật-học.

Na-Tiên đã vượt qua dễ-dàng chỗ Vua thử-thách bằng cách hỏi ngược lại: "Xe là gì? Cái gì trong xe là xe?" Nhà Vua đã chẳng trả lời được, như thế Na-Tiên đã thắng. Rất tiếc là nhà Vua chẳng hỏi thêm các chi-tiết về lý vô-ngã nữa, để chúng ta được dịp học-hỏi về cách-thức Na-Tiên giải-đáp các mối nghi-ngờ còn sót lại về Chơn-ly quan-trọng này. Chơn-ly vô-ngã là chơn-ly khó hiểu, khó chứng nhất trong ba Chơn-ly: Vô-thường, Khổ, Vô-ngã.

Nhưng nhà Vua lại đưa thêm một câu hỏi rất khó, nếu những ai mà lơ-quớt, chẳng nhanh-trí như Na-Tiên, thì liền lọt vào cạm-bẫy ngay. Hỏi mà chẳng nêu ra câu hỏi là hỏi làm sao? Đáp mà chẳng nói ra lời, là đáp cách nào? Vua và Na-Tiên đang so gươm trí-huệ với nhau đấy!

Nhà Vua muốn hỏi Na-Tiên mà chẳng nêu câu hỏi ra, tức là nhà Vua muốn hỏi gì đây? Hai đấng đang bàn-luận về giáo-pháp, thế thì câu nhà Vua muốn hỏi là câu hỏi thuộc về Pháp (Dharma, Giáo-Pháp) chớ gì. Tại sao Vua

chẳng nói ra đó là câu hỏi về Pháp? Bởi lý-lẽ rất cao-siêu là Pháp vốn Không, tức là Pháp vốn rỗng-rang, chẳng chứa đựng gì, chẳng dính-mắc gì, chẳng có hình-tượng gì, thì làm sao diễn-tả ra bằng lời nói được. Nếu có nói ra câu hỏi về Pháp, tức là mặc-nhiên phủ-nhận tánh-chất rỗng-rang của Pháp rồi, đâu nêu lên được chỗ Pháp-không trong giáo-lý, lại còn khoác thêm cho Pháp một hình-tượng ngôn-từ nữa.

Na-Tiên quả là nhanh-trí, biết ngay chỗ ản-ý của nhà Vua, nên mới đáp là "đã đáp xong", mà chẳng nêu rõ là đáp những gì. Nếu Na-Tiên vô-tình hỏi lại nhà Vua, Vua vừa nói "đã hỏi rồi" là hỏi những gì đâu? thì Na-Tiên liền rơi ngay vào cạm-bẫy của Vua, chờ đợi một câu hỏi về Pháp bằng ngôn-từ. Pháp vốn là Không sao diễn ra bằng hình-tượng của lời nói để hỏi thành câu hỏi, hoá ra còn chưa hiểu được điểm giáo-lý rất quan-trọng của nhà Phật hay sao?

Trở lại câu hỏi đầu-tiên: "Ai là Na-Tiên?", ý-nghĩa sâu-xa của câu hỏi này là vấn-đề Ngã-không trong Giáo-lý Nam-Tông. Câu hỏi thử-thách thứ nhì của nhà Vua: "Ta có điều muốn hỏi" có liên-quan đến vấn-đề Pháp-không trong Giáo-lý Bắc-Tông. Cả hai lần thử-thách khó-khăn này đều được Na-Tiên vượt qua một cách xuất-sắc: dùng gậy ông mà đập lưng ông. Nhưng còn rất xuất-sắc hơn nữa là tác-giả bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" này, đã trình-bày hai vấn-đề cực-kỳ tế-nhị dưới hình-thức vấn-đáp hết sức đơn-giản, dễ hiểu và đầy hứng-thú!

Đó là viên ngọc quý thứ nhứt được tìm thấy và nay xin đem dâng-hiến lên quý Vị. Còn nhiều viên ngọc quý khác nữa, Thiện Nhựt e-ngại sức học của mình chưa tới mức để tìm thấy ra hết.

5.- Viên ngọc quý thứ hai trong bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh".

Viên ngọc này liên-quan đến Thái-độ đứng-đắn trong khi bàn-luận về Giáo-Pháp. Xin chép lại đoạn văn quan-trọng sau đây trong bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" nói đến thái-độ đứng-đắn ấy:

Vương hỏi Na-Tiên:

- Sự có thể cùng Ta bàn-luận về các Kinh khó chằng?
- Nếu Vua dùng trí-huệ để hỏi tôi, thì có thể cùng nhau bàn-luận. Nếu Vua dùng ý lời vương-giả kiêu-quí, thì chẳng thể cùng Vua bàn-luận được.
- Trí-huệ có bao nhiêu loại?
- Bực trí-giả, khi đàm-luận, hết sức vắn hỏi cùng nhau, giải rõ cùng nhau, lời

nói cao, lời nói thấp, lời nói chánh-trực, lời nói bất-chánh; có thắng, có thua tự mình biết lấy phải trái, đó là trí-huệ tối-thượng, chẳng cần chút giận-hờn. Bực trí-giả là như thế đó.

- Lời nói vương-giả có bao nhiêu loại?

- Lời nói vương-giả tự phóng theo cảm-nghĩ của mình, hễ có chỗ trái lẽ chẳng như ý Vua, tức thời Vua bắt tội nặng, phạt giết đi. Như thế đó là lời nói bực vương-giả.

Vương liền nói rằng:

- Nguyên dùng lời nói của bực trí-giả, chẳng dùng lời nói của vương-giả, chẳng giữ ý-nghĩ vương-giả trong lời mình nói, chỉ nên nói theo như lời đệ-tử của chư Sa-môn, như lời các vị ưu-bà-tắc. Nên theo lời của chư Sa-môn mà khiến cho lòng mình chẳng mang sợ-hãi, chánh-tâm cũng được khai-ngộ.

Na-Tiên liền thốt lên rằng:

- Thật lành thay!

Sự phân-biệt của Na-Tiên giữa lời nói của bực trí-giả và lời nói của bực vương-giả, đưa đến thái-độ đứng-đắn cho những ai tham-dự một cuộc tranh-luận về Giáo-Pháp. Lời nói ngay-thẳng, chơn-chánh, hướng về Chơn-lý, có thua, có thắng, tự mình mình biết lấy phải-trái, dầu thất-bại cũng chẳng chút giận-hờn, trái-ngược hẳn với thái-độ của kẻ bướng-bỉnh, ngoan-cổ, biết rõ mười-mươi đối-phương hữu-lý mà vẫn cố cưỡng-cầu, phải chẳng đó là vì tự-ái còn quá sâu-đậm, cái Ngã còn to-tướng như ... cái bò! Lời nói kiêu-quí, phóng theo cảm-nghĩ của riêng mình, gặp chỗ chẳng vừa ý thì hung-hăng chống-đối, để bảo-vệ các thành-kiến cố-chấp, đó là thái-độ của kẻ tự-cao trong một phút "bốc-đồng" đã đại-khờ bỏ qua mất cơ-hội hưởng lợi-lạc được đến gần với Chơn-lý mà đối-phương đã mang tới cho mình.

Đức khiêm-cung của vua Di-Lan được biểu-lộ ra rất rõ-ràng trong lời nói sau đây, thật đáng cho ta khâm-phục:

- Nguyên dùng lời nói của bực trí-giả, (...) chẳng giữ ý-nghĩ vương-giả trong lời mình nói...

Viên ngọc quý thứ hai của bộ Luận chính là nằm ngay tại đây.

Khi suy-gẫm về đoạn văn "quí-giá" trên đây thuật lời đối-đáp giữa Na-Tiên và vua Di-Lan, Thiện Nhựt có thêm vài cảm-nghĩ thô-thiển của mình, về thái-độ chơn-chánh tại các buổi nói chuyện Đạo:

1.- Kinh-sách Phật-học thường nhắc đến lời Đức Phật dạy là phải tránh các cuộc hí-luận. Thế nào là hí-luận? Hí là vui-đùa. Luận là bàn-cãi. Thường thấy, tiếp theo các buổi trà dư tửu hậu, nhiều người tự nhận là "bực trí-thức hiểu Đạo" ngồi nhâm-nhi tách trà, bàn-luận nhau với lời-lẽ dao to búa lớn mà ý-nghĩa lại rỗng-tuếch, phê-bình vị đại-sư này, khen ngợi vị thiền-già kia, từ Đông sang Tây, hết kim đến cổ, đó là ... bàn luận chơi cho vui, vậy thôi, chớ nào phải đi tìm Chơn-Lý để rút lấy kinh-nghiệm tu-tập. Thế cho nên, Đức Phật mới gọi là hí-luận và dạy ta cần phải tránh.

2.- Kinh-sách Phật-học phân-biệt hai loại Chơn-Lý: (1) sự-thật ở thế-gian, có thể đúng nơi này, vào lúc này, mà cũng có thể chẳng hợp với chỗ kia, vào một thời khác, cho nên gọi đó là tục-đế, nghĩa là sự-thật tương-đối trong đời sống thế-tục; (2) sự-thật đúng muôn đời và khắp mọi nơi, đưa con người tu-hành đến nơi giác-ngộ và giải-thoát, vì thế cho nên mới gọi là chơn-đế, nghĩa là Chơn-Lý tuyệt-đối của lãnh-vực xuất-thế-gian. Bởi thế người hiểu-biết bao giờ cũng nghĩ là mình chưa hề nắm vững được Chơn-đế, nên phải giữ thái-độ khiêm-hoà, chẳng dám liêu-lĩnh bảo rằng điều mình nói đây là sự-thật duy-nhứt và tối-thượng. Trái lại, tâm-trạng kẻ ấy nên mở rộng ra đón nhận tạm-thời lời-lẽ của người đối-thoại, hẹn với lòng mình sẽ truy-cứu thêm chỗ đúng cùng sai, hầu rút lấy kinh-nghiệm tu-tập cho bản-thân.

3.- Thái-độ thích-nghi khi luận-bàn về Giáo-lý là phải hết sức thành-khẩn trong tư-tưởng và lời nói:

a.- Về phía người thưa hỏi, ở vị-thế của người đi học Đạo, cần phải giữ lễ-độ với người mà mình thưa-thỉnh. Thái-độ đứng-đắn là nêu ra các câu hỏi cho rõ-ràng, chú-trọng đến chỗ mình còn nghi-ngờ chưa được giải rõ. Và khi nghe lời giảng-giải, phải lắng lòng, chú-tâm, chẳng vội chấp-nhận mà cũng chẳng bài-bác ngay, nếu có chỗ chưa kịp hiểu, thì xin được minh-chứng thêm bằng các thí-dụ cụ-thể trong đời sống hằng ngày.

b.- Về phần người được hỏi, chẳng bao giờ để khởi lên trong lòng mình một chút ý-nghĩ tự-hào con-con nào rằng mình biết Đạo hơn người kia, nếu chẳng đáng làm Thầy thì cũng là người đi trước. Và khi giảng-giải, phải tùy theo căn-cơ của người nghe mà dùng lời-lẽ giản-dị, rõ-ràng, dễ hiểu, kèm theo các thí-dụ thực-tế.

4.- Trong một cuộc thảo-luận về các vấn-đề đạo-giáo, có hai điều mà kẻ hỏi và người đáp, cần nên tránh, thì mới xứng-danh là một cuộc thảo-luận đúng-đắn và hữu-ích:

a.- Về phía người hỏi, chớ bao giờ có ẩn-ý muốn dồn kẻ đối-thoại vào ... ngõ bí. Trên địa-hạt tâm-linh, có nhiều vấn-đề mà chính Đức Phật đã gọi là bất-khả tư-nghì, nghĩa là chẳng thể nghĩ bàn rớt-ráo được với lời-lẽ của thế-gian. Đừng đòi hỏi có cho được những bằng-cớ thật cụ-thể, tai nghe mắt thấy, có thực-nghiệm của khoa-học chứng-minh rồi mới chấp-nhận. Điều mình chẳng tin được, trong khung-cảnh thời-gian và không-gian hiện-tại, chưa chắc hẳn là chẳng thể nào có được, biết đâu đó lại là một sự-thật tại một cảnh-giới khác, vào một thời khác. Thế cho nên, thái-độ khoa-học chơn-chánh là phải tỏ ra dè-dặt, chớ vội bác-bỏ hoàn-toàn mà chưa xét kỹ lại khả-năng thông-hiểu của trí-óc con người (và trí-óc của mình nữa).

b.- Về phía người đóng vai-trò hướng-dẫn, tưởng cũng chẳng nên đưa ra "tối-hậu-thơ": "Tôi nói như thế, có tin thì tu theo, còn chẳng tin, thì cứ giữ lấy quan-niệm của mình vậy!" Người thưa hỏi thành-tâm muốn được giải chỗ còn hoài-nghi, nghe câu nói đó rất chán-nản, và đạo-tâm vì thế mà lụi-sụt.

Lại nữa, cũng đừng nên dùng luôn câu nói quá dễ-dàng này: "Tôi nói thế, đạo-hữu cứ đọc đi, tụng đi, thi-hành theo đi, rồi sẽ có ngày hiểu rõ được ý-nghĩa sâu-xa mà đạo-hữu muốn hỏi." Người hỏi đang chờ đợi một vài câu khuyên thực-tiến, đôi lời giảng-giải gọn-gàng về ý-nghĩa trong đoạn Kinh, câu kệ hiện còn thắc-mắc âm-ức trong bụng, làm sao mà tiếp-tục đọc-tụng thêm được nữa, nếu chỗ hồ-nghi còn chưa được giải-toả. Tưởng chẳng có chi là đáng hổ-thẹn khi chính mình nhận thấy mình còn chưa đủ lời-lẽ để phân-tách điều đang được hỏi, sao lại chẳng thành-thật nhìn-nhận sự thiếu-sót của mình và mời người hỏi tìm đến một bậc cao-minh nào khác?

5.- Và trong mọi trường-hợp, chớ chẳng cứ là chỉ trong các dịp thảo-luận mà thôi, luôn luôn nên giữ thái-độ cởi-mở, đón nhận mọi lý-lẽ, -- tin hay chẳng chịu tin, đó là quyền tự-do tư-tưởng riêng bên trong của mình -- hãy lắng nghe để cho người đối-thoại có đủ cơ-hội trình-bày lập-trường. Thái-độ đáng trách nhứt là cố-chấp, ôm giữ khu-khu các ý-kiến, các cảm-nghĩ cá-nhơn, và cả các thành-kiến.

6.- Nhân nhìn thấy "hòn ngọc ẩn" trong lời đáp của Tì-kheo Na-Tiên về vấn-đề Tái-sanh.

Vấn-đề Tái-sanh trong vòng Luân-hồi được cứu-xét rất dài-dòng trong bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh", nhắc đi nhắc lại, dưới nhiều khía-cạnh, rải-rác khắp ba quyển Thượng, Trung, Hạ. Có điều khá ngạc-nhiên là chẳng thấy tác-giả bộ Luận bàn đến điểm mấu-chốt thường gây mối thắc-mắc lớn trong hàng các thanh-niên nam-nữ trẻ tuổi được hấp-thụ nền văn-minh khoa-học vật-chất ngày nay: việc tái-sanh có thật hay chẳng có thật? Phải chăng, tác-giả bộ Luận đã xem việc tái-sanh là một hiện-tượng thiên-nhiên dĩ-nhiên, như mưa bão, sấm sét của vũ-trụ, như cây-cối già cối có trái, có hạt, khi tàn-tạ thì mọc lên cây khác sồn-sơ bên cạnh, rồi chấp-nhận và tin-tưởng đúng theo thuyết Luân-hồi trong Giáo-ly: chúng-sanh khi hết mạng sống này sẽ tái-sanh lại ở cõi đời sau? Có lẽ vì lý-do đó, tác-giả bộ Luận khi nói đến việc tái-sanh, bàn ngay đến các khía-cạnh như: Tại sao phải tái-sanh? Ai phải tái-sanh lại? Ai được giải-thoát khỏi tái-sanh? Khi tái-sanh, có phải do thân-tâm cũ mà mang lấy thân-tâm mới không?... , mà chẳng hề xét việc tái-sanh thật có hay không.

Ta hãy tạm gát lại câu hỏi mấu-chốt: tái-sanh có phải là một hiện-tượng thật-sự chắc-chắn xảy ra không?, và hãy đọc qua lời chất-vấn của vua Di-Lan với Tì-kheo Na-Tiên: "Na-Tiên có còn phải tái-sanh nữa không?" với hi-vọng tìm thấy ra "hòn ngọc ẩn":

(1) Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Có người chết rồi chẳng phải sanh lại nữa chẳng?
- Có người phải sanh lại, mà cũng có người chẳng phải sanh trở lại
- Ai còn phải sanh lại và ai chẳng còn sanh lại?
- Người quỵên-luyến niềm ân-ái nhiều, lắm sự ham-muốn, thì sanh lại đời sau; người đã dứt sạch sự ân-ái, bỏ hết mọi ham-muốn thì đời sau chẳng phải sanh trở lại

(2) Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Có người chẳng sanh lại ở đời sau không, và có tự biết được việc chẳng sanh lại ấy chẳng?
- Dĩ nhiên, có người như thế, tự biết mình chẳng còn tái-sanh.
- Làm sao biết được?
- Người ấy tự biết mình chẳng còn quỵên-luyến ân-ái, chẳng còn ham-muốn, chẳng có điều ác, nhờ đó biết mình chẳng còn phải sanh lại nữa. Thí-dụ như

người nông-phu trồng lúa, được nhiều thóc, trữ lại để về sau, sang năm anh chẳng trồng lúa nữa, chỉ lấy lúa dự-trữ ra ăn. Người nông-phu ấy có mong được lúa gạo mới chăng?

- Người nông-phu ấy chẳng mong được lúa mới.

- Tại sao biết người ấy chẳng được lúa mới?

- Người nông-phu ấy chẳng cấy cấy, chẳng trồng lúa, thì có chờ mong được chi nữa.

- Người đã đắc-đạo cũng lại như thế, tự biết rằng đã dứt bỏ ân-ái, sướng-khổ, chẳng còn tham-tâm, do đó biết đời sau chẳng sanh lại.

(3) Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Na-Tiên nay có sanh trở lại đời sau không?

- Lời Đại-Vương hỏi tôi đây, trước tôi đã đáp rồi. Nếu như tôi còn có sự lưu-luyến về ân-ái, thì đời sau sẽ sanh trở lại; còn nếu dứt được sự ân-ái, thì chẳng sanh lại nữa. ...

Ba đoạn văn ngắn (1), (2) và (3) vừa được trích dẫn trên đây, nằm cách xa nhau đến cả chục trang, nơi hai quyển Thượng và Trung của bộ Luận. Đọc lại cả bộ Luận nhiều lần, Thiệt Nhựt mới tìm thấy được một điểm vừa khéo, vừa quý, và gọi đó là một "viên ngọc ẩn" Chẳng biết trí thô-thiền của Thiệt Nhựt có nhìn lầm chăng?

Đoạn (1) nói về: tại sao có người còn tái-sanh, có người chẳng phải tái-sanh nữa? Đoạn (2) bảo rằng: người đã đắc Đạo tự mình biết rõ chẳng sanh lại vào đời sau. Đoạn (3) ghi lời đáp của Na-Tiên về câu Vua hỏi: Na-Tiên nay có sanh trở lại đời sau không? Mỗi đoạn rời-rạc đó chẳng cho ta thấy được ẩn-ý của vua Di-Lan khi đặt ra câu hỏi: Na-Tiên nay có tái-sanh nữa không? Nhưng nếu đọc kỹ lại cả ba đoạn ta thấy nổi bật lên "ẩn-ý" của nhà Vua khi đưa ra một câu hỏi như thế. Ẩn-ý gì? Nhà Vua muốn vị Tì-kheo xác-nhận cho rõ-ràng bằng lời nói, rằng Na-Tiên đã đắc Đạo chưa, để biết chắc được mình chẳng còn phải tái sanh nữa? Nhưng nhà Vua chỉ nhẹ-nhàng hỏi: Na-Tiên nay còn tái-sanh nữa không?, tuy nhẹ-nhàng nhưng thẳng-thắn, và đang chờ-đợi ở vị tu-hành một câu trả lời dứt khoát: Có (đắc Đạo) hay là Không.

Tì-kheo Na-Tiên quả là người tinh-tế khi đáp: Lời Đại-Vương hỏi tôi đây, trước tôi đã đáp rồi. Nếu như tôi còn lưu-luyến ân-ái, thì đời sau sẽ sanh trở lại; còn nếu dứt được sự ân-ái, thì tôi chẳng sanh lại nữa... Lời đáp có vẻ "phân hai" chẳng nói "Có" mà cũng chẳng bảo "Không". Thế thì "khéo" ở chỗ nào đâu, khi nói ... lửng-lơ như thế? Thưa, rất khéo, và khéo ở tại chữ

"Nếu". Mình tu đắc Đạo tự mình mình biết, có ai chứng cho mình là mình đã đắc Đạo? Mình đã dứt được sự ân-ái, tự mình mình biết, có ai chứng cho mình việc dứt bỏ sự ân-ái đó? Mình quả-quyết nói ra mình đắc Đạo và mình đã chứng được vô-sanh, lấy chi làm bằng-cớ? Và nhứt là nói ra mình đã đắc Đạo, đó phải chăng đã là một sự khoe-khoang, mà lại còn e kẻ khác nghĩ lầm mình nói ra để được Vua trọng-vọng rồi cúng-dường "hậu-hi" cho mình. Cho nên với chữ "Nếu", Na-Tiên đã vừa tránh được sự khoe-khang, lại vừa khỏi phải che-dấu sự-thật.

Thế thì, còn "quí" ở chỗ nào? Tì-kheo Na-Tiên, trước khi ra hành đạo, đã tu chứng đạo-quả A-la-hán rồi, tại sao chẳng tỏ ra cho vua biết, hoặc thi-triển các thần-thông đã đắc được để cho vua tin? Đó là hạnh khiêm-nhường, với tâm thanh-tịnh hoàn-toàn, trong lòng chẳng hề khởi lên tự-kiêu, tự-mãn, phô-trương cùng người sự chứng-đắc của mình. So với thời mạt-pháp ngày nay, có biết bao kẻ mạo-danh tu-hành rêu-rao chẳng ngưng mồm đã đắc được đạo này, quả nọ, đã vỗ ngực xưng là bực vô-thượng-sư, là đáng Phật-sống, còn cho bọn đồ-đệ mê-tín ngông-cuồng dùng các phương-tiện quảng-cáo rầm-rộ những trò buôn thần bán thánh theo đường lối thương-mại, khiến các bực chơn-tu sùng Đạo phải đau lòng.

Cầu mong sao thái-độ khiêm-nhường kín-đáo của Tì-kheo Na-Tiên được các hàng Phật-tử lấy đó làm gương để khiến cho mỗi Đạo giữ tròn được sự trong-sáng.

Bây giờ, xin trở lại vấn-đề mấu-chốt: **Tái-sanh là một hiện-tượng có thật hay chẳng có thật?**

Gọi là "hiện-tượng" một sự-việc thật-sự có thật, xảy ra trong một khung-cảnh không-gian và thời-gian. Việc tái-sanh, nếu thật-sự xảy ra, phải trải qua ba giai-đoạn: (1) lúc chết, (2) sự thay-đổi từ trạng-thái của đời sống cũ sang trạng-thái đời sống mới, (3) lúc sanh ra. Trong ba giai-đoạn đó, ta chỉ biết được có hai: lúc chết và lúc sanh, còn sự thay đổi, nếu có, từ trạng-thái cũ sang trạng-thái mới, phải xảy ra tại một cảnh-giới khác, trong khung-cảnh thời-gian và không-gian khác với cõi trần-thế này. Chính vì lẽ này, mà khoa-học hiện-đại vẫn còn chưa có câu trả lời dứt-khoát: việc tái-sanh có thật hay chẳng có thật? Như thế, dựa theo lập-luận duy-lý, việc tái-sanh nếu thật sự có thật hoặc chẳng có thật, đều phải có nguyên-nhân của nó.

Thế gian chẳng hề có một sự-việc nào tự-nhiên tự nó mà sanh ra: phải có nguyên-nhân rồi mới sanh ra hậu-quả. Xét cho cùng kỳ-lý, vấn-đề tái-sanh

có thật hay chẳng có thật chỉ là một vấn-đề tin-tưởng mà thôi: hoặc tin là có, hoặc tin là chẳng có. Nhưng muốn vững tin, phải có những lý-do chắc-chắn làm căn-bản cho niềm tin đó: đã đành khi tin thì tin bằng một niềm tin; mà khi chẳng tin, chẳng chịu tin, thì thái-độ này cũng vẫn là một niềm tin, một niềm tin chắc-chắn cho rằng, chẳng hề có việc tái-sanh. Những ai theo khoa-học vật-chất đòi hỏi các bằng-cớ cụ-thể, mắt có thấy, tai có nghe mới chịu tin, thì ta thử hỏi, họ đưa ra những lý-lẽ nào vững-chắc để quả-quyết rằng việc tái-sanh chẳng có thật, ngoài việc cứ một mực thẳng tay bài-bác việc tái-sanh mà chẳng chứng-minh được sự hữu-lý của việc họ chống-đôi đó với các bằng-cớ.

Về phía những người đang vững tin ở lời Phật dạy, ta thấy rõ niềm tin của họ dựa trên những lý-lẽ chẳng phải là thiếu căn-bản:

1.- Lời tuyên-bố minh-bạch của Đức Phật tại Bồ-đề đạo-tràng khi Ngài đắc ngôi-vị Phật: với thiên-nhãn-minh, Ngài nhìn thấy các chúng-sanh chết nơi đây, sanh lại nơi kia. Đó còn chưa phải là việc tái-sanh có thật, đang xảy ra, tại cảnh-giới này mà chính mắt Ngài đã nhìn thấy được với khả-năng siêu-phàm của thiên-nhãn-minh sao?

2.- Lý Mười hai Nhân-Duyên trong Giáo-Pháp của Đức Phật giải-thích rõ-ràng nguyên-nhân của việc tái-sanh, ngay tại các Nhân-duyên đầu, thuộc giai-đoạn quá-khứ: (1) Vô-minh duyên Hành, (2) Hành duyên Thức, (3) Thức duyên Danh-Sắc.

Vô-minh là gì và do đâu mà có? Vô-minh tức là sự ngu-tối, mê-mờ. Lúc cá-thể sắp lìa cuộc sống, lòng luyến-tiếc sanh ra sợ-hãi, mong muốn cuộc sống được tiếp-tục mãi, đó là vô-minh, ham sống trong cõi Luân-hồi để gánh mãi cảnh Khổ triền-miên, đó chẳng phải là sự đại-khờ nặng-nề hay sao?

Vô-minh duyên Hành nghĩa là gì? Câu này có nghĩa: hễ vô-minh khởi lên, thì Hành được phát-động.

Hành là gì? Đây là danh-từ Hán-Việt dùng để dịch chữ Phạn Sankhàra, với ba ý-nghĩa chánh: (1) điều-kiện gây ra sự biến-đổi; (2) sự-vật bị điều-kiện-hoá, tức là các sự-vật bị các điều-kiện xung quanh làm biến-đổi; (3) chính sự biến-đổi do các điều-kiện gây ra. Như thế, chữ Hành ở đây trở các pháp hữu-vi, tức là các sự-vật phải chịu thay đổi vì các điều-kiện của hoàn-cảnh xung quanh. Các pháp hữu-vi đó, trong việc tái-sanh, là những pháp nào? (pháp=dharma/dhamma = sự-sự, vật-vật). Đó là ảnh-hưởng của nghiệp-thức do các

hành-động cố-ý của thân, của miệng, và nhứt là của ý, đã gây ra, còn tiềm-tàng và được tàng-trữ trong tạng-thức, tức là trong Thức A-lại-da (Alaya).

Do đó mà ta có: Hành duyên Thức, nghĩa là hễ Hành khởi lên thì Thức được phát-động.

Thức là gì? Thức đây là nghiệp-thức vừa nói ở trên, tức là các ảnh-hưởng của những hành-vi cố-ý, tạo nên nghiệp-quả, dẫn-dắt chúng-sanh đi theo sáu nẻo của Luân-hồi. Do đó mà có: Thức duyên Danh-Sắc, nghĩa là hễ nghiệp-thức chuyển-động thì Danh-Sắc phát-sanh ra. Khi Danh-Sắc sanh ra thì việc tái-sanh được thành-tựu, vào thời-kỳ hiện-tại.

Danh-Sắc là gì? Chữ Danh-Sắc là một danh-từ Hán-Việt dịch chữ Phạn Nàma-Rùpa, nghĩa là: tinh-thần và vật-chất. Như thế, nghĩa là gì? Khi nghiệp-thức chuyển-động, thì phần tinh-thần, Danh, của cá-thể đi vào thai-nhi, do tinh cha huyết mẹ kết thành, tức là phần vật-chất, Sắc, của cá-thể. Vì cả hai phần tinh-thần và vật-chất còn phôi-thai, chưa được hoàn-bị, nên mới gọi là Danh-Sắc, vì thai-nhi chưa tợng-hình đầy-đủ các bộ-phận sinh-lý, cũng như các khả-năng tâm-lý của nó chưa được phát-triển sung-mãn.

Nói tóm lại, ba nhân-duyên đầu-tiên của Lý Nhân-Duyên đã nêu ra, rất rõ-ràng và rất đầy-đủ, nguyên-nhân của việc tái-sanh, mà hậu-quả là khiến cho chúng-sanh cứ trôi lăn triền-miên trong cõi Luân-hồi đau-khổ.

Thiện Nhựt sở dĩ "dài dòng văn-tự" như thế, đó là vì muốn nêu ra cho các bạn trẻ thấy rõ-ràng niềm tin có tái-sanh đã được đặt trên hai căn-bản vững chắc: (1) lời tuyên-bố của Đức Phật đã nhìn thấy sự tái-sanh; (2) ba nguyên-nhân dây chuyền: Vô-minh, Hành, Thức đã đưa đến hậu-quả tất-yếu là việc tái-sanh ra Danh-Sắc. Các bạn trẻ còn hơi khó tánh có thể đòi-hỏi có được thiên-nhãn-minh để nhìn thấy tận mắt mình, thì Thiện Nhựt xin thưa, phải tu-tập cho đến mức giác-ngộ và giải-thoát hoàn-toàn như Đức Phật mới có khả-năng siêu-phàm đó. Hoặc các bạn ấy muốn đem ra "thực-nghiệm" các nguyên-nhân: Vô-minh, Hành, Thức, để xem chúng có mang đến hậu-quả là có việc tái-sanh xảy ra hiện-tiền hay không, theo như kiểu các nhà khoa-học đã kiểm-chứng trong các phòng thí-nghiệm, thì Thiện Nhựt xin thưa, các nguyên-nhân được kể trong Lý Mười hai Nhân-Duyên đều là các pháp hữu-vi, vô-hình-tượng, làm sao mà lấy đem ra được, để "thí-nghiệm" như các hóa-chất?

Thiện Nhựt tự xem mình là một Phật-tử, gọi Đức Phật là đấng Từ-Phụ, thì có lẽ nào mình chẳng chịu tin lời của đấng Cha lành, khi Ngài bảo, chính Ngài đã nhìn thấy các chúng-sanh chết nơi đây, sanh lại nơi kia.

Làm con mà chẳng chịu tin lời Cha, thì còn tin ai đây?

*

7.- Lời nói ngàn vàng của Ngài Xá-lợi-phát.

Cuối quyển Thượng, bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" có một đoạn văn ghi lại một câu đáng sơn son thếp vàng:

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Như người đắc đạo, chẳng phải sanh lại ở đời sau, có còn phải chịu cảnh khổ nữa không?
- Hoặc còn phải chịu khổ nữa, hoặc chẳng còn phải khổ nữa.
- Thế nào là còn phải chịu khổ, là chẳng phải chịu khổ nữa?
- Thân còn chịu khổ, tâm-ý hết chịu khổ. Sở dĩ thân còn phải chịu khổ là vì trong hiện-tại thân đó còn là nguồn-gốc của sự khổ; tâm-ý sở dĩ hết khổ là vì đã dứt bỏ tất cả các điều ác, chẳng còn ham-muốn chi, cho nên chẳng phải chịu khổ nữa.
- Nếu như người đắc Đạo chẳng thể lìa thân khổ này, thì đó là chưa đắc được Niết-bàn chăng? Người đắc Đạo chẳng còn ân-ái, mà thân còn khổ, dầu tâm-ý đã an-ôn, thì sự đắc Đạo để làm gì? Nếu như người đắc Đạo đã thành-công, thì vì có gì mà còn lưu lại ở đây?
- Thí-dụ như trên cây, trái còn chưa chín thì chẳng vội hái, nên đợi cho chín muồi. Đại-Vương có biết lời nói của Đại- Đức Xá-lợi-phát chăng? Ngài Xá-lợi-phát lúc còn sống có nói: "Tôi chẳng cầu chết, tôi cũng chẳng cầu sống, tôi chỉ chờ đúng thời ra đi thì ra đi."

Vua khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

Tóm-tắt:

Vua Di-Lan có hai thắc-mắc: (1) người đang sống, đắc Đạo có còn phải chịu khổ nữa không? (2) đã đắc Đạo rồi mà thân vẫn còn khổ, sao chẳng lìa thân đi; nếu giữ thân sống thêm, hoá ra đắc Đạo chẳng vô-ích lắm hay sao?

Về thắc-mắc thứ nhất, Na-Tiên giải-đáp: người đã đắc Đạo còn sống thì thân còn khổ mà tâm đã dứt các phiền-não nên hết khổ.

Giải-toả mối thắc-mắc thứ hai về việc "tìm cái chết cho hết khổ", Na-Tiên đưa ra một thí-dụ rất hay: "trái cây chưa chín, chưa vội hái, nên đợi lúc trái đã chín muồi". Và Na-Tiên nhắc lại lời nói vô cùng quý-báu của Ngài Xá-lợi-phất:

"Tôi chẳng cầu chết, tôi cũng chẳng cầu sống, tôi chỉ chờ đúng thời ra đi thì ra đi."

Nhận-xét:

1.- Người đắc Đạo đang sống thì thân vẫn còn cảm-xúc nên phải chịu cảnh khổ của già và bệnh; nhưng về phần tinh-thần, tâm-ý đã thoát khỏi các phiền-não, chướng-ngại, nên được an-nhiên, tự-tại. Đây là dịp khiến ta nên suy-gẫm đến hai chữ đau-khổ trong tiếng Việt thuần-túy của ta. Đau khác. Khổ khác. Đau thì thân đau; còn Khổ thì tâm khổ ; như khi có cái răng đau, miệng thì nhức-nhối, sao ta lại còn chông thêm nỗi Khổ lên cho tâm, để khiến cho lòng phải buồn-bực, bứt-rứt? Đau răng còn chưa đủ hay sao mà lại sanh thêm bực-tức, cau-có để gây thêm Khổ cho lòng mình và cho cả các người ở chung quanh?

2.- Thử phân-tách và tìm hiểu chỗ quý-báu trong lời nói của Ngài Xá-lợi-phất:

a.- "Tôi chẳng cầu chết..." Tại sao? Vì tâm thân hiện nay còn đây chỉ là tấm thân dư-y; sở dĩ còn sống là để trả nốt dư-nghiệp còn sót lại. Hơn nữa, cầu chết là thái-độ trốn-tránh nợ đời; khi nghiệp-lực vẫn còn mà cầu lấy cái chết, thì theo vòng Luân-hồi phải tái-sanh lại để rồi phải chịu Khổ dài-dài. Lại nữa, mạng-sống con người là điều vô cùng quý-giá, nhờ nó mà ta mới có đủ cơ-duyên biết đến, và tu-tập theo, con đường giải-thoát vĩnh-viễn.

b.- "Tôi cũng chẳng cầu sống..." Tại sao? Khi sanh ra, nào phải tự tôi cầu cho tôi được sanh ra đâu, vòng Luân-hồi cứ xoay-chuyên mãi theo nghiệp-lực cũ mà tái-sanh. Trong cuộc sống hiện-tại còn lại đây, mọi sự ham-muôn đều chắm dứt nơi tâm tôi, còn có điều chi nữa khiến tôi cố đòi ham sống để hưởng? Tâm tôi an-nhiên xem cả hai sự sống, chết đều ngang nhau; sống gởi, thác về, nào có chi mà ngại, mà cầu chớ?

c.- "Tôi chỉ chờ đúng thời ra đi, thì ra đi." Lúc nào mới đúng thời ra đi? Đó là lúc đã dứt sạch nghiệp, do một cái chết tự-

nhiên và thanh-thản mang đến. Tôi ra đi, chẳng chút luyến-tiếc, cũng chẳng chút háo-hức, an-nhiên mà ra đi vào cõi vắng-lặng.

d.- Đây là lời nói của một bậc đắc Đạo, đã giác-ngộ hoàn-toàn về lẽ sống chết trong vòng Luân-hồi và con đường giải-thoát về nơi an-lạc vĩnh-cửu. Tưởng nên viết lên thành đôi câu liễn, sơn son thếp vàng, để ghi lấy đó làm điều tâm-niệm:

* Tôi chẳng cầu chết; tôi cũng chẳng cầu sống

* Tôi chỉ chờ đúng thời ra đi, thì ra đi.

8.- Bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" giúp ta ôn lại Giáo-lý với nụ cười hàm-tiểu!

Kinh-sách giảng Giáo-Lý phần nhiều quá cao-siêu và khó ... nuốt cho trôi! Nhưng bộ Luận "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh" này, ngoài những đoạn văn giải-thích các điểm thắc-mắc một cách tỉ-mỉ và sâu-sắc ra, còn có những câu hỏi, những lời đáp hóm-hỉnh, dí-dỏm và cũng đượm đôi chút mỉa-mai. Xin trích ra một đoạn:

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Sa-môn có mến-thương thân-thê của mình không?
- Sa-môn chẳng tự thương-mến thân mình.
- Sa môn đã chẳng mến-thương thân mình, cứ sao khi nghỉ-ngơi lại muốn nằm nơi êm-ả, khi ăn-uống lại muốn vật ngon của đẹp, tự săn-sóc mình như thế?

Na-Tiên hỏi lại Vương:

- Đại-Vương có từng ra ngoài trận chiến-đấu chẳng?
- Dĩ nhiên, Ta đã từng ra trận chiến-đấu.
- Tại trận chiến-đấu, Đại-Vương có từng bị đao, kiếm chém, hay tên bắn trúng chẳng?
- Ta nhiều lần bị trúng đao, kiếm.
- Khi bị đao, kiếm, tên (...) gây thương-tích, Đại-Vương làm gì?
- Ta dùng thuốc (...) dùng bông gòn băng bó lại.

- Đại-Vương vì mền-thương vết thương mà dùng thuốc (...) dùng bông băng-bó lại vết thương chằng?
- Ta đâu có mền-thương vết thương.
- Chằng mền-thương vết thương sao lại dùng thuốc, dùng bông băng lại?
- Ta chỉ mong muốn vết thương mau lành, chớ đâu có mền-thương gì nó.
- Sa-môn cũng lại như vậy, chằng mền-thương thân mình; tuy ăn-uống, tâm chằng vui-khoái, chằng muốn làm đẹp, chằng muốn làm tốt, chằng muốn da thịt sắc hồng-hào, mà chỉ muốn cho thân-thể khoẻ-mạnh để có thể phụng-hành giới-luật, Kinh-kệ của Phật. Kinh Phật có giảng: "Thân người có chín lỗ hồng, tựa như vết đâm của mâu-thương, từ nơi chín lỗ đó chảy ra chất do hôi-thúi."

Vương khen: "Lành thay!"

*

Còn rất nhiều đoạn khác nữa, cả thầy hơn chín mươi câu vấn-đáp giữa vị Vương-gia thông-tuệ và vị Tì-kheo lỗi-lạc; rải-rác khắp bộ Luận ẩn-chứa nhiều đóa hoa thơm, còn đang chờ được thưởng-thức. Tưởng chằng cần dài-dòng tán-dương thêm nữa một bộ Luận đã từng được sự ngợi-khen nồng-nhiệt của các học-giả từ Đông sang Tây, tự cổ chí kim.

Montreal, 12-04-2005
Thiện Nhựt
Kính trình.

A.- Bản Phỏng-dịch

(Dựa theo Bản văn đời Đông-Tấn, thiếu tên dịch-giả Hán-văn, nơi bộ Càn-Long Đại-Tạng Kinh, Quyển số 108, các trang 706- 753)

Quyển Thượng

Xin Lưu-ý:

(Các tiểu-mục có đánh số, in chữ đậm, và các chữ nghiêng trong ngoặc đều do Thiện Nhựt thêm vào, chánh-văn trong Đại-Tạng chằng có.)

001.- Đức Phật vào rừng tòng.

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại nước Xá-Vệ, nơi vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc, các vị tì-kheo tăng, ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, chư Thiên, Vua, đại-thần, trưởng-giả, nhơn-dân và chín mươi sáu hàng đạo-giả, hơn vạn người,

cùng đến trước Phật để nghe giảng Kinh. Đức Phật nhận thấy rằng đông đảo dân chúng hôm nay tâm-thần thật chẳng an, nên Ngài có ý-định muốn rời xa, nên đi đến một nơi nhàn-tĩnh, để ngồi niệm Đạo. Đức Phật liền rời dân chúng, đi vào núi, tới một khu rừng tòng, trên cây có các vị thọ-thần. Nơi gốc cây, Đức Phật ngồi niệm Đạo thanh-tĩnh.

*

002.- Tượng-vương vào rừng tòng gặp Đức Phật.

Cách khu rừng tòng chẳng xa, có một bầy voi hơn năm trăm con, trong đó Tượng-vương là chúa, hiền-lành, biết rõ điều lành việc ác, tựa như loài người vậy. Bầy voi bao quanh Tượng-vương, đực có, cái có, ngà dài có, ngà vừa có, ngà ngắn có. Tượng Vương khát, muốn đi uống nước; nhưng đàn voi nhỏ đã chạy đi trước, nhảy xuống uống nước; uống xong lại ở dưới nước nô-đùa khiến cho nước trở nên đục ngầu. Tượng-vương chẳng có nước trong để giải khát. Tượng-vương lại đói, muốn đi ăn cỏ; đàn voi nhỏ lại chạy trước ăn hết cỏ non, lại dẫm đạp lên, khiến Tượng-vương chẳng có cỏ tốt để đỡ dạ. Tượng-vương thầm nghĩ, bầy voi con đã khuấy đục nước, dày xéo cỏ tươi, khiến ta chẳng có nước trong uống, chẳng có cỏ sạch ăn; vậy ta hãy xa rời chúng đi đến một nơi nào an-tĩnh, sung-sướng hơn. Tượng-vương liền rời đàn voi, đi vào núi, đến khu rừng tòng. Thấy Đức Phật đang ngồi dưới gốc tòng, Tượng-vương lòng rất vui mừng, liền đến vập đầu trước chơn Phật, làm lễ, rồi đứng sang bên cạnh. Đức Phật tự nghĩ, ta lià dân chúng đến nơi này; Tượng-vương cũng lià đàn voi đến gốc cây này, cả hai việc đều đồng một ý-nghiã. Đức Phật liền vì Tượng-vương nói Kinh: "Phật là bực tôn-kính nhất trong hàng người; Tượng-vương cũng là bực tôn-kính nhất trong hàng voi. Đức Phật nói, tâm ta với tâm của Tượng-vương hợp nhau, ta và Tượng-vương cùng vui bên gốc cây này." Tượng-vương nghe Kinh xong, tâm-tư liền mở sáng, hiểu rõ ý Phật, liền đi nhiều quanh chỗ Đức Phật ngồi, lấy vòi hút nước tưới đất, dùng mũi quét đất, dùng chơn đạp đất cho bằng phẳng. Tượng-vương sớm chiều hầu-hạ như thế. Mãi lâu về sau, Đức Phật nhập Niết-Bàn, Tượng-vương chẳng biết Phật đi về đâu, nên rảo quanh khắp chốn, mãi câu tìm gặp Phật chẳng được, khóc lóc áo-não, bỏ cả ăn uống.

*

003.- Tượng-vương đến chùa nghe Kinh

Vào thời đó, trong nước có ngôi chùa Phật tên là Ca-La-Hoàn ở trên núi, là nơi tu-hành của năm trăm vị sa-môn, đều đắc đạo-quả A-la-hán cả; thường

cứ vào sáu ngày trai trong tháng, tụng Kinh cho đến sáng. Tượng-vương cũng ở trên núi, bên cạnh chùa, biết vào ngày trai có tụng Kinh, nên vào chùa nghe Kinh. Các vị sa-môn biết Tượng-vương thích nghe Kinh, nên khi Tượng-vương đến thì tụng. Tượng-Vương nghe Kinh, hiểu được thông suốt, chẳng hề buồn ngủ, chẳng hề nằm, chẳng hề giao-động. Cứ như thế mà Tượng-vương luôn nghe Kinh và thừa sự chư Phật.

*

004.- Tiên-kiếp của ti-kheo Na-Tiên và vua Di-Lan

Mãi lâu về sau, Tượng-vương thọ-mạng hết, chết đi và được tái sinh làm người, con trai một nhà theo đạo Bà-la-môn, chẳng còn được nghe Kinh Phật, chẳng gặp được sa-môn, nên mới rời nhà lên non, học đạo. Trên núi, được gần gũi với một vị đạo-nhơn theo đạo Bà-la-môn, cả hai cùng làm bạn trí-thức với nhau. Một người tự nghĩ, ta nhìn thấy nơi thế-gian đầy ưu-sầu, già bệnh khổ, chết đi lại phải sa vào địa-ngục, nga-qui, súc-sanh; cho nên ta nguyện cạo râu tóc, mặc áo cà-sa, làm sa-môn, cầu đạo vô-vi cứu đời. Còn người kia thì lại tự nghĩ, ta muốn cầu làm vua một nước, tự-tại, khiến thiên-hạ cùng thuộc về ta, nghe lệnh ta. Hai người cùng nguyện-cầu như thế. Về sau, cả hai người đều hết thọ-mạng, được tái sinh làm người. Một người, kiếp trước có lời nguyện làm quốc-vương, sanh ra làm Thái-tử ở một nước bên ven biển; cha mẹ đặt tên là Di-Lan. Còn một người, kiếp trước có lời nguyện cầu đạo vô-vi cứu đời, thì sanh ra tại nước Thiên-Trúc (Ấn-độ), ở huyện Kế-Tân, được cha mẹ đặt tên là Đà-Liệt.

Vì có lời nguyện tiên-kiếp, nên khi sanh ra Đà-Liệt có áo cà-sa quấn khắp thân-thể; cùng lúc đó, một con Tượng-vương cũng ra đời trong nhà đó; nên cha mẹ lấy tên Na của Tượng-vương mà đặt tên cho con, và gọi là Na-Tiên.

*

005.- Na-Tiên xuất-gia cầu Đạo với Lâu-Hán.

Na-Tiên lớn lên, đến năm mười lăm, mười sáu tuổi, theo người cậu là Lâu-Hán. Lâu-Hán làm sa-môn có tài tuyệt-diệu, thế-gian chẳng ai bằng, mắt nhìn thật xa, tai nghe thật thính, biết rõ việc đời trước và đời sau của mình, di chuyển thì bay cao, vượt qua các hang động chẳng bị ngăn-ngại, tự-tại biến-hóa chẳng điều chi chẳng làm được, trên trời dưới đất muôn loài động-vật bò sát hay bay cao, hễ động-tâm là hay biết đến cả. Na-Tiên đến nơi cậu ở, kể rõ tâm-nguyện mình cầu Phật-đạo, muốn xuống tóc cạo râu, mặc áo cà-

sa làm sa-môn, xin cậu cho làm đệ-tử. Lâu-Hán biết đòi trước Na-Tiên siêng làm việc thiện, có lời thề nguyện thâm-trọng, nên thương mà cho làm sa-di. Na-Tiên được thọ Thập-Giới, hằng ngày tụng Kinh giữ giới, tu đắc cõi Tứ-Thiền, nên biết rành tất cả Kinh-kệ, nhưng còn chưa được thọ giới Đại-sa-môn.

*

006.- Na-Tiên đến chùa Hoà-Thiên-Tự.

Vào thời đó, trong nước có ngôi chùa trên núi tên là Hoà-Thiên-Tự, có năm trăm vị sa-môn đều chứng đạo-quả A-la-hán, trong số đó có vị A-la-hán bực nhưt tên là Át-Bi-Viết (Pali: Assagutta) biết rõ các việc trên trời, dưới đất, quá-khứ, vị-lai và hiện-tại. Na-Tiên vừa hai mươi tuổi, nhân thọ giới Đại-sa-môn mới đến chùa Hoà-Thiên-Tự, là nơi trụ-trì của Ngài Át-Bi-Viết. Bấy giờ, vào ngày Rằm có lễ thuyết giới Đại-sa-môn, các vị Thượng-toạ, Đại-sa-môn đều đi vào giảng-đường. Na-Tiên cũng nhập vào trong số đó. Chư sa-môn vừa ngồi xuống xong, Ngài Át-Bi-Viết nhìn chư sa-môn thấy tất cả tâm đều chứng đạo A-la-hán, chỉ riêng một mình Na-Tiên còn chưa chứng-đắc quả-vị ấy. Ngài Át-Bi-Viết liền nói Kinh: "Thí-dụ như vào gĩa gạo, hột hột đều trong trắng, nếu lộn hột gạo đen, thì đó là lựa ra còn chưa kỹ. Nay chúng ta ngồi đây tất cả đều thanh bạch, chỉ trừ Na-Tiên là hột gạo đen, vì chưa đắc đạo A-la-hán." Nghe Ngài Át-Bi-Viết thuyết kinh như thế, Na-Tiên lòng sàu-bi, liền đứng dậy, cúi xuống làm lễ năm trăm vị sa-môn, rồi bước ra ngoài. Na-Tiên tự nghĩ, ta chẳng xứng ngôi tại tòa này vì chưa đắc độ-thoát; tất cả các vị sa-môn đều đã được độ-thoát, đó cũng như giữa bầy sư-tử có chồn cáo lộn vào. Kể từ nay, ta còn chưa đắc đạo thì chẳng trở vào đây nữa.

Ngài Át-Bi-Viết biết được ý-nghĩ của Na-Tiên, liền gọi Na-Tiên lại trước mặt, lấy tay xoa đầu Na-Tiên và nói: "Đừng sàu-bi, chẳng bao lâu nữa con sẽ đắc quả A-la-hán." (...)

*

007.- Na-Tiên bị Sư Ca-Duy-Viết trục-xuất, liền đi vào rừng ẩn-tu và đắc quả-vị A-la-hán.

Na-Tiên còn có một vị sư-phụ khác nữa, tên là Ca-Duy-Viết, tuổi trên tám mươi. Trong huyện có một vị ưu-bà-tắc rất hiền-lành, mỗi ngày thường cúng-dường thực-phẩm cho các đệ-tử của Ngài Ca-Duy-Viết. Na-Tiên đến

noi thầy ở, vì thầy mà cầm lấy bình bát và đi khát-thực mang com về cho thầy.

Sư-phụ ra lệnh cho Na-Tiên phải ngậm một ngụm nước mặn trong miệng khi đi đến nhà vị ưu-bà-tắc để nhận com. Vị ưu-bà-tắc nhìn thấy Na-Tiên tuổi còn trẻ mà đi đứng đoan-trang, nổi bật lên giữa các vị tì-kheo, nên biết đó là người có trí-huệ thông-minh, thông-đạt Kinh-kệ, có biện-tài thuyết-pháp. Khi thấy Na-Tiên bước vào nhà, vị ưu-bà-tắc liền đứng dậy làm lễ, xoa tay và thưa rằng: "Hằng ngày tôi thường dung cúng thực-phẩm cho chư sa-môn; các Ngài đều thường vì tôi thuyết giảng Kinh-kệ; nguyện xin Ngài thương tôi mà nói Kinh để giải sự ngu-si của tôi." Na-Tiên liền tự nghĩ: "Ta nay vâng lệnh của Sư-phụ phải ngậm nước mặn trong miệng, chẳng được nói năng. Nếu nay ta nhổ nước ra thì phạm giới của Thầy, biết làm sao đây?" Na-Tiên lại nghĩ: "Vị ưu-bà-tắc này chắc cũng tài cao có chí, nếu ta vì ông ấy nói Kinh, tưởng ông ta sẽ đắc đạo cũng nên..." Na-Tiên liền nhổ nước ra, đến ngồi xuống và thuyết Kinh: "Người hay bố-thí, làm lành, phụng-hành Kinh-kệ và giới-luật, thì đời này được an-ôn, đời sau sẽ sanh lên cõi Trời, hoặc vào hàng Người cao-quí, trí-huệ sáng-suốt, chẳng phải sa vào địa-ngục, ngạ-qui, súc-sanh. Còn người chẳng phụng-hành Kinh và Giới thì đời này khổ-sở, đời sau bị đọa vào ba đường ác, chẳng biết bao giờ ra khỏi." Vị ưu-bà-tắc nghe Kinh, lòng rất vui mừng. Na-Tiên thấy biết tâm vị ấy hoan-hỉ, liền tiếp-tục nói Kinh thâm-diệu: "Vạn vật ở thế-gian đều chẳng thường-còn, trong quá-khứ đều khổ-sở. Con người ở thế-gian cũng lại như vậy; họ đều nói, thân này của ta hứa-hẹn nhiều điều chẳng được tự-tại. Cõi Nê-hoàn (= cõi Niết-bàn) thì vui-sướng vô cùng, ở đây chẳng sanh, chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết, chẳng sâu, mọi sự khổ-sở đều tiêu-diệt..." Na-Tiên nói Kinh xong, vị ưu-bà-tắc liền chứng được đạo-quả Tu-đà-huàn; Na-Tiên cũng tự chứng-đắc quả-vị ấy. Vị ưu-bà-tắc lòng rất hoan-hỉ, liền đem thực-phẩm ngon tốt ra dung cúng. Na-Tiên bảo vị ấy, trước nên sốt đây bát của Sư-phụ để mang về. Na-Tiên ăn xong, súc miệng, thu xếp cầm bát đầy com mang về cho Sư-phụ.

Sư-phụ thấy com ngon trong bát, liền nói: "Nếu hôm nay mang về bát đầy com hết sức ngon-tốt như vậy, đó là đã vi-phạm lời ước của chúng tăng, vậy phải trục-xuất người ra khỏi đây." Na-Tiên buồn tủi, chẳng vui. Sư nói với hội-chúng, và các tì-kheo đang cùng ngồi đó: "Na-Tiên vi-phạm điều ước của chúng ta, cần phải trục-xuất, chẳng được ở trong hội-chúng nữa." Ngài Át-Bi-Việt nói thí-dụ rằng: "Như một người dùng một mũi tên mà bắn trúng được hai mục-tiêu, thì như thế chẳng nên trục-xuất vậy. Na-Tiên thuyết Kinh mà tự chứng-đắc đạo, lại đồng thời khiến cho vị ưu-bà-tắc cũng chứng quả,

thì chẳng nên trực xuất." Sư Ca-Duy-Viết nói: "Ngay cả dùng một mũi tên mà bắn trúng đến trăm mục-tiêu đi nữa cũng vi-phạm điều ước của chúng tăng, chẳng thể cho lưu ở lại được. Các người khác tất chẳng đủ khả năng như Na-Tiên mà đắc đạo. Nên chận đứng việc này về sau; nếu chẳng trực xuất Na-Tiên, các người khác sau này sẽ bắt chước theo." Toàn thể chúng tì-kheo ngồi im, mặc-nhiên tùy theo lời Sư dạy trực-xuất Na-Tiên. Na-Tiên liền cúi đầu sát chơn Sư-phụ, làm lễ chúng tăng.

Lễ xong, Na-Tiên liền đi ngay vào rừng sâu núi thẳm, ngồi dưới gốc cây, ngày đêm tinh-tấn niệm Đạo chẳng ngừng. Chẳng bao lâu, Na-Tiên đắc đạo A-la-hán, có thể bay cao, nhìn thấy thật xa, tai nghe thật rõ, tỏ tường ý-nghĩ tư-tưởng trong lòng kẻ khác, thông-đạt việc đời trước, đời sau. Đắc đạo A-la-hán xong, Na-Tiên liền trở lại chùa Hoà-Thiền-Tự, khấu đầu cầu sám-hối với chư tì-kheo tăng; các Ngài nghe nhận lễ. Lễ xong, Na-Tiên liền ra đi.

*

008.- Na-Tiên đi hành-đạo trong dân-gian.

Na-Tiên chuyên hướng đi vào các quận huyện, qua các nẻo đường phố, ngõ hẻm, vì người mà thuyết Kinh, giảng Giới, dạy người làm lành, trong số có người đắc các đạo-quả Tu-đà-huàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, ngay cả trong hàng sa-môn chúng được đạo-quả A-la-hán nữa.

Trời Tứ-Thiên-Vương, Trời Đạo-Lợi, Trời Đế-Thích, Đại-Phạm Thiên-Vương đều đến trước mặt Na-Tiên, cúi đầu sát chơn làm lễ, ngồi bên cạnh nghe thuyết pháp, lời văn vang đến bốn cõi Trời.

Tất cả Trời, Người, dân, quỉ, thần, rồng... chẳng ai trông thấy Na-Tiên mà chẳng tỏ lòng hoan-hỉ, được hưởng nhiều phước-đức.

Na-Tiên mới di-chuyển sang Thiên-Trúc nơi nước Xá-Kiệt, dừng trụ lại ở chùa Tiết-Đề-Ca-Tự.

*

009.- Vua Di-Lan cai-trị nước Xá-Kiệt.

Bấy giờ ở Xá-Kiệt-quốc có vị Thái-tử tên là Di-Lan, trong tiền-kiếp vốn là bạn trí-thức cũ với Na-Tiên, sau sanh tại hải-biên. Thái-tử Di-Lan lúc còn trẻ hiếu-học, siêng đọc Kinh-kệ ngoại-đạo, biết rành các Kinh cao-thâm và khó

hiểu, cùng với các tu-sĩ ngoại-đạo tranh-luận, chẳng ai thắng nổi. Khi phụ-vương băng-hà, thái-tử lên nối ngôi, tức-vị là Quốc-Vương Di-Lan.

Một hôm, Vua hỏi các đại-thần hầu bên cạnh: "Trong nước có đạo-gia hay nhơn-dân nào đủ sức cùng Ta bàn-luận về các Kinh khó chǎng?" Các quan hầu-cận tâu: "Bẩm có, có người học đạo Phật được dân gọi là vị Sa-môn. Vị ấy trí-huệ thông-đạt rộng-sâu, có thể cùng Đại-vương bàn-luận về các Kinh cao khó."

Thuở ấy tại miền Bắc Đại-Tần, có nước Xá-Kiệt yên-ổn, nhơn dân hiền-lành. Đường xá trong thành rộng-rǎi, mỗi cửa thành đều có chạ m trổ, (...) phố xá trung bày la-liệt, đường quan-đạo có ngựa voi, xe cộ dập dìu, nam thanh nữ tú ra vào. Đạo nhơn, thầy thợ, dân lành đều rất cao-minh; nhơn dân áo quần loè-let năm màu, phụ nữ trang-sức màu trắng, tay đeo vòng châu ngọc. Đất-đai cao ráo có nhiều trān-bảo. Bốn phương khách mua bán đều dùng tiền vàng (...) Nhà nhà nuôi súc-vật, chợ chợ bày bán canh ngon, đôi tức dùng cơm sốt, khát uống rượu bò-đào, vui-sướng chẳng thể tả.

Quốc-vương nước này hiệu là Di-Lan, dùng Chánh-Pháp trị nước. Vua Di-Lan tài cao, trí sáng, thấu-hiểu Kinh-đạo, rành việc quá-khứ, vị-lai và hiện-tại, các mưu-lược chiến-đấu chẳng chi chẳng lǎu-thông.

*

010.- Vua Di-Lan hỏi bí tu-sĩ Dã-Hoà-La.

Lúc bấy giờ, Vương ra thành đi du-ngoạn, các binh-chúng dàn ra hộ-tổng bên ngoài. Tâm Vương cao-ngạo tự nghĩ, Ta làm Vua, có đủ khả năng đối-đáp chín mười sáu loại kinh, nói giải ra chỗ người hỏi đến tận vô cùng, thích-hợp với lòng người vui hiểu lời ta nói. Vương liền nói với các quan hầu-cận:

- Vẫn còn sớm quá để trở vào thành, chẳng có việc gì làm. Các khanh có biết vị đạo-nhơn hay sa-môn nào có thể cùng Ta bàn-luận về các Kinh khó chǎng?

Viên quan hầu-cận tên là Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần tâu rằng:

- Bẩm có, có sa-môn tên là Dã-Hoà-La biết thật rõ-ràng về Kinh-đạo, có thể cùng Đại-Vương thảo-luận về các kinh khó.

Vương bảo Triêm-Di-Lợi đi thỉnh vị sa-môn ấy. Triêm tâu:

- Thật lành thay! Nhà vua muốn tương-kiến thì nên đi đến đó. Kẻ hạ-thần khỏi đi mời.

Triêm-Di-Lợi tâu lại lần nữa như thế. Vương liền ngồi xe, có năm trăm kỵ-sĩ cùng đi theo đến chùa.

Vương hội-kiến với Dã-Hoà-La, trước hỏi thăm sức khoẻ, kể đến an-tọa; năm trăm kỵ-binh cũng ngồi xuống. Vương liền hỏi Dã-Hoà-La:

- Vì lý-do nào mà Khanh đã rời bỏ vợ con, xuống tóc, cạo râu, mặc áo cà-sa, làm sa-môn vậy? Khanh cầu Đạo nào thế?

Dã-Hoà-La tâu:

- Chúng tôi học hạnh trung-chánh của đạo Phật, đời này được phước, đời sau cũng được phước, vì lẽ đó, tôi xuống tóc, cạo râu, mặc áo cà-sa làm sa-môn.

Vương lại hỏi:

- Kẻ áo trắng còn ở nhà, có vợ con, mà theo đúng hạnh trung-chánh, đời nay có được phước chăng? Đời sau, cũng được phước ấy chăng?

Dã-Hoà-La đáp:

- Người áo trắng còn tại nhà, có vợ con mà theo đúng hạnh trung-chánh, đời này được phước, và đời sau cũng được phước ấy nữa.

Vương liền nói:

- Nếu kẻ áo trắng có vợ con tại nhà, theo đúng hạnh trung-chánh, đời này được phước mà đời sau cũng lại được phước đó nữa, thì có sao Khanh lại bỏ vợ con, xuống tóc, cạo râu, làm sa-môn chứ?

Dã-Hoà-La ngồi im-lặng, chẳng đáp được lời Vua. Các vị quan hầu-cận thấy thế liền nói:

- Vị sa-môn cao-minh này bị bối rối nặng, chẳng trả lời nổi.

Họ liền quơ tay lên, nói to:

- Đại-Vương đắc thắng! Đại-Vương đắc thắng!

Dã-Hoà-La im lặng chịu thua.

*

011.- Vua Di-Lan thỉnh Na-Tiên.

Vương quay nhìn lại các vị ưu-bà-tắc, thấy các vị này gương mặt chẳng có chút hồ-thẹn nào. Vương tự nghĩ, các ưu-bà-tắc mặt chẳng hồ-thẹn, chắc còn có một vị sa-môn nào rành-rẽ Kinh-kệ hơn, có thể cùng Ta bàn-luận đây. Vương liền hỏi Triêm-Di-Lợi:

- Còn vị sa-môn cao-minh nào khác có thể cùng Ta bàn-luận về các Kinh khó chăng?

Thời bấy giờ, có vị Thầy của các sa-môn, tên là Na-Tiên, thường cùng các sa-môn ra vào, vì các sa-môn mà thuyết-giảng Kinh-kệ. Na-Tiên hiểu rõ điều tinh-yếu của tất cả các Kinh, có thể giảng-giải Mười hai thể-loại Kinh, phân-biệt rõ-ràng từng chương, từng đoạn, từng câu, thông-đạt rõ đạo Nê-Hoàn (=Niết-bàn), chẳng ai hỏi cho đến cùng nổi, chẳng ai đắc thắng nổi, có thể phá mọi sự nghi-ngờ, có thể làm sáng tỏ lời suy-tư của người khác, trí như sông biển, từng khắc-phục chín mươi sáu loại ngoại-đạo, vì bốn chúng đệ-tử của Phật mà giảng dạy Kinh-kệ, được các bậc trí-giả ngưỡng-mộ, thường mang Kinh-kệ ra dạy dỗ người. Na-Tiên nay đến nước Xá-Kiệt, có đông-đạo đệ-tử theo hầu, phục nể Na-Tiên cao-minh như Sư-tử đồng-mãnh.

Triêm-Di-Lợi tâu vua:

- Có vị sa-môn tên là Na-Tiên, trí-huệ thâm-diệu, biết rõ điều tinh-yếu của các Kinh, giải rõ mọi nghi-ngờ, chẳng điều chi chẳng thông, có thể cùng Đại-Vương bàn-luận về Kinh khó.

Vua hỏi lại Triêm-Di-Lợi:

- Khanh nghĩ kỹ, vị ấy có thể cùng Ta bàn-luận Kinh khó chăng?

Triêm-Di-Lợi liền đáp:

- Dĩ-nhiên, Na-Tiên có thể cùng Đại-Vương nói Kinh khó, Na-Tiên từng bàn-luận Kinh-kệ với Đại-Phạm Thiên-Vương trên tầng Trời thứ bảy, sao lại chẳng đủ sức bàn-luận với người?

Vương liền ra lệnh Triêm-Di-Lợi đi thỉnh Na-Tiên đến.

*

012.- Vua Di-Lan vừa gặp Na-Tiên.

Triêm-Di-Lợi liền đi đến chỗ Na-Tiên ở và thưa rằng:

- Bạch Ngài, Đại-Vương muốn cùng Ngài tương-kiến.

Na-Tiên liền cùng chư đệ-tử đi đến nơi Vua ngự. Vương tuy chưa từng gặp mặt Na-Tiên lần nào, nhưng đưa mắt nhìn ra xa thấy Na-Tiên mặc áo nổi bật trong hàng các người đang đi, liền thầm biết đó là Na-Tiên. Vương tự nghĩ, Ta thường thấy rất nhiều người đi vào tòa đại-điện này, Ta cũng chưa hề lo-lắng như hôm nay gặp Na-Tiên. Hôm nay, nhưt-định Na-Tiên thắng Ta, Ta chắc chẳng vui, vì tâm Ta đang bất-an, bàng-hoàng.

Triêm-Di-Lợi tâu Vua:

- Na-Tiên đã đến, còn đứng bên ngoài.

Vua hỏi Triêm:

- Na-Tiên đứng tại chỗ nào đâu?

Triêm-Di-Lợi liền chỉ cho Vương thấy. Vương rất vui mừng vì chính đúng là người mà Ngài đã thầm nhận ra trước đó. Vương nhìn thấy Na-Tiên mặc áo đi giữa các người đang vào chẳng khác chi cả.

Na-Tiên liền đến, trước hỏi thăm tin-tức sức khỏe; Vương rất hoan-hỉ, ngồi trước mặt Na-Tiên cùng trò chuyện.

Vương nói:

- Kinh Phật nói, người an-ổn là điều lợi lớn, người biết đủ là điều giàu nhưt, người được sự tín-cần là điều sâu-dày nhưt. Đạo Niết-bàn là điều khoái-lạc nhưt.

*

013.- Ai là Na-Tiên? Xe là gì? Người là gì?

Hướng về Na-Tiên, Vương hỏi:

- Khanh tên chi?

Na-Tiên đáp:

- Cha mẹ tôi đặt tên cho là Na-Tiên, có lúc gọi là Thủ-Na-Tiên, có khi kêu là Duy-Ca-Tiên; vì thế người đời biết đến tôi dưới danh-tự đó.

Vương hỏi Na-Tiên:

- Ai là Na-Tiên?

Vương lại hỏi tiếp:

- Đầu là Na-Tiên chẳng?

- Đầu chẳng phải là Na-Tiên.

- Mắt, tai, mũi, miệng là Na-Tiên chẳng?

- Mắt, tai, mũi, miệng chẳng phải là Na-Tiên.

- Cổ, ót, vai, cánh tay, chơn, bàn tay là Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải là Na-Tiên.

- (...), bàn chơn là Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải là Na-Tiên.

- Nhan-sắc là Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải là Na-Tiên.

- Khổ, vui là Na-Tiên chẳng?

- Chẳng phải là Na-Tiên.

- Thiện, ác là Na-Tiên chẳng?
- Chẳng phải là Na-Tiên.
- Thân-thể là Na-Tiên chẳng?
- Chẳng phải là Na-Tiên.
- Gan, phổi, tim, lá-lách, gân, ruột, dạ-dày là Na-Tiên chẳng?
- Chẳng phải là Na-Tiên.
- Hiệp năm việc: nhan-sắc, khổ vui, thiện ác, thân, tâm lại có phải là Na-Tiên chẳng?
- Chẳng phải là Na-Tiên.
- Thanh-âm, tiếng vang, hơi thở, có phải là Na-Tiên chẳng?
- Chẳng phải là Na-Tiên.
- Vậy chớ chỗ nào là Na-Tiên hử?

Na-Tiên hỏi Vương:

- Xe kia, chỗ nào là xe? Trục xe có phải là xe chẳng?
- Trục xe chẳng phải là xe.
- Vành bánh xe có phải là xe chẳng?
- Vành bánh xe chẳng phải là xe.
- Cắm bánh xe có phải là xe chẳng?
- Cắm bánh xe chẳng phải là xe.
- Ngàm vành xe có phải là xe chẳng?
- Ngàm vành xe chẳng phải là xe.
- Càng xe có phải là xe chẳng?

- Càng xe chẳng phải là xe.
- Ách xe có phải là xe chẳng?
- Ách xe chẳng phải là xe.
- Đòn xe có phải là xe chẳng?
- Đòn xe chẳng phải là xe.
- Gọng xe có phải là xe chẳng?
- Gọng xe chẳng phải là xe.
- Mui xe có phải là xe chẳng?
- Mui xe chẳng phải là xe.
- Hiệp tất cả các bộ-phận bằng cây dó lại thành một, có phải là xe chẳng?
- Hiệp các bộ-phận dó lại cũng chẳng phải là xe.
- Nếu chẳng hiệp các bộ-phận dó lại, có phải là xe chẳng?
- Chẳng hiệp chúng lại thì chẳng thành xe.
- Thanh-âm là xe chẳng?
- Thanh-âm chẳng phải là xe.
- Vậy thì cái gì là xe?

Vương im lặng, chẳng trả lời được. Na-Tiên liền nói:

- Kinh Phật có nói đến, hiệp-tụ các bộ-phận bằng cây dó lại, là nguyên-nhân để có được chiếc xe. Con người cũng lại như vậy, hễ hiệp-tụ đầu, mặt, tai, mũi, miệng, cổ, ót, vai, cánh tay, xương, thịt, bàn tay, chơn, gan, phổi, mật, lá-lách, thận, ruột, dạ-dày, nhan-sắc, thanh-âm, hơi thở, khô vui, thiện ác, chung lại thì thành con người."

Vương nói: "Lành thay! Lành thay!"

*

014.- Thái-độ đứng-đắn khi thảo-luận.

Vương lại hỏi Na-Tiên: "Su có thể cùng Ta bàn-luận về các Kinh khó chǎng?"

Na-Tiên đǎp: "Nếu Vua dùng trí-huệ để hỏi tôi, thì có thể cùng nhau bàn-luận. Nếu Vua dùng ý lời vương-giả kiêu-quí, thì chǎng thể cùng Vua bàn-luận đưọc."

Vương hỏi tiếp:

- Trí-huệ, có bao nhiêu loại?

- Bực trí-giả, khi đàm-luận, hết sức vǎn hỏi cùng nhau, giải rõ cùng nhau, lời nói cao, lời nói thấp, lời nói chánh-trực, lời nói bất-chánh; có thắng có thua tự mình biết lấy phải trái, đó là trí-huệ tối-thượng, chǎng cần chút giận-hờn; bực trí-giả là như thế đó.

- Lời nói vương-giả, có bao nhiêu loại?

- Lời nói vương-giả tự phóng theo cảm-nghĩ của mình; hễ có chỗ trái lệ chǎng như ý Vua, tức thời Vua bắt tội nặng, phạt giết đi; như thế đó là lời nói bực vương-giả.

Vương liền nói rằng:

- Nguyên dụng lời nói của bực trí-giả, chǎng dùng lời nói của Vương-giả; chǎng giữ ý-nghĩ Vương-giả trong lời mình nói, chỉ nên nói theo như lời đệ-tử của chư sa-môn, như lời các vị ưu-bà-tắc, nên theo lời của chư sa-môn mà khiến cho lòng mình chǎng mang sợ-hãi, chánh-tâm cùng đưọc khai-ngộ.

Na-Tiên liền thốt lên rằng: "Thật lành thay!"

*

015.- Câu hỏi rất khó: chǎng nghe hỏi, mà đã có đǎp rồi chǎng?

Vương nói: "Ta có điều muồn hỏi."

Na-Tiên đǎp: "Đại-Vương cứ hỏi!"

Vương nói: "Ta đã hỏi rồi."

Na-Tiên liền nói: "Tôi cũng đáp xong."

Vương vặn hỏi: "Đáp những gì đâu?"

Na-Tiên hỏi lại: "Vương đã hỏi tôi những gì đâu?"

Vương nói: "Ta chẳng có chỗ hỏi, Na-Tiên cũng chẳng có chỗ đáp."

Vương tự nghĩ, vị sa-môn này trí-huệ thật cao-minh, Ta vừa mới muốn hỏi cho thật nhiều, nhưng (...) ngày cũng gần tối rồi, hay là nên để sáng mai lại thỉnh người đến cung-điện mới tiện cùng nhau tham-vấn thêm. Vương liền bảo Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần nói với Na-Tiên: "Ngày gần tối rồi, Vương cần phải hồi-cung. Ngày mai, Vương muốn thỉnh Ngài đến hoàng-cung." Na-Tiên đáp: "Lành lắm thay!"

Vương lên ngựa trở về hoàng-cung. Ngồi trên lưng ngựa, Vương vẫn tiếp-tục nghĩ đến "Na-Tiên! Na-Tiên!", nghĩ mãi cho đến sáng hôm sau.

*

016.- Thỉnh Na-Tiên, mời thêm bao-nhiêu sa-môn

Sáng hôm sau, Triêm-Di-Lợi và các quan hầu-cận tâu Vua: "Đại-Vương thăm-định nên mời Na-Tiên đến chǎng?" Vương đáp: "Nên mời đến chớ!" Triêm liền thưa: "Khi mời Na-Tiên, nên mời bao nhiêu vị sa-môn cùng đến?" Vương bảo: "Hãy cứ để tùy ý Na-Tiên muốn cho bao nhiêu vị sa-môn cùng đến cũng được." Vị chủ kho vua, tên là Khan, bước ra tâu rằng: "Nên bảo Na-Tiên cùng đến với mười vị sa-môn nữa, cũng được." Vương lại phán: "Nên nghe theo lời Na-Tiên, muốn đến cùng với bao nhiêu vị sa-môn cũng được." Khan lại cố tâu nữa: "Nên bảo Na-Tiên cùng đến với mười vị sa-môn, cũng được." Vương nghe Khan ấn-định nhơn-số như thế, liền nổi giận quở: "Nhà-người quá keo-kiệt; tên nhà-người là Khan, tức nghĩa là keo-kiệt, đồ-vật của vua mà người còn bòn-sén như thế, huống gì là của riêng người thì người còn rít-róng đến bực nào? Người chǎng biết nghịch ý Ta là đáng bị phạt tội nặng sao?" Vương lại ôn-tôn bảo: "Thôi ta thương mà tha tội cho, hãy cút đi. Ta làm Vua mà chǎng đủ sức để cung-cấp thực-phẩm cho chúng sa-môn hay sao?" Khan bẽn lẽn hổ thẹn, chǎng dám nói nữa.

Triêm-Di-Lợi liền đi đến ngay trú-sở của Na-Tiên, trước làm lễ rồi bạch rằng: "Đại-Vương thỉnh Ngài đến hoàng-cung." Na-Tiên nói: "Nhà-vua định tôi đến với bao nhiêu vị sa-môn đồng-hành?" Triêm thưa: "Vua bảo, tự-ý Ngài muốn đến với bao nhiêu vị sa-môn cũng được."

Na-Tiên liền bảo tám mươi vị sa-môn ở Dã-Hoà-La-Tự cùng mình ra đi với Triêm-Di-Lợi.

*

017.- Đọc đường, Na-Tiên khai-ngộ cho Triêm.

Trên đường đi, khi sắp vào cửa thành, Triêm-Di-Lợi nhớ lại ngày hôm qua, Na-Tiên có nói với Vua, "chẳng có chi là Na-Tiên", liền thưa-thỉnh vị sa-môn về ý-nghĩa câu đó. Na-Tiên hỏi Triêm: "Theo ý của Khanh, thì cái gì là Na-Tiên?"

Triêm-Di-Lợi đáp:

- Theo tôi, thì mạng sống trong hơi thở ra vào chính là Na-Tiên.

Na-Tiên hỏi lại Triêm:

- Hơi thở của người khi ra mà chẳng hoàn vào lại, thì người ấy còn sống chẳng?

- Khi hơi thở ra mà chẳng trở vào lại, tức là chết mất.

- Như người thổi kèn lá lau, như người thổi ống bễ lò rèn, có hơi ra mà có hơi trở vào chẳng?

- Chẳng có hơi trở vào.

- Như người dùng tù-và thổi quét dưới đất, hơi thổi ra mà có vào lại chẳng?

- Chẳng có hơi trở vào.

- Cùng với hơi thổi có ra mà chẳng có trở vào, sao con người chẳng chết theo?

Triêm-Di-Lợi bạch với Sư:

- Tôi chẳng thể hiểu nổi khoảng giữa hơi thở ra và vào, nguyên Su vì chúng tôi mà giải rõ ra.

Na-Tiên giải-thích:

- Hơi thở ra vào là một phần-việc ở trong thân-thể; như trong tâm có ý-niệm, thì lưỡi nói ra lời, đó là phần-việc của lưỡi; như trong lòng có điều nghi, tâm liền nghĩ đến, đó là phần-việc của tâm; mỗi mỗi có cơ-phận và phần-việc cả, nhìn lại thì là không, (là rỗng-rang). Vậy thì, chẳng có gì là Na-Tiên cả.

Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quân, lòng được rộng mở, hiểu ra rõ-ràng, liền xin thọ giới ưu-bà-tắc.

*

018.- Bàn về điều tinh-yếu: tại sao làm sa-môn?

Na-Tiên đi vào hoàng-cung, đến nơi Vua đang ngồi trên điện cao. Vương liền đứng lên làm lễ Na-Tiên và mời ngồi. Tám mươi vị sa-môn tùy tùng cũng an-toạ. Vương liền dâng-hiến thực-phẩm thật tốt, thật ngon. Chính tay Vua sốt thức ăn cho Na-Tiên trước nhút. Khi chực vị sa-môn dùng cơm xong và rửa tay rồi, Vương liền cho đem ban-tặng mỗi vị sa-môn một bộ áo cà-sa và một đôi giày da, và dâng-hiến cho chư Tăng ở Dã-Hoà-La-Tự của Na-Tiên mỗi vị ba bộ áo và một đôi giày da. Vương liền nói với Na-Tiên, xin lưu lại mười vị sa-môn, các vị còn lại có thể ra về. Na-Tiên liền giữ lại mười người, còn các người khác cho trở về chùa.

Vương ra lệnh cho các quý-nhơn và kỹ-nữ ở hậu-cung phải ra thượng-điện, ngồi sau màn mà nghe Vương và Na-Tiên bàn-luận về Kinh khó. Khi các quý-nhơn và kỹ-nữ đã ngồi sau màn nơi thượng-điện xong, Vương liền đến gần bên cạnh Na-Tiên, ngồi xuống trước mặt, và nói:

- Nên thuyết-giảng điều chi đây?

- Vương muốn nghe điều tinh-yếu, thì nên nói điều tinh-yếu.

- Đạo của chư Khanh có điều tinh-yếu nào tối quan-trọng? Chư Khanh vì lý-do nào mà làm sa-môn?

- Chúng tôi vì muốn dứt bỏ sự khổ-nhọc ở thế-gian trong đời này và cả ở đời sau, nên mới làm sa-môn. Chúng tôi lấy điều đó làm điều thiện tối-yếu.

- Có phải tất cả chư sa-môn đều vì muốn dứt bỏ sự khổ-nhọc ở thế-gian trong đời này, đời sau mà làm sa-môn chăng?

- Chẳng phải tất cả đều vì muốn dứt bỏ sự khổ-nhọc ở thế-gian trong đời này và đời sau mới làm sa-môn. Sa-môn có bốn hạng.

- Thế nào là bốn hạng sa-môn?

- (1) Có hạng vì nợ-nần mà làm sa-môn; (2) Có hạng vì sợ huyện-quan mà làm sa-môn; (3) Có hạng vì nghèo-khó mà làm sa-môn; (4) Có hạng thật-tình muốn dứt bỏ sự khổ-nhọc đời này, đời sau nên mới làm sa-môn. Còn tôi, vốn vì cầu Đạo, mới làm sa-môn.

- Nay phải chăng vì cầu Đạo mà Khanh làm sa-môn?

- Tôi lúc tuổi còn trẻ cầu làm sa-môn, được gặp các vị thông Kinh hiểu Đạo và các đệ-tử chư sa-môn đều là bậc cao-minh, nên theo học Kinh-kệ và Giới-luật đã nhập-tâm, vì thế nay muốn dứt bỏ sự khổ-nhọc đời này và đời sau, nên mới làm sa-môn.

Vương nói: "Lành thay!"

*

019.- Tại sao phải sanh trở lại? Trí-huệ giúp được gì?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Có người chết rồi chẳng phải sanh lại nữa hay chăng?

- Có người phải sanh lại, mà cũng có người chẳng phải sanh trở lại.

- Ai còn phải sanh lại và ai chẳng còn sanh lại?

- Người quyen-luyện niệm ân-ái nhiều, lắm sự ham-muốn thì sanh lại ở đời sau; người đã dứt sạch sự ân-ái, bỏ hết mọi ham-muốn thì đời sau chẳng phải sanh trở lại.

- Còn người một lòng niệm Chánh-Pháp, có trí-huệ và siêng làm điều thiện, cũng chẳng sanh lại đời sau, phải không?

- Người lấy nhứt-tâm niệm Chánh-Pháp, niệm thiện, niệm trí- huệ và các điều lành khác, nhờ đó đời sau chẳng phải sanh trở lại.

- Người một lòng niệm Chánh-Pháp, niệm thiện và trí-huệ, hai điều đó cùng một ý-nghĩa như nhau chăng?

- Hai điều đó ý-nghĩa khác nhau, chẳng đồng.

- Trâu, ngựa, thú-vật nuôi trong nhà, có trí hay chẳng có trí?

- Trâu ngựa, thú-vật nhà đều có trí cả, nhưng tâm chẳng đồng.

Vương từng thấy việc gặt lúa chẳng? Tay trái cầm bó lúa, tay phải cắt đứt các cọng lúa. Trí-huệ con người cắt đứt được sự tham-ái, cũng như ta gặt lúa, cắt lúa vậy.

Vương khen: "Lành thay!"

*

020.- Thiện là gì? Thành-tín là gì?

Vương hỏi Na-Tiên:

- Các điều thiện là những gì?

- Thành-tín, hiếu-thuận, tinh-tấn, niệm thiện, nhứt-tâm, trí-huệ, đó là các điều thiện.

- Thành-tín là những gì?

- Thành-tín tức là chẳng còn chỗ nào để nghi-ngờ: tin có Phật, tin có Kinh, Pháp của Phật, tin có Tì-kheo Tăng, tin có A-la-hán; tin có đời này, tin có đời sau; tin có sự hiếu-thuận với cha-mẹ; tin làm lành gặp lành, làm ác gặp ác. Tin được như thế thì về sau, tâm liền thanh-tịnh dứt xa được năm điều ác.

*

021.- Năm điều ác là những gì?

- Thế nào là năm điều ác?

- Năm điều ác là: (1) tham dâm, (2) giận hờn, (3) mê ngủ, (4) vui đùa, (5) nghi-ngờ. Người chẳng lià xa năm điều ác đó thì tâm-ý chẳng an-định; rời bỏ được chúng thì tâm liền thanh-tịnh.

Thí dụ như Vua Già-Ca-Việt cùng người ngựa qua sông, khiến cho nước trở nên đục ngầu. Vượt qua sông rồi, Vua khát, muốn có nước uống. Nhà Vua có viên ngọc thanh-thủy-châu, đem ngâm vào nước, nước liền lóng trong, Vua được nước tinh-khiết để uống. Lòng người ác ví như nước đục. Các vị đệ-tử Phật đắc đạo độ-thoát sanh-tử thì tâm thanh-tịnh như viên ngọc thanh-thủy-châu. Người bỏ được các điều ác, lòng thành-tín và thanh-tịnh tựa như vàng trắng sáng.

Vương ngợi khen: "Lành thay! Lành thay!"

*

022.- Tinh-tấn là làm sao?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Người thành-tín tinh-tấn thì như thế nào?

- Các vị đệ-tử Phật tự thấy trong hàng đồng-tu có người dứt bỏ được ác-tâm, có người đắc quả Tu-đà-hườn, có người đắc quả Tu-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-la-hán, nguyên-nhân là biết bắt chước nhau mà hành-động, nên cũng đều đắc độ-thoát cả.

Cũng tựa như trên núi cao có trận mưa rào, nước chảy tràn xuống sông ngập lai-láng. Các người dân gần đấy chẳng biết được nước sâu cạn thế nào, nên chẳng dám lội qua sông. Chợt có người từ xa lại, nhìn làn nước biết rộng hẹp, cạn sâu ra sao, tự lượng sức mình, nên vượt qua được. Dân gần đó thấy thế mới bắt chước theo mà lội qua. Đệ-tử Phật cũng thế, thấy người đi trước tâm thanh-tịnh chứng đắc bốn quả-vị, nên đều noi theo thiện-tâm đó mà tinh-tấn tiến lên. Kinh Phật có nói, người có lòng thành-tín có thể tự đắc độ-thoát, người kèm chế được năm sự tham-dục, thì tự biết thân này là khổ lại còn giúp cho người đời nên theo trí-huệ mà thành-toàn nên đạo-đức.

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

023.- *Hiếu-thuận ở đây là tuân theo 37 Phẩm trợ Đạo.*

Vương lại hỏi:

- Thế nào là hiếu-thuận?

- Hiếu-thuận tức là tất cả các điều thiện. Ba mươi bảy phẩm kinh (= Ba mươi bảy Phẩm Trợ Đạo) đều đặt căn-bản nơi sự hiếu-thuận.

- Ba mươi bảy phẩm kinh đó là những gì?

- Đó là: (1) bốn sự dừng-ý; (2) bốn sự đoạn-ý; (3) bốn thân-túc, (4) năm căn; (5) năm lực; (6) bảy giác-ý; (7) tám loại đạo-hạnh.

*

024.- *Thế nào là bốn sự dừng-ý (= tứ niệm-xứ)?*

- Bốn sự dừng-ý là những gì?

- Đức Phật dạy: "Một là quán thân, thì thân dừng lại; hai là quán sự đau-đớn thì sự đau-đớn ngừng lại; ba là quán tâm-ý, thì ý dừng lại; bốn là quán pháp (tức là các sự-vật) thì pháp dừng lại. Đó là bốn phép quán dừng-ý lại."

*

025.- *Thế nào là bốn sự đoạn-ý?*

- Bốn sự đoạn ý là những gì?

- Đức Phật dạy: "Khi đã phân-biệt được bốn sự dừng-ý rồi thì chẳng nhớ nghĩ đến nữa, đó là bốn sự đoạn-ý. Khi đã đắc được bốn sự đoạn-ý rồi, thì liền đắc được bốn niệm thân-túc.

*

026.- *Thế nào là bốn niệm thân-túc?*

- Bốn niệm thân-túc là những gì?

- Thứ nhất là mắt có thể nhìn thấy thấu-triệt. Hai là tai có thể nghe rõ được thấu-triệt. Ba là có khả-năng biết rõ tâm-trạng của kẻ khác. Bốn là thân-thể có khả-năng bay cao. Đó là bốn niệm thần-túc.

*

027.- Năm căn là những gì?

- Năm căn là những gì?

- Thứ nhất là mắt thấy sắc đẹp, sắc xấu, ý chẳng dính mắc. Thứ hai là tai nghe tiếng tốt, lời mắng, ý chẳng dính mắc. Ba là mũi ngửi mùi thơm hay thúi, ý chẳng dính mắc. Bốn là miệng được vị ngon, hay đắng cay, ý chẳng dính mắc. Năm là thân đụng chạm vào chỗ trơn láng, ý chẳng tham-muốn, đụng vào vật thô cứng, ý chẳng oán-ghét. Đó là năm căn.

*

028.- Năm lực gồm có những gì?

- Thế nào là năm lực?

- Một là kèm chế mắt, hai là kèm-chế tai, ba là kèm-chế mũi, bốn là kèm-chế miệng, năm là kèm-chế thân, để cho ý khỏi bị sa-đọa; đó là năm lực.

*

029.- Thế nào là bảy giác-ý?

- Bảy giác-ý là những gì?

- Một là ý giác-ý; hai là phân-biệt giác-ý; ba là tinh-tấn giác-ý; bốn là khả giác-ý, năm là ý giác-ý; sáu là định giác-ý; bảy là hộ giác-ý: đó là bảy giác-ý.

*

030.- Tám loại đạo-hạnh (Bát chánh-đạo) là những gì?

- Thế nào là tám loại đạo-hạnh?

- Một là trực-kiến; hai là trực-niệm; ba là trực-ngũ; bốn là trực-mạng; năm là trực-nghiệp; sáu là trực-phương-tiện; bảy là trực-ý; tám là trực-định: đó là tám loại đạo-hạnh.

*

031.- Lấy Bát-Chánh-Đạo làm căn-bản tu-hành.

Ba mươi bảy phẩm-kinh đó đều do hiểu-thuận làm căn-bản. Người thường nặng nợ mà tiến tới xa được có chỗ thành-tựu đều do đất mà nên; ở thế-gian, lúa-má, cây-cối, rau cỏ ngẩng lên trời đều do đất sanh.

Na-Tiên nói:

- Thí dụ như vị kiến-trúc-sư xây cất thành-thị lớn, phải lượng-định nền móng trước, sau mới khởi công; thí dụ như người diễn trò muốn trình-diễn, trước phải dọn đất cho bằng-phẳng rồi mới diễn trò. Chư đệ-tử Phật cầu Đạo trước phải tuân-hành Giới, Kinh, niệm điều thiện, nhân vì biết sự khổ-nhọc ở thế-gian nên mới dứt bỏ mọi sự ham-muốn, mà một lòng niệm tám loại đạo-hạnh.

- Làm cách nào để dứt bỏ mọi ham-muốn?

- Một lòng niệm Đạo, tức mọi ham-muốn tự tiêu-diệt.

Vương khen: "Lành thay! Lành thay!"

*

032.- Tinh-tấn là gì?

Vương lại hỏi:

- Tinh-tấn là như thế nào?

- Giữ điều lành, giúp cho điều lành thêm lớn, đó là tinh-tấn. Thí-dụ như trong nước quốc-vương có nơi bị công-kích, Vương dàn binh ra chống-cự, binh yếu chẳng cự được, Vương liền cho thêm binh tiếp-viện, nên đắc thắng. Người có các điều ác cũng như binh yếu, nếu người biết giữ lòng lành tiêu-diệt ác-tâm, cũng như Vương cho viện-binh thêm để chiến-thắng. Lòng giữ năm điều thiện, tiêu diệt năm điều bất-thiện của ác-tâm, cũng như chiến-đấu

đắc thắng vậy. Tinh-tấn trợ giúp cho điều lành cũng lại như thế. Tinh-tấn trợ-giúp người tiến đến con đường lành, hầu đắc độ-thoát, chẳng hoàn trở lại.

Vương ngợi khen: "Lành thay! Lành thay!"

*

033.- Niệm điều thiện là phải làm sao?

Vương lại hỏi:

- Tâm đương niệm các điều thiện là như thế nào?
- Thí dụ như người có nhiều bông hoa khác nhau, dùng giấy kết chung lại thành tràng, gió thổi chẳng rời-rụng ra.

Lại ví như vị quan chủ kho vua biết rõ kho vua đang còn có bao nhiêu vàng bạc, châu ngọc, lưu-ly, trân-bảo.

Người học Đạo muốn đắc Đạo thì tâm-ý niệm ba mươi bảy phẩm-kinh cũng như đó chính là niệm đạo cứu đời vậy. Người có đạo-tâm, nhân vì hiểu rành việc thiện-ác, nên biết điều gì nên làm, điều gì chẳng nên làm, phân-biệt trắng đen, tự mình suy-tư từ nay trở về sau, bỏ điều ác, theo điều lành.

Lại thí dụ như Đại-Vương có người giữ cửa biết ai là người được Vua kính-nể, ai là người chẳng được Vua kính-nể, ai là người đem lợi lại cho Vua, ai là người gây bất-lợi cho Vua. Vị quan ấy biết ai được Vua kính, ai đem lợi lại cho Vua, thì liền cho vào; còn những người nào chẳng được Vua kính, hoặc gây bất-lợi cho vua, thì chẳng cho vào. Người giữ-gìn tâm-ý cũng lại như thế, các điều thiện thì cho vào, các điều ác thì ngăn lại. Giữ-gìn ý, kèm chế tâm là như thế đó.

Na-Tiên lại nói Kinh: "Người đang tự giữ-gìn thân-tâm kiên-cố khỏi sáu điều ái-dục (=ham-muốn), kiên-trì tâm-ý, là tự mình đang lo cứu-độ cho đời."

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

034.- Thế nào gọi là nhứt-tâm?

Vương lại hỏi:

- Nhứt-tâm có nghĩa ra sao?

- Trong mọi điều thiện, nhứt-tâm là vào bực cao nhứt. Người hay giữ được nhứt-tâm thì mọi điều thiện đều đi theo đó. Ví như lâu-đài, bệ ngọc cần có chỗ nương-tựa để dựng lên, các người làm lành cũng đều dựa vào sự nhứt-tâm. Thí-dụ như các tướng-quân đem bốn đạo binh ra chiến-đấu, binh cỡi voi, binh cỡi ngựa, binh ngồi xe, và bộ-binh, dàn ra đi chung quanh Vua trước và sau. Các Kinh Giới của Phật và các điều lành cũng đều qui về nhứt-tâm, giống như các binh-chủng đi theo bên Vua.

Na-Tiên liền nói Kinh: "Trong các điều thiện nhứt-tâm làm căn-bản; các người học Đạo trước nhứt nên qui về nhứt-tâm; thân người, sống chết, quá-khứ, cũng như nước chảy bên dưới, trước sau nương theo nhau, chẳng có thời trụ lại."

Vương khen: "Lành thay!"

*

035.- Trí-huệ là như thế nào?

Vương lại hỏi:

- Trí-huệ là như thế nào?

- Tôi đã có nói trước rồi, trí-huệ có khả-năng cắt đứt các nghi-ngờ, làm sáng tỏ các việc thiện (...) Ví như cầm đèn đi vào nhà tối, ánh lửa vừa vào nhà thì phá tan màn u-tối mà sáng rực lên. Người có trí-huệ sáng-tỏ cũng như ánh lửa. Lại ví như người cầm dao bén chặt cây, người có trí-huệ hay diệt đứt các điều ác, cũng như con dao bén. Nơi thế-gian, con người lấy trí-huệ làm điều quan-trọng bực nhứt; người có trí-huệ mới đủ khả-năng vượt thoát được nỗi khổ sanh-tử.

Vương khen: "Lành thay!"

*

036.- Các loại Kinh đều dạy điều thiện để nhắm vào việc tận-diệt các điều ác .

Vương lại hỏi:

- Phải chăng các loại Kinh trước sau có dạy nhiều điều khác nhau, nhưng cũng đều chung một hướng là nhằm diệt tất cả điều ác?

- Dĩ nhiên, Kinh Phật dạy nhiều loại thiện nhưng cũng chỉ hướng về nhằm diệt mọi điều ác. Ví như Vương phát bốn đạo binh ra đi chiến-đấu, ý lúc khởi hành là để công-kích địch-quân, diệt tất cả mọi điều ác vậy.

Vương ngợi khen: "Lành thay! Lành thay! Na-Tiên nói Kinh thật vô-cùng thích-thú!"

*

037.- Người tái-sanh lại thì dùng thân cũ, hay là có thân mới?

Vương lại hỏi:

- Người chết rồi đi theo hướng các ngỗ thiện và ác, có phải lấy thân-tâm cũ sanh ra lại, hay là dùng thân-tâm mới?

- Cũng chẳng phải lấy thân-tâm cũ sanh ra lại, mà cũng chẳng phải lià bỏ thân-tâm cũ.

Na-Tiên nhân đó liền hỏi Vua:

- Thân của Vương, thân lúc nhỏ còn bú, đến thân lúc lớn lên, có tiếp-tục thân cũ chẳng?

- Thân lúc còn nhỏ thì khác.

- Con người lúc còn trong bụng mẹ (...) thân khi mới tượng hình đến lúc thịt xương cứng-cáp, thân từ lúc sơ-sanh đến khi tuổi lớn, đều khác nhau cả. Ví như có người học sách, kẻ ngồi bên cạnh có thay thế mà nhận lấy công học sách đó không?

- Chẳng thể nhận thay được.

- Ví như người phạm tội, có thể lấy người vô-tội chịu tội thay thế cho mình hay không?

- Chẳng thể được.

Na-Tiên dùng tinh-thần tội-pháp hỏi Vương, ý Vương chẳng hiểu. Vương liền hỏi Na-Tiên:

- Ví như có người hỏi Na-Tiên như vậy, Na-Tiên đáp lại như thế nào?

- Thân tôi lúc bé cho đến khi lớn vẫn tiếp-tục thân cũ; thân cũ của hai thời-kỳ cả lúc bé và khi lớn lên, cũng đều hàm-chứa một thân được mạng sống nuôi-dưỡng. Ví như người thắp đèn, đèn có thể cháy tỏ cho đến sáng hay không?

- Đèn đủ dầu thì cháy đến sáng.

- Ánh đèn lúc đầu hôm, đến nửa đêm, chỉ đến sáng, có phải là ánh đèn lúc vừa mới thắp sáng lên không?

- Chẳng phải là ánh đèn cũ.

- Ngọn đèn lúc đầu hôm đến nửa đêm có thắp đèn mới khác không, đến gần sáng có đốt ngọn đèn khác không?

- Nửa đêm chẳng thắp đèn khác, chỉ ánh đèn cũ tiếp-tục cháy đến sáng.

- Tinh-thần con người cứ triển- chuyển (= phát-triển và biến-chuyển) tiếp nối nhau như thế mãi, cũng giống như vậy; một cái đi thì một cái tới. Con người tòng theo tinh-thần từ lúc sanh ra cho tới già, đến khi chết tinh-thần lại một lần nữa hướng về nẻo sanh, rồi triển-chuyển liên-tục mãi. Đó chẳng phải là tinh-thần cũ, mà cũng chẳng phải là lià xa tinh-thần cũ. Ví như sữa, lấy sữa làm thành kem, kem làm thành bơ, rồi bơ làm thành phó-mát; nếu có người nói, cứ lấy phó-mát, bơ, kem để làm ra sữa lại, lời nói đó có dùng được chẳng?

- Lời nói của kẻ đó chẳng thể dùng được.

- (...) Từ sữa có kem, từ kem có bơ, từ bơ có phó-mát. Tinh-thần con người cũng lại như thế; tòng theo tinh-thần mà sanh ra; tòng theo sanh mà lớn lên đến trưởng-thành, tòng theo trưởng-thành mà già, rồi chết; sau khi chết, tinh-

thần lại muốn sanh trở lại. Một thân chết muốn có lại một thân, giống như hai tim đèn nối nhau cùng cháy tiếp-tục."

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

038.- Người hết tái-sanh có biết mình chẳng sanh lại ở đời sau hay không?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Có người chẳng sanh lại ở đời sau không, và có tự biết được việc chẳng sanh lại ấy chăng?

- Dĩ nhiên, có người như thế, tự biết mình chẳng còn tái sanh.

- Làm sao biết được?

- Người ấy tự biết mình chẳng còn quyến-luyến ân-ái, chẳng còn ham-muốn, chẳng có điều ác; nhờ đó biết mình chẳng còn phải sanh lại nữa.

Thí dụ như người nông-phu trồng lúa, được nhiều thóc, trữ lại để về sau, sang năm anh chẳng trồng nữa, chỉ lấy lúa dự trữ ra ăn. Người nông-phu ấy có mong được lúa gạo mới chăng?

- Người nông-phu ấy chẳng mong được lúa mới.

- Tại sao biết người ấy lại chẳng được lúa mới?

- Người nông-phu ấy chẳng cấy cấy, chẳng trồng lúa, thì có chờ mong được chi nữa.

- Người đã đắc đạo cũng lại như thế, tự biết rằng đã dứt bỏ ân-ái, sừng-khổ, chẳng còn tham-tâm, do đó biết rõ đời sau chẳng sanh lại.

*

039.- Khả-năng của Trí-huệ ra sao?

Vương lại hỏi:

- Bực đã đắc đạo chẳng sanh lại ở đời sau, đời này có được trí-huệ khác hơn với người thường chăng?

- Dĩ nhiên, có trí-huệ khác hơn người.

- Có được sáng-suốt chăng?

- Dĩ nhiên, có được sáng-suốt.

- Trí-huệ với sáng-suốt giống nhau hay khác nhau?

- Trí-huệ và sáng-suốt giống bằng nhau.

- Người có trí-huệ và sáng-suốt có biết hết muôn sự-vật chăng, hay có chỗ còn chưa hiểu-biết kịp?

- Trí con người có chỗ hiểu-biết kịp, có chỗ chẳng kịp.

- Những gì là kịp hiểu, những gì là còn chưa hiểu kịp?

- Người thường biết rõ điều chưa học, điều chưa kịp hiểu; và cũng biết điều đã học và điều đã hiểu kịp. Còn bực trí-giả thấy rõ con người cùng vạn vật đều phải qua đi, qui về Không, chẳng được sự tự-tại; vì lòng ham muốn vui-sướng mà đã gieo trồng nguồn-gốc của Khổ; đã biết như thế và tòng theo đó mà tiến đến Khổ-Huệ (=Trí hiểu rõ sự Khổ), biết rõ-ràng sự vô-thường, sự thành-bại; cho nên trí-huệ khác với người thường.

- Người có trí-huệ rồi thì ngu-si ở vào đâu?

- Người có trí-huệ thì ngu-si tự tiêu-diệt hết. Ví như người cầm đèn vào trong nhà tối, phòng sáng lên, tức màn tối đen bị tiêu-diệt. Trí-huệ cũng lại như vậy, người có trí thì ngu-si tất tiêu-diệt.

- Thế còn trí-huệ của trí-giả nay lại ở đâu?

- Người dùng trí để làm công-việc, làm xong, trí-huệ liền tiêu-diệt, nhưng sự-việc mà trí-huệ đã làm thì còn đó. Ví như ban đêm viết thơ bên đèn, viết xong tắt đèn, nhưng bức thơ còn đó.

Bực trí-giả cũng lại như thế, làm xong việc đã làm, trí-huệ liền tiêu-diệt, nhưng việc làm thành-tựu vẫn tiếp-tục còn tại đó.

- Bảo rằng, trí-huệ làm xong việc đã thành, liền tự tiêu-diệt, nghĩa đó như thế nào?

- Ví như người kia phòng-bị lửa cháy chứa sẵn năm thùng nước, khi có nạn cháy nhà, liền đem năm bình nước đổ nước ra chữa lửa; lửa tắt rồi, người cứu-hỏa kia còn muốn đem năm bình kia về nhà nữa thôi?

- Người cứu-hỏa dập tắt lửa rồi chẳng còn muốn giữ năm bình (nước) làm chi nữa.

- Tâm người đắc-đạo giữ năm điều thiện để diệt xong các điều xấu-ác, cũng tựa như năm bình nước cứu-hỏa dập tắt lửa.

*

040.- Năm điều thiện là những gì?

Vua liền hỏi Na-Tiên:

- Năm điều thiện là những gì?

- Thứ nhất là tin-tưởng có điều thiện, điều ác. Thứ hai là chẳng hủy-phạm giới-luật và Kinh-kệ. Thứ ba là tinh-tấn. Thứ tư là có trí-huệ niệm điều thiện. Thứ năm là một lòng niệm Đạo. Đó là năm điều thiện. Người thường hay phụng-hành năm điều thiện đó đắc trí-huệ, liền biết thân người và vạn-vật đều vô-thường, biết khổ chẳng được tự-tại, biết tánh Không rỗng-rang chẳng có gì. Ví như ông thầy thuốc dùng năm vị thuốc đem đến nhà người bệnh, cho bệnh-nhơn uống thuốc, bệnh được bớt, rồi khỏi, thì ông thầy có còn dùng năm vị thuốc cũ mà cho người ấy uống nữa không?

- Hết bệnh rồi còn cho uống thuốc cũ làm gì nữa?

- Năm vị thuốc cũng như trí giữ năm điều thiện; ông thầy thuốc cũng như người cầu Đạo; căn bệnh cũng như các điều ác; ngu-si như là bệnh-nhơn; người đắc-đạo cứu đời như bệnh đã lành. Trí đã thành-tựu nơi người, đưa người đến chỗ cứu đời. Người đắc-đạo rồi, trí cũng tự diệt. Lại ví như viên kiện-tướng mang năm mũi tên tiến lên hướng về địch-quân bắn xong đắc thắng; vị ấy có mong năm mũi tên quay lại để mang về không?

- Đâu có mong tên quay về lại làm chi.

- Năm mũi tên cũng như năm điều thiện của trí-huệ đó. Người tòng theo trí đó mà đắc đạo, giống như vị kiện-tướng đắc-thắng quân địch. Các điều ác như các nẻo ác-đạo (trong cảnh Luân-hồi). Người giữ năm điều thiện để diệt-trừ các điều ác; khi các điều ác diệt, trí lành phát-sanh, người tòng theo trí lành đó mà đắc đạo cứu đời, trở nên thường-tại, bất-diệt.

Vương khen ngợi: "Lành thay!"

*

041.- Vì sao bậc đắc-đạo còn sống lại phải chịu khổ?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Như người đắc đạo, chẳng phải sanh lại ở đời sau, có còn phải chịu cảnh khổ nữa không?

- Hoặc còn phải chịu khổ, hoặc chẳng còn phải khổ nữa.

- Thế nào là còn phải chịu khổ, là chẳng phải chịu khổ nữa?

- Thân còn chịu khổ, tâm-ý hết chịu khổ. Sở dĩ thân còn phải chịu khổ là vì trong hiện-tại thân đó còn là nguồn-gốc của sự khổ; tâm-ý sở dĩ hết khổ là vì đã dứt bỏ tất cả các điều ác, chẳng còn ham-muốn chi, cho nên chẳng phải chịu khổ nữa.

- Nếu như người đắc đạo chẳng thể lià thân khổ này, thì đó là chưa đắc được đạo Nê-Hoàn (=Niết-bàn) chăng? Người đắc đạo chẳng còn ân-ái, mà thân còn khổ, dẫu tâm-ý đã an-ôn, thì sự đắc đạo để làm gì? Nếu như người đắc đạo đã thành-công, thì vì có gì mà còn lưu lại ở đây?

- Thí dụ như trên cây, trái còn chưa chín thì chẳng vội hái, nên đợi cho chín muồi. Đại- Vương có biết lời nói của Đại-đức Xá-lê-viết (Pali: Sariputta = Xá-lợi-phát) chăng? Xá-lê-viết lúc còn sống có nói: "Tôi chẳng cầu chết, tôi cũng chẳng cầu sống, tôi chỉ chờ đúng thời ra đi thì ra đi."

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

Kinh Tì-kheo Na-Tiên
Hết Quyển Thượng

A.- Bản Phỏng-dịch

Quyển Trung

042.- Ba loại cảm-thọ: vui, khổ, chẳng vui chẳng khổ.

Vương hỏi Na-tiên:

- Con người cảm thấy vui, thì thiện hay là bất-thiện? Con người cảm thấy khổ, thì thiện hay bất-thiện? Đức Phật há chẳng có nói, có vui hoặc có khổ. Nếu như khiến cho có mà làm ra chẳng có, thì khổ hay không?

Na-Tiên hỏi lại Vương:

- Như thanh sắt nung đỏ, có người tay cầm lấy thì bị phỏng chẳng; lại cầm một hòn băng trong tay, băng đó có làm phỏng tay người chẳng?

- Dĩ nhiên, cả hai tay đều bị phỏng.

- Như thế, trong hai tay đều nóng cả chẳng?

- Chẳng nóng cả hai.

- Hoặc cả hai đều lạnh hết chẳng?

- Chẳng lạnh cả hai.

Na-Tiên bảo: "Cả hai tay đều nóng cả. Tôi muốn hỏi kỹ Đại-Vương, hai lần trước, sau, cả hai đều nóng, thì nên nói cả hai đều nóng; cả hai đều lạnh thì nên nói cả hai đều lạnh, có sao Vương lại bảo chung, một nóng, một lạnh mà cùng làm cho tay người bị phỏng?"

Vương nói: "Trí-óc Ta còn thiếu-cận quá, chẳng đủ sức để hiểu kịp việc khó này. Nguyên Na-Tiên vì Ta mà giải-thích cho."

Na-Tiên nói:

- Kinh Phật có nói đến việc đó: thường có sáu việc khiến con người mừng bên trong; có sáu việc khiến con người rầu bên trong; lại cũng có sáu việc khiến con người chẳng mừng cũng chẳng rầu; và bên ngoài lại cũng có sáu việc khiến con người buồn rầu.

a.- Sáu việc khiến vui trong lòng .

- Thế nào là sáu việc khiến con người vui bên trong?

- Một là mắt có chỗ thấy, rồi lại có chỗ mong-cầu, cho nên khiến cho con người vui trong lòng. Hai là tai nghe tiếng tốt lại có chỗ mong cầu, cho nên khiến con người vui trong lòng. Ba là mũi ngửi mùi thơm lại có chỗ mong-cầu, cho nên khiến con người vui trong lòng. Bốn là lưỡi được món ngon lại có chỗ mong-cầu, cho nên khiến con người vui trong lòng. Năm là thân đụng chạm đến chỗ trơn láng lại có chỗ mong-cầu, cho nên khiến con người vui trong lòng. Sáu là tâm được cảm-thọ vui lại có chỗ mong-cầu, cho nên khiến con người vui trong lòng. Như thế, đó là sáu việc khiến cho con người vui trong lòng.

b.- Sáu việc bên ngoài khiến vui.

- Thế nào là sáu việc bên ngoài khiến con người được vui?

- Một là mắt thấy sắc đẹp, nhớ lại điều đó chẳng thể thường được, nên phải dứt bỏ đi, tự suy-nghĩ hiểu-biết đó là vô-thường, cho nên khiến con người vui về bên ngoài. Hai là tai nghe tiếng tốt, nhớ lại điều đó chẳng thể thường được, nên phải dứt bỏ đi, cho nên khiến con người vui về bên ngoài. Ba là mũi ngửi mùi thơm, nhớ lại điều đó chẳng thể thường được, nên phải dứt bỏ đi, cho nên khiến con người vui về bên ngoài. Bốn là miệng được món ngon, nhớ lại điều đó chẳng thể thường được, nên phải dứt bỏ đi, cho nên khiến con người vui về bên ngoài. Năm là thân đụng chạm chỗ trơn láng, nhớ lại điều đó chẳng thể thường được, nên phải dứt bỏ đi, cho nên khiến con người vui về bên ngoài. Sáu là tâm nhớ nghĩ đến điều thương-muốn, suy-nghĩ đến điều đó là vô-thường, nên dứt bỏ cả, sau khi nhớ nghĩ như vậy liền khởi lên vui. Đó là sáu sự-việc khiến cho con người vui về bên ngoài.

c.- Sáu việc bên trong khiến buồn.

- Thế nào là sáu sự-việc bên trong khiến cho lòng người rầu?

- Một là mắt phải nhìn vào chỗ chẳng muốn thấy, khiến cho bên trong buồn. Hai là tai phải nghe điều chẳng muốn được nghe, khiến buồn lòng. Ba là mũi chẳng ưa chỗ thú vị mà phải ngửi mùi hôi, khiến cho bụng buồn-bã. Bốn là miệng chẳng muốn nếm món đó mà phải nếm khiến cho bụng chẳng vui. Năm là thân chẳng muốn đụng đến vật đó mà phải chạm lấy khiến lòng rầu-

ri. Sáu là tâm chẳng được điều vui mà phải nghĩ đến khiến cho dạ sầu. Đó là sáu sự-việc khiến cho bên trong lòng người buồn-rầu.

d.- Sáu việc bên ngoài khiến chẳng vui.

- Thế nào là sáu sự-việc khiến cho người chẳng mừng?

- Một là mắt thấy sắc xấu-ác khiến lòng chẳng vui. Hai là tai nghe tiếng ác-độc khiến lòng chẳng vui. Ba là mũi ngửi mùi hôi-thúi khiến lòng chẳng vui. Bốn là lưỡi nếm vị cay đắng khiến lòng chẳng vui. Năm là thân mặc đồ thô cứng khiến lòng chẳng vui. Sáu là tâm có điều oán ghét khiến lòng chẳng vui. Đó là sáu sự-việc bên ngoài khiến lòng người chẳng vui mừng.

e.- Sáu việc khiến chẳng vui chẳng buồn.

- Thế nào là sáu việc khiến lòng người chẳng buồn, mà cũng chẳng vui?

- Một là mắt nhìn thấy điều chẳng buồn lại chẳng vui. Hai là tai nghe tiếng chẳng buồn cũng chẳng vui. Ba là mũi ngửi mùi chẳng buồn cũng chẳng vui. Bốn là miệng nếm vị chẳng buồn cũng chẳng vui. Năm là thân có chỗ đụng-chạm chẳng buồn cũng chẳng vui. Sáu là tâm nghĩ đến việc chẳng buồn mà chẳng vui. Đó là sáu sự-việc bên trong khiến cho lòng người chẳng buồn mà cũng chẳng vui.

f.- Sáu việc bên ngoài khiến cho buồn lòng.

- Thế nào là sáu việc bên ngoài khiến cho người buồn?

- Một là khi mắt thấy cái chết, lòng tự nghĩ là thân người cùng vạn-vật đều vô-thường, kẻ ấy tự nghĩ, mình đã có được ý-niệm đó mà sao còn chưa đắc-đạo, đó là nguyên-nhân bên ngoài gây ra sầu. Hai là khi tai nghe tiếng tốt, lòng chẳng mừng; kẻ ấy tự nghĩ, mình đã có được ý-niệm đó có sao còn chưa đắc-đạo, đó là nguyên-nhân bên ngoài gây ra sầu. Ba là mũi chẳng vui buồn với mùi thơm mùi thúi; kẻ ấy tự nghĩ, mình đã có ý-niệm đó có sao còn chưa đắc-đạo, đó là nguyên-nhân bên ngoài gây ra sầu. Bốn là miệng chẳng nếm đắng ngọt; kẻ ấy tự nghĩ, mình đã có ý-niệm đó có sao còn chưa đắc-đạo, đó là nguyên-nhân bên ngoài gây ra sầu. Năm là thân chẳng ham-thích chỗ trơn-láng cũng chẳng bất-mãn với chỗ thô-cứng; kẻ ấy tự nghĩ, mình đã có được ý-niệm ấy có sao còn chưa đắc-đạo, đó là nguyên-nhân bên ngoài gây ra sầu. Sáu là tâm chẳng vui với sự ham-muốn; kẻ ấy tự nghĩ, mình đã

có ý-niệm đó có sao còn chưa đắ-đạo, đó là nguyên-nhân bên ngoài gây ra sâu. Đây là sáu sự-việc bên ngoài khiến lòng người trở nên sâu.

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

043.- Khi chết rồi, ai sanh trở lại?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Con người chết rồi, khi sanh lại ở đời sau là ai vậy?
- Danh (= tâm-thần) và Thân (= thân-thể) sanh lại ở đời sau.
- Danh cũ và Thân cũ của người ấy sanh lại chẳng?
- Chẳng phải như vậy. Chẳng phải Danh cũ, cũng chẳng phải Thân cũ đã giữ lấy thân-tâm này ở đời nay làm điều thiện ác cho đến đời sau, mà sanh ra lại đâu.
- Như khiến dùng thân-tâm này làm điều thiện, điều ác ở đời này rồi đời sau chẳng sanh lại, thì cứ hết sức làm điều thiện, điều ác cũng được thoát hết, chẳng phải chịu khổ lại nữa hay sao?
- Nơi đời này làm điều thiện, thì đời sau chẳng sanh lại nữa, liền được giải-thoát. Còn người chẳng ngừng làm điều thiện, điều ác thì phải sanh lại về sau, cho nên chẳng được giải-thoát. Thí-dụ như có người ăn trộm trái dưa; người chủ bị mất trộm bắt kẻ ấy đem lại trình với Vương: "Anh này lấy trộm trái của tôi." Anh ăn trộm cãi lại: "Tôi đâu có lấy trộm trái của anh. Chỗ anh trồng là trồng cây nhỏ, vốn đâu phải là anh đã trồng trái dưa; tôi hái trái dưa thì làm gì là ăn trộm; tôi chẳng hề trộm dưa của anh ta, thì có tội gì?" Hai người tranh-cãi như thế, thì ai phải, ai quấy?
- Người trồng cây, phải; vì vốn đã tạo ra cây trồng; người trộm trái thì quấy, chẳng cãi được, phải chịu tội.
- Vì sao anh ăn trộm có tội?
- Sở dĩ tên trộm có tội là vì căn-bản là người trồng cây, có cây thì mới sanh ra trái chớ.

- Đòi người cũng lại như thế. Người đòi nay dùng thân-tâm này làm điều thiện, điều ác, cho đến khi sanh lại vào đời sau, thì thân-tâm làm thiện-ác ở đời này là căn-bản vậy. Lại ví như có người trộm lúa thóc của người khác; người chủ bắt, liền nói: "Anh ăn trộm thóc lúa của tôi." Kẻ trộm thóc nói: "Tôi chẳng trộm thóc của anh. Anh tự trồng lúa; tôi tự gặt thóc, tôi làm gì mà phạm tội trộm." Hai người liền dẫn nhau đến trình Vương. Như thế, ai phải ai quấy?

- Người trồng lúa, phải; còn kẻ trộm thóc thì quấy.

- Sao lại biết kẻ trộm thóc là quấy?

- Người trồng lúa thì phải, vì trồng lúa là căn-bản, nếu chẳng trồng lúa, thì làm sao mà có ra thóc được.

- Đòi người cũng lại như thế. Người đòi nay dùng thân-tâm này làm điều thiện-ác cho đến khi sanh lại vào đời sau, thì do thân này làm căn-bản vậy. Lại thí-dụ nữa, như vào mùa đông lạnh-lẽo, người kia đốt lửa lên sưởi cho ấm, rồi lần lần bỏ đó mà đi. Lửa bắt cháy vách, tường rồi lan sang lầu nhà người khác. Chủ nhà này lôi người đốt lửa kia lại trình Vương: "Anh này đốt lửa để cháy sang lầu nhà tôi." Kẻ đốt lửa cãi: "Tôi đốt lửa nhỏ-nhỏ để sưởi ấm; tôi đâu có thiêu đốt nhà lầu." Đại-Vương xử ai phải, ai quấy?

- Kẻ đốt lửa, quấy; vốn do căn-bản đốt lửa mới sanh cháy nhà.

- Đòi người cũng lại như thế, người đòi nay dùng thân-tâm này làm điều thiện-ác cho đến đời sau sanh lại thì thân-tâm này chính là căn-bản vậy. Lại còn thí-dụ khác nữa, như ban đêm một người đốt đuốc sáng lên, gàn vách, để ăn cơm; đuốc từ từ cháy lan lên vách rồi gặp tre trúc cây gỗ liền thiêu cả ngôi nhà; lửa bùng lên cháy to thiêu hủy cả thành-phố. Dân chúng trong thành cùng la-hét người đốt đuốc: "Cớ gì mà mày lại đốt cháy cả thành-phố như vậy?" Người kia nói: "Tôi chỉ đốt ngọn đuốc nhỏ để có ánh-sáng mà ăn cơm; thành cháy là tại lửa lớn kia, chớ nào phải lửa của tôi." Như thế họ tranh-cãi nhau, đưa nhau đến trước đền vua. Đại-Vương xử ai phải, ai quấy?

- Kẻ đốt đuốc có tội.

- Vì sao biết kẻ ấy có tội?

- Căn-bản lửa sanh cháy to là do tên này ăn cơm xong chẳng dập tắt đuốc, khiến lửa bùng lên cháy rụi cả thành.

- Đòi người cũng lại như thế, người đòi nay dùng thân-tâm này làm các điều thiện-ác cho đến đời sau sanh lại, thì thân-tâm này chính là căn-bản của sự tái-sanh; con người còn chưa hiểu lẽ đó, làm điều thiện-ác, cho nên chẳng được độ-thoát. Lại thêm một thí-dụ khác nữa, như có người dùng tiền cầu cưới một đứa con gái nhỏ sau này về làm vợ. Về sau, cô gái lớn lên, lại có người khác dùng tiền xin cưới, liền được vợ. Người cầu hôn khi trước lại nhà trách: "Anh tới sau sao lại cưới tranh vợ tôi?" Người kia bảo: "Anh tự lúc nhỏ cầu hôn với đứa bé gái; tôi cưới vợ vào lúc nàng lớn lên, nào tôi có giành vợ với anh đâu." Cả hai tranh-cãi, dẫn nhau đến đền vua, Đại-Vương xử ai phải, ai quấy?

- Người cầu hôn trước, phải.

- Sao Đại-Vương biết?

- Người con gái ấy vốn là từ nhỏ lớn lên lần lần, cho nên biết đó là vợ của người đã cầu-hôn trước.

- Đòi người cũng ví như thế đó. Người đòi nay dùng thân-tâm này làm các điều thiện-ác cho đến đời sau sanh lại, thì thân-tâm đời này chính làm căn-bản cho việc tái-sanh đó. Lại còn một thí-dụ khác nữa, như có người mang bình đi mua sữa của kẻ nuôi bò. Mua sữa rồi, gọi lại cho chủ và nói: "Chẳng bao lâu nữa, tôi sẽ trở lại lấy." Người gọi sữa ít lâu sau trở lại lấy bình sữa, sữa chuyển thành sữa chua. Anh ta trách: "Tôi gọi sữa trong bình cho anh, sao anh lại đổi thành sữa chua vậy?" Người chủ bò cãi lại: "Đây là sữa cũ của anh gọi, nay tự nó chuyển thành sữa chua." Hai người tranh-cãi với nhau, dẫn nhau đến đền vua. Đại-Vương thấy ai phải?

- Người chủ bò, phải.

- Sao Đại-Vương biết?

- Kẻ kia mua sữa gọi lại lâu, sữa tự chuyển thành sữa chua, người chủ bò nào có lỗi gì.

- Đòi người cũng ví như thế đó. Người đòi nay dùng thân-tâm này làm các điều thiện-ác cho đến đời sau sanh lại, thì thân-tâm làm thiện-ác đời này chính là căn-bản cho việc tái-sanh ấy vậy.

*

044.- Vua hỏi, Na-Tiên có sanh trở lại nữa không?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Na-Tiên nay có sanh trở lại đời sau không?

- Lời Đại-Vương hỏi tôi đây, trước tôi đã đáp rồi. Nếu như tôi còn có sự lưu-luyến về ân-ái, thì đời sau sẽ sanh trở lại; còn nếu dứt được sự ân-ái, thì tôi chẳng sanh lại nữa. Ví như có người tận lực phục-vụ Đại-Vương, Đại-Vương biết rõ điều tốt đó, liền ban thưởng cho nhiều tiền-của. Kẻ ấy được thưởng, dùng tiền-bạc sắm quần áo, chi-phí ăn uống, vui đùa thoả-thích, rồi lại phao lời, nói: "Ta có công với nhà vua, mà vua chưa từng ban thưởng cho ta gì cả." Tôi xin hỏi Đại-Vương, kẻ được ban thưởng rồi, còn nói ngược lại chưa hề được thưởng, lời nói của kẻ ấy có thể dùng được chăng?

- Lời nói của kẻ ấy chẳng dùng được.

- Thế cho nên, tôi xin nói với Đại-Vương, nếu tôi còn ân-ái thì đời sau phải sanh lại; còn như tôi đã dứt ân-ái rồi, thì đời sau chẳng phục-sanh nữa.

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

045.- Danh-Thân nghĩa là gì?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Khanh trước có nói, Danh và Thân của con người; vậy Danh là những gì, và Thân là những gì?

- Tám thân hiện nay đang thấy đây là Thân, còn chỗ nhớ nghĩ trong lòng là Danh.

- Tại sao nơi con người, Danh thì sanh lại ở đời sau, mà Thân này lại chẳng sanh theo?

- Thân và Danh của con người, trước sau liên quan nhau, ví như mầm gà-con trong chất lỏng và vỏ cứng bên ngoài, lớn lên cho đến khi thành con gà con. Nơi con người, Danh và Thân liên-quan nhau cũng như thế đó, chẳng thể phân-ly ra được.

Vua khen: "Lành thay!"

*

046.- Thời-gian.

Vua lại hỏi Na-Tiên:

- Thời-gian dài lâu là những gì?
- Lấy việc quá-khứ đã qua làm lâu-dài; cũng lấy việc vị-lai sắp tới làm lâu-dài; chỉ có hiện-tại bây giờ là chẳng dài lâu.
- Lành thay! Nghĩ cho kỹ thì có sự lâu-dài chẳng?
- Hoặc có lâu-dài, hoặc chẳng có lâu-dài.
- Thế nào là có lâu-dài? Thế nào là chẳng có lâu-dài?
- Đối với bực đã đắc Nê-Hoàn (=Niết-bàn) thì chẳng có thời-gian dài lâu; đối với kẻ chưa đắc đạo còn phải sống đi chết lại thì có thời-gian lâu-dài. Người, đời này, siêng làm việc bố-thí, ăn ở có hiếu với mẹ cha, thì vào các đời sau có thể chứng-đắc được phước ấy.

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

047.- Thời-gian cùng với Danh-Thân triển-chuyển.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Việc quá-khứ, việc vị-lai, việc hiện-tại, ba điều đó, điều nào là căn-bản?
- Việc quá-khứ, việc vị-lai, việc hiện-tại, kẻ ngu-si đều lấy đó là căn-bản.

a.- Thân sanh Danh, Danh sanh sáu thức.

Hễ ngu-si sanh thì tinh-thần sanh. Tinh-thần sanh thân, thân sanh danh, danh sanh sắc (= vật-chất), sắc sanh sáu thức (= sáu cái biết): (1) nhãn-thức, (2) nhĩ-thức, (3) tỵ-thức, (4) thiệt-thức, (5) thân-thức, (6) ý-thức, sáu thức đều hướng ra ngoài. Mắt hướng về hình-sắc, tai hướng về âm-thanh, mũi hướng

về mùi hương, miệng lưỡi hướng về vị nếm, thân hướng về tron-láng, tâm-ý hướng về sự ham-muốn; đó là sáu sự hướng ra ngoài.

b.- Nguyên-nhân dây chuyền

Danh (= phần tinh-thần) làm phôi (phôi-hợp = gom chung lại), phôi hiệp với phôi liền biết khổ, biết sướng; tòng theo sướng khổ sanh ra ân-ái, tòng theo ân-ái sanh ra ham-muốn, tòng theo ham-muốn sanh ra hữu-trí (= có sự truyền-đạt) liền sanh ra nguyên-nhân của già, tòng theo già là nguyên-nhân của bệnh; tòng theo bệnh là nguyên-nhân của chết, tòng theo chết là nguyên-nhân của khóc-lóc, tòng theo khóc-lóc là nguyên-nhân của ưu-sầu, tòng theo ưu-sầu là đau-đớn trong nội-tâm. Hễ hiệp lại tất các sự khổ-nhọc đó lại thì thành con người, lấy đó mà con người sống chết chẳng bao giờ cùng-tận, cho nên chẳng thể nào biết rõ cái thân-gốc đầu-tiên cho được.

c.- Các thí-dụ: lúa trồng hằng năm; con gà đẻ trứng sanh con; vòng tròn khép kín .

Thí-dụ như người ta trồng lúa, lúa mọc rễ, tòng theo rễ sanh ra cành, lá, hạt, cho đến sau sanh ra thóc, mãi đến năm sau được thóc thật nhiều.

Na-Tiên liền hỏi Vương:

- Như người ta trồng lúa, năm nào cũng trồng lúa, thì có lúc nào dứt tuyệt chẳng sanh ra lúa nữa chẳng?
- Năm, năm, có trồng lúa thì làm sao có lúc dứt tuyệt được.
- Đòi người cũng lại như thế, cứ chuyển-đổi mãi, chẳng hề có lúc dứt tuyệt được.

Thí-dụ như gà đẻ trứng, trứng nở ra gà, tòng theo trứng sanh trứng, tòng theo gà sanh gà. Đòi người cũng lại như thế, chẳng bao giờ dứt tuyệt.

Na-Tiên ngừng giọng, lấy tay vẽ một vòng tròn dưới đất, rồi hỏi Vương:

- Đại-Vương nay thấy vòng tròn này có góc nào không?
- Vòng đó tròn-vo, chẳng có góc ở chỗ nào cả.

- Kinh Phật nói: "Đời người sống chết cũng như bánh xe chuyển lăn, sanh tử, tử sanh, chẳng bao giờ dứt tuyệt."

d.- Sáu căn, sáu trần và sáu thức phối-hiệp ...

Con người tông theo mắt, hình-sắc của vạn-vật, và có thức; đó là giác-tri (=hiểu-biết); ba sự-việc đó (mắt, hình-sắc, thức) hiệp lại, rồi tông theo hiệp mà sanh ra sừng khổ, tông theo sừng khổ sanh ra ân-ái, tông theo ân-ái sanh ra ham-muốn, tông theo ham-muốn sanh ra hữu-trí (= có sự truyền-đạt), tông theo hữu-trí sự sanh sanh ra, tông theo sanh là nguyên-nhân của việc làm thiện-ác.

Tông theo thiện-ác, liền khởi sanh ra tai nghe âm-thanh, có thức tức là giác-tri, cả ba sự-việc đó (tai, âm-thanh, thức) hiệp lại mà sanh ra sừng khổ, tông theo sừng khổ sanh ra ân-ái, tông theo ân-ái sanh ra ham-muốn, tông theo ham-muốn sanh ra hữu-trí, tông theo hữu-trí mà sự sanh sanh ra, tông theo sanh mà làm các điều thiện-ác.

Tông theo thiện-ác, liền khởi sanh ra mũi ngửi mùi, có thức, tức là giác-tri; ba sự-việc đó (mũi, mùi và thức) hiệp lại, tông theo hiệp sanh ra sừng khổ, tông theo sừng khổ sanh ra ân-ái, tông theo ân-ái sanh ra ham-muốn, tông theo ham-muốn sanh ra hữu-trí, tông theo hữu-trí mà sự sanh sanh ra, tông theo sanh mà làm điều thiện-ác.

Tông theo thiện-ác, liền khởi sanh ra miệng nếm vị, có thức tức là giác-tri; ba sự-việc đó (miệng, vị và thức) hiệp lại, tông theo hiệp mà sanh ra sừng khổ, tông theo sừng khổ mà sanh ra ân-ái, tông theo ân-ái mà sanh ra ham-muốn, tông theo ham-muốn sanh ra hữu-trí, tông theo hữu-trí mà sự sanh sanh ra, tông theo sanh mà làm điều thiện-ác.

Tông theo thiện-ác liền khởi sanh ra thân được chỗ trơn-láng, có thức tức là giác-tri; ba sự-việc đó (thân, trơn-láng và thức) hiệp lại, tông theo hiệp sanh ra sừng khổ, tông theo sừng khổ mà sanh ra ân-ái, tông theo ân-ái mà sanh ra ham-muốn, tông theo ham-muốn mà sanh ra hữu-trí, tông theo hữu-trí mà sự sanh sanh ra, tông theo sanh mà làm điều thiện-ác.

Tông theo thiện-ác mà khởi sanh ra tâm-ý, ý-niệm và có thức tức là giác-tri; cả ba sự-việc đó (tâm, ý-niệm và thức) hiệp lại, tông theo hiệp mà sanh ra sừng khổ, tông theo sừng khổ mà sanh ra ân-ái, tông theo ân-ái mà sanh ra ham-muốn, tông theo ham-muốn mà sanh ra hữu-trí, tông theo hữu-trí mà

khiến sự sanh sanh ra, tòng theo sanh mà làm điều thiện-ác. Như thế, con người triển-chuyển, sanh tử tử sanh, chẳng bao giờ dứt tuyệt.

Vương ngự khen: "Lành thay!".

*

048.- "Người có gốc" nghĩa là gì?

Vương lại hỏi Na-tiên:

- Khanh có nói, con người sống chết chẳng thể đắc được gốc. "Chẳng thể đắc được gốc" ý-nghĩa ra làm sao?

- "Người có gốc" phải chẳng sanh trở lại, "người có gốc" phải trở lại quá-khứ dùng đó làm "gốc".

- "Người chẳng có gốc" phải nên chẳng sanh trở lại, nhìn thấy "người có gốc" phải trở lại quá-khứ, như thế thì "gốc" là chưa dứt tuyệt chẳng?

- Dĩ nhiên, cả hai đều phải là quá-khứ.

*

049.- Cái "gốc sanh-tử" là gì?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Đòi người sống chết có kẻ theo bên cạnh giúp thêm ích lợi chẳng?

- Tôi xin hỏi lại Đại-Vương, con người ở thế-gian cùng với các loài nhện khi di-chuyển thì bò đi theo bên cạnh có tăng thêm ích lợi gì chẳng?

- Ta chẳng hỏi Na-Tiên về con người ở thế-gian cùng các loài nhện bò đi khi di-chuyển; Ta chỉ muốn hỏi Na-Tiên cái gốc sanh tử của con người là gì?

a.- "Gốc sanh-tử" của con người.

- Cây-côi sanh ra, lấy chồi non làm gốc; ngũ cốc lấy hạt lúa làm gốc; thiên-hạ, vạn vật đều lấy gốc của loài mình mà sanh ra. Con người thì tòng theo sáu tình-cảm, ân-ái, làm gốc. Con người có mắt, có hình-sắc, và có thức; có tai, có âm-thanh, và có thức; có mũi, có mùi, và có thức; có lưỡi, có vị, và có

thức; có thân, có tron-láng, và có thức; có niệm, có pháp (=sự-vật), và có thức. Tòng theo các điều đó mà sanh ra sừng khổ; tòng theo sừng khổ mà sanh ra ân-ái; tòng theo ân-ái mà sanh ra ham-muốn; tòng theo ham-muốn mà sự sanh sanh ra; hiệp các điều khổ đó lại cho đến thành ra con người.

b.- Từ sáu căn đến nguyên-nhân phải tái-sanh.

Mắt, tai, mũi, miệng, thân, tinh-thần, thức, niệm khiến có sự truyền-đạt hiệp lại làm phối, tòng theo phối sanh sừng khổ, tòng theo sừng khổ sanh ân-ái, tòng theo ân-ái sanh ham-muốn, tòng theo ham-muốn sanh ra nguyên nhân truyền-đạt. Tòng theo truyền-đạt mà sự sanh sanh ra, tòng theo sanh mà có nguyên-nhân già, bệnh, tòng theo bệnh mà có nguyên nhân chết, ưu-sầu, khóc-lóc, tòng theo khóc lóc mà sanh ra đau-đớn trong nội-tâm. Đời con người là như thế!

c.- Từ sáu căn đến chứng-đắc vô-sanh.

Nếu chẳng có mắt thì chẳng thấy hình-sắc, chẳng hay, chẳng biết; tòng theo sự chẳng hay chẳng biết mà chẳng có sự phối-hiệp; chẳng có sự phối-hiệp thì chẳng có sừng khổ; chẳng có sừng khổ liền chẳng sanh ân-ái; chẳng ân-ái thì chẳng sanh ham-muốn; chẳng ham-muốn thì chẳng có hữu-trí (= sự truyền-đạt), chẳng sanh, chẳng già; chẳng sanh chẳng già thì chẳng bệnh, chẳng chết; chẳng bệnh chẳng chết thì chẳng sầu, chẳng khóc; chẳng sầu, chẳng khóc thì nội-tâm chẳng đau-đớn. Chẳng có các điều khổ đó, thì liền đắc được đạo Nê-Hoàn (=Niết-Bàn). Chẳng tai thì chẳng có chỗ nghe; chẳng mũi thì chẳng có chỗ ngửi; chẳng miệng thì chẳng có chỗ nếm; chẳng thân thì chẳng có chỗ tron-láng; chẳng có thức thì chẳng có sở-niệm; chẳng có sở-niệm thì chẳng có phối-hiệp; chẳng có phối-hiệp thì chẳng sừng chẳng khổ; chẳng sừng chẳng khổ thì chẳng có ân-ái; chẳng có ân-ái thì chẳng ham-muốn; chẳng ham-muốn thì chẳng có bào-thai, chẳng có sự sanh; chẳng sanh thì chẳng già; chẳng già thì chẳng bệnh; chẳng bệnh thì chẳng chết; chẳng chết thì chẳng sầu, chẳng sầu thì chẳng khóc; chẳng khóc thì nội-tâm chẳng đau-đớn; dứt bỏ hết tất cả các nội khổ đó, liền đắc được đạo Nê-Hoàn.

Vương khen ngợi: "Lành thay!"

*

050.- Thế-gian chẳng hề có việc tự-nhiên mà sanh ra

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Thế-gian có vật nào tự-nhiên mà sanh ra chẳng?
- Chẳng hề có vật nào tự-nhiên mà tự sanh ra lấy cả; phải có nguyên-nhân mới sanh ra.

a.- Thí-dụ về tòa điện cao.

Na-Tiên hỏi Vương:

- Nay Đại-Vương ngồi trên tòa điện cao này, điện ấy do nhơn-công tạo ra, hay là tự-nhiên sanh ra?
- Nhơn-công đã tạo ra điện này; gỗ xuất từ cây-cối; tường, vách, bùn đất, xuất từ đất-đai.
- Đòi người cũng lại như thế; tất cả các giới hoà-hiệp lại cho đến thành ra con người. Do đó, chẳng hề có vật nào tự-nhiên mà sanh ra cả, đều phải có nguyên-nhân.

b.- Thí-dụ về người thợ đồ gốm .

Thí-dụ như người thợ làm đồ gốm, lấy đất sét hòa với nước, nhồi nhuyễn rồi đem hầm trong lò mà thành các vật-dụng, đất sét kia chẳng thể tự thành vật-dụng được, mà phải có nhơn-công, củi, lửa, mới thành ra khí-cụ được. Thế-gian chẳng hề có việc tự-nhiên mà sanh ra cả.

c.- Thí-dụ về cây đàn .

Lại nữa, thí-dụ như cây đàn-sắt mà thiếu dây, thiếu phím, thiếu người khảy, thì có phát ra âm-thanh chẳng?

- Chẳng thể tự cây đàn mà có âm-thanh được.
- Nếu như cây đàn-sắt đủ dây, có phím, được người cầm khảy, thì có phát ra tiếng đàn chẳng?
- Có, có được tiếng đàn.
- Như thế thì thiên hạ chẳng hề có vật tự-nhiên sanh ra, tất cả đều phải có nguyên-nhân của nó.

d.- Các thí-dụ khác: lấy lửa, kiếng soi.

Lại có thí-dụ nữa, như muốn cọ cây lấy lửa mà chẳng có hai khúc gỗ, chẳng có người cọ, thì có được lửa chẳng?

- Chẳng thể có được lửa.

- Giả như có hai khúc gỗ, có người cọ gỗ, thì lửa có sanh ra chẳng?

- Dĩ nhiên sẽ có lửa sanh ra.

- Vậy thì thiên-hạ chẳng hề có vật nào tự-nhiên mà sanh ra, tất phải có nguyên-nhân của nó.

Lại nữa, thí-dụ như dùng kiếng rọi lớn để tụ ánh nắng lại lấy lửa, mà chẳng có người cầm kiếng, chẳng có vàng mặt trời, thì có được lửa chẳng?

- Chẳng có lửa được.

- Lại ví như có người cầm kiếng, có ánh mặt trời, thì có lửa không?

- Được lửa.

- Như thế thiên-hạ chẳng hề có vật gì tự-nhiên mà sanh ra, phải có nguyên-nhân.

Lại thêm thí-dụ nữa, nếu chẳng có kiếng soi, chẳng có ánh sáng mà người kia muốn chiếu xem mặt mình, có thấy mặt được chẳng?

- Chẳng thể tự thấy được.

- Nếu như người có kiếng soi, có ánh sáng, có người tự xem mặt mình, thấy được không?

- Dĩ nhiên, có thể tự thấy được.

- Như thế, thiên-hạ chẳng hề có vật nào tự-nhiên mà sanh ra được, tất phải có nguyên-nhân của nó.

Vương khen: "Lành thay!"

051.- "Cái gì" là "Người"?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Người ở thế-gian là có "người" hay là chẳng có người?
- Xét nghĩ cho kỹ, thế-gian chẳng thể nào có "người", thì gọi "ai" (hay "cái gì") là "người" cho thích-hợp được.
- Mạng sống trong thân là "người" chẳng?

Na-Tiên liền hỏi lại Vương rằng:

- Mạng sống trong thân người có thể dùng mắt thấy hình-sắc chẳng, có thể dùng tai nghe âm-thanh chẳng, có thể dùng mũi ngửi mùi chẳng, có thể miệng nếm vị chẳng, có thể dùng thân biết sự tron-láng chẳng, có thể dùng tâm-ý có sự hay-biết chẳng?

- Có thể.

- Nay Đại-Vương và tôi cùng ngồi trên điện này, bốn mặt có cửa sổ, tùy ý mình muốn nhìn ra cửa sổ nào mà thấy được chẳng?

- Thấy được.

- Giả-thiết như mạng sống, trong thân người, tùy ý muốn, theo "cửa hở" (= không) nào đó để thấy, có thể dùng mắt để thấy được hình-sắc chẳng, có thể dùng tai để thấy được hình-sắc chẳng, có thể dùng mũi để thấy được hình-sắc chẳng, có thể dùng miệng để thấy được hình-sắc chẳng, có thể dùng thân để thấy được hình-sắc chẳng?

- Chẳng thể được.

- Giả-thiết như mạng sống ở tại tai, có thể lấy tai để nghe được chẳng, có thể lấy tai để thấy được chẳng, có thể lấy tai để ngửi mùi được chẳng, có thể lấy tai để nếm được vị chẳng, có thể lấy tai để biết được chỗ tron-láng chẳng, có thể lấy tai để có được chỗ suy-nghĩ chẳng?

Lại giả-thiết như mạng sống ở tại mũi, có thể lấy mũi để ngửi mùi thúì được chẳng, có thể lấy mũi để nghe được âm-thanh chẳng, có thể lấy mũi để nếm

vị được chắng, có thể lấy mũi để biết được sự tron-láng chắng, có thể lấy mũi để biết được chỗ suy-nghĩ chắng?

Lại giả-thiết như mạng sống tại miệng, có thể lấy miệng để thấy được chắng, có thể lấy miệng để nghe được âm-thanh chắng, có thể lấy miệng để ngửi mùi thối được chắng, có thể lấy miệng để biết được sự tron-láng chắng, có thể lấy miệng để biết được chỗ suy-nghĩ chắng?

Lại giả-thiết như mạng sống ở tại thân, có thể lấy thân để biết được sự tron-láng chắng, có thể lấy thân để thấy được chắng, có thể lấy thân để nghe được âm-thanh chắng, có thể lấy thân để ngửi mùi thối được chắng, có thể lấy thân để nếm được vị chắng, có thể lấy thân để biết được chỗ suy-nghĩ chắng?

Lại giả-thiết như mạng sống ở tại thức, có thể lấy thức biết được chỗ suy-nghĩ chắng, có thể lấy thức để nghe được âm-thanh chắng, có thể lấy thức để ngửi mùi thối được chắng, có thể lấy thức để nếm được vị chắng, có thể lấy thức để biết được sự tron-láng chắng?

- Chẳng thể biết được.

- Đại-Vương, lời nói của Ngài trước sau chẳng tương-ứng nhau. Như Đại-Vương và tôi đang ngồi trên điện đây, nếu phá bỏ các cửa sổ bốn bên, thì thấy có được xa rộng chắng?

- Dĩ nhiên, thấy được xa rộng.

- Giả-thiết như mạng sống ở tại thân, khai lớn mắt ra, thì thấy được xa rộng chắng, khai lớn tai ra thì nghe được xa chắng, khai lớn mũi ra thì ngửi được xa chắng, khai rộng miệng ra thì nếm vị được nhiều chắng, khai rộng da ra thì biết tron-láng nhiều chắng, khai rộng phán-đoán ra thì ý được nhiều chắng?

- Chẳng được.

- Như thế thì lời nói của Đại-Vương trước sau chẳng tương-ứng nhau.

Na-Tiên liền hỏi Vương rằng:

- Người giữ kho vua đến trước mặt Đại-Vương, Đại-Vương có hay-biết ông ta đang đứng trước mặt chắng?

- Biết, ở trước mặt.
- Ông ta đi vào nhà trong, Đại-Vương có hay-biết ông ấy vào nhà trong chẳng?
- Biết, đi vào nhà trong.
- Giả-thiết như mạng-sống ở tại thân, người nếm vị ở trong miệng có hay-biết ngọt, chua, mặn, cay, đắng chẳng?
- Biết chớ.
- Lời nói của Đại-Vương trước sau lại chẳng tương-ứng nhau. Ví như có người mua rượu ngon đổ đầy một thùng lớn, rồi bắt thàn đè cổ nhận đầu một người khác vào thùng rượu để thưởng-thức, kẻ ấy có biết được vị rượu hay không?
- Kẻ ấy chẳng biết được.
- Tại sao lại chẳng biết được vị rượu?
- Rượu chưa kịp vào trong miệng để đến trên lưỡi, cho nên chẳng biết được vị rượu.
- Lời nói của Đại-Vương trước lại cũng chẳng tương-ứng nhau.

Vương nói:

- Trí Ta ngu-si chưa hiểu kịp chỗ khó-khăn này; xin nguyện Na-Tiên giải-thích cho.

Na-Tiên nói:

- Người theo mắt thấy hình-sắc, tâm-thần chuyển-động, tâm-thần chuyển-động tức sanh sướng khổ, cùng với ý-niệm hiệp lại; tai, mũi, miệng, ý cũng cùng hiệp nhau lại làm cho tâm-ý có ý-niệm là tâm-thần chuyển-động. Tâm-thần chuyển-động tức sanh sướng khổ; tòng theo sướng khổ mà sanh ra ý, ra niệm, cứ triển-chuyển (= phát-triển và biến-chuyển) cùng nhau mà thành, ắt chẳng hề có một vị chủ thường-hằng nào cả.

Vương khen ngợi: "Lành thay!"

*

052.- Mắt và tâm cùng thấy.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Khi con người mắt thấy thì mắt và tâm có cùng nhau phát-sanh hay không?

- Dĩ nhiên, cả hai đồng thời cùng phát-sanh.

- Mắt thấy trước hay là tâm thấy trước?

- Mắt thấy trước, tâm thấy sau.

- Cả hai có nói với nhau như vậy chẳng? Mắt nói với tâm, chỗ tôi thấy trước, anh nên theo sau mà thấy. Tâm nói với mắt, chỗ anh đã thấy, tôi nên theo đó mà thấy sau.

- Cả hai chẳng nói với nhau gì hết.

- Khanh há chẳng có nói, "đồng thời cùng phát-sanh" hay sao, vì có gì mà cả hai lại chẳng nói với nhau như vậy?

- Có bốn sự-việc khiến cho chúng chẳng cần nói với nhau như trên. Bốn sự-việc đó là những gì? Một là, đi theo xuống dưới. Hai là, đi theo hướng cửa. Ba là, đi theo vết xe. Bốn là theo số. Bốn sự-việc đó khiến cho chẳng có sự cùng nói với nhau.

- Thế nào là đi theo xuống dưới?

- Trên núi cao có mưa lớn, thì nước chảy xuống như thế nào?

- Chảy theo xuống phía dưới.

- Sau đó, lại có mưa nữa. Nước này chảy như thế nào?

- Thì chảy theo chỗ nước đám mưa trước đã chảy.

- Nước chảy trước có nói với nước sau, anh phải chảy theo đường tôi đã qua trước, chẳng? Nước sau có nói với nước trước, tôi đang chảy theo đường anh qua trước, chẳng?

- Nước chảy thì cứ tự chảy, nước chảy trước chẳng có nói gì với nước chảy sau.

- Mắt lại cũng như nước vậy, mắt chẳng có nói với tâm, anh phải tùy theo chỗ tôi thấy mà khởi-sanh sau; tâm cũng chẳng có nói với mắt, tôi đương tùy theo sau chỗ anh thấy mà khởi-động lên. Mắt và tâm chẳng nói gì với nhau cả. Đó gọi là đi theo xuống dưới. Tai, mắt, mũi, miệng, thân, ý, cũng lại như thế.

- Thế nào đi theo hướng cửa?

- Ví như đô-thành lớn chỉ có một cửa ra vào; bên trong có một người muốn đi ra, thì phải theo hướng nào?

- Phải theo hướng ra cửa.

- Sau đó lại có một người khác cũng muốn ra khỏi thành, thì phải đi theo hướng nào?

- Cố-nhiên người sau này phải noi theo con đường người đi trước mà ra.

- Thế thì, người ra trước có bảo kẻ ra sau, anh phải đi theo đường tôi đi mà ra sau. Còn người đi sau có nói với kẻ đi trước, tôi đang theo con đường anh đã đi mà ra khỏi thành. Hai người có nói với nhau như vậy không?

- Người đi trước với kẻ ra sau chẳng cùng nói với nhau.

- Mắt cũng lại như thế. Mắt chẳng nói với tâm, anh phải theo sau tôi mà khởi-phát; tâm cũng chẳng nói với mắt, tôi nay đang theo sau anh mà khởi-phát. Mắt và tâm chẳng cùng nói với nhau. Đó gọi là đi theo hướng cửa. Tai, mũi, miệng, thân và ý, cũng lại như thế.

- Thế nào là đi theo vết xe?

- Xe trước đi qua, để lại vết bánh xe trên đường; xe sau phải theo đường nào mà đi?

- Xe sau phải theo vết bánh xe trước mà đi.

- Bánh của xe trước nói với bánh của xe sau, anh phải nên theo chỗ tôi đã đi qua mà đi; bánh xe sau nói với bánh của xe trước, tôi đang đi theo vết xe của anh để lại. Cả hai có nói với nhau như thế chẳng?

- Chẳng có nói cùng nhau.

- Đối với con người, cũng lại như thế. Mắt chẳng nói với tâm, tôi thấy chỗ này, anh phải tùy theo sau chỗ tôi thấy đó mà khởi-sanh. Tâm cũng chẳng nói, tôi đang tùy theo chỗ anh thấy mà khởi-sanh. Tai, mũi, miệng, thân và tâm, cũng chẳng nói gì với nhau.

- Thế nào theo số?

- Theo số là tính đếm. Sách-vở, học-vấn là số. Tai, mắt, mũi, miệng, thân, tâm, từ từ biết rõ, rồi cùng hiệp lại sáu sự-việc đó cho đến khi thành chỗ hay-biết, mà chỗ hay biết này chẳng phải chỉ tòng theo sự hay-biết riêng của mỗi một nơi nào cả.

Vương khen ngợi: "Lành thay!"

*

053.- Giác-quan và tâm phối-hiệp nhau .

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Mắt người khi nhìn thấy, có cùng với sự sướng khổ sanh ra một lượt chẳng?

- Mắt thấy và sự sướng khổ đồng sanh ra, đều theo nhau hiệp lại mà sanh ra.

- Thế nào là hiệp lại?

- Khi hai sự-việc tiếp-xúc nhau, đó là hiệp. Thí dụ như hai con dê chọi nhau, đó là hiệp; một con ví như mắt, một con ví như hình-sắc, hiệp lại gọi là phối. Thí-dụ như một bàn tay ví làm mắt, một bàn tay như hình-sắc, hai bàn tay hiệp lại làm phối. Thí-dụ như hai hòn đá, một hòn ví làm mắt, một hòn làm hình-sắc, hai hòn hiệp lại là phối. Tai, mắt, mũi, thân, tâm, đều đồng hiệp nhau làm thành phối. Thí-dụ như hai hòn đá, một hòn làm tâm, một hòn như chí (=ý-chí, tâm-ý), cả hai hòn hiệp lại thành ra phối; tâm và chí hiệp nhau như thế, nên gọi là phối.

Vương khen ngợi: "Lành thay!"

*

054.- Vui-sướng nghĩa là gì?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Vui-sướng có mấy loại?
- Tự mình giác-tri (= hay-biết), đó là vui-sướng.

Thí-dụ như có người phục-vụ Vua; kẻ ấy hiền lành, Vua liền ban thưởng cho tiền-của. Người ấy được thưởng, đem tiền ra chi-dụng vào các thú-vui ham-muốn của mình cho khoái-lạc; người ấy liền tự nghĩ, ta phụng-sự Vua, được Vua ban thưởng, nay ta vui sướng. Vui-sướng là như vậy.

Thí-dụ như có người tâm niệm thiện, miệng nói lời thiện, thân làm việc thiện; hành thiện như thế khi chết đi được sanh lên cõi Trời. Trên cõi Trời, tâm-ý được sung-sướng khoái-lạc nhiều lắm, nên người ấy tự nghĩ rằng, ta lúc còn ở thế-gian, tâm niệm thiện, miệng nói lời thiện, thân làm việc thiện, cho nên nay ta sanh lên tới tận cõi này được vui-sướng hết sức. Đó gọi là giác, tức là sự hiểu-biết vậy.

Vua khen ngợi: "Lành thay!"

*

055.- Giác-tri là gì?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Giác là như thế nào?
- Tò mò theo sự hiểu-biết, đó là giác. Thí-dụ như người giữ kho vua, đi vào kho, nhìn trong kho, liền thấy có bao nhiêu trăm ngàn tiền vàng bạc, châu ngọc, vải lụa tơ, đủ loại hương sắc, đều biết các loại ấy ở chỗ nào, đó là giác-tri.

Vương khen: "Lành thay!"

*

056.- Sở-niệm là gì?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Con người có sở-niệm của mình. Có bao nhiêu loại sở-niệm?
- Con người có sở-niệm nhân vì có sở-tác. Thí-dụ như có người hòa thuốc độc rồi uống, lại cho kẻ khác uống nữa; thân mình đã khổ, lại còn làm khổ đến kẻ khác. Lại thí-dụ như người làm ác, chết đi phải sa vào địa-ngục, các người khác được kẻ ấy dạy, làm theo điều ác đó, cũng đều phải sa vào địa-ngục ấy cả. Kẻ ác có sở-niệm, có sở-tác, là như vậy đó.

Vương khen: "Lành thay!"

*

057.- Thế nào nội-động?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Thế nào là nội-động?
- Ý-chí bên trong nổi lên, đó là động.
- Động với Hành, thời ra làm sao?
- Thí-dụ như chậu đồng, nồi đồng, có người đến đốt nấu lên; các khí-cụ đó phát ra tiếng và có dư-âm; đó là hành. Con người cũng như vậy, ý-chí khởi lên, nhân đó mà có hành-động.

Vương khen: "Lành thay!"

*

058.- Các tâm-niệm phối-hiệp nhau rồi chẳng tách ra riêng từ món được.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Hiệp, trí, niệm, ý, động, những thứ đó hiệp nhau lại, rồi sau muốn phân-biệt mỗi thứ ra được chăng?

- Nếu đã khiến hiệp nhau lại rồi thì chẳng phân-biệt ra mỗi thứ được nữa. Thí-dụ như Đại-Vương khiến người đầu-bếp nấu thứ canh ngon, canh phải có nước, có thịt, có hành tỏi, có gừng, có muối bột, có bột. Đại-Vương liền ra lệnh cho người đầu-bếp, trong bát canh nấu xong đó, lấy ra trước hết là vị của nước, kế đó vị của thịt, rồi đến vị của hành tỏi, vị của gừng, vị của muối, vị của bột, đem lên dâng, thì người ấy có thể nhứt-nhứt lấy các vị ấy ra đem dâng lên Vua được chăng?

- Canh đã nấu chung lại rồi, đâu có thể tách mỗi vị riêng biệt ra được.

- Các sự-việc lại cũng như thế, một khi đã hiệp chung thành một rồi thì chẳng lấy riêng ra được, đây là sương khỏ, đây là trí, đây là động, đây là ý-niệm.

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

059.- Vị của muối .

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Người dùng mắt nhìn vị của muối có thể riêng biết được chăng?

- Đại-Vương có biết được như thế không? Có thể nào dùng mắt nhìn mà biết được vị của muối hay sao?

- Mắt chẳng thể biết được vị của muối.

- Con người dùng lưỡi để biết được vị của muối, chớ chẳng thể dùng mắt mà biết vị của muối được.

- Phải chăng con người dùng lưỡi để biết vị?

- Mọi người đều dùng lưỡi để riêng biết về vị.

- Các loại muối đều phải dùng lưỡi để riêng biết vị chăng?

- Dĩ nhiên, vị của các loại muối phải dùng lưỡi để riêng biết.

- Chiếc xe trâu chở muối có riêng biết vị của muối chăng?

- Xe trâu chẳng thể có sự hiểu-biết, đâu có thể biết được vị của muối.
- Vị của muối có thể đem ra cân được chẳng?
- Đại-Vương cũng dư biết điều đó, (...) vị của muối chẳng thể cân-lường được; chỉ có sức nặng của muối mới có thể cân-đo được.

Vương khen ngợi: "Lành thay!"

*

060.- Năm giác-quan .

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Nơi thân con người dùng ngũ tri (= năm tri-giác) làm thành mọi sự-việc, hay là làm một sự-việc mà thành năm giác-quan?
- Làm thành mọi sự-việc, chớ chẳng phải do một sự-việc mà thành. Thí-dụ như nơi một thửa đất trồng ngũ-cốc thì lúc sanh ra, các loại lúa mỗi mỗi tự sanh ra tùy theo loại; nơi thân con người, năm sự-việc đều dùng tất cả các sự-việc mà sanh ra.

Vương khen-ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

061.- Tại sao có sự bất-bình-đẳng giữa loài người?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Con người ở thế-gian, đầu, râu, tóc, da, mắt, mắt, tai, mũi, miệng, thân-thể, tứ-chỉ, chơn tay, đều có đầy-đủ cả, tại sao lại có người sống lâu, có người chết yểu, có người lắm bệnh, có người ít bệnh, có người nghèo-khổ, có người giàu-có, có người quyền-quí, có người hạ-tiện, có người là bực đại-nhơn, có người là kẻ tiểu-nhơn, có người đoan-trang đẹp-đẽ, có người thô-kêch xấu-xí, có người được kẻ khác tin-cậy, có người bị kẻ khác nghi-ngờ, có người hiểu-thuận, có người ngu-si, tại sao lại chẳng đồng?
- Ví như cây-cối có trái: có chua, có đắng, có cay, có ngọt (...). Các cây-cối đó, sao lại chẳng giống nhau?

- Sở dĩ chẳng giống nhau, do bởi trồng các loại cây khác nhau.
- Con người cũng lại như thế. Vì tâm-niệm mỗi người một khác khiến cho con người ở thế-gian chẳng đồng nhau vậy; có người mạng sống dài, có người mạng sống ngắn, có người nhiều bệnh, có người ít bệnh, có người giàu-có, có người bần-cùng, có người quyền-quí, có người hạ-tiện, có người đại-nhơn, có người tiểu-nhơn, có người đoan-chánh, có người thô-xấu, có người lời nói dùng được, có người lời nói chẳng dùng được, có người thông-minh, có người ngu-muội. Cho nên Đức Phật có nói: "Tùy người làm điều thiện ác mà tự mình phải đắc được điều thiện ác ấy, có người hào-quí, có người bần-cùng, tất cả đều do mạng sống đời trước đã làm điều thiện ác, mỗi người đều tùy theo đức-hạnh của mình mà được như thế."

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

062.- Phải làm điều lành từ trước .

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Người muốn làm điều thiện, nên làm trước ngay, hay là để sau này mới làm?
- Phải làm ngay khi trước, để đến sau mới làm thì chẳng ích lợi chi. Trước có làm điều thiện thì nay mới có ích cho mình. Như Đại-Vương đang khát mới sai người đào đất khai giếng thì có giải ngay cơn khát của Đại-Vương chẳng?
- Chẳng giải cơn khát được; phải đào giếng sẵn từ trước.
- Con người cũng lại như vậy. Nay phải làm điều thiện trước đi, để đến sau này mới làm thì vô-ích lắm. Thí-dụ như Đại-Vương đang đói, mới sai người cấy ruộng, bón phân, trồng ngũ-cốc để lấy lúa gạo ăn, hay là phải nên dự-trữ sẵn trước?
- Chẳng nên thế; cần phải có dự-trữ trước.

- Con người cũng lại như vậy; phải làm điều thiện trước, chờ đến lúc cần-cấp mới làm việc thiện, chẳng vô-ích lắm sao?

Ví-dụ như có địch-quân đến xâm-phạm đất nước, Đại-Vương cần chiến-đấu chống lại ngay, bây giờ mới sai người lo tập ngựa, luyện voi, tuyển binh, thì có tác-chiến kịp thời chẳng?

- Chẳng kịp, cần có sẵn binh-lính trừ-bị mới kịp lâm-thời chiến-đấu ngay; chờ đến lúc lâm trận mới lo tập ngựa, luyện voi, tuyển binh, thì vô-ích lắm.

- Kinh Phật nói: "Con người trước phải lo niệm điều thiện, thân làm việc thiện; để đến sau mới làm lành, chẳng vô-ích lắm sao?" Đại-Vương chẳng bỏ Chánh-đạo, chẳng bắt chước theo tà-đạo. Người ngu bỏ điều thiện, làm điều ác, rồi sau này ngồi đó khóc-than, có ích vào đâu. Kẻ nào dứt bỏ điều trung-chánh, theo điều bất-chánh, đến lúc sắp chết sẽ hối-hận về sau.

Vương khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

*

063.- "Lộc riêng" phải chăng là "Nghệp-lực"?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Chư sa-môn các khanh có nói, lửa ở thế-gian chẳng giống như lửa ở địa-ngục. Lại nói, cầm một hòn đá nhỏ đốt trong lửa ở thế-gian mãi cho đến chiều tối, cũng chẳng tiêu tan; mà cầm một hòn đá lớn đốt trong lửa địa-ngục thì lại tiêu-tan được ngay. Do đó, Ta chẳng thể tin được. Các khanh cũng lại có nói, người làm ác, khi mất, phải sa vào địa-ngục hằng ngàn vạn năm còn chưa chết tiêu; do đó, Ta lại càng chẳng thể tin lời nói đó được.

- Đại-Vương có nghe nói ở ngoài biển lớn có loài thủy-tộc như măng-xà cái (= rắn lớn), giao-long cái (= thường-luồng), giáp-ngư cái (= ba-ba), giải cái (= cua), khi mang thai trong bụng thường dùng sa-thạch (= đá cát) mà ăn chẳng?

- Có nghe nói, chúng dùng sa-thạch mà làm thực-phẩm.

- Sa-thạch vào bụng rồi có tiêu chẳng?

- Dĩ nhiên, phải tiêu-tan.

- Thế còn bào-thai trong bụng có bị tiêu theo chằng?
- Chằng tiêu.
- Sao lại chằng tiêu?
- Do nhờ "lộc" riêng giúp vào mà các bào-thai ấy chằng bị tiêu-tan.
- Người nơi địa-ngục cũng lại như thế, trong bao nhiêu ngàn vạn năm chằng chết tiêu đi, vì người ấy đã làm nhiều tội-ác còn chưa diệt tận, cho nên chằng thể chết đi được. Lại ví như sư-tử cái, cọp cái, chó cái, mèo cái, đều ăn xương thịt vào bụng, các chất ấy có tiêu-hóa chằng?
- Đều tiêu-hóa hết.
- Còn các bào-thai trong bụng có tiêu đi không?
- Chằng tiêu.
- Sao lại chằng tiêu?
- Do "lộc" riêng giúp vào, cho nên chằng bị tiêu.
- Lại nữa, trâu cái, ngựa cái, lừa cái, chương cái, nai cái, mang thai trong bụng, dùng cỏ lá mà ăn, phải không?
- Dĩ nhiên, chúng đều ăn cỏ lá để sống.
- Cỏ lá được ăn vào bụng có tiêu-hóa hết cả chằng?
- Đều được tiêu-hóa hết cả.
- Thế, còn các bào-thai trong bụng có bị tiêu đi không?
- Chằng bị tiêu.
- Tại sao?
- Nhờ ở "lộc" riêng mà chằng bị tiêu mất đi.
- Người nơi địa-ngục cũng lại như thế; vì các tội-ác chưa được diệt-tận, cho nên chằng chết đi.

- Các vị phu-nhơn, các bà trưởng-giả và các bà giàu-có dùng mỹ-vị ăn uống vào bụng có tiêu-hóa hết chăng?

- Đều tiêu-hóa hết.

- Các bào-thai ở trong bụng họ có tiêu mất đi chăng?

- Không, chẳng tiêu.

- Tại sao vậy?

- Nhờ nơi "lộc" riêng mà các bào-thai chẳng tiêu đi.

- Người nơi địa-ngục cũng lại như vậy, sở dĩ ngàn vạn năm chẳng chết tiêu là do ở đời trước làm việc ác còn chưa được giải hết, vì thế mà chẳng chết tiêu. Người ở nơi địa-ngục, lớn lên ở địa-ngục, rồi già-nua cho đến tận (hết tội) thì mới chết được.

Vương khen: "Lành thay!"

*

064.- Bốn đại (bốn nguyên-tố) nương vào nhau .

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Chư sa-môn các khanh có nói, đất trong thiên-hạ đều ở tại trên nước, nước ở tại trên gió, gió ở tại trên không, Ta chẳng tin là đúng như thế.

Na-Tiên liền cầm bầu nước, dùng ba ngón tay nhắc lên, rồi hỏi Vua:

- Nước trong bầu này có phải do gió trì giữ chăng?

- Dĩ nhiên, do gió trì giữ.

- Gió trì giữ nước cũng lại như vậy.

Vương khen: "Lành thay!"

*

065.- Niết-bàn là vượt qua chẳng trở lại.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Đạo Niết-bàn là vượt qua đi mà chẳng còn có chỗ nào trở lại nữa chẳng?

- Đạo Niết-bàn chẳng còn chỗ nào là có trở lại nữa. Người ngu-mê cứ mãi lo cho tấm thân trong ngoài, thích được ngồi êm, cho nên chẳng thể đắc độ-thoát khỏi già, bệnh, chết. Người hiền-trí học Đạo trong ngoài thân đều chẳng vướng-mắc. Con người chẳng có ân-ái; hễ chẳng có ân-ái thì chẳng ham-muốn, chẳng có bào-thai; hễ chẳng có bào-thai thì chẳng sanh, chẳng già; hễ chẳng sanh, chẳng già thì chẳng bệnh, chẳng chết; hễ chẳng bệnh thì chẳng lo-sầu, chẳng khóc-lóc; hễ chẳng sầu-lo, chẳng khóc-lóc thì nội-tâm chẳng đau-đớn; khi nội-tâm chẳng đau-đớn tức liền đắc đạo Niết-bàn.

Vương ngợi khen: "Lành thay!"

*

066.- Đắc đạo Niết-bàn .

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Các bậc học đạo tất đắc được Niết-bàn hết cả chẳng?

- Chẳng đắc được Niết-bàn hết tất cả. Các bậc học đạo chơn-chánh hướng về điều thiện, biết rõ điều chơn-chánh, chỗ cần phải phụng-hành thì phụng-hành theo; chỗ chẳng nên phụng-hành thì xa lià; chỗ đáng niệm thiện thì liền niệm; chỗ chẳng đáng niệm thì liền dứt bỏ; người như thế thì đắc Niết-bàn.

Vương khen: "Lành thay!"

*

067.- Dầu chưa đắc Niết-bàn, cũng có thể biết Niết-bàn là vui-sướng .

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Người chẳng đắc được Niết-bàn, có biết Niết-bàn là điều sướng-khoái chẳng?

- Dĩ nhiên, người tuy chưa đắc được Niết-bàn cũng biết Niết-bàn là sướng-khoái.

- Người chưa đắc Niết-bàn, làm sao mà biết được Niết-bàn là sướng-khoái?

Na-Tiên hỏi lại Vương:

- Người chưa từng bị cắt chơn tay, có biết cắt như thế là đau-đớn chăng?

- Tuy chưa từng bị cắt, nhưng con người biết cắt tay chơn là đau-đớn.

- Sao lại biết đó là đau-đớn?

- Vào lúc có người bị cắt thì có sự than-khóc, vì thế kẻ khác mới biết cắt tay chơn là đau-đớn.

- Con người lại cũng như vậy; trước khi đắc Niết-bàn, có nghe nói Niết-bàn là sướng-khoái, cho nên mới tin biết như thế.

Wương khen: "Lành thay!"

*

068.- Chẳng từng thấy Phật, đâu có nghĩa là chẳng hề có Đức Phật .

Wương lại hỏi Na-tiên:

- Na-Tiên có từng thấy Đức Phật chưa?

- Chưa từng thấy Đức Phật.

- Các vị sư-phụ của Na-Tiên đã từng thấy Đức Phật chăng?

- Các vị sư-phụ cũng chưa từng thấy Đức Phật.

- Như thế, các vị sư-phụ của Na-Tiên và cả Na-Tiên chưa từng thấy Đức Phật, thì như-định chẳng có Phật vậy.

- Đại-Vương đã từng thấy năm trăm con sông chảy đổ chung vào một chỗ chẳng?

- Ta chưa từng thấy.

- Đức Vua-cha và các vị tiên-vương trước kia đã từng thấy có chỗ ấy chăng?
- Các vị ấy đều chẳng thấy.
- Khi Đức Vua-cha và các vị tiên-vương chẳng trông thấy chỗ hiệp-tụ của năm trăm con sông, thì thiên-hạ nhứt-định là chẳng hề có chỗ hiệp-tụ đó chăng?
- Tuy Phụ-vương và các vị tiên-vương chẳng thấy chỗ hiệp-tụ của năm trăm con sông, nhưng thật-sự vẫn có chỗ hiệp-tụ ấy.
- Vậy, tuy các vị sư-phụ của tôi chẳng thấy Đức Phật, nhưng kỳ thật vẫn có Đức Phật.

Vương khen ngợi: "Lành thay!"

Kinh Tì-kheo Na-Tiên - Hết Quyển Trung

A.- Bản Phỏng-dịch

Quyển Hạ

069.- Chẳng ai thắng nổi Đức Phật.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Phải chăng chẳng hề có người nào thắng nổi Đức Phật?
- Dĩ nhiên, chẳng hề có ai thắng nổi Đức Phật cả.
- Làm sao lại biết chẳng có ai thắng nổi Đức Phật?
- Như người chưa hề ra đến biển đại-hải có biết được đại-hải là biển lớn minh-mông chăng? Có năm con sông-cái, được năm trăm ngọn sông nhỏ đổ về, cùng chảy ra đại-hải; đó là: thứ nhứt, sông Hằng; thứ hai, sông Tín-tha; thứ ba, sông Tư-tha; thứ tư, sông Tể-xoa; thứ năm, sông Thi-phi-di nhĩ. (Năm con sông-cái ở Ấn-độ là: Gange, Yamunà, Áciravati, Sarabhù, Mahi.) Năm con sông lớn đó ngày đêm chảy ra đại-hải, mà nước biển vẫn chẳng hề tăng, chẳng hề giảm. Đại-Vương có nghe nói đến chăng?
- Có biết thật như vậy.

- Người đã đăc-đạo và đạo-pháp cùng nói, chẳng hề có ai thắng nổi Đức Phật, cho nên tôi tin điều ấy.

Vương khen: "Lành thay!"

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Lấy cái chi mà biết rằng chẳng hề có ai thắng nổi Đức Phật?

Na-Tiên hỏi Vương:

- Vị thầy trước-tác quyền sách này là ai vậy?

- Vị ấy tên Chát.

- Đại-Vương từng quen biết vị ấy chẳng?

- Chát chết đã lâu, nên chẳng từng trông thấy được.

- Đại-Vương chưa từng thấy ông Chát, cứ sao lại biết ông ấy đã tạo nên quyền sách?

- Nhờ đọc các sách xưa có truyền dạy lại mà Ta biết được tên ông là Chát.

- Cũng vì lẽ đó mà sa-môn chúng tôi khi thấy được Kinh Phật và Giới-luật, thì cũng như thấy được Đức Phật, chẳng khác. Chánh-đạo và Kinh, Giới do Đức Phật thuyết-giảng ra vô-cùng thâm-diệu và sáng-khoái, được truyền dạy lại về sau; vì lẽ đó mà tôi biết rằng, chẳng hề có ai thắng nổi Đức Phật cả.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Tự mình thấy Kinh Phật truyền dạy, có thể thực-hành theo về lâu về dài chẳng?

- Lời Phật dạy trong Kinh-kệ và điều răn-cấm trong Giới-Luật thật là vô cùng sáng-khoái, cho nên phải phụng-hành cho đến lúc tuổi già.

Vương khen: "Lành thay!"

*

070.- Khi tái-sanh, con người thọ thân mới.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Con người chết đi, phải chăng thân này chẳng sanh trở lại ở đời sau?
- Con người chết đi về sau được thọ thân mới, thân cũ chẳng cùng theo ở đời sau. Ví như nơi cây đèn, tim đèn cũ được tim đèn mới nối theo mà tiếp-tục cháy sáng. Thân người cũng lại như thế, thân cũ chẳng đi theo, mà được thọ thân mới.

Na-Tiên liền hỏi Vương:

- Đại-Vương lúc nhỏ có theo thầy học sách, đọc Kinh chẳng?
- Dĩ nhiên là có; Ta vẫn còn nhớ điều đó.
- Đại-Vương được thầy truyền dạy hết cả Kinh sách, và vị thầy đã truyền dạy rồi, có còn nhớ biết lại các Kinh sách cũ đó chẳng?
- Nhớ chớ, vị thầy vẫn tiếp-tục nhớ biết các bản Kinh sách cũ.
- Thân người cũng như thế đó, bỏ đi thân cũ liền thọ thân mới.

Vương khen: "Lành thay!"

*

071.- Thân mới mang theo nghiệp của thân cũ.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Xét cho kỹ, có trí hay chẳng có trí?
- Trí chẳng có. Thí-dụ như có người trộm trái dưa, người ấy có tội chẳng?
- Có tội chớ!
- Lúc trồng, dưa chẳng có trái; có gì nay lấy trộm trái dưa mà lại có tội?
- Giá như chẳng trồng dưa, có gì lại có trái được; cho nên kẻ trộm chẳng thể nào bào-chữa được.

- Con người cũng lại như vậy, vì đời nay làm điều thiện-ác, nên sanh ra ở đời sau liền thọ thân mới.

- Con người vì thân cũ này làm hành-động thiện-ác, lại được thân mới, thì thiện-ác đi về đâu?

- Các điều thiện-ác của một người đi theo người ấy như bóng theo thân-hình; người tuy chết, chỉ có thân mất, chớ các hành-động đã làm thì chẳng mất. Ví như ban đêm đốt đèn viết thơ, đèn tắt nhưng chữ vẫn còn đó; khi đèn sáng trở lại thì chữ hiện lên. Đời này, con người làm chỗ thiện-ác còn đó, thành đến đời sau thì phải thọ lấy như thế.

Vương khen: "Lành thay!"

*

072.- Chỗ đã làm thiện-ác trước, nay ở vào đâu?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Chỗ đã làm thiện-ác nay có thể phân-biệt chỉ rõ chỗ ấy hiện ở đâu chẳng?

- Chẳng thể phân-biệt để chỉ rõ chỗ đã làm điều thiện-ác ở vào chỗ nào.

Na-Tiên liền hỏi Vương:

- Cây-cối còn chưa trổ trái, có thể nào phân-biệt chỉ rõ nói nhánh này có hay chẳng có trái; biết trước như vậy được chẳng?

- Chẳng thể biết trước được.

- Người chưa đắc-đạo chẳng thể biết trước thiện-ác ở vào đâu.

Vương khen: "Lành thay!"

*

073.- Người phải tái-sanh, tự biết điều đó.

Vương lại hỏi:

- Người phải sanh lại ở đời sau, tự mình có biết được điều đó chẳng?

- Người phải sanh lại ở đời sau thì tự biết.
- Dùng cách nào để biết?
- Ví như người làm ruộng trồng lúa, thấy nắng mưa thời-tiết điều-hoà, có thể dự biết trước sẽ được mùa chăng?
- Dĩ nhiên, người ấy biết trước sẽ được nhiều thóc lúa.
- Con người cũng thế, kẻ phải sanh lại ở đời sau cũng dự biết trước điều đó.

Vương khen: "Lành thay!"

*

074.- Có Niết-bàn chăng?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Nghĩ cho kỹ, có Nê-Hoàn (= Niết-bàn) chăng?
- Xét cho kỹ thì có Niết-bàn.
- Na-Tiên có thể chỉ cho Ta thấy Đức Phật (nơi Niết-bàn) ở tại xứ-sở nào chăng?
- Chẳng thể chỉ cho thấy Đức Phật ở tại xứ-sở nào được, Đức Phật đã nhập Bát-Niết-bàn (Pali: Parinibbàna) rồi, thì chẳng thể nào chỉ cho thấy ở xứ-sở được. Ví như có người đốt lửa to lên, rồi dập tắt, có thể nào chỉ rõ ánh lửa sáng hiện ở vào chỗ nào chăng?
- Chẳng thể biết được.
- Đức Phật đã nhập Bát-Niết-bàn, chẳng thể biết được xứ-sở.

Vương khen: "Lành thay!"

*

075.- Sa-môn giữ-gìn thân, chớ chẳng mến-thương thân.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Sa-môn có mến-thương thân-thể của mình chẳng?
- Sa-môn chẳng tự thương mến thân mình.
- Sa-môn đã chẳng mến-thương thân mình, có sao khi nghỉ-ngơi lại muốn nằm nơi êm-ả, khi ăn-uống lại muốn vật ngon của đẹp, tự săn-sóc mình như thế?

Na-Tiên hỏi lại Vương:

- Đại-Vương có từng ra ngoài trận chiến-đấu chẳng?
- Dĩ nhiên, Ta đã từng ra trận chiến-đấu.
- Tại trận chiến-đấu, Đại-Vương có từng bị đao, kiếm chém, hay tên bắn trúng chẳng?
- Ta nhiều lần bị trúng đao kiếm.
- Khi bị đao, kiếm, tên, móc-câu gây ra thương-tích, Đại-Vương làm gì?
- Ta dùng thuốc, dùng cao, dùng bông gòn băng-bó lại.
- Đại-Vương vì mến-thương vết thương mà dùng thuốc, dùng cao và bông băng-bó vết thương chẳng?
- Ta đâu có mến-thương vết thương.
- Chẳng mến-thương, sao lại dùng cao, dùng bông băng lại?
- Ta chỉ mong muốn vết thương mau lành, chứ đâu có mến-thương nó.
- Sa-môn cũng lại như vậy, chẳng mến-thương thân mình; tuy ăn-uống, tâm chẳng vui-khoái, chẳng muốn làm đẹp, chẳng muốn làm tốt, chẳng muốn da thịt sắc hồng-hào, mà chỉ muốn cho thân-thể khoẻ mạnh để có thể phụng-hành giới-luật, Kinh-kệ của Phật. Kinh Phật có giảng: "Thân người có chín lỗ hồng, tựa như chín vết đâm của mâu-thương, từ nơi chín lỗ đó chảy ra chất dơ hôi-thúi."

Wang khen: "Lành thay!"

076.- Thân-tướng trang-nghiêm của Đức Phật.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Đức Phật thật có ba mươi hai tướng trang-nghiêm, tám mươi vẻ đẹp tùy-hình, thân màu vàng ròng tỏa ánh hào-quang chẳng?
- Đức Phật thật có ba mươi hai tướng trang-nghiêm, tám mươi vẻ đẹp tùy-hình, thân màu vàng ròng tỏa ánh hào-quang.
- Cha mẹ của Đức Phật cũng có đủ các tướng đẹp đó chẳng?
- Cha mẹ của Đức Phật chẳng có các tướng đẹp đó.
- Đời người sống chết hình-tướng đều giống theo chủng loại của mình. Cha mẹ của Đức Phật đã chẳng có ba mươi hai tướng trang-nghiêm, tám mươi vẻ đẹp tùy-hình, thân màu vàng ròng tỏa ánh hào-quang, xét kỹ Đức Phật như-định chẳng có đủ các tướng ấy.

Na-Tiên liền hỏi Vương:

- Đại-Vương từng thấy hoa sen chớ?
- Ta từng thấy.
- Hoa sen sanh nơi bùn, lớn lên trong nước bùn, mà màu sắc đẹp-đẽ, hương thơm ngào-ngạt, cũng lại giống hình-tướng với chủng-loại mình ư?
- Chẳng giống với bùn đen, nước đục.
- Tuy cha mẹ của Đức Phật chẳng có các tướng tốt, nhưng xét kỹ ra, Đức Phật lại có đủ các tướng đẹp. Đức Phật sanh ra ở thế-gian, lớn lên ở thế-gian, mà chẳng giống theo sự-đời ở thế-gian.

Vương khen: "Lành thay!"

*

077.- Đức Phật đâu phải là đệ-tử của Đại-Phạm-thiên.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Đức Phật, xét kỹ ra, phạm-hạnh cũng giống như phạm-hạnh của đấng Đại-Phạm Thiên-vương ở cõi Trời thứ bảy, tức là chẳng giao-hội với phụ-nữ chẳng?

- Dĩ nhiên, lià xa phụ-nữ, nên rất tịnh-khiết, chẳng chỗ nào uế-trước cả.

- Nếu Đức Phật làm giống với phạm-hạnh của đệ-tử đấng Đại-Phạm Thiên-Vương ở cõi Trời thứ bảy, thì Đức Phật là đệ-tử của Đại-Phạm Thiên-Vương chớ gì?

Na-Tiên liền hỏi Vương:

- Đệ-tử của đấng Đại-Phạm Thiên-vương có niệm hay chẳng có niệm?

- Đệ-tử của đấng Đại-Phạm Thiên-Vương vẫn còn có niệm.

- Như thế thì đệ-tử của đấng Đại-Phạm Thiên-vương và các bực Trời khác cũng đều là đệ-tử của Đức Phật cả.

Na-Tiên lại hỏi Vương:

- Chim hót, tiếng hót giống loài nào?

- Chim hót tiếng giống như tiếng chim nhạn.

- Như thế, chim là đệ-tử của nhạn chẳng? Mỗi loài đều khác loại nhau. Đức Phật lại cũng như thế, đâu phải là đệ-tử của đấng Đại-Phạm Thiên-Vương.

Wang khen: "Lành thay!"

*

078.- Đức Phật tự biết lấy Kinh-kệ và Giới-luật.

Wang lại hỏi Na-Tiên:

- Đức Phật có học biết và phụng-hành tất cả Kinh-kệ và Giới-luật chẳng?

- Đức Phật học biết và phụng-hành hết cả Kinh-kệ và Giới-luật.

- Đức Phật theo bực thầy nào mà học biết như thế?

- Đức Phật chẳng có thầy. Khi đắc-đạo, Đức Phật tự mình hiểu biết hết tất cả các Kinh-kệ và Giới-luật. Đức Phật chẳng phải như các vị đệ-tử có học rồi mới biết. Những điều khuyên-dạy của Đức Phật cho các đệ-tử là để được phụng-hành cho đến tuổi già.

Vương khen: "Lành thay!"

*

079.- Khóc cha mẹ chết và khóc khi nghe Kinh Phật.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Có kẻ khi cha mẹ chết thì than-khóc, lệ tràn; lại có người vì nghe Kinh Phật mà ứa lệ, hai lần chảy nước mắt có khác nhau chăng?

- Kẻ vì cha mẹ chết mà khóc là do thương-cảm, tâm-niệm ưu-sầu, đau-khổ; các sự ưu-sầu đó tức là ưu-sầu của sự ngu-si. Còn người ứa lệ vì nghe được Kinh Phật là do tâm-niệm từ-ái, nghĩ đến thế-gian khổ-nhọc, nên mới khóc, như thế được phước rất to-lớn.

Vương khen: "Lành thay!"

*

080.- Bực đắc đạo và kẻ chưa đắc đạo, khác nhau.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Bực đã đắc-đạo và người chưa đắc-đạo khác nhau ra sao?

- Kẻ chưa đắc-đạo còn tâm ham-muốn; còn bực đã đắc-đạo thì hết tham-tâm, chỉ cần ăn để nuôi mạng sống.

- Ta thấy con người ở thế-gian đều muốn khoái thân, ham được món ngon, chẳng hề biết đủ.

- Người chưa đắc-đạo ăn thời muốn món ngon vật tốt; còn người đã đắc-độ-thoát rồi thì tuy ăn nhưng chẳng vì khoái-lạc hay ngon ngọt, mà chỉ hướng về sự nuôi sống thân-mạng thôi.

Vương khen: "Lành thay!"

*

081.- Trí-nhớ của con người.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Con người có khả-năng nào để nhớ lại được các sự-việc đã xảy ra thật lâu-xa chẳng?
- Người ta lúc ưu-sầu hay nhớ đến các sự-việc xảy từ lâu-xa.
- Dùng cách chi mà nhớ lại được, dùng trí-nhớ hay là dùng sự suy-nghĩ.
- Đại-Vương từng có chỗ đã học biết rồi, về sau nhớ lại chẳng?
- Dĩ nhiên là ta có chỗ đã học biết rồi, về sau lại mau quên đi.
- Ngay bây giờ, Đại-Vương có quên, hay chẳng quên điều đó?
- Ngay bây giờ, Ta có nhớ lại, nhưng chẳng (giống) đúng.
- Có thể là chẳng đúng, bởi vì Đại-Vương đã tưởng-tượng (thêm) ra.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Người có điều đã làm nay nhớ lại như vừa mới làm, và điều hiện đang làm, cũng nhớ lại. Cả hai đều dùng trí-nhớ để nhớ lại chẳng?
- Các điều đã làm qua rồi và các điều hiện đang làm, cũng đều dùng trí-nhớ mà nhớ lại được cả.
- Như thế, con người chỉ nhớ lại các việc đã qua, mà chẳng dùng trí-nhớ để nhớ các việc mới chẳng?
- Giả thiết như việc mới có chỗ làm chẳng thể nhớ-nghĩ được, thì cũng lại như thế.
- Người mới học trong sách vở và các kỹ-thuật khéo-léo khác có bị vụt quên đi mất chẳng?
- Người (dạy) học điều mới thì viết vẽ ra để (dễ) nhớ, khiến cho kẻ đệ-tử có sự hiểu-biết, do đó mà có trí nhớ lại.

Vương khen: "Lành thay!"

*

082.- Mười sáu cách để nhớ lại việc cũ.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Con người dùng mấy cách mà nhớ lại được việc cũ?

- Người ta dùng mười sáu cách để nhớ lại:

Thứ nhất, việc đã làm xa-xưa khiến nhớ lại;
Thứ hai, việc mới học khiến nhớ lại;
Thứ ba, nếu có đại-sự (= việc lớn, quan-trọng) thì nhớ lại;
Thứ tư, nghĩ đến việc lành thì nhớ lại;
Thứ năm, từng chịu sự khổ-sở thì nhớ lại;
Thứ sáu, tự mình suy-nghĩ thì nhớ lại;
Thứ bảy, từng làm nhiều việc khác nhau thì nhớ lại;
Thứ tám, vì có người nhắc đến thì nhớ lại;
Thứ chín, do hình-tượng mà nhớ lại;
Thứ mười, từng có chỗ đã quên khiến nhớ lại;
Thứ mười-một, do nguyên-nhân của sự biết nên nhớ lại;
Thứ mười-hai, do tính-toán mà nhớ lại;
Thứ mười-ba, do mắc nợ-nần mà nhớ lại;
Thứ mười-bốn, do nhứt-tâm (= chú-ý) mà nhớ lại;
Thứ mười-lăm, do đọc sách mà nhớ lại;
Thứ mười-sáu, nhờ có ghi-chép mà nhớ lại.

Đó là mười sáu việc khiến ta nhớ lại được.

Vương lại hỏi Na-tiên:

- Thứ nhất, thế nào là nhớ lại việc xa-xưa?

- Các đệ-tử của Đức Phật như Ngài A-nan (Pali: Ananda), ưu-bà-di Cưu-thù-thiên-bãi (Pali: Khujjuttara) và các vị đạo-nhơn khác, đều nhớ lại được các đời kiếp trước, và các sự-việc đương-thời.

- Thứ hai, thế nào là việc mới học khiến nhớ lại?

- Thí dụ như các người đã học tính-toán sau quên đi, nay thấy kẻ khác tính-toán thì liền nhớ lại.

- Thứ ba, thế nào là do các đại-sự mà nhớ lại?

- Thí-dụ như Thái-tử lúc lên ngôi làm Vua, nghĩ rằng ngôi Vua là tôn-quí, đó là một đại-sự, cho nên nhớ lại.

- Thứ tư, thế nào là nghĩ đến điều lành thì nhớ lại?

- Thí dụ như vì được kẻ khác đối-xử (tử-tế), mời-mọc bằng lời-lẽ cực-kỳ thiện-lành, người ấy liền nghĩ đến lời nói thiện-lành ngày hôm ấy, đó là vì nghĩ đến điều lành mà nhớ lại.

- Thứ năm, thế nào vì chịu khổ-sở mà nhớ lại?

- Thí dụ như từng bị người đánh đập, giam nhốt trong khám, ngục, đó là vì chịu khổ-sở mà nhớ lại.

- Thứ sáu, thế nào là tự mình suy-nghĩ mà nhớ lại?

- Thí dụ như thấy có chỗ giống nhau với nhà cửa, họ-hàng, hoặc gia-súc (của mình); đó là vì tự suy-nghĩ mà nhớ lại.

- Thứ bảy, thế nào là từng làm nhiều việc khác nhau mà nhớ lại?

- Thí dụ như gọi tên của vạn vật, màu-sắc, thơm thúi, ngọt đắng, nghĩ đến các lời nói để chỉ đến tất cả các sự-vật ấy, đó là vì làm nhiều việc khác nhau mà nhớ lại.

- Thứ tám, thế nào là nhờ được nhắc mà nhớ lại?

- Như kẻ có tánh hay quên, nghe người khác nhắc lại, nên nhớ.

- Thứ chín, thế nào là do hình-tượng mà nhớ lại?

- Con người, trâu, ngựa, mỗi mỗi đều có hình-tượng của chủng-loại riêng, đó là do hình-tượng chủng-loại mà nhớ lại được.

- Thứ mười, thế nào là từng có chỗ đã quên khiến nhớ lại?

- Thí dụ như một người rớt cuộc có chỗ quên, đã nhiều lần chuyên nghĩ đến chỗ ấy, đó là vì từng có chỗ quên mà nhớ lại được.

-Thứ mười-một, thế nào là vì nguyên-nhân của sự biết mà nhớ?

- (Thí dụ như) học sách thì cầu biết mặt chữ trong sách, đó là vì nguyên-nhân của sự biết mà nhớ lại.

- Thứ mười-hai, thế nào là vì tính-toán mà nhớ lại?

- Như người cùng học tính-toán chung mà thành-công thì thế nào cũng biết rõ đường-lối, cách-thức, đó là vì tính-toán mà nhớ lại.

- Thứ mười-ba, thế nào vì mắc nợ-nần mà nhớ lại?

- Thí dụ như thấy bị thúc-dục phải hoàn lại chỗ đã vay mượn, đó là do nợ-nần mà nhớ lại.

- Thứ mười-bốn, thế nào là vì nhứt-tâm (= chú-ý) mà nhớ lại?

- Sa-môn một lòng chú-ý tự nghĩ đến việc đời từ ngàn muôn kiếp trước đến nay, đó là vì nhứt-tâm mà nhớ lại.

- Thứ mười-lăm, thế nào là vì đọc sách mà nhớ lại?

- Bực đế-vương có các quyển sách cổ ghi chép các thời-đại trị-vì, đó là vì đọc sách mà nhớ lại.

- Thứ mười-sáu, thế nào vì đã từng ghi chép mà nhớ lại?

- Nếu người nào có ghi chép, về sau đọc lại thấy nên nhớ, đó là vì ghi chép mà nhớ lại.

Vương khen: "Lành thay!"

*

083.- Đức Phật biết tất cả, sao chẳng dạy hết một lần?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Đức Phật biết hết tất cả những sự-việc đã qua từ lúc khởi-thủy cho đến cả các việc trong tương-lai nữa chẳng?

- Dĩ nhiên, Đức Phật biết hết tất cả mọi sự-việc.

- Giả-thiết như Đức Phật biết tất cả mọi sự-việc, tại sao Ngài lại chẳng dạy ngay hết cho các đệ-tử, mà cứ dạy từ từ thôi?

Na-Tiên hỏi lại Vương:

- Trong nước ta có vị thầy thuốc chẳng?

- Có.

- Vị thầy thuốc đó có biết được hết tất cả thuốc-men trong thiên-hạ không?

- Vị ấy biết được tất cả thuốc-men.

- Khi trị bệnh, vị thầy thuốc cho thuốc luôn cả một lần, hay là từ từ mà cho thuốc?

- Với người chưa bị bệnh chẳng thể nào cho thuốc trước, phải chờ đúng bệnh rồi mới cho thuốc chứ.

- Đức Phật tuy biết tất cả mọi việc từ quá-khứ, hiện-tại cho đến vị-lai, cũng chẳng thể trong một thời mà chỉ-dạy tất cả cho thiên-hạ, nên phải từ từ dạy họ thọ Kinh-giới, khiến họ mới biết phụng-hành theo vậy.

Wang khen: "Lành thay!"

*

084.- Lỡ làm ác, biết niệm Phật, chết khỏi sa địa-ngục

Wang lại hỏi Na-Tiên:

- Sa-môn các khanh thường nói, con người tại thế-gian làm việc ác trong trăm năm, đến khi gần chết mà biết niệm Phật, thì được tái sinh lên trên cõi Trời. Ta chẳng thể tin lời này. Lại nữa, Sa-môn các khanh còn nói, giết một mạng sanh-vật, đến lúc chết sẽ sa-đọa vào địa-ngục; Ta cũng chẳng tin được lời ấy.

Na-Tiên liền hỏi Vương:

- Như có người cầm hòn đá để lên mặt nước, hòn đá nổi hay chìm xuống?
- Chìm.
- Như đem trăm hòn đá lớn đặt trên chiếc thuyền, thuyền ấy có chìm không?
- Chẳng chìm.
- Trăm hòn đá lớn trong thuyền chẳng làm thuyền chìm. Người tuy vốn dữ-ác, một thời niệm Phật, nhờ đó mà chẳng bị đọa địa-ngục lại được sanh lên trên cõi Trời. Một hòn đá nhỏ chìm sâu, cũng như con người làm ác mà chẳng biết Kinh Phật, chết đi phải đọa vào địa-ngục vậy.

Wang khen: "Lành thay!"

*

085.- Sa-môn học đạo vì muốn thoát mọi khổ về sau.

Wang lại hỏi Na-Tiên:

- Các khanh vì lý-do gì mà dụng công học Đạo làm Sa-môn?
- Tôi vì các nỗi khổ trong quá-khứ, nỗi khổ trong hiện-tại, nỗi khổ trong tương-lai, muốn dẹp bỏ các nỗi khổ đó và chẳng muốn phải gánh chịu lại chúng nữa, nên mới cố tâm học Đạo làm Sa-môn.
- Các nỗi khổ cũng đều ở vào đời sau, cứ sao nay lại dự-phòng trước học Đạo làm Sa-môn?

Na-Tiên lại hỏi Vương:

- Đại-Vương có bị các nước địch thù-oán sắp đem binh đến công-kích chăng?
- Dĩ nhiên là có, có địch-quốc thù-oán thường muốn đem binh đến công-kích.
- Khi Chúa địch đến nơi, Đại-Vương mới lo tác chiến, đào hào để phòng-thủ hay là nên dự-bị chiến-đấu từ trước?

- Phải dự trước quân lính trừ-bị sẵn để chờ.
- Vì sao lại có sẵn quân-lính trừ-bị chờ trước?
- Để phòng-ngừa địch quân đến bất thành-linh.
- Địch còn chưa đến, sao lại dự-bị làm chi?

Na-Tiên lại hỏi Vương:

- Đói mới bắt đầu trồng lúa, khát mới lo đào giếng, còn kịp hay chẳng?
- Phải nên làm sẵn trước.
- Còn chưa đói khát, cơ sao lại phải dự tính xử-trí trước?

Vương khen: "Lành thay!"

*

086.- Bực La-hán bay lên Trời nhanh như đuổi cánh tay

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Từ đây lên đến tầng Trời thứ bảy của Đại-Phạm-thiên, cách xa bao nhiêu?
- Thật hết sức là xa. Nếu có một hòn đá lớn bằng cung-điện này rơi từ cõi Đại-Phạm-thiên xuống, phải mất đến sáu tháng mới tới mặt đất này.
- Sa-môn các khanh bảo, bực đấng A-la-hán-đạo có thể bay lên cõi Trời Đại-Phạm trong thời-gian một người co-duỗi cánh tay thôi, Ta chẳng thể tin lời ấy được, tại sao vượt qua bao nhiêu ngàn muôn ức dặm như thế mà đến được nhanh chóng vậy?

Na-Tiên lại hỏi Vương:

- Đại-Vương sanh tại nước nào?
- Ta sanh tại nước Đại-Tần (Panjab), trong thành A-lê-tán (Alexandrie).
- Từ đây đến A-lê-tán, cách xa mấy dặm?

- Phải đi hai ngàn do-tuần (yojana = 16 dặm) và tám vạn dặm (dặm = 576m).

- Đại-Vương từng có lúc nào nghĩ đến nước mình và công-việc trong nước ấy không?

- Dĩ nhiên là có, Ta thường nghĩ đến bản-quốc và công-việc trong nước.

- Giờ đây, xin Đại-Vương hãy nghĩ đến bản-quốc xem có công-việc chi đang làm ở đây.

- Ta đã nghĩ đến xong.

- Đại-Vương đã đi qua tám vạn dặm rồi trở về đây, sao mà nhanh thế!

Vương khen: "Lành thay!"

*

087.- Chết cùng lúc thì đến nơi tái-sanh cùng một lúc.

*

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Nếu như có hai người cùng chết vào một lúc, một người tái-sanh lên cõi Trời Đại-Phạm, còn một người sanh lại tại Kế-Tân, cách đây bảy trăm hai mươi dặm, ai là người đến trước?

- Cả hai đến nơi cùng một lúc.

- Cùng đi xa, gần, khác nhau rất nhiều, có sao lại đến cùng một lúc được?

- Đại-Vương thử nghĩ đến thành A-lệ-tán.

- Ta đã nghĩ xong.

- Giờ, xin Đại-Vương lại nghĩ đến nước Kế-tân.

- Ta đã nghĩ xong.

- Khi nghĩ đến hai nơi đó, nơi nào đã được nghĩ đến nhanh hơn?
- Cả hai đều bằng nhau.
- Hai người cùng chết một lúc, kẻ tái-sanh ở cõi Đại-Phạm-thiên, và người sanh lại tại Kế-tân, cũng đều đến nơi cùng một lúc.

Na-Tiên lại hỏi Vương:

- Như có một đôi chim bay đến, một con đậu trên cây đại-thọ, còn một con đáp xuống một cây nhỏ, bóng con chim nào rọi xuống đất trước?
- Bóng hai con chim đều rọi trên đất cùng một lúc.
- Hai người chết cùng lúc, một người tái-sanh lên cõi Trời Đại-Phạm, một kẻ sanh lại tại Kế-tân, cả hai cũng đều đến cùng một lúc.

Wương khen: "Lành thay!"

*

088.- Dùng bảy việc để học biết Đạo.

Wương lại hỏi Na-Tiên:

- Con người dùng bao nhiêu việc để học biết Đạo?
- Dùng bảy việc để học biết Đạo.
- Bảy việc đó là những gì?
- Thứ nhất, phân biệt điều lành việc ác. Thứ hai, tinh-tấn. Thứ ba, vui Đạo. Thứ tư, chế-phục tâm-ý theo điều lành. Thứ năm, niệm Đạo. Thứ sáu, nhứt-tâm. Thứ bảy, gặp mọi cảnh-ngộ chẳng yêu ghét.
- Con người phải dùng cả bảy việc đó để học biết Đạo chăng?
- Bất tất phải dùng cả bảy việc để học biết Đạo. Kẻ trí-giả lấy trí phân-biệt điều thiện với điều ác, chỉ riêng dùng một việc này để biết Đạo.
- Nếu chỉ dùng một việc mà biết được Đạo, thì tại sao lại nói chi đến cả bảy việc?

Na-Tiên hỏi lại Vương:

- Như người cầm con dao còn đặng trong hộp, có thể nào cắt chặt đứt vật chi chẳng?

- Chẳng thể cắt đứt được.

- Lòng người tuy sáng-suốt hiểu rõ, nhưng cũng nên hội đủ sáu việc kia lại thì mới thành trí vậy.

Vương khen: "Lành thay!"

*

089.- Lỡ làm điều ác, biết hối-cải, tội giảm đi dần.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Người làm điều thiện được phước lớn, rồi làm điều ác cũng bị tai-ương lớn chẳng?

- Người làm điều thiện được phước lớn, rồi làm điều ác thì bị tai-ương nhỏ. Người ấy làm điều ác, ngày ngày tự hối lỗi, do đó việc lỗi-làm cũng nhỏ dần đi. Người ấy làm điều thiện, ngày ngày nhớ nghĩ trong lòng vui-vẻ, cho nên được phước lớn. Tích xưa, khi Đức Phật đi chu-du, có người kia cụt cả tay chơn đem dâng một đóa hoa sen cúng dường Phật. Đức Phật bảo chư tì-kheo, người cụt cả tay chơn này, trong chín mươi một kiếp, chẳng hề bị sa vào địa-ngục hoặc đọa vào hàng súc-sanh, rồi được sanh lên cõi Trời, sau đó trở lại cõi người. Vì lẽ đó, tôi biết kẻ tuy làm điều thiện nhỏ mà đắc được phước lớn. Làm ác, người ấy biết ngày ngày tự hối-cải, khiến tội nhỏ dần và tiêu-diệt đi; do đó tôi biết người ấy có làm điều gì lầm-lỗi cũng gặp phải tai-ương nhỏ.

Vương khen: "Lành thay!"

*

090.- Người trí, kẻ ngu cùng làm ác ai nặng tội hơn?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Người trí-giả làm điều ác, kẻ ngu cũng làm điều ác, cả hai người ấy phải trách-nhiệm tai-ương, thì ai chịu nặng hơn?

- Kẻ ngu làm ác bị tai-ương lớn, còn người trí làm ác chịu tai-ương nhỏ.

Vương liền nói:

- Lời Khanh nói thế chẳng đúng! Tại nước ta, đại-thần có lỗi làm ác thì mắc tội nặng, còn kẻ ngu-dân phạm lỗi ác bị trừng phạt nhẹ hơn; do đó người trí làm ác mắc tai-ương lớn, còn kẻ ngu-khờ làm ác lại bị tai-ương nhỏ.

Na-Tiên liền hỏi Vương:

- Thí dụ như có thanh sắt đốt nóng trên mặt đất, một người biết đó là thanh-sắt bị đốt, còn người kia thì chẳng biết, nếu cả hai người đều cầm thanh sắt ấy lên, ai là người bị phỏng cháy tay nhiều hơn?

- Kẻ chẳng biết đó là thanh sắt thì bị phỏng tay nhiều hơn.

- Kẻ ngu làm ác chẳng biết tự hối-cải điều lỗi, nên mắc phải tai-ương lớn. Còn bậc trí-giả lỡ làm điều ác biết đó là chẳng phải, nên ngày ngày hối lỗi, do đó mà mắc tai-ương nhỏ.

Vương khen: "Lành thay!"

*

091.- Sức thần-túc.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Con người có khả-năng dùng thân-thể này bay lên đến tầng Trời thứ bảy cõi Đại-Phạm-thiên và đến xứ Uất-thiên-việt (Uttara kuru, Bắc-câu-lu-châu) rồi trở về lại đây chẳng?

- Có thể được.

- Làm sao mà dùng thân-thể này bay lên trên cõi Trời Đại-Phạm-thiên và đến xứ Uất-thiên-việt rồi trở về đây được?

Na-tiên hỏi Vương:

- Đại-Vương lúc còn nhỏ có khi nào nhảy chơi khỏi mặt đất được một trượng chẳng?

- Ngày ta còn nhỏ khi có ý muốn nhảy cao, liền nhảy cao được hơn một trượng.

- Bực đặc-đạo ý muốn nhảy đến từng Trời thứ bảy cõi Đại-Phạm-thiên, rồi đến xứ Uất-thiên-việt, cũng được như ý vậy.

Vương khen: "Lành thay!"

*

092.- Có thể ngưng hơi thở ra vào chẳng?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Sa-môn các Khanh thường nói, có bộ xương dài đến bốn ngàn dặm, làm sao mà có được bộ xương dài như thế?

- Đại-Vương có nghe nói ở ngoài biển lớn có con cá khổng-lồ tên là Chát, thân nó dài đến hai vạn tám ngàn dặm chẳng?

- Có, ta có nghe nói đến.

- Như thế, thân nó dài hai vạn tám ngàn dặm thì xương sườn nó phải dài hơn bốn ngàn dặm chớ!

Vương lấy làm quái-dị, rồi lại hỏi Na-Tiên:

- Sa-môn các Khanh thường thuyết giảng rằng họ có thể chấm dứt được việc hơi thở ra vào. Biết làm sao mà chấm dứt được hơi thở ra vào?

Na-Tiên liền hỏi Vương:

- Đại-Vương từng nghe nói đến ý-chí chẳng?

- Có nghe nói đến.

- Đại-Vương hãy khởi ý-chí lên trong thân-tâm đi.

- Ta đã khởi ý-chí lên rồi.

- Đại-Vương hãy xem người ngu-khờ chẳng thể chế-phục thân

miệng mình, chẳng thể trì-giữ Kinh-giới, như thế bọn họ chẳng thể nào thấy vui-sướng với thân mình. Còn với bực học Đạo có khả-năng chế-phục thân miệng, trì-giữ Kinh-giới, do sự nhứt-tâm mà đắc được Tứ-Thiền, do đó liền ngưng được hơi thở ra vào.

Vương khen: "Lành thay!"

*

093.- Biển và nước biển.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Vì sao gọi biển là biển? Phải chăng vì những việc khác nên mới gọi là biển?

- Sở dĩ người ta gọi là biển, vì trong nước biển có nửa phần nước, nửa phần muối.

- Tại sao nước biển lại mặn?

- Sở dĩ nước biển mặn là vì nước ngọt chảy đến từ xa và các loài cá, ba-ba, côn trùng đủ loại hợp với nước trong mà thành ra mặn.

Vương khen: "Lành thay!"

*

094.- Tư-duy đến các sự-việc cao-thâm.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Bực đã đắc Đạo có khả-năng suy-nghĩ đến tất cả các sự-việc cao-xa thâm-diệu chẳng?

- Dĩ nhiên, các bực đã đắc Đạo đều có đủ khả-năng tư-duy mọi việc thâm-ảo cả. Kinh Phật thật hết sức là thâm-ảo về mọi sự-việc, chẳng thể nào đo-lường nổi, tất cả mọi sự-việc ấy đều phải do trí-huệ đoán-định ra.

Vương khen: "Lành thay!"

*

095.-Tinh-thần, Trí-huệ và Tự-nhiên.

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Tinh-thần con người, trí-huệ và tự-nhiên, cả ba điều ấy đồng như nhau hay là khác với nhau?
- Tinh-thần chủ về sự hiểu-biết, trí-huệ thông-hiểu được Đạo, còn tự-nhiên là hư-không chẳng có người.

*

096.- Phân-tách kỹ thân-tâm ra, đó là vô-ngã chăng?

Vương lại hỏi Na-Tiên:

- Được làm người, cái chi làm cho ta đắc được làm người? Mắt thì thấy sắc, tai thì nghe tiếng, mũi thì ngửi mùi, miệng thì nếm vị, thân thì biết chỗ thô, chỗ nhuyễn, trí thì biết phân-biệt điều lành, điều ác, thế thì cái chi làm cho ta đắc được làm người?

Na-Tiên liền hỏi lại Vương:

- Thí dụ như có người khiến cho mắt nhướng lên ra khỏi đồng-tử thì có thấy được rộng xa hơn chẳng, khiến cho vểnh tai to lên thì có nghe được tiếng ở thật xa chẳng, khiến cho mũi hình lớn lên thì có ngửi được mùi nhiều thêm chẳng, khiến cho miệng mở hoác ra thì có nếm được nhiều vị chẳng, khiến cho da thịt căng phồng rộng ra thì có biết thêm thô nhuyễn chẳng, khiến cho trí vượt nổi lên thì có suy-niệm được nhiều thêm chẳng?

- Chẳng được.

Na-Tiên liền nói:

- Đức Phật, tại chỗ làm, Ngài đã làm được việc thật khó; nơi chỗ biết, Ngài đã biết rất thâm-diệu.
- Chỗ đã làm việc thật khó, chỗ đã biết rất thâm-diệu, ý-nghĩa như thế nào?

- Đức Phật nói, Ngài có thể biết được các bộ-phận ở trong bụng người, giải-thích được những gì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân sờ chạm, cắt nghĩa các điều thành-bại, các việc nghi-ngờ, giảng rõ các tư-tướng, ý-niệm, các vấn-đề tâm-linh.

Na-Tiên lại nói:

- Như có người ngậm một ngậm nước biển mặn, có thể nào phân-biệt ra được phần nước nào là nước từ suối chảy đến, (...) phần nào từ sông chảy đến chẳng?

- Nước hòa chung lại thành một, làm sao biết riêng được.

- Chỗ Phật đã làm một việc thật khó, là phân-biệt biết rõ hương-vị của mọi thứ nước, như nước biển mà nay Đại-Vương còn chưa thể phân-biệt được, như thần-trí con người vẫn chưa thấy được trong thân có sáu sự-việc chẳng thể thấy. Bởi thế cho nên, Đức Phật đã giải-thích, tòng theo tâm-niệm mà đến với mắt mới thấy vật, tòng theo tâm-niệm mà đến với tai mới nghe tiếng, tòng theo tâm-niệm mà đến với mũi mới ngửi mùi, tòng theo tâm-niệm đến với miệng mới nếm vị, tòng theo tâm-niệm đến với thân mới biết sướng khổ, nóng lạnh, thô cứng, tòng theo tâm-niệm đến với ý mới biết chỗ qui-hướng. Phật tất biết hết cả, phân-biệt giải-thích rõ-ràng hết cả.

Vương khen: "Lành thay!"

*

097.- Luận-bàn Giáo-Pháp, Vương và Na-Tiên đều vui .

Na-Tiên nói:

- Đã quá nửa đêm rồi, tôi xin ra về.

Tức thì, Vương liền ra lệnh cho các quan hầu-cận mang bốn súc vải dày có tấm dầu mè dùng làm đuốc, để đưa Na-Tiên về, dặn phải phục-vụ Na-Tiên như đang phục-vụ cho Ta. Các vị hầu-cận đồng tâu: "Xin tuân lệnh dạy."

Vương nói:

- Được vị thầy dạy như Na-Tiên, và có đệ-tử như Ta, chắc là mau đắc Đạo lắm.

Tất cả các câu hỏi Vương nêu lên Na-tiên đều nhút-nhút đáp đầy-đủ hết. Vương hết sức hoan-hỉ. Vương liền cho xuất kho mười vạn bộ y thật đẹp để cúng-dường Na-Tiên. Vương nói:

- Kể từ nay, xin nguyện Na-Tiên hằng ngày cùng tám trăm vị Sa-môn đến cung-điện này để dùng cơm, và nếu có cần dùng chi, Ta sẽ xin cung-phụng ngay.

Na-Tiên thưa:

- Tôi làm đạo-nhơn nên chẳng có điều chi ham-muốn.

- Na-Tiên nên nhận để tự giúp cho mình và cũng nên giúp cho Ta luôn.

- Thế nào là giúp tự-thân và giúp luôn cho Đại-Vương?

- Sợ e người ngoài bàn-tán bảo rằng Ta keo-kiệt, Na-Tiên đã vì Vua giải hết các chỗ hồ-nghi mà Vua lại chẳng ban-thưởng gì cả; hoặc sợ e có kẻ khác bảo, Na-Tiên đã chẳng giải nổi được các chỗ Vua còn hồ-nghi, nên chẳng được Vua ban-thưởng gì cả. Na-tiên mà nhận, đó là giúp Ta được phước, mà cũng giúp cho Na-Tiên giữ được tròn danh-tiếng... Cũng như con sư-tử bị giam nhốt trong cái chuồng bằng vàng đang muốn thoát ra, tuy là Quốc-vương tại trong cung, nay Ta tỉnh ngộ, lòng chẳng được vui, muốn bỏ nước mà đi hành Đạo.

Vương dứt lời, Na-Tiên liền đứng lên đi về chùa.

Na-Tiên đi rồi, Vương trầm nghĩ, Ta hỏi Na-Tiên bao nhiêu việc, Na-Tiên vì Ta giải rõ bấy nhiêu việc. Các chỗ Ta hỏi, Na-Tiên chẳng hề chẳng giải rõ ý của Ta.

Na-Tiên trở về chùa cũng tự nghĩ, Vương hỏi ta biết bao nhiêu sự, Ta đều đáp hết bấy nhiêu sự. Chỗ Vương đã hỏi, Ta đều giải-thích rõ. Na-Tiên lòng hoan-hỉ nghĩ như thế cho đến khi trời sáng rõ.

Sáng hôm sau, Na-Tiên khoác áo cà-sa, cầm bình bát đi thẳng vào cung. Trên điện ngọc, Đức Vua liền đứng dậy thi lễ và mời Na-Tiên ngồi. Vương bạch với Na-Tiên:

- Khi Na-Tiên ra về rồi, Ta tự nghĩ, đã hỏi Na-Tiên biết bao lời, Na-Tiên đều giải-đáp tất cả. Ta tự nhớ lại các chỗ đã hỏi Na-Tiên, chẳng có câu nào Na-

Tiên chẳng giải rõ ý của Ta. Ta nhớ đến các lời đó, nên lòng rất là hoan-hỉ mà nằm an nghỉ cho đến sáng.

Na-Tiên thưa:

- Tôi quay về chùa cũng tự nghĩ, Đại-Vương đã hỏi tôi biết bao nhiêu sự-việc, tôi cũng đã vì Đại-Vương giảng-giải bấy nhiêu sự-việc. Tôi lại nghĩ, các chỗ Đại-Vương hỏi tôi, tôi đều phân-tách rõ hết. Vì thế mà lòng tôi hoan-hỉ suốt đêm cho đến sáng.

Nói xong, Na-Tiên muốn ra đi. Vương liền đứng dậy làm lễ tiễn Na-Tiên.

(Kinh Tỳ-kheo Na-Tiên, Quyển Hạ)

NA-TIÊN TÌ-KHEO KINH

B.- Phần Tìm hiểu Nghĩa Chữ

(Các chữ khó, gặp trong bản Phỏng-dịch, được sắp theo thứ-tự A,B,C để dễ tra-cứu. Các số in đậm như: 003, chỉ số của các Tiêu-mục)

A

A-la-hán (003; 005; 022; 086): đạo-quả thứ tư, cao nhất, của hàng Thanh-văn, đã tận-diệt các phiền-não và chứng-đắc vô-sanh (đắc quả Niết-bàn, chẳng còn tái-sanh nữa) (Pali: Arahant; Sanscrit: Arhat).

A-na-hàm (008; 022): quả-vị thứ ba trong hàng Thanh-văn, còn gọi là quả Bất-Lai, nghĩa là chẳng tái-sanh trở lại cõi người nữa, mà sanh lên Trời, tiếp-tục tu sẽ chứng-đắc quả Niết-bàn. (Pali: Anagàmi; Sanscrit: Anagamin).

Ác-đạo (040): (Ác = xấu, dữ; Đạo = con đường): Ác-đạo là ba nẻo xấu-dữ trong đường tái-sanh. Đó là: (1) địa-ngục; (2) ngạ-quí (= quỉ đói); (3) súc-sanh (= thú-vật).

Ác-tâm (032): (Ác = xấu, dữ; tâm = lòng): lòng xấu-dữ; trái nghĩa với Thiện-tâm, lòng lành.

An-định (021): (An = yên; Định = dừng một chỗ): Tâm an-định là tâm-trạng yên-ôn, tâm chẳng nghĩ lông-bông, ý-tưởng dừng hẳn.

An-tịnh (002): (An = yên; tịnh = sạch): yên-tĩnh và sạch-sẽ.

An-tọa (010): (An = yên; tọa = ngồi): (xin mời) ngồi yên.

Áo-não (002): buồn rầu, khóc than.

Áo trắng (010): Người áo trắng nói ở đây là nói đến các người còn ở tại nhà, tu theo phép Phật. Họ còn chưa được mặc áo vàng, dành riêng cho bậc xuất-gia.

*

Â

Ân-ái (019; 038; 041; 044; 047-b; 049-a; 065): (Ân = ơn; ái = thương-yêu): niềm thương giữa vợ-chồng, sự quyến-luyến giữa trai-gái.

Ân-tu (007): (Ân = ở chỗ vắng-vẻ, ít người biết đến; tu = tu-hành): Đến nơi rừng núi xa vắng để tu-hành một mình.

*

B

Ba đường ác (007): Ba đường xấu-ác trong cõi Luân-hồi; Hán-Việt gọi là Tam ác-đạo. Đó là: (1) địa-ngục, (2) ngạ-quỉ, (3) súc-sanh.

Ba-mươi-bảy Phẩm Trợ Đạo (023): (Phẩm = Chương, mục; Trợ = phụ-giúp vào; Đạo = đường-lối tu-hành theo Chánh-Pháp): 37 chương-mục trong Kinh, phụ-giúp vào việc thông-hiểu và thực-hành việc tu-hành theo Chánh-Pháp của Đức Phật. Đó là:

- 1.- Tứ niệm-xứ: 4
- 2.- Tứ Chánh-cần: 4
- 3.- Tứ Như-ý-túc: 4
- 4.- Ngũ căn: 5
- 5.- Ngũ lực: 5
- 6.- Thất giác-chi: 7
- 7.- Bát-Chánh-Đạo: 8

Cộng: 37

Bà-la-môn (004): đạo Bà-la-môn là tôn-giáo chánh-thức của cổ-Ấn-độ, tôn-thờ đức Đại-Phạm Thiên-vương (Brahma), theo giáo-lý trong Kinh Vệ-đà (Veda). Chữ Bà-la-môn (Pali: Brahmana) còn có nghĩa là giai-cấp tu-sĩ, cao-quí nhất trong xã-hội cổ của Ấn-độ.

Bạch (016): tiếng tôn-xung chỉ sự thưa trình lên bực trên.

Bàng-hoàng (011): Chẳng yên-tâm, lo-lắng chẳng biết vì sao lo

Bào-thai (049-c; 063; 065): (Bào = ruột; thai = thân-thể người khi mới tượng hình trong bụng mẹ): thân còn trong bụng mẹ.

Bắc-câu-lư châu (091): Theo khoa địa-lý của Phật-học, thế-gian có ngọn núi Tu-di cao ở giữa, chung quanh có bốn châu: (1) Đông-thắng-thần châu, (2) Nam-thiệm-bộ châu, (3) Tây-ngưu-hóa châu, (4) Bắc-câu-lư châu. Chúng ta sống ở Nam-thiệm-bộ châu, còn gọi là Diêm-phù-đề (tên nước Ấn-độ xưa, vì có nhiều cây diêm-phù)

Băng-hà (009): tiếng tôn-xung để chỉ sự chết của Vua.

Bần-cùng (061): (Bần = nghèo; cùng = túng-cùng): nghèo thiếu, khôn-cùng.

Bất an (012): (Bất = chẳng; an = yên): tâm chẳng yên, lo-lắng.

Bất-bình-đẳng (061): (Bất = chẳng; Bình= bằng nhau; Đẳng= hàng): chẳng ngang hàng nhau, có kẻ hơn, người kém; thiếu sự công-bằng trong các hạng.

Bất-chánh (014; 062): (Bất= chẳng; Chánh= chơn-chánh; đứng-đắn): Lời nói bất-chánh là lời nói chẳng ngay-thẳng, cong-queo, chẳng đúng lẽ phải. Trái nghĩa với Chơn-chánh.

Bất-diệt (040): (Bất= chẳng; Diệt = tiêu mất): chẳng hề chết đi mất. Bất-sanh bất diệt có nghĩa là chẳng hề được sanh ra; và vì chẳng có sự sanh, cho nên chẳng thể có sự chết. Cùng nghĩa với Vĩnh-cửu.

Biện-tài (007): (Biện = tranh-biện, luận-giải; Tài = khả-năng hơn người): có tài tranh-biện, luận-giải về đạo-lý.

Bình bát (007; 097): dụng-cụ bằng sành dùng đựng thức ăn, to như các nồi đất nhỏ, các Tì-kheo mang theo để khát-thực mỗi buổi sáng.

Bố-thí (007; 046): (Bố = rộng-rãi, cùng khắp; Thí = hiến-tặng, cho): một pháp lành đem chia xẻ những gì mình có đến những ai đang cần-dùng. Hạnh bố-thí rất cao-quí, giúp đỡ người khác thiếu-thốn, đồng-thời giúp mình bỏ được tật rít-róng, keo-kiệt. (Pali: Dana; Hán-Việt phiên-âm: Đàn-na).

Bốn chúng đệ-tử của Phật (011): đây là bốn hàng đệ-tử của Đức Phật: (1) Tì-kheo, (2) Tì-kheo-ni, (3) Ưu-bà-tắc, (4) Ưu-bà-di. Hai hạng trước đã xuất-gia; còn hai hạng sau, tu tại nhà.

Bốn đại (064): Chữ Hán-Việt là Tứ-đại, tức là bốn nguyên-tô: (1) đất, (2) nước, (3) gió, (4) lửa; gọi là đại, là lớn, vì chúng có mặt khắp mọi nơi.

*

C

Cà-sa (004; 018; 097): áo mặc ngoài của tu-sĩ Phật-giáo, màu nâu hay màu vàng. (Pali: Kàsava; Sanscrit: Kasaya).

Cảm-thọ (042-a): (Cảm = nhận, nhiễm khi chạm đến; Thọ = chịu, lãnh). Chữ cảm-thọ trong Phật-học đồng nghĩa với chữ cảm-giác trong Tâm-lý-học. Có ba loại cảm-thọ: (1) cảm thọ vui, gọi là lạc-thọ; (2) cảm-thọ buồn, gọi là khổ-thọ (3) cảm thọ chẳng vui, chẳng buồn, gọi là xả-thọ.

Cao (075): thuốc cao, đặc sền-sệt như mỡ, dùng thoa xức.

Cao-ngạo (010): (Cao = tự-cao, xem chỉ mình là hơn; Ngạo = kiêu-căng, phách lối): thái-độ tự-cao, khinh người, phách-lối.

Căn (027; 049-b): gốc; căn-bản. Trong Phật-học, chữ căn có nghĩa là nguồn-gốc, căn-bản, nơi làm phát-sanh ra sự hiểu-biết, tương-đương với chữ giác-quan, theo nghĩa thông-thường. Theo nghĩa này, sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Trong đoạn văn ở trang 20, chữ năm căn lại chỉ đến Ngũ căn được nói trong 37 Phẩm Trợ Đạo, tức là (1) tín-căn, (2) tấn-căn, (3) niệm-căn, (4) định-căn, (5) huệ-căn. Bản dịch trong Hán-văn lại phối-hiệp cả hai nghĩa trên để giải-thích ý-nghĩa của chữ Năm căn, theo cách riêng.

Cần-cấp (062): (Cần = khẩn-thiết; cấp = gấp): hết-sức khẩn-thiết, cần rất gấp.

Cận-sự-nam (001): người thiện-nam (đàn-ông hiền-lành) đến chùa học Đạo và tu tại nhà, giữ ngũ-giới (năm điều răn-cấm: (1) chẳng giết-hại, (2) chẳng trộm-cắp, (3) chẳng tà-dâm, (4) chẳng nói dối, (5) chẳng uống rượu). Pali: Upasaka, Hán-Việt: Ưu-bà-tắc.

Cận-sự-nữ (001): người tín-nữ (đàn-bà có lòng tin nơi Phật-pháp) đến chùa làm công-quả, học Đạo và tu tại nhà, giữ năm điều răn-cấm. Pali: Upasika, Hán-Việt: Ưu-bà-di. (Xem chữ Cận-sự-nam).

Chánh-Pháp (009): (Chánh = chơn-chánh; Pháp = giáo-pháp). Chữ Chánh-Pháp dùng để chỉ đến giáo-pháp chơn-chánh của Đức Phật. Trái nghĩa với Tà-pháp.

Chánh-tâm (014): (Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Tâm = lòng):

Chánh-tâm là lòng ngay-thẳng, trong-sạch. Cùng nghĩa với Tâm thanh-tịnh.

Chánh-trực (014): (Chánh = chơn-chánh, đứng-đắn; Trực = ngay thẳng): Lời nói chánh-trực là lời nói ngay-thẳng, đứng-đắn, đúng theo lẽ phải. Trái với lời nói bất-chánh.

Chế-phục (088; 092): (Chế = kèm chế, đè-nén; phục = tuân-phục, tuân theo): bắt buộc phải tuân theo, kèm-chế theo con đường chơn-chánh.

Chết yếu (061) chết non; chết đi lúc còn quá trẻ.

Chu-du (089): (Chu= vòng vòng, đi vòng quanh, khắp nơi; Du = đi): đi khắp nơi; ở đây, chữ chu-du có nghĩa là Đức Phật đi khắp nơi để giảng đạo.

Chư Thiên (001) (Chư = các, những; Thiên = Trời) = các bực Trời.

Chương (063): một loài thú rừng giống như con nai nhỏ.

Cung-phụng (097): (Cung = cung-cấp, hiến-tặng; Phụng = tuân theo) = theo ý muốn của người nhận mà hiến-tặng cho các sự-vật.

Cúng-dường (007; 089): nguyên là chữ cung-duỡng, đọc trại ra là Cúng-dường, tức là dâng-hiến thực-phẩm, quần-áo, thuốc-men, phòng giường, cho các bực tu-hành.

Cứu-hỏa (039): (Cứu = cứu giúp; cứu chữa; Hỏa = lửa): chữa lửa.

*

D

Dạ (042-c): lòng dạ, bụng dạ.

Danh-Thân (043; 045; 046): (Danh = tên gọi; Thân = thân-thể): Hai chữ Danh-Thân ở đây dùng để chỉ vào thân-tâm con người. Giáo-lý Nam-Tông thì gọi là Danh-Sắc: Nàma-Rùpa; Danh là phần tâm-linh, tức là tâm; còn Sắc là các thành-phần vật-chất, tức là thân; hội cả hai lại gọi chung là Thân-Tâm, hay Danh-Sắc.

Danh-tự (013): (Danh = tên; Tự = chữ): tên, danh-xung.

Di-Lan (004; 009): tên của vị Vua đứng ra thưa hỏi giáo-lý với Tì-kheo Na-Tiên. Theo truyền-thuyết, Bồ-tát Long-Thọ (Nagarjuna), tác-giả quyển Kinh Tì-kheo Na-Tiên này, muốn dùng tên Di-Lan để ám-chỉ Đức Vua đương thời là Mênandre; còn tên của Tì-kheo Na-Tiên (Nagasena) để tự ám-chỉ mình. Tên vua Di-Lan, tiếng Pali là Milinda, có bản dịch là Di-lan-đà.

Do-tuần (086): phiên-âm chữ Phạn Yojana, đơn-vị đo chiều dài, ở Ấn-độ xưa, bằng 16 dặm; mỗi dặm dài 576m.

Du-ngoạn (010): (Du = đi dạo chơi; ngoạn = ngắm cảnh): đi dạo chơi ngắm cảnh.

Dư-âm (057): (Dư = thừa ra, còn sót; Âm = tiếng): tiếng vang còn kéo dài mặc dầu âm-thanh khởi lên đã dứt.

Dùng-ý (024): Dịch-giả Hán-văn dùng chữ ý-chỉ (= dùng-ý) để dịch Tứ niệm-xứ trong 37 Phẩm Trợ Đạo. Xin xem thêm chữ Tứ niệm-xứ.

*

Đ

Đại-hải (069): (Đại = lớn; Hải = biển): biển lớn; đại-dương.

Đại-Phạm-Thiên (008; 011; 086; 087; 091,): cõi Trời cao nhất của Đục-giới, ở tầng thứ bảy. (Sanskrit: Mahà Brahma).

Đại-Tần (009): tên xứ Panjab của Ấn-độ xưa.

Đại-thần (001; 009; 090): (Đại = lớn; thần = quan): vị quan lớn.

Đạo-giả (001) (Đạo= tôn-giáo; giả = người): người theo Đạo (bất cứ đạo nào). Cùng nghĩa với chữ Đạo-nhơn (097) Đạo-gia.

Đạo-hạnh (Tám loại) (030): (Đạo = Đạo tu-hành, đạo Phật; Hạnh = đức-hạnh, giới-hạnh tu-hành): Khi nói đến Tám loại đạo-hạnh, bản dịch Hán-văn có ý nói đến Bát-Chánh-Đạo trong Phật-học. Đây là con đường Trung-đạo được giảng trong Tứ-Điệu-Đế, chỉ vào Đạo-Đế, đường-lối tu-hành để diệt nguồn-gốc của sự Khổ mà chứng-đắc Niết-bàn. Bát-Chánh-Đạo gồm có tám ngành: (1) chánh-kiến; (2) chánh tư-duy; (3) chánh-ngữ; (4) chánh-mạng; (5) chánh-nghiệp; (6) chánh-tinh-tấn; (7) chánh-niệm; (8) chánh-định. So với bản dịch Hán-văn, chỉ khác có chữ Chánh được thay-thế bằng chữ Trục; cả hai chữ này cũng đồng một nghĩa là: ngay-thẳng, chơn-chánh.

Đao-lợi (008): cõi Trời thứ nhì trong sáu cõi Trời Đục-giới. Pali: Tavatimsa.

Đạo-quả (003; 006): (Đạo = con đường, đường-lối tu-tập; Pali: Magga; Quả = quả-vị, ngôi-vị, kết-quả của sự tu-tập thành-công; Pali: Phala): Đắc đạo-quả là đắc được đường-lối tu-tập và tu-hành đạt được kết-quả tốt-đẹp.

Đê-Thích (008): vị vua cõi Trời Đao-Lợi. thuộc cõi Đục-giới. (Pali: Inda)

Đê-tử (007; 077; 097): (Đê = em; Tử = con): người học-trò theo học Đạo.

Địa-ngục (004; 007; 084; 089): (Địa = đất; ngục = nhà tù): nơi giam-cầm các vong-linh lúc còn sống phạm các tội-ác nặng. Các hình-phạt nơi địa-ngục thật vô cùng thảm khốc, phải chịu nhiều đời kiếp chờ đến khi hết tội mới được tái-sanh lại.

Đọa (084; 089): rơi xuống dưới; thường viết: sa-đọa = lọt xuống dưới

Đoạn-ý (025): (Đoạn = cắt đứt, dùng hẳn lại, tiêu mất đi; Ý = ý-nghĩ, tư-tưởng): phép dùng ý lại và chặn đứng được các vọng-tướng khởi lên.

Độ-thoát (006): (Độ = đưa qua sông; Thoát = vượt qua khỏi): được giác-ngộ và giải-thoát; tức là diệt xong các phiền-não và chứng-đắc được vô-sanh (chẳng còn phải tái-sanh trong Luân-hồi).

Đồng-hành (016): (Đồng = cùng; Hành = đi): cùng đi với.

Động-tâm (005): (Động = chuyển-động, khởi lên; tâm = lòng): trong tâm khởi lên một ý-nghĩ, hay một tình-cảm. Trái nghĩa với Tĩnh-tâm.

*

G

Giả-thiết (083): nói giả-tỉ, nói thí-dụ như...

Giác-quan (053; 060): (Giác= biết; Quan= cơ-quan, bộ-phận):

Bộ-phận trong thân người có nhiệm-vụ hay biết được sự-vật bên ngoài, hay bên trong. Phật-học phân-biệt sáu giác-quan, còn gọi là sáu căn như mắt (thấy), tai (nghe), mũi (ngửi), lưỡi (nếm), thân (xúc-chạm), tâm-ý (hay biết ý-nghĩ bên trong). Cùng nghĩa với Căn.

Giác-tri (054; 054): (Giác= biết; Tri = biết): hay-biết.

Giác-ý (Bảy) (029): (Giác= biết rõ; ý= ý-tưởng): bảy ngành của sự giác-ngộ; trong 37 Phẩm Trợ Đạo gọi là Thất giác-chi: (1) trạch pháp, lựa chọn pháp-tu; (2) tinh-tấn, nỗ-lực tu-hành; (3) Hỷ, mừng; (4) khinh-an, tâm nhẹ-nhàng; (5) niệm, lòng thường nhớ-nghĩ đến pháp-tu; (6) định, tâm-ý dừng trụ lại; (7) xả, nơi mọi cảnh-ngộ chẳng hề thương, chẳng hề ghét, có được tâm bình-đẳng.

Trong bản dịch Hán-văn, Bảy giác-ý là: (1) ý-giác-ý, nghĩa là hiểu rõ ý-nghĩa của pháp-tu; (2) phân-biệt giác-ý, nghĩa là biết phân-biệt rành-rẽ giữa các pháp-tu; (3) tinh-tấn giác-ý, nghĩa là nỗ-lực tu-hành thêm hơn; (4) khả-giác-ý, nghĩa là tâm được sáng-khoái, khả-quan; (5) ý-giác-ý, nghĩa là tâm được an-vui; (6) định-giác-ý, nghĩa là tâm đắc định-lực, bỏ được sự buông-thả; (7) hộ-giác-ý, nghĩa là giữ-gìn, bảo-vệ, dẹp mọi khuyết-điểm.

Giáo-Pháp (097): (Giáo= dạy; Pháp= các phép tu-hành): Lời dạy về tu-hành. Giáo-Pháp của Đức Phật được gọi là Chánh-Pháp.

Giới (005; 040; 069; 075; 078; 083; 092): Các điều răn-cấm do Đức Phật đặt ra, kẻ tu-hành cần tuân theo, để tránh các tội-ác. Có Ngũ-giới dành cho cư-sĩ tu tại nhà; Thập-Giới dành cho Sa-di, Cụ-túc-giới (250 điều cho Tì-kheo và 348 điều cho Tì-kheo-ni), Bồ-tát-giới có 10 điều trọng-cấm và 48 điều khinh-cấm. (Phạn: Sila).

Gốc (048; 049): (Gốc = nguồn-gốc, căn-bản; dịch từ chữ Hán-Việt là bản; Hữu bản-giả = người có gốc; Nhon sanh-tử bản = cái gốc sanh-tử của con người.

*

H

Hạ-tiện (061): (Hạ = ở dưới thấp; tiện = hèn-hạ;): thấp hèn.

Hải-biên (009): (Hải = biển; Biên = cạnh, bià): Tại hải-biên có nghĩa là ở dọc theo ven biển.

Hào-quí (061): (Hào = có thể-lực; quí = sang): bực sang-giàu, có thể-lực trong xã-hội.

Hành-đạo (008): (Hành = làm, đi): Hành đạo là ra đi giảng-dạy đường lối tu-hành trong dân-chúng.

Hạ-thần (010): (Hạ = ở dưới; thần= quan) { tiếng khiêm-nhường tự-xưng của một vị quan, đối với Vua; tự xem mình là vị quan nhỏ.

Hào-quang (076): vàng ánh-sáng rực-rỡ tỏa ra từ thân-hình.

Hầu-cận (010; 097): (Hầu= hầu-hạ; cận = gần); các người đi gần theo bên cạnh để hầu-hạ.

Hậu-cung (018): (Hậu = ở phía sau; Cung = cung-điện): ở cung sau, thường dành cho các phi-tân, phụ-nữ trong đền Vua.

Hiệp-tụ (013): (Hiệp= hợp lại; gom lại; Tụ= tụ-hội lại): gom chung lại các phần nhỏ, khác nhau, thành chung lại một đơn-vị lớn.

Hiếu-thuận (020; 031; 061): (Hiếu = biết ơn cha-mẹ và ăn-ở phải đạo làm con; Thuận = chẳng trái nghịch với; theo đúng): Chữ Hiếu-thuận theo nghĩa thông-thường là làm con ăn ở phải đạo với cha-mẹ, biết ơn, thương-mến và phụng-dưỡng cha-mẹ. Nơi đoạn văn này, dịch-giả tiếng Hán có lẽ dùng chữ hiếu-thuận để dịch chữ giới-hạnh trong Chánh-văn chẳng?

Hình-sắc (049-b): (Hình = hình dạng; sắc = màu sắc): Hình-dạng và màu sắc của các vật mà mắt nhìn thấy.

Hoan-hỉ (007; 008; 011; 097): vui mừng.

Hỏi bí (010): Hỏi khó, khiến người bị hỏi chẳng thể trả lời được.

Hộ-tổng (010): (Hộ = bảo-vệ, Tổng = đưa đi theo): cùng đi theo để bảo-vệ.

Hồi-cung (015): (Hồi = trở về, quay về; Cung= đền): Hồi cung là trở về cung-điện.

Hối-cải (089; 090): (Hối = ăn-năn, hối-tiếc; Cải = sửa đổi): biết lỗi nên chịu sửa đổi, và hứa chẳng tái-phạm nữa.

Hội-chúng (007): (Hội = tập-hợp đám đông; chúng = số đông): đoàn-thể, hội-hop. Hội-chúng, ở đây, là đoàn-thể các tì-kheo.

Hội-kiến (010): (Hội = cùng gặp nhau; kiến = thấy): gặp nhau để bàn việc với nhau.

Hủy-phạm (040): (Hủy = bỏ đi, làm cho hư; Phạm = lỡ làm trái ngược lại): Hủy-phạm là chẳng tôn-trọng và làm ngược lại, cố tình làm cho tiêu mất đi.

Hư-không (095): (Hư = chẳng thật, hư-dối; Không = rộng-rang, vắng-lặng): cõi không-gian vắng-lặng, rộng-rang. Xin xem thêm chữ Không.

Hữu-trí (047-b; 049-c): (Hữu = có; Trí = đem tới): Chữ hữu-trí, trong đoạn văn này, nghĩa đen là có đưa tới, có đem lại. Nếu ta hiểu theo nghĩa rộng, hữu trí là có sự truyền-đạt từ một sự-việc này đưa tới, hoặc đem lại, một sự-việc khác.

*

K

Kiên-cố (033): (Kiên= cứng; cố= bền vững): bền vững, giữ lâu.

Kiên-trì (033): (Kiên= cứng; Trì= giữ): giữ-gìn bền-vững.

Kiến-tướng (040): (Kiến = mạnh-mẽ; Tướng = người cầm đầu quân-lính): vị tướng-quân mạnh-mẽ và tài-giỏi.

Kinh (069, 075, 078; 079, 083): bản văn chép lại lời dạy của chư Phật, Bồ-tát, được ghi lại trong Đại-Tạng. Thí dụ như Kinh Kim-Cang, Kinh Pháp-Cú. (Pali: Sutta Sanscrit: Sutra; Hán-Việt: Khế-Kinh.)

Kềm-chế (028; 033): giữ-gìn cho đúng; Kềm-chế cùng nghĩa với chữ Khắc-phục (011).

Kệ (005): bài văn ngắn, thường là bốn câu thơ, tóm-tắt lại lời Phật đã giảng trong Kinh. (Pali, Sanscrit: Gatha).

Kỳ-thọ Cấp-cô-độc (001): Kỳ-thọ là các hàng cây cổ-thọ của Thái-tử Kỳ-đà; Cấp-cô-độc là danh-hiệu của vị trưởng-giả giàu-có xây cất chùa Kỳ-viên để Đức Phật và các vị Tì-kheo trú-ngụ. Nguyên Thái-tử Kỳ-đà có khu vườn đẹp-đẽ, ông Cấp-cô-độc muốn mua để cất tịnh-xá. Thái-tử bảo, chờ vàng lót khắp mặt đất thì bán cho.

Ông Cấp-cô-độc lót vàng khắp vườn, chỉ trừ các hàng cây cổ-thọ lót vàng lên chẳng được. Thái-tử chẳng nhận vàng, hiến luôn khu vườn; vì thế chùa Kỳ-viên được gọi là đã xây cất trong vườn Kỳ-thọ Cấp-cô-độc. (Phạn: Jetavana).

Kỹ-nữ (018): (Kỹ = khéo-léo; nữ = phụ-nữ; đàn-bà, cô gái): các phụ-nữ múa hát trong cung Vua.

Kỵ-sĩ (010): (Kỵ= cỡi ngựa; Sĩ = binh-sĩ): các binh-sĩ cỡi ngựa.

Khai-ngộ (014; 017): (Khai = mở ra; Ngộ = hiểu rõ): Khai-ngộ, có nghĩa là mở rộng tấm lòng ngay-thẳng ra để hiểu biết được Chơn-Lý.

Khan (016): tiếng Hán-Việt, có nghĩa là keo-kiệt, quá hà-tiện.

Khanh (013; 017; 052; 064): Tiếng nhà Vua gọi các quan; hoặc tiếng gọi nhau thân-mật.

Khắc-phục (011): chế-phục được; thắng được khiến cho kẻ kia phải chịu đầu-hàng, tuân theo ý mình.

Khất-thực (007): (Khất = đi xin ăn; Thực = ăn): Theo Giới-Luật của nhà Phật, các Tì-kheo chẳng được có nghề mưu-sanh riêng, mỗi sáng phải đi xin ăn, gọi là khất-thực, để nuôi mạng sống mà tu-hành. Đó là dịp để tu-sĩ dẹp

lòng tự-ái, và đồng thời gieo duyên giáo-hóa với dân-chúng cùng tạo phước lành bố-thí cho họ.

Khâu đầu (007): (Khâu = cúi xuống): cúi đầu sát xuống làm lễ.

Khoái-lạc (012; 054): (Khoái = sướng; lạc = vui): điều sướng-khoái, điều vui-sướng.

Không (017; 039; 040): Chữ Không, tiếng Hán-Việt, có nghĩa khác và rộng hơn chữ không trong tiếng Việt thuần-túy. Chữ không của tiếng Việt có nghĩa phủ-định, là chẳng có. Chữ Không trong tiếng Hán-Việt có nghĩa là rỗng-rang, chẳng chứa đựng gì, chẳng dính-mắc vào đâu, vắng-vẻ, an-tĩnh. Xin đừng lầm chữ Không với hai nghĩa quan-trọng đó.

Khổ (039; 040; 047-b; 049-c; 049-c): Chữ Khổ được dùng để dịch chữ Pali dukkha với nghĩa là gây ra sự khó-nhọc, đau-đớn về thể-chất, hoặc về tinh-thần; đôi khi được dịch ra là bất-toại-nguyện, tức là chẳng làm vừa-ý. Trong Kinh Chuyển Pháp-Luân, bản Kinh đầu-tiên do Đức Phật thuyết-giảng, về Bốn Chơn-Lý Nhiệm-mầu (Tứ Diệu Đế), trong đó Khổ-đế (chơn-lý về sự Khổ) kể rõ những gì làm cho con người phải khổ-sở trong cuộc sống.

Khởi-phát (052): (Khởi = nổi lên, mới bắt đầu; Phát = sanh ra, bộc lộ ra): bắt đầu sanh ra. Cùng nghĩa với Khởi-sanh (052).

Khởi-thủy (083): (Khởi = nổi lên, phát-sanh ra; Thủy = lúc mới bắt đầu): xưa kia lúc mới vừa bắt đầu có thể-gian.

*

L

La-hán (086): Xin xem chữ A-la-hán.

Lâu-thông (009): biết thật rành-rẽ.

Lâm thời (062): (Lâm = khi xảy đến; Thời = lúc): lúc xảy đến.

Lâm trận (062): (Lâm = đi vào, đến; Trận = trận chiến): khi đánh nhau; xông vào trận chiến.

Liên-tục (037): (Liên = kế theo sau; Tục = tiếp-tục): kế tiếp theo sau chẳng dứt.

Lộc riêng (063): (Lộc = phước, bổng-lộc, lương-bổng). Chữ Lộc dùng trong đoạn-văn này có hàm nghĩa là phước riêng được dành sẵn từ trước. Dựa theo ý-nghĩa đó, Thiện-Nhật tôi nghĩ có lẽ chữ Lộc này tương-đương với chữ Nghiệp-lực, tức là những ảnh-hưởng tích-lũy sẵn do những hành-động cố-ý cũ trong các đời trước đã tạo nên.

Lưu-luyên (044): (Lưu = giữ còn lại; Luyên = mền thích): còn mền thích mãi.

Lưu-ly (033): ngọc trong-suốt tựa như chất pha-lê (kiếng).

*

M

Mặc-nhiên (007): (Mặc = im-lặng; nhiên = tự-nhiên): Giữ sự im-lặng, có ý ngầm chấp-nhận.

Mâu thương (075): (Mâu = binh-khí xưa, gậy dài có mũi nhọn; Thương = Sang = binh-khí xưa, gậy sắt dài có mũi nhọn): hai loại binh-khí xưa dùng để đâm.

Mục-tiêu (007): (Mục = con mắt, chỗ mắt nhìn chăm-chú đến; tiêu = cái móc, chỗ đang được nhắm vào): chỗ đang nhắm vào để bắn; gần nghĩa với chữ mục-đích.

*

N

Na-Tiên (001): tên của vị Tì-kheo giảng-giải giáo-ly cho Vua Di-Lan. (Pali: Nagasena). Đây là một tên tưởng-tượng của tác-giả quyển "Kinh Tì-kheo Na-Tiên". Cách sách Luận cho rằng, Bồ-tát Long-Thọ (Phạn: Nagarjuna) người sáng tác ra quyển sách này, đã muốn dùng cái tên Na-Tiên đó để ám-chỉ chính mình, khi đối-đáp với Vua.

Nê-Hoàn (007; 011; 041; 046; 049-c; 049-c) còn đọc là Niết-bàn. Phiên-âm từ chữ Pali: Nibbàna; Sanscrit: Nirvana, có nghĩa là ra khỏi rừng u-tối; tức là

đã tận-diệt hết các phiền-não, chứng-đắc được vô-sanh (chẳng còn phải tái-sanh trong Luân-hồi), được tự-tại trong cảnh vắng-lặng, an-vui. Cùng nghĩa với chữ Hán-Việt: Viên-tịch.

Ni (001): nữ tu-sĩ theo đạo Phật. Còn gọi là Tỳ-kheo-ni.

Niệm (077; 088): Chữ Niệm, dùng như danh-từ, có nghĩa là tư-tưởng, ý-nghĩ; dùng như động-từ, có nghĩa là nhớ nghĩ lại trong lòng. Chữ niệm ở đoạn văn trang 63, có nghĩa là còn có tư-tưởng khởi lên trong tâm, tức là tâm còn chưa đến mức vắng-lặng, thanh-tịnh như tâm của Đức Phật.

Niệm-Đạo (001) (Niệm = nhớ nghĩ luôn trong lòng; Đạo, ở đây là Chánh-Pháp): suy-tưởng đến Chánh-Pháp.

Niết-Bàn (007; 011; 065; 074): chung một nghĩa với chữ Nê-Hoàn ở trên.

Ngà voi (002): đôi răng nanh của voi, dài và trắng, trông như cặp sừng.

Ngạ-qui (004; 007): qui đói. (Pali: Peta; Sanscrit: Preta). Đây là một hạng chúng-sanh thuộc đường dữ, thân hình ốm-o, bụng to, cổ nhỏ, luôn luôn đói khát.

Ngày trai (003): những ngày ăn chay, giữ giới của bực tu-hành. Sáu ngày trai trong tháng là: mồng 1, 8, 14, rằm, 23 và 29 hoặc 30. Tiếng Hán-Việt gọi ngày trai là trai-nhục.

Ngàm vành xe (013): lỗ hổng trong vành bánh xe, nơi trục xe nằm xuyên qua, để chịu đựng sức nặng của xe.

Nghiệp (071): Chữ Nghiệp trong Phật-học, dùng để dịch chữ Pali: kamma; chữ Sanscrit: Karma, để chỉ ảnh-hưởng còn lưu lại của các hành-động cố-ý cũ đã qua trong đời trước hay đời này, làm thay-đổi cuộc sống hiện-tại và mai sau. Hễ làm lành, thì được nghiệp thiện; hễ làm ác, thì bị nghiệp-ác. Bực A-la-hán đã dứt hết nghiệp, nên chẳng còn phải tái-sanh nữa trong cõi Luân-hồi.

Ngoại-đạo (009): (Ngoại = ngoài; đạo = đây là đạo Phật): các tôn-giáo khác, chẳng theo đạo Phật. Xin lưu-ý chữ Ngoại-đạo chẳng hề có ý-nghĩa xấu là tà-ma, mê-tín, như thường nói tà-ma ngoại-đạo.

Ngưỡng-mộ (011): Kính-mộ; yêu-mến và kính-trọng.

Ngũ cốc (062): (Ngũ = năm; cốc = lúa): năm loại thóc lúa như gạo, nếp, đậu, lúa mạch, lúa kê.

Nhập Niết-bàn (002): (Nhập = vào; Niết-bàn = cõi vắng-lặng) Theo nghĩa thông-thường là chết đi. Xin xem thêm chữ Niết-bàn.

Nhập-tâm (018): (Nhập = đi vào; tâm = lòng): đã ăn sâu vào lòng; đã thuộc nằm lòng.

Nhàn-tĩnh (001) (Nhàn =chẳng bận rộn; tĩnh= êm-ả): thanh-vắng, chẳng bị khuấy-động. Đồng nghĩa với An-tĩnh.

Nhiều (002): đi vòng quanh, theo chiều kim đồng-hồ, để tỏ lòng kính-trọng đối với bậc đang ngồi tại đó.

Nhút-nhút (058; 097): (Nhút = một): mỗi mỗi đều tuân theo, từng món một.

Nhút-tâm (019; 034; 082; 082; 088; 092): (Nhút = một; Tâm = lòng): một lòng chú-ý đến; chuyên-tâm nhớ nghĩ luôn đến.

Nội-động (057): (Nội = bên trong; động = chuyển-động, khởi-động): sự chuyển-động bên trong tâm, tức là khởi lên ý-nghĩ, hoặc tình-cảm.

Nội-tâm (047-b; 049-c; 049-c; 065) (Nội = bên trong; tâm = lòng): bên trong tâm, trong lòng.

*

P

Phạm-Thiên (077): (Phạm = phiên-âm chữ Phạn là Brahma, Trời Phạm; Thiên = Trời): cõi Trời cao nhất thuộc Dục-giới, ở tầng thứ bảy.

Phạm-hạnh (077): (Phạm = vua Trời Đại-Phạm; Hạnh = đức-hạnh) = đức-hạnh của đấng Phạm-Thiên.

Pháp (024): Chữ Pháp trong Phật-học có nghĩa rất rộng:

1.- Pháp là đường-lối tu-hành, như chữ pháp-môn.

2.- Chánh-Pháp là lời dạy của Đức Phật được ghi lại trong Kinh-Tạng. Như chữ Giáo-Pháp.

3.- Pháp với nghĩa tổng-quát trong tiếng Pali dhamma chỉ vào tất cả mọi sự-vật, có hình hay chẳng có hình. Thí-dụ: pháp-giới.

Phật (001): bậc đã giác-ngộ và giải-thoát hoàn-toàn. (Phạn: Buddha). Phật là bậc đã tự-mình giác-ngộ (tự-giác), đem chỗ giác-ngộ ra chỉ-dạy cho chúng-sanh (giác-tha), và công-cuộc hoá-độ chúng-sanh của Ngài đã hoàn-thành viên mãn (giác hành viên-mãn). Chỉ riêng Đức Phật mới có đủ mười danh-hiệu tôn-quí (thập hiệu): Như-Lai, Ứng-cúng, Chánh biến-tri, Minh-hạnh-túc, Thiện-thệ, Thế-gian-giải, Vô-thượng-sĩ Điều-ngự trượng-phu, Thiên-nhơn-sư, Phật, Thế-tôn.

Phối (047-b; 049-b; 053): Chữ phối, dùng như một động-từ, có nghĩa là kết-hiệp nhiều sự-vật chung lại thành một; nếu dùng như danh-từ, chỉ nhiều sự-vật được hiệp chung lại thành một sự-vật hỗn-hợp.

Phục-sanh (044): (Phục = trở lại; sanh = sanh, sống): sanh, sống trở lại.

Phụng-hành (007; 040; 066; 069; 075; 078; 083): (Phụng = tuân theo; Hành = làm): tuân theo lời dạy mà hành-động, ăn ở đúng đạo-lý.

*

Q

Quá-khứ (006; 007; 009; 034; 047; 083) (Quá = đã qua; Khứ = đi qua rồi): việc cũ qua rồi; thời-gian đã qua.

Quan-đạo (009): đường cái-quan, đường quốc-lộ.

Quán (024): chuyên-tâm suy-nghĩ kỹ-lưỡng, cứu-xét cẩn-thận về một đề-tài. Kinh-sách thường dùng chữ Quán-chiếu.

Qui-hướng (096): (Qui = quay về; Hướng = chiều-hướng; phương-hướng): quay về theo chiều-hướng nào đó.

Quý-nhơn (018): (Quý = tôn-quí, cao-sang; Nhơn = người): các người đẹp, cao-quí; ở đây chỉ các vị phụ-nữ, hoàng-phi, công-chúa, v.v. trong cung Vua.

*

R

Rượu bồ-đào (009): một thứ rượu nho quý giá, rất ngon.

*

S

Sa-di (006): người còn nhỏ tuổi được thọ-giới vào chùa tập-sự tu-hành; đến khi đủ hai mươi tuổi mới được thọ Cụ-túc-giới làm Tì-kheo. (Pali: Sàmanera; Sanscrit: Sramanera).

Sa-môn (003; 009; 014; 016; 064; 075; 084; 092): phiên-âm chữ Phạn, nghĩa là tu-sĩ theo đạo Phật. Pali: Sàmana; Sanscrit: Sramana). Chữ sa-môn có ba nghĩa: (1) cần-giả: người siêng làm điều thiện; (2) tức-giả: người ngưng mọi việc ác; (3) bản-giả: người nguyện cam chịu nghèo-khó để tu-hành.

Sám-hối (007): (Sám, phiên-âm chữ Phạn Ksamayati, có nghĩa ăn-năn, hối-tiết lỗi đã qua; Hối, chữ Hán-Việt, có nghĩa là hối-tiết, tiếc rẽ vì đã làm phạm tội): tỏ lòng hối-tiết tội lỗi lỡ phạm và xin hứa chẳng tái-phạm nữa.

Sảng-khoái (069): vô cùng thích-thú, vui-sướng.

Sanh-tử (035): (Sanh = sống; Tử = chết) = lẽ sống chết.

Sơ-sanh (037): (Sơ = lúc khởi đầu; Sanh = sanh ra): lúc mới vừa sanh ra.

Sở-niệm (049-c; 056): (Sở = chỗ, nơi; Niệm = nhớ-nghĩ): chỗ đang nhớ nghĩ đến trong lòng.

Sở-tác (056): (Sở = chỗ, nơi; Tác = làm): chỗ đã làm, công-việc đã làm.

Súc-sanh (004; 007): loài thú vật thiếu trí-huệ.

Sur-phụ (007; 068): (Sur = thầy dạy; Phụ = cha): vị thầy dạy Đạo.

*

T

Tác-chiến (062): (Tác = làm; chiến = tranh đấu, chống giặc): chiến-đấu chống lại giặc-giã.

Tai-ương (089; 090): (Tai = tai-nạn, tai-họa; Ương = họa, hại): tai-nạn, tai-họa khiến cho phải chịu khổ-sở.

Tái-sanh (037; 043; 069; 073; 087) (Tái = lại lần nữa; Sanh = sanh sống): sanh trở lại cõi Luân-hồi; sanh rồi chết, rồi lại sanh chết nữa chẳng dứt.

Tăng (001): nam tu-sĩ đạo Phật.

Tâm-linh (096): thuộc về tinh-thần, vô-hình.

Tâm-nguyện (006): (Tâm = lòng; nguyện = nguyện, hứa giữ gìn trong lòng): điều mình hứa hay mong-cầu, sẽ giữ mãi trong lòng.

Tâm-niệm (058; 079; 098): (Tâm = lòng; Niệm = ý-nghĩ): ý-tưởng nhớ-nghĩ trong lòng.

Tận-diệt (036): (Tận = dứt hết chẳng còn gì; diệt = làm cho tiêu mất đi): dẹp cho hết tận gốc-rễ.

Tì-kheo (001, 089): nam tu-sĩ theo đạo Phật. (Phạn: Bhikkhu). Còn nữ tu-sĩ Phật-giáo gọi là Tì-kheo-ni (Phạn: Bhikkhuni). Tiếng miền Bắc gọi là Tỳ-khuru và Tỳ-khuru-ni.

Tiền-vương (068): (Tiền = trước; Vương = vua): các vị Vua đời trước.

Tinh-tấn (007; 032; 040; 088): (Tinh = chuyên-tâm; tấn = tiến lên): Cố-gắng hơn lên để có tiến-bộ; ráng sao cho điều lành được tăng thêm.

Tinh-yếu (011; 018): (Tinh = điều cốt-lõi; phần quan-trọng nhất; Yếu = trọng-yếu, quan-trọng nhất): điều hết sức quan-trọng, thiết-yếu nhất.

Tiền-kiếp (004): (Tiền = trước; kiếp = đời sống): Tiền-kiếp là các đời sống trước trong quá-khứ, trước khi sanh ra hiện nay.

Tiếp-viện (032): (Tiếp = cứu-giúp; Viện = viện-trợ, đem đến giúp): Tiếp-viện là gọi thêm binh-sĩ để đánh thắng giặc.

Tịnh-khiết (021): (Tịnh, Khiết = trong-sạch) = trong-sạch.

Thái-tử (004; 009): (Thái = lớn, trưởng; Tử = con): vị hoàng-tử lớn nhất, sẽ lên nối ngôi Vua cha.

Tham-ái (019): (Tham = ham muốn quá độ; ái = thương-yêu): sự ham-muốn quá-độ, sự yêu-thích quá mức.

Tham-dâm (021): (Tham = ham muốn quá mức; dâm = sự giao-hợp giữa nam-nữ): quá ham-mê sự dâm-dục trai-gái.

Tham-dục (022): (Tham = ham muốn quá mức; Dục = ham muốn): lòng ham-muốn quá mức.

Tham-tâm (038; 080): (Tham = ham muốn quá mức; Tâm = lòng): lòng còn ham muốn quá mức.

Tham-vấn (015): (Tham = dự vào; Vấn = thưa hỏi): Cùng nhau thưa hỏi với nhau.

Thanh-thủy-châu (021): (Thanh = trong-sạch; Thủy = nước; châu = hòn ngọc): Hòn ngọc có tánh-chất lọc nước đục cho trong-trẻo lại, cho tinh-khiết hơn.

Thanh-tịnh (001; 021) (Thanh = trong; Tịnh = sạch): trong-sạch.

Thanh-văn: (Thanh = Thinh = âm-thanh; Văn = nghe): các đệ-tử sống gần bên Đức Phật, nhờ nghe Kinh, tu-tập theo Tứ-Diệu-Đế (và Bát-Chánh-Đạo) mà đắc các quả-vị Thánh, từ Tu-đà-huàn đến A-la-hán. (Pali: Sāvaka; Sanscrit: Sravaka)

Thành-tín (020): (Thành = thành-thật; Tín = tin-tưởng): niềm tin thành-thật và vững-chắc.

Thâm-ảo (094): (Thâm = sâu; Ảo = huyền; xem như thật mà chẳng thật): sự-việc huyền-bí sâu-xa.

Thâm-diệu (007; 069; 094; 096) (Thâm = sâu; diệu = nhiệm-mầu): Kinh thâm-diệu là Kinh cao, sâu-xa và nhiệm-mầu.

Thẩm-định (016): (Thẩm = xét kỹ; định = quyết-định): xét kỹ lại và quyết-định.

Thâm-trọng (006): (Thâm = sâu; trọng = nặng): Lời thề-nguyện thâm-trọng là lời thề nặng-nề, thâm-sâu, quan-trọng lắm.

Thân-mạng (080): (Thân = thân-thể; mạng = mạng sống): mạng-sống của thân-thể con người.

Thần-trí (096): (Thần = tinh-thần, phân vô-hình; Trí = trí-óc): phân tinh-thần biết suy-nghĩ.

Thần-túc (026; 091): (Thần= tinh-thần; thần-thông; Túc có hai nghĩa: (1) dùng như tĩnh-từ, Túc là đầy-đủ; (2) dùng như danh-từ, Túc là chơn để bước đi). Bốn niệm thần-túc là bốn tâm-trạng của bậc tu-hành đã đắc thần-thông, hể khởi lên ý-định là có được đầy-đủ như ý-nguyện; thí-dụ như muốn đến một nơi xa, có thể bay đi ngay trong không-khí. Chữ thần-túc (091, 73) lại có nghĩa là có bước chơn thần, di-chuyển thật nhanh-chóng, đến các cõi khác.

Thập-Giới (006): (Thập = mười; Giới = điều răn-cấm): Mười giới mà Sa-di phải tuân theo: (1) chẳng sát-hại; (2) chẳng trộm-cắp, (3) chẳng dâm-dục, (4) chẳng nói dối, (5) chẳng uống rượu, (6) chẳng trang-sức, (7) chẳng xem múa hát, (8) chẳng nằm giường cao, (9) chẳng ăn quá giờ Ngọ (12 giờ trưa), (10) chẳng cầm tiền-bạc.

Thiên-Trúc (004; 008): tên của nước Ân-độ cũ.

Thiên-cận (042): (Thiên = cạn; Cận = gần). Trí-óc thiên-cận là trí-óc còn cạn-cột và chẳng thấy được xa.

Thiện (020): lành, tốt, khéo.

Thọ Giới (005, 006; 017): (Thọ = nhận lãnh; Giới = giới-luật): nhận điều răn-cấm của Đức Phật đặt ra, để tránh các tội-ác.

Thọ-mạng (004): (Thọ = tuổi thọ; Mạng = mạng sống): Thọ-mạng là mạng sống theo tuổi thọ.

Thọ-thần (001): (Thọ = cây to lớn, lâu đời; thần = thần-linh, các bậc vô-hình có sức mạnh linh-thiên): các vị thần-linh sống trên cây.

Thông-đạt (007; 009; 011): (Thông = thông-suốt; đạt = đắc được): hiểu thật rõ ràng đến tận cả nghĩa sâu-kín.

Thủy-tộc (063): (Thủy = nước; tộc = nòi giống): loài sanh-vật sống dưới nước.

Thừa sự chư Phật (003): Thừa sự là phụng-thờ, phục-vụ. Thừa sự chư Phật có nghĩa là theo hầu-hạ chư Phật; ở đây có nghĩa là tuân-hành theo các lời dạy của chư Phật.

Thức (047; 051): biết, sự hay-biết. Giáo-lý Nam-Tông phân-biệt sáu thức: (1) nhãn-thức, cái biết do mắt thấy; (2) nhĩ-thức, cái biết do tai nghe; (3) tị-thức, cái biết do mũi ngửi; (4) thiệt-thức, cái biết do lưỡi; (5) thân-thức, cái biết do da trên thân; (6) ý-thức, cái biết trong lòng. Giáo-lý Bắc-Tông có thêm hai thức nữa: (7) mặt-na-thức, còn gọi là truyền-tổng-thức, có nhiệm-vụ chuyên-đạt cái biết từ ngoài vào trong, và từ trong ra ngoài, lại hay chấp-ngã; (8) a-lại-da thức, còn gọi là tàng-thức, có nhiệm-vụ gìn-giữ các chủng-tử (= hạt giống của các hành-vi cũ) nên còn được gọi là nghiệp-thức.

Thường-tại (040): (Thường = còn hoài, chẳng biến-đổi, chẳng tiêu-diệt; Tại = ở đó): Thường-tại là vẫn giữ nguyên, chẳng bị thay-đổi, chẳng bị hủy-hoại. Cùng nghĩa với Thường-còn; Thường-hăng; Hữu-thường. Trái nghĩa với Vô-thường.

Thường-hăng (051): (Thường = còn hoài, chẳng thay-đổi; hăng = luôn luôn như vậy là như vậy): cùng nghĩa với Thường-còn, Thường-tại. Trái nghĩa với Vô-thường.

Thượng-điện (018): (Thượng = trên; Điện = cung-điện): cung-điện lớn ngoài đền Vua, chỗ Vua ngự.

Thượng-Tọa (006): (Thượng = trên; Tọa = ngồi). Theo cấp-bực trong Phật-giáo Bắc-tông, từ Sa-di lên Đại-đức (từ 10 tuổi-hạ đến 20 tuổi-hạ) rồi tới Thượng-Tọa (có ít nhất 30 tuổi-hạ) và đến Hoà-thượng (trên 40 tuổi-hạ). Dự một khóa An-cư Kết-hạ là được một tuổi-hạ.

Tòng theo (037; 040): dựa theo đó mà tiến-triển; do theo lý-do đó mà thay-đổi.

Tối-thượng (014): (Tối = hết sức; rất; Thượng= cao): Tối-thượng là cao nhất, trên đó chẳng gì cao hơn nữa.

Tối-yếu (018): (Tối = hết sức, trội nhất; yếu = quan-trọng; trọng-yếu): điều quan-trọng bậc nhất.

Tràng hoa (033): bông hoa kết lại thành xâu, thành chùm.

Trân-bảo (009; 033): tiếng gọi chung các thứ châu, ngọc quý-báu.

Triển-chuyển (037; 047; 051): (Triển = lớn lên; Chuyển = biến-chuyển): lớn lên thay đổi theo thời-gian; phát-triển và biến-chuyển.

Trú-sở (016): (Trú = ở; sở = nơi, chỗ): nơi ở, chỗ cư-trú.

Trụ (034): đứng dừng lại, chẳng di-chuyển.

Trụ-trì (006): (Trụ = đứng dừng lại; Trì = giữ-gìn): Vị Sư trụ-trì là vị Sư trưởng-thượng và coi sóc một ngôi chùa.

Trục xe (013): thanh sắt xuyên qua hai bánh xe, để giữ vững chiếc xe.

Trục-xuất (007; 007): (Trục = đuổi đi, đuổi theo; Xuất = ra khỏi): ở đây, trục-xuất là đuổi đi ra khỏi chùa.

Trung-chánh (010; 062): (Trung = ngay chính giữa; Chánh = ngay thẳng, chơn-chánh, đứng-đắn): Hạnh trung-chánh nói ở đây chính là noi theo con đường Trung-Đạo của Đức Phật, được thể-hiện bằng Bát-Chánh-Đạo. Xin xem thêm chữ Bát-Chánh-Đạo.

Truyền-đạt (047-b; 049-b): (Truyền = truyền sang, chuyển đến; đạt = nhận được, tới nơi) = Truyền-đạt có nghĩa là có sự di-chuyển từ một sự-vật này đến một sự-vật khác. Tại trang 37, chữ Truyền-đạt được dùng để dịch chữ Hán-Việt Hữu-trí.

Trừ-bị (062; 085): (Trừ = lấy riêng ra, bớt; Bị = để dành, phòng-hờ): quân-lính dự-bị sẵn, ở nhà chờ lệnh gọi ra chiến đấu.

Trữ (038): cất lại để dành về sau.

Trực (030): ngay thẳng. Trực-kiến là nhìn thấy ngay-thẳng. Trực-niệm là suy-nghĩ ngay-thẳng. Trực-ngữ là lời nói ngay-thẳng. Trực-mạng là lối mưu-sanh ngay-thẳng. Trực-nghiệp là hành-động của thân, miệng, và ý đều ngay-thẳng. Trực-phương-tiện là phương-cách làm việc ngay thẳng. Trực-ý là tư-tưởng ngay-thẳng. Trực-định là tu đắc định ngay-thẳng (trái với tà-định).

Trước-tác (069): sáng-tác, viết và tạo nên quyển sách.

Trưởng-giả (001; 063) (Trưởng = lớn; giả = người): người giàu-có, trưởng-thượng trong làng, được mọi người kính-nể.

Tu-đà-huòn (007; 022): quả-vị thứ nhứt trong hàng Thanh-văn; còn được gọi là quả Thất-Lai, nghĩa là chỉ còn tái-sanh lại ở cõi người bảy lần nữa, sẽ chứng-đắc Niết-bàn. (Pali: Sotapanna; Sanscrit: Srotapani)

Tùy-tùng (018): cùng đi theo để hầu.

Tư-duy (094): (Tư = suy nghĩ; Duy = tưởng nhớ): khởi lên ý-nghĩ trong tâm, suy-tưởng.

Tư-đà-hàm (008; 022): quả-vị thứ hai trong hàng Thanh-văn; còn được gọi là quả Nhứt-Lai, nghĩa là chỉ còn phải tái-sanh lại cõi người một lần nữa mà thôi, sẽ chứng đắc Niết-bàn. (Pali: Sakadagamin; Sanscrit: Sakrdagamin).

Từ-ái (079): (Từ = lòng Từ trong đạo Phật có nghĩa là tình thương rộng-rãi mọi chúng-sanh giống như tình thương của cha-mẹ đối với đứa con-một của mình. Ái = thương-yêu): Tâm-niệm từ-ái là trong lòng có ý-nghĩ thương-yêu rộng-rãi đến mọi chúng-sanh.

Tương-kiến (010; 011): (Tương = cùng nhau; Kiến = thấy): gặp, thấy mặt nhau.

Tương-ứng (051): (Tương= cùng nhau; Ứng = phù-hợp nhau): phù-hợp nhau, chẳng chống-đổi nhau.

Tượng-vương (002) (Tượng = voi; vương= chúa): Voi chúa, voi đầu-đàn.

Tứ niệm-xứ (024): (Tứ = bốn; Niệm = nhớ-nghĩ; Xứ = nơi chốn) Tứ niệm-xứ là tên một bản Kinh rất quan-trọng trong Trung-Bộ-Kinh (Majjhima Nikaya) được Đức Phật thuyết-giảng về bốn lãnh-vực của sự quán-niệm: (1) quán về thân; (2) quán về cảm-thọ; (3) quán về tâm; quán về pháp (= sự-vật). Người thực-hành phép quán này sẽ đắc được định-tâm, tư-tưởng dừng trụ lại và chứng các cấp Thiền.

Tứ Thiên-Vương (008) (Tứ = bốn; Thiên = Trời; vương = vua): bốn vị Vua Trời ở cõi Dục-giới: (1) Trì-quốc thiên-vương; (2) Quảng-mục-thiên-vương; (3) Tăng-trưởng thiên-vương; (4) Đa-văn thiên-vương.

Tứ-Thiền (005; 092) (Tứ = bốn, thứ tư; Thiền = phép tu tịnh-tâm, khiến ý-nghĩ dừng lại, tâm-trạng rỗng-rang, nhẹ-nhàng): Tu Thiền-định trải qua bốn giai-đoạn: Sơ-Thiền, Nhị-Thiền, Tam-Thiền và Tứ-Thiền. Đến cấp Tứ-Thiền, thân-tâm nhẹ-nhàng, tâm-ý dừng lại, vắng-lặng, êm-ả, an-vui.

Tự-tại (004; 007; 039): (Tự = chính mình; Tại = ở tại); chữ Tự-tại có nghĩa là sống tùy theo ý mình, có tự-do, thông-dong, chẳng còn bị lệ-thuộc vào đâu cả. Tương-đương với chữ Tự-do.

*

U

Uế-trược (077): dơ-dáy, nhớp-nhua.

Ưu-bà-di (082): phiên-âm chữ Phạn Upasika, có nghĩa là nữ cư-sĩ tu tại-gia, tuân theo Ngũ-Giới. Cùng nghĩa với chữ Cận-sự-nữ.

Ưu-bà-tắc (007; 011; 014): phiên-âm chữ Phạn, có nghĩa là nam cư-sĩ tu-tại-gia, tuân theo Ngũ-Giới. Cùng nghĩa với chữ Cận-sự-nam. (Pali: Upasaka).

*

V

Vi-phạm (007): (Vi = làm; phạm = lỡ làm điều trái ngược với chỗ bị cấm-đoán): Vi-phạm là lỡ làm trái với điều cấm-đoán.

Vị-lai (006; 009; 047; 083): (Vị = chưa; Lai = đến): Việc chưa xảy đến. Cùng nghĩa với chữ Tương-lai.

Vô-ngã (096): (Vô = chẳng có; Ngã = Ta; bản-ngã): chẳng có cái "Ta", chẳng có cái "bản-ngã". Theo giáo-lý nhà Phật, có ba sự-thật mà ta thường lầm-lẫn: (1) vô-thường (Pali: anicca), chịu sự biến-đổi, chẳng thường-còn; (2) khổ (Pali: dukkha), gây ra sự chẳng vừa ý, bất-toại-nguyện; (3) vô-ngã (Pali: anatta), chẳng hề có cái "Ta" nào trong thân-tâm con người cả. Kẻ nào cho rằng có cái bản-ngã, thân ta là của ta, kẻ đó vướng phải tà-kiến, gọi là mắc phải thân-kiến, ngã-kiến.

Vô-thường (039; 040; 042-b; 042-f): (Vô = chẳng có; Thường = thường-còn, lúc nào cũng vậy, chẳng có sự biến-đổi): Vô-thường là chẳng thường-còn, bị

biến-đổi, sẽ bị tiêu-diệt. Trái nghĩa với thường-hằng. Pali: anicca; Sanscrit: Anitya.

Vô-vi (004): (Vô = chẳng có; Vi = làm): Đạo Vô-vi là đạo cầu chứng-đắc Niết-bàn, tu-tập dứt phiền-não và chẳng tạo-tác thêm điều gì gây ra nghiệp-lực để phải tái-sanh lại trong cõi Luân-hồi.

Vương-giả (014): (Vương = vua; Giả = người): Chữ vương-giả ở đây dùng như một tĩnh-từ, chỉ những gì thuộc về nhà vua; trong câu này, nói thái-độ vương-giả là nói đến thái-độ của nhà Vua khi bàn-luận thường hay dùng lời nói, uy-quyền của nhà Vua mà lấn-át người đối-thoại.

*

X

Xá-Vệ (001): tên kinh-thành một tiểu-quốc ở miền Bắc Ấn-độ xưa, có chùa Kỳ-viên là nơi Đức Phật trú-ngụ để hoá-độ chúng-sanh. (Pali: Savatthi, Sanscrit: Sravasti).

Xá-Kiệt (009; 011): tên một nước tưởng-tượng, do vua Di-Lan cai-trị. (Pali: Sàgalà).

Xuất-gia (005): (Xuất = ra khỏi; gia = nhà): rời gia-đình đi tu.

*

Y

Ý-niệm (042-f; 051; 096): (Ý = ý-nghĩ, tư-tưởng; Niệm = nhớ nghĩ): tư-tưởng trong tâm.

KINH TÌ-KHEO NA-TIÊN

C.- Phần Tìm hiểu Nghĩa Ý

098.- Xuất-xứ của quyển Tì-kheo Na-Tiên.

Kinh Tì-kheo Na-Tiên được kết-tập trong Hán-Tạng, Càn-Long Đại-Tạng-Kinh, quyển thứ 108, từ trang 706 đến trang 753, chẳng có tên Dịch-giả ra Hán-văn, chỉ thấy ghi là sưu-tập vào đời Đông-Tấn (Trung-hoa). Tác-giả của

quyển Kinh, theo truyền-thuyết, là Ngài Long-Thọ (Nagarjuna), vị Tổ-sư thứ 14 của Thiên-tông Ấn-độ. Tên quyển Kinh trong Tạng Pali là Milinda panha (Vua Di-lan hỏi Đạo), thuộc Tiểu-Bộ-Kinh (Khuddaka Nikaya). Cũng theo truyền-thuyết, Ngài Long-Thọ muốn mượn tên Tì-kheo Na-Tiên (Pali: Nagasena) để tự ám-chỉ mình; còn tên Di-lan (Pali: Milinda) lại ám-chỉ đức Vua Ménéandre, để nhơn cuộc đối-đáp giữa hai người mà trình-bày Giáo-lý dưới hình-thức giản-dị, dễ hiểu, và nhưt là để giúp ta dứt bỏ được các mối hoài-nghi về Chánh-Pháp.

Kinh Milinda panha được dịch ra rất nhiều thứ tiếng. Tại Việt-Nam trước đây, đại-cư-sĩ Đoàn-Trung-Còn có dựa theo bản dịch Pháp-văn, phối-hợp với bản Hán-văn, cho xuất-bản quyển Na-Tiên Tì-Kheo Kinh, đã được rất nhiều cơ-sở Phật-giáo tái-bản và ấn-tông.

Quyển Tì-kheo Na-Tiên này được gọi là Kinh, có lẽ vì đã được ghi trong Kinh-Tạng, Tiểu-Bộ-Kinh. Nhưng xét theo văn-từ, quyển này vốn là một bộ Luận, được một bậc đại-sư sáng-tác; các vị kết-tập Kinh-Tạng gọi đó là Kinh, chắc cũng chẳng ngoài lý-do là đề-cao cùng tán-thán tác-phẩm này. Trải qua năm tháng, quyển "Kinh" được sự hâm-mộ nồng-nhiệt của mọi người Phật-tử khắp thế-giới.

Thiện-Nhựt mạo-muội phỏng-dịch từ Hán-tạng ra tiếng Việt thông-thường ngày nay. Vì tôn-trọng chánh-văn trong Đại-Tạng, tôi giữ nguyên các danh-từ chuyên-môn Phật-học dùng trong bản dịch Hán-văn, và xin được phép nói rõ lại các chữ ấy theo các thuật-ngữ ngày nay, trong Phần Tìm hiểu Nghĩa Chữ và Nghĩa Ý, tách riêng ra khỏi Phần Phỏng-dịch.

*

099.- Bó-cục quyển Tì-kheo Na-Tiên .

Tuy Kinh Tì-kheo Na-Tiên được chia ra làm ba quyển: thượng, trung, hạ; nhưng xét kỹ về ý-tưởng trong các quyển đó chẳng thấy có điểm khác-biệt sâu-sắc nào để chia thành ba cuốn; vả lại, các câu hỏi vua Di-Lan nêu lên trong ba quyển ấy thường được lập đi lập lại đôi ba lần. Vì lẽ đó, Thiện Nhựt xin đề-nghị xem toàn-bộ quyển sách như một cuốn và chia ra làm ba phần chánh:

1.- Tiền-kiếp của Tì-kheo Na-Tiên và Vua Di-Lan (từ tiêu-mục số 001 đến số 008, bản Phỏng-dịch).

2.- Các câu vấn-đáp giữa Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên. Đây là phần chánh, chiếm gần hết quyển sách (từ tiêu-mục số 009 đến số 096).

3.- Tâm-trạng hoan-hỉ của Na-Tiên và Di-Lan sau cuộc đàm-luận (tiêu-mục số 097).

Sau đây, xin tóm lược ba phần chánh đó.

*

100.- Tóm-lược về Tiền kiếp của Na-Tiên và Di-Lan .

Vào một thời kia, Đức Phật ngụ tại chùa Kỳ-viên, nước Xá-vệ, có đông-đạo các vị Tì-kheo, Tì-kheo-ni và hơn vạn dân-chúng tham-dự để nghe giảng Pháp. Nhận thấy hôm ấy, tâm-trạng của đại-chúng chẳng an, Đức Phật liền rời tịnh-xá đi vào rừng tòng an-tịnh, để niệm Đạo. Vào lúc ấy có Tượng-vương (voi chúa) cũng rời bầy voi đang đùa nghịch, đi tìm nơi thanh-vắng. Tượng-vương trông thấy Đức Phật liền quì xuống làm lễ. Đức Phật vì Tượng-vương nói Pháp, nhờ đó tâm Tượng-vương khai-ngộ. Kể từ đó, Tượng-vương thừa-sự Đức Phật và quanh-quần bên cạnh Ngài luôn. Về sau, khi Đức Phật nhập Niết-bàn, Tượng-vương mến-tiết và đến chùa Ca-La-Hoàn nghe chư Tăng tụng Kinh vào các ngày trai. Khi thọ-mạng hết, Tượng-vương được tái-sanh lại làm người, con trai trong một gia-đình Bà-la-môn. (Xin xem lại các tiêu-mục số 001, 002, và 003).

Lớn lên, người con trai ấy nhớ đến Kinh Phật được nghe ở đời trước, mới rời nhà, lên non học Đạo. Cùng với một tu-sĩ Bà-la-môn khác, anh kết làm bạn thiện-tri-thức với nhau. Một người nguyện kiếp sau sẽ làm vua một nước; một người nguyện sẽ làm sa-môn. Như lời họ ước-nguyện, trong kiếp sau, một người sanh ra làm Thái-tử tên là Di-Lan, tại một nước ở ven biển; còn một người tái-sanh lại ở huyện Kế-Tân, nước Thiên-Trúc (Ấn-độ xưa), khi sanh ra có áo cà-sa quấn quanh mình, được cha-mẹ đặt tên là Na-Tiên.

Do đó, tiền-kiếp của Na-Tiên là Tượng-vương; còn tiền-kiếp của vua Di-Lan là một tu-sĩ theo đạo Bà-la-môn. (Xin xem lại tiêu-mục số 004 nơi bản Phỏng-dịch).

*

101.- Na-Tiên đắc quả A-la-hán .

Năm mười sáu tuổi, Na-Tiên thọ giới Sa-di với người cậu là vị sa-môn tên Lôu-Hán; vị này đã đắc được đạo-quả A-la-hán. Na-Tiên học thông Kinh-Kệ, giữ-gìn Giới-luật thanh-tịnh, đến năm 20 tuổi được thọ giới Đại-Sa-môn. Vào ngày Rằm, Na-Tiên đến chùa Hoà-Thiên-Tự để dự lễ Bó-tát, đọc tụng Kinh-Giới. Vị Thượng-Tọa trụ-trì nhận thấy Na-Tiên quì giữa các vị Tỳ-kheo đều đã đắc quả A-la-hán, thuyết Kinh thí-dụ, giữa các hạt gạo trắng có lộn hạt gạo đen, đó là Na-Tiên, còn chưa đắc quả A-la-hán. Na-Tiên buồn rầu, cúi lạy xin sám-hối và đi ra khỏi chùa.

Na-Tiên lại theo học với Sư Ca-Duy-Viết, là một thiền-sư hơn tám mươi tuổi, tánh rất nghiêm-khắc. Buổi sáng, Na-Tiên mang bình bát của Sư-phụ đi đến nhà một cư-sĩ thường hay cúng-dường thực-phẩm cho chư Tăng. Sư Ca-Duy-Viết ra lệnh cho Na-Tiên phải ngậm một ngụm nước mặn trong khi đến nhà vị cư-sĩ đó. Đến nơi, vị cư-sĩ dâng hiến thực-phẩm quý-giá. Thế theo lời yêu-cầu của vị cư-sĩ, Na-Tiên thuyết kinh cho nghe, như thế là Na-Tiên phạm điều cấm-đoán của Sư Ca-Duy-Viết, vì phải nhổ ngụm nước mặn ra để nói Pháp. Sau thời Pháp, cả hai, người nói lẫn người nghe, đều chứng quả Tu-đà-huờn. Trở về chùa, Na-Tiên bị trục-xuất vì vi-phạm giới cấm của Thầy, mặc dầu thuyết-pháp thành-công có hiệu-quả lớn. Na-Tiên lạy Thầy, rời chùa, lên non, ẩn tu. Chẳng bao lâu, nhờ tinh-tấn hành Thiên, Na-Tiên chứng quả A-la-hán, đắc được các thần-thông.

Na-Tiên trở lại chùa Hoà-Thiên-Tự, với tư-cách A-la-hán, lạy sám-hối với chư Tăng; rồi ra đi, châu-du khắp nơi để giảng-dạy Kinh-Pháp. Chẳng bao lâu, danh-tiếng của Na-Tiên vang dội gần xa; biện-tài luận-đàm được mọi người kính-phục; đệ-tử theo học Đạo rất đông-đào, có nhiều vị nhờ đó mà đắc được các Thánh-quả. (Xin xem các tiểu-mục số 005, 006, 007, 008)

*

102.- Sa-môn Dã-Hoà-La bị vua Di-Lan hỏi bí .

Vua Di-Lan cai-trị nước Xá-Kiệt (Pali: Sàgalà) rất giàu-có, đất-đai phì-nhiều, dân-chúng hiền-lành, việc buôn-bán rất thanh-vượng. Nhà Vua tuổi trẻ tài cao, văn-võ tinh-thông, thường bàn-luận về các Kinh-kệ ngoại-đạo đủ loại.

Một hôm, nhơn đi du-ngoạn ra ngoài thành, Đức Vua thấy còn sớm, muốn tìm một bực tu-hành đắc đạo để thưa hỏi về các Kinh cao và khó. Các quan

mời Vua đến gặp vị sa-môn Dã-Hoà-La được nổi tiếng là bậc có đức-hạnh cao. Vua hỏi vị sa-môn:

- Vì sao Khanh cạo râu, cắt tóc, rời bỏ gia-đình đi tu? Khanh theo đạo nào?
- Tôi học hạnh trung-chánh của đạo Phật, đời này được phước, đời sau cũng được phước. Vì lẽ đó, tôi xuống tóc, cạo râu, rời bỏ gia-đình, đi tu làm sa-môn.
- Các người còn mặc áo trắng, tu tại-gia mà theo đúng hạnh trung-chánh đó, có được phước đời này và đời sau không?
- Các người tu tại nhà, theo đúng hạnh trung-chánh của đạo Phật, cũng được phước ấy trong đời này và cả về đời sau.
- Thế thì, tại sao Khanh lại bỏ cả gia-đình đi tu?

Sa-môn Dã-Hoà-La im lặng, trả lời chẳng được. Các quan hầu-cận liền nói: "Đức Vua đắc-thắng. Nhà Vua đã thắng vị đạo-nhơn."

Nhà Vua có vẻ tự-mãn, quay lại hỏi các quan:

- Còn có vị sa-môn nào khác đủ sức cùng Ta đối-đáp về các Kinh cao và khó chăng?

Viên quan hầu-cận tên Triêm-Di-Lợi tâu:

- Có một vị Tì-kheo tên là Na-Tiên, vừa đến nước Xá-Kiệt này, nổi tiếng là thông-đạt các Kinh-Kệ của Đức Phật, giải-đáp mọi nghi-ngờ rất thông-suốt, có thể cùng nhà Vua bàn-luận về các Kinh cao và khó.

Vua liền sai Triêm đi thỉnh Tì-kheo Na-Tiên đến hội-kiến.

(Xin xem lại các tiêu-mục số 009, 010, 011).

Trước khi kể tiếp, Thiện Nhựt xin mở ngoặc để tìm hiểu thêm về hạnh trung-chánh mà Sa-môn Dã-Hoà-La nói đến. Hạnh, còn đọc là hành, nghĩa là làm; chữ đức-hạnh có nghĩa là lối-sống, là hạnh-kiểm, đứng-đắn, theo con đường lành; chữ giới-hạnh có nghĩa là đời- sống đúng theo giới-luật nhà Phật, tránh mọi điều răn-cấm. Trung-chánh có nghĩa: trung là ở thẳng ngay chính giữa, chẳng nghiêng qua hai bên, chánh là chơn-chánh, ngay-thẳng, đứng-đắn.

Hạnh trung-chánh được nói ở đây tức là lối sống theo đúng với Giới-luật do Đức Phật đặt ra: Ngũ Giới cho người tu tại nhà, Cụ-túc-giới cho các tì-kheo và tì-kheo-ni tu trong chùa. Nhưng, theo sự suy-đoán của Thiện-Nhựt, có lẽ dịch-giả bản Hán-văn đã dùng ba chữ hạnh trung-chánh để nói đến con đường Trung-Đạo và cả Bát-Chánh-Đạo ghi trong bản Kinh Chuyển-Pháp-Luân, là bản Kinh đầu-tiên của Đức Phật thuyết-giảng tại vườn Lộc-Uyển. Con đường Trung-Đạo là con đường ở giữa, chẳng nghiêng qua bên tham-muốn các lợi-dưỡng, các thú vui vật-chất, mà cũng chẳng ngã sang bên tu-hành ép-xác. Thực-hiện con đường Trung-Đạo đó, thì phải theo đúng tám ngành của Bát-Chánh-Đạo. Bát-Chánh-Đạo gồm có: (1) chánh-kiến, sự thấy-biết chơn-chánh (2) chánh tư-duy, sự suy-nghĩ đúng-đắn; (3) chánh-ngữ, lời nói ngay thật; (4) chánh mạng, lối mưu-sanh đúng-đắn với nghề-nghiệp chơn-chánh; (5) chánh nghiệp, giữ gìn thân-nghiệp chẳng làm quấy, khẩu-nghiệp nói lời chơn-chánh; ý-nghiệp suy-tư đúng-đắn; (6) chánh tinh-tần, nỗ-lực làm điều thiện hơn thêm lên; (7) chánh-niệm, biết giữ-gìn tư-tưởng trong tâm thanh-tịnh; và (8) chánh-định, tâm-ý an-trụ đúng-đắn.

Xin đóng dấu ngoặc lại và kể tiếp.

*

103.- Vua Di-Lan thử-thách Tì-kheo Na-Tiên .

Khi quan Triêm-Di-Lợi đến mời, Na-Tiên liền cùng chư tì-kheo tới nơi vua đang ngự. Từ xa, nhìn đoàn tì-kheo di-chuyển, nhà Vua trông thấy một vị sa-môn đi đứng trang-nghiêm, thân-tướng đẹp-đẽ, đoán ngay đó là Na-Tiên. Triêm-Di-Lợi đến gần bên Vua, tâu rằng, vị tì-kheo Na-Tiên vừa đến, và chỉ ngay chính người mà Đức Vua dự-đoán là Na-Tiên. Lòng Vua rất mừng, nhưng tâm ngài lại cảm thấy xao-xuyến. Ngài tự nghĩ: "Tâm ta đang bàng-hoàng trước mặt Na-Tiên, chắc là Na-Tiên sẽ thắng ta."

Sau khi xưng tên và các lời thăm hỏi xã-giao, cuộc đàm-luận bắt đầu. Vua Di-Lan liền dùng một câu hỏi khó, hỏi Na-Tiên:

- Na-Tiên! Ai là Na-Tiên? Đầu, mắt, tai... là Na-Tiên chẳng?

Mỗi câu vua hỏi, Na-Tiên đều đáp:

- Chẳng phải là Na-Tiên.

(Để tránh sự trùng-điệp với Phần Phỏng-dịch, tại đây, Thiện Nhựt chẳng thuật lại đầy-đủ các chi-tiết hỏi và đáp giữa hai người, xin độc-giả chịu phiền xem lại tiểu-mục số 013, Phần Phỏng-dịch).

Rồi Na-Tiên hỏi ngược lại Đức Vua:

- Xe là gì? Trục xe, vành bánh xe, cãm xe... có phải là xe chẳng?

Mỗi câu Na-Tiên hỏi về các bộ-phận của chiếc xe, Vua đều trả lời:

- Chẳng phải là xe.

Na-Tiên liền hỏi câu chót:

- Vậy cái gì mới thật là xe?

Đức Vua im lặng, chẳng đáp được.

Na-Tiên liền kết-luận bằng cách trích-dẫn một đoạn Kinh Phật, hiệp-tụ các bộ-phận (...) đó lại, là nguyên-nhân để có được chiếc xe; con người cũng vậy, hễ hiệp-tụ các bộ-phận trong thân-tâm lại thì thành ra con người, được đặt tên để gọi là Na-Tiên.

Vua khen: "Lành thay! Lành thay!"

Nhà Vua lại hỏi một câu rất khó, để thử-thách sự lanh-trí của Na-Tiên. Vua nói:

- Ta có điều muốn hỏi.

- Xin Đại-Vương cứ hỏi.

- Ta đã hỏi xong.

- Tôi cũng đã đáp xong.

- Đáp những gì đâu?

- Đại-Vương hỏi tôi những gì đâu?

Đến đây, Thiện Nhựt lại xin ngưng việc tóm-tắt bản Phỏng-dịch, và một lần nữa, xin mở đầu ngoặc để nêu lên chỗ Vua Di-Lan đã thử-thách Na-Tiên về những điểm nào.

Trước nhứt là câu hỏi: Ai là Na-Tiên? Nghĩa sâu-kín của câu hỏi đó là: Vậy chớ cái gì mới thật là Na-Tiên? Bản-chất của con người là gì? Nơi thân-tâm con người, có cái gì là cái Ta, là bản-ngã không? Hoặc nói theo những người còn mê-tín, trong thân-tâm này, có cái linh-hồn tồn-tại mãi qua thời-gian chăng?

Các câu trả lời của Na-Tiên, cùng lời kết-luận trích dẫn Kinh Phật đều qui về một vấn-đề căn-bản của Giáo-lý nhà Phật: lý vô-ngã, trong thân-tâm con người chẳng hề có cái Ta, chẳng hề có cái bản-ngã. Tuy Na-Tiên chẳng nói rõ ra, nhưng ta biết thân-tâm con người chỉ là sự tập-hợp của năm uẩn: sắc-uẩn là phần vật-chất, gọi là thân, và bốn uẩn kia, thọ, tưởng, hành, thức- uẩn thuộc về phần tinh-thần, tức là tâm. Chẳng hề thấy trong thân-tâm này, đâu là ông chủ gọi là Ta, đâu là linh-hồn, gọi là phần hồn của Ta cả, chỉ có các uẩn tập-hợp lại mà thôi. Đó là lý-lẽ vững-chắc chứng-minh Chơn-lý vô-ngã của Phật-học.

Na-Tiên đã vượt qua dễ-dàng chỗ Vua thử-thách bằng cách hỏi ngược lại: Xe là gì? Cái gì trong xe là xe? Vua chẳng trả lời được, như thế Na-Tiên đã thắng. Rất tiếc, nhà Vua chẳng hỏi thêm chi-tiết về lý vô-ngã nữa, để chúng ta được dịp học-hỏi về cách Na-Tiên giải các mối nghi-ngại còn sót lại về Chơn-Lý quan-trọng này.

Nhưng nhà Vua lại đưa ra thêm một câu hỏi rất khó, nếu ai mà lớ-quớ, chẳng nhanh-trí như Na-Tiên, thì liền lọt vào cạm-bẫy ngay. Hỏi mà chẳng nêu câu hỏi là hỏi làm sao? Đáp mà chẳng nói ra lời, là đáp cách nào? Vua và Na-Tiên đang so gươm trí-huệ với nhau đấy!

Nhà Vua muốn hỏi Na-Tiên mà chẳng nêu câu hỏi lên, tức là Nhà Vua muốn hỏi gì? Hai đảng hiện đang bàn-luận về giáo-pháp, thế thì câu Nhà Vua muốn hỏi là câu hỏi thuộc về Pháp (Dharma, giáo-pháp) chớ gì. Tại sao Vua lại chẳng nói đó là câu hỏi về Pháp. Bởi lý-lẽ rất cao-siêu là Pháp vốn Không, tức là Pháp vốn rỗng-rang, chẳng chứa đựng gì, chẳng dính mắc gì, chẳng có hình-tượng gì, thì làm sao diễn-tả ra bằng lời nói được. Nếu có nói ra câu hỏi về Pháp, tức là mặc-nhiên phủ-nhận tánh-chất rỗng-rang của Pháp rồi, đâu nêu lên được chỗ Pháp-Không trong giáo-lý, lại còn khoác thêm cho Pháp một hình-tượng ngôn-từ.

Na-Tiên quả là nhanh-trí, biết ngay chỗ ẩn-ý của nhà Vua, nên mới đáp là, đã đáp xong, mà chẳng nêu rõ là đáp những gì. Nếu Na-Tiên vô-tình hỏi lại Vua, Vua vừa nói: đã hỏi rồi, là hỏi gì đâu? thì Na-Tiên liền rơi vào cạm-bẫy của Vua, chờ đợi một câu hỏi về Pháp bằng ngôn-từ. Pháp vốn là Không, sao diễn ra bằng hình-tượng của lời nói để hỏi thành câu hỏi, hóa ra còn chưa hiểu được điểm giáo-lý rất quan-trọng này của nhà Phật sao?

Trở lại câu hỏi đầu-tiên Ai là Na-Tiên? Y-nghĩa sâu-xa của tiêu-mục số 013, là vấn-đề Ngã-không, trong Giáo-Lý Nam-Tông. Câu hỏi của Vua và cách đáp của Na-Tiên ở tiêu-mục số 015, liên-quan đến vấn-đề Pháp-không, trong Giáo-lý Bắc-Tông. Cả hai vấn-đề khó-khăn này đều được Na-Tiên vượt qua một cách xuất-sắc. Và xuất-sắc hơn nữa là tác-giả quyền Tì-kheo Na-Tiên này, đã trình-bày hai vấn-đề cực-kỳ tế-nhị ấy dưới hình-thức hết sức đơn-giản, dễ hiểu và đầy hứng-thú!

*

104.- Thái-độ trong khi bàn-luận Giáo-pháp.

Còn một vấn-đề cực-kỳ quan-trọng mà các người ưa thảo-luận về giáo-pháp nên lưu-tâm. Đó là thái-độ thích-nghi của những người tham-dự cuộc bàn-luận về các vấn-đề tôn-giáo.

(Tiêu-mục số 014, bản Phỏng-dịch, là một đoạn văn hết sức thiết-yếu, kính mong người đọc xem lại kỹ và suy-gẫm thêm).

Sau khi thử-thách Tì-kheo Na-Tiên, Vua Di-Lan mới ngộ ý muốn cùng Sư bàn-luận về Giáo-Pháp. Bằng lời nói bộc-trực, Na-Tiên thẳng-thắn nói:

- Nếu Vua dùng trí-huệ để hỏi tôi, thì có thể cùng nhau bàn-luận. Nếu Vua dùng ý lời vương-giả kiêu-quí, thì chẳng thể cùng Vua bàn-luận được.

Sự phân-biệt giữa lời nói của trí-huệ và lời nói của vương-giả đã được Na-Tiên trình-bày rất minh-bạch. Lời nói ngay-thẳng, chơn-chánh, hướng về Chơn-lý, có thua có thắng, thất-bại chẳng chút giận-hờn, là lời nói của bực trí-giả. Lời nói kiêu-quí, phóng theo cảm-nghĩ riêng, gặp chỗ chẳng vừa ý thì trừng-phạt, đó là lời nói của bực vương-giả.

Đức khiêm-cung của nhà Vua cũng được biểu-lộ ra rất rõ-ràng, đáng cho ta khâm-phục, khi Ngài đáp:

- Nguyễn dùng lời nói của bực trí-giả, chẳng dùng lời nói của vương-giả, chẳng giữ ý-nghĩ vương-giả trong lời mình nói... khiến cho lòng mình chẳng mang sợ-hãi, thành-tâm cùng được khai-ngộ.

Nhơn vấn-đề quan-trọng này, Thiện Nhựt, theo thiên-ý của mình, xin thưa thêm một vài điều:

1.- Kinh-sách Phật-học thường nhắc đến lời Phật dạy là phải tránh các cuộc hí-luận. Thế nào là hí-luận? Hí là vui-đùa. Luận là bàn-cãi. Thường thấy, tiếp theo các buổi trà-dư tửu-hậu, nhiều người tự-nhận là bực "trí-thức hiểu Đạo" ngồi nhâm-nhi tách trà, bàn-luận nhau với lời-lẽ dao to búa lớn mà ý-nghĩa lại rỗng-tuếch, phê-bình vị đại-sư này, khen-ngợi vị thiên-giả kia, từ Đông sang Tây, hết kim đến cổ; đó là ... bàn-luận chơi cho vui, vậy thôi, chớ nào phải đi tìm Chơn-lý, để rút lấy kinh-nghiệm tu-tập. Thế cho nên, Đức Phật mới gọi là hí-luận và dạy ta cần phải tránh.

2.- Kinh-sách Phật-học phân-biệt hai loại Chơn-lý: (1) sự-thật ở thế-gian, có thể đúng nơi này, vào lúc này, mà có thể chẳng hợp với chỗ kia, vào một thời khác, cho nên gọi đó là tục-đế, nghĩa là sự-thật tương-đối trong đời sống thế-tục; (2) sự-thật đúng muôn đời và khắp mọi nơi, đưa con người tu-hành đến nơi giác-ngộ và giải-thoát; vì thế cho nên mới gọi là chơn-đế, nghĩa là sự-thật tuyệt-đối, thuộc lãnh-vực xuất-thế-gian. Dùng lời-lẽ của thế-gian khó mà vươn lên đến tận Chơn-lý tuyệt-đối của lãnh-vực xuất-thế. Bởi thế cho nên, người hiểu-biết bao giờ cũng nghĩ là mình chưa hề nắm vững được Chơn-đế, nên phải giữ thái-độ khiêm-hoà, chẳng dám liêu-lĩnh bảo rằng điều mình nói là sự-thật duy-nhứt và tối-thượng. Trái lại, tâm-trạng người ấy nên mở rộng ra đón nhận tạm-thời lời-lẽ của người đối-thoại, hẹn với lòng mình sẽ truy-cứu và soát-xét kỹ lại các chỗ đúng cùng sai, hầu rút lấy kinh-nghiệm tu-tập cho bản-thân.

3.- Thái-độ thích-nghi trong khi luận-bàn về Giáo-lý là phải thành-khản trong tư-tưởng và lời nói:

a.- Về phía người thưa hỏi, ở vào vị-thế của người đi học Đạo, cần phải giữ lễ-độ đối với người mà mình thưa-thỉnh. Thái-độ đứng-đắn là nêu ra các câu hỏi cho rõ-ràng, chú-trọng đến chỗ mình còn nghi-ngờ chưa được giải rõ. Và khi nghe lời giảng-giải, phải lắng lòng, chú-tâm, chẳng vội chấp-nhận, cũng chẳng bài-bác ngay, nếu có chỗ chưa kịp hiểu, thì xin được minh-chứng thêm bằng các thí-dụ cụ-thể trong đời sống hằng ngày.

b.- Về phía người được hỏi, chẳng bao giờ để khởi lên trong lòng mình một chút ý-nghĩ tự-hào còn-con nào rằng mình biết Đạo hơn người kia, nếu chẳng đáng làm Thầy thì cũng là người đi trước. Và khi giảng-giải, phải tùy theo căn-cơ của người nghe mà dùng lời-lẽ giản-dị, rõ-ràng, dễ hiểu, kèm theo các thí-dụ trong thực-tế.

4.- Trong một cuộc thảo-luận về các vấn-đề đạo-giáo, có hai điều mà kẻ hỏi và người đáp cần nên tránh, thì mới xứng-danh là một cuộc thảo-luận đúng-đắn và hữu-ích.

a.- Về phía người hỏi, chớ bao giờ có hậu-ý muốn dồn kẻ đối-thoại vào ... ngõ bí. Trên địa-hạt tâm-linh, có nhiều vấn-đề mà chính Đức Phật đã gọi là bất-khả tư-nghì, nghĩa là chẳng thể nghĩ-bàn được với lời-lẽ của thế-gian. Đừng đòi-hỏi có cho được những bằng-cớ thật cụ-thể, tai nghe mắt thấy, có thực-nghiệm của khoa-học chứng-minh, rồi mới chấp-nhận. Điều mình chẳng tin được, trong khung-cảnh thời-gian và không-gian hiện-tại, chưa chắc hẳn là chẳng thể nào có được, biết đâu đó lại là một sự-thật tại một cảnh-giới khác, vào một thời khác. Thế cho nên, thái-độ khoa-học chơn-chánh là phải tỏ ra dè-dặt, chớ vội bác-bỏ hoàn-toàn mà chẳng cứu-xét kỹ lại khả-năng thông-hiểu của trí-óc con người.

b.- Về phía người đóng vai-trò hướng-dẫn, tưởng cũng chẳng nên đưa ra "tối-hậu-thơ": tôi nói như thế, có tin thì tu theo, còn chẳng tin, thì cứ giữ lấy quan-niệm của mình vậy. Người thưa hỏi thành-tâm muốn được giải chỗ còn hoài-nghi, nghe câu nói đó rất chán-nản, và đạo-tâm vì thế mà lụi sứt. Lại nữa, cũng đừng nên dùng luôn câu nói quá dễ-dàng này: tôi nói thế, đạo-hữu cứ đọc đi, tụng đi, thi-hành theo đi, rồi sẽ có ngày hiểu rõ được ý-nghĩa sâu-xa mà đạo-hữu muốn hỏi. Người hỏi đang chờ đợi một vài câu khuyên thực-tế, đôi lời giảng-giải gọn-gàng về ý-nghĩa chỗ còn đang thắc-mắc, làm sao mà tiếp-tục đọc-tụng thêm được, nếu chỗ hồ-nghi còn chưa được giải-toả. Tưởng chẳng có chi là đáng hổ-thẹn khi chính mình nhận thấy mình còn chưa đủ lời-lẽ để phân-tách điều đang được hỏi, sao lại chẳng thành-thật nhìn nhận sự thiếu-sót của mình và mời người hỏi tìm đến một bậc cao-minh khác?

5.- Và trong mọi trường-hợp, chớ chẳng cứ là chỉ trong các dịp thảo-luận mà thôi, luôn luôn nên giữ thái-độ cởi-mở, đón nhận mọi lý-lẽ, -- tin hay chẳng chịu tin, đó là quyền tự-do tư-tưởng riêng bên trong của mình -- hãy lắng nghe để cho người đối-thoại có đủ cơ-hội trình-bày lập-trường. Thái-độ đáng

trách nhứt là cố-chấp, ôm giữ khư khư các ý-kiến, các cảm-nghĩ cá-nhơn, và cả các thành-kiến!

Thiện Nhựt xin thành-tâm sám-hối đã quá dài-dòng khi nêu ra nhiều ý-kiến thô-thiển của mình. Xin đóng dấu ngoặc lại và quay về kể tiếp câu chuyện giữa vua Di-Lan và tì-kheo Na-Tiên.

*

105.- Dọc đường, Triêm-Di-Lợi được Na-Tiên khai-ngộ .

Lúc bảy giờ trời sắp tối, nhà Vua muốn quay về cung. Hôm sau, Vua sai quan hầu-cận Triêm-Di-Lợi đi thỉnh Na-Tiên đến đền vua để cúng-dường trai-tăng và thưa hỏi về Phật-pháp. Na-Tiên cùng với tám mươi vị tì-kheo lên đường đến hoàng-cung.

Dọc đường, Triêm-Di-Lợi nhớ lại cuộc nói chuyện hôm qua giữa Vua và Na-Tiên, mới thưa cùng Na-Tiên:

- Bạch Ngài, hôm qua, Ngài có bảo, chẳng có gì là Na-Tiên cả, tôi còn chưa hiểu, mong Ngài chỉ-dạy thêm cho.

- Theo ông, thì cái gì là Na-Tiên?

- Có lẽ hơi thở ra vào chính là Na-Tiên.

- Hơi thở có ra mà chẳng vào, thì con người thế nào?

- Hơi thở ra mà chẳng vào lại, mạng sống con người chấm dứt.

- Thế thì, các người thổi kèn, thổi ống bẻ lò rèn, thổi tù-và, khi thổi hơi ra, hơi đó có trở vào chẳng?

- Bạch, không?

- Các người thổi đó có vì thế mà chết đi chẳng?

- Bạch, không; họ chẳng vì thế mà chết. Xin Ngài chỉ-dạy rõ thêm.

- Hơi thở ra vào là một phần-việc ở trong cơ-thể; cũng như trong tâm có ý thì lưỡi nói ra lời; đó là phần-việc của tâm và của lưỡi. Mỗi bộ-phận trong

thân-tâm đều có phần-việc cả, khi nhìn kỹ lại thì là Không, là rỗng-rang, chẳng có gì là Na-Tiên cả.

Triêm-Di-Lợi nghe xong, tâm liền khai-ngộ.

(Tiểu-mục số 017, bản Phỏng-dịch, vừa được nhắc lại trên đây, nhằm nêu lên lý-do tại sao chẳng có gì là Na-Tiên cả, và để giải-thích thêm lý vô-ngã: trong thân-tâm do năm uẩn tập-hợp lại này, chẳng hề có cái gì gọi là "Ta", "Ngã" cả. Bình-dân còn mê-tín tin-tưởng rằng mỗi người có một linh-hồn bất-diệt, cứ đầu-thai lại làm người trải qua nhiều kiếp sống chết. "Ta" chẳng có, mà cả "linh-hồn" cũng chẳng có; chẳng qua vì mê-tín, vì tà-kiến, mà vương-mắc phải ý-tưởng sai-lầm này là coi trong thân-tâm như có cái "Ta", có cái "linh-hồn". Tà-kiến đó gọi là thân-kiến, hoặc ngã-kiến.)

Sau khi, chư Tăng an-toạ, Đức Vua tự tay sợi com và sót thực-phẩm dâng-hiến lên cho Tì-kheo Na-Tiên. Tiếp theo bữa thọ-trai, nhà Vua sai mang áo ca-sa và giày ra cúng-dường Tăng-đoàn. Kế đó, nhà Vua truyền lệnh cho các quý-nhơn trong hậu-cung phải ra ngoài thượng-điện, ngồi sau màn, để theo dõi cuộc pháp-đàm giữa Ngài và Tì-kheo Na-Tiên. (Đây là hảo-ý rất đáng khen của nhà Vua muốn cho các phi-tần trong hậu-cung cũng có dịp học-hỏi thêm về Chánh-Pháp).

*

106.- Sắp-xếp lại các loại câu hỏi về Giáo-Pháp .

Đến đây, Thiện-Nhựt vừa kể xong Phần I của quyển Tì-kheo Na-Tiên. Tiếp theo xin tóm-tắt Phần II của quyển sách là phần quan-trọng nói đến các câu hỏi và lời giải-đáp giữa Di-Lan và Na-Tiên.

Rất khó sắp-xếp lại các vấn-đề đạo-pháp mà Vua Di-Lan đã lần-lượt nêu lên để hỏi Tì-kheo Na-Tiên. Nhiều câu hỏi được nhắc đi nhắc lại nhiều lần ở nhiều đoạn khác nhau. Thí-dụ như vấn-đề đi tu làm sa-môn, vấn-đề tái-sanh, vấn-đề Trí-huệ, v.v...

Tổng-cộng tất cả có hơn 80 câu hỏi, có thể tạm chia làm mười vấn-đề sau đây:

- I.- Tại sao đi tu làm sa-môn?
- II.- Sự tái-sanh, nghiệp-lực, và thuyết Luân-hồi;
- III.- Phân-biệt các điều thiện và ác;

- IV.- 37 Phẩm Trợ Đạo;
- V.- Trí-huệ;
- VI.- Các loại cảm-thọ;
- VII.- Đắc Đạo và cõi Niết-bàn;
- VIII.- Phật;
- IX.- Con "Người" và lý-thuyết vô-ngã;
- X.- Các câu hỏi linh-tinh về kiến-thức tổng-quát.

Nơi Bản Mục-Lục có ghi rõ các tiêu-mục và các trang có liên-quan đến mười vấn-đề vừa nêu trên đây.

Trong Phần Tìm hiểu Nghĩa Ý, Thiện Nhựt xin mạn phép chẳng theo đúng thứ-tự từng trang một, trong Bản Phỏng-dịch, mà lại lần-lượt xét theo các vấn-đề nêu trên đây; xin người đọc chịu phiền tra-cứu lại chánh-văn trong bản Phỏng-dịch, nếu thấy cần.

-----*-----

I.- Vấn-đề: Đi tu làm Sa-môn

107.- Tại sao đi tu làm sa-môn?

Vấn-đề tu-hành, đối với người còn tại nhà và đối với các bậc đã xuất-gia, là vấn-đề quan-trọng bậc nhất; vì lẽ đó vua Di-Lan đã nêu lên câu hỏi này, trước với vị sa-môn Dã-Hoà-La, và sau đó lại đặt vấn-đề ấy với Tì-kheo Na-Tiên, hơn một lần.

Nơi tiêu-mục số 010, phần Phỏng-dịch, nhà Vua hỏi sa-môn Dã-Hoà-La, vì sao cạo đầu đi tu làm sa-môn. Vị sư này đáp:

- Chúng tôi học hạnh trung-chánh của đạo Phật, đời này được phước, đời sau cũng được phước; vì lẽ đó, tôi xuống tóc, cạo râu, mặc áo cà-sa làm sa-môn.

Lý-do đi tu làm sa-môn, ở đây, được Sư Dã-Hoà-La nêu lên là để được phước đời này và đời sau. Đó là tu phước. Phước đó là phước gì? "Được phước" là cuộc sống trong hiện-tại và trong tương-lai được nhiều may-mắn, sung-sướng, thí-dụ như được giàu-có, thoát khỏi mọi tai-nạn, thân-tâm được an-lạc và gia-quyền chẳng bị khổ-sở, v.v. Sự hưởng-thọ hạnh-phước đó được xem như "phần thưởng" để bù-đắp cho công khó-nhọc đã tu-hành; "phần-thưởng" ấy được gọi là "phước", đều dành cho cả hai hạng người tu tại-gia và bậc xuất-gia, khi đã noi theo đúng "hạnh trung-chánh". Hạnh-

phước đó do đâu mà có? Đó là vì trong đời này tu-hành, tránh các điều ác, làm nhiều điều lành, tạo nên thiện-nghiệp, nên theo Luật Nhân-quả được hưởng phước lành, ngay trong hiện-đời được kẻ khác mến-yêu, kính-nể, và trong kiếp vị-lai, được sanh lại vào nơi cao-sang, quyền-quí.

Nhưng mục-đích tu-hành của bậc xuất-gia chơn-chánh, ngoài việc được phước như người tu tại-gia, còn cao-sâu hơn nữa. Cao-sâu ở điểm nào? Bậc xuất-gia đã là cuộc sống ràng-buộc trong gia-đình, đi tu cốt là để được giải-thoát? Sao gọi là giải-thoát, ai hay cái gì ràng-buộc mình mà phải tìm sự giải-thoát? Đã mang thân-tâm năm uẩn này thì phải chịu khổ, cái khổ chẳng chừa một ai, từ lúc sanh ra, lớn lên, già, bệnh, chết; thương nhau chẳng gặp nhau; ghét nhau phải gần nhau, cầu mà chẳng được; các nỗi Khổ đã được kể đầy-đủ trong Khổ-đế nơi bản Kinh Chuyển Pháp-Luân. Chính vì muốn đời này tránh các nỗi Khổ đó và đời sau chẳng phải mang lại các nỗi Khổ đó nữa, mà các bậc xuất-gia mới tu-tập theo hạnh sa-môn. (Xin xem lại các tiểu-mục số 018; số 085, bản Phỏng-dịch).

Vả lại, phước mà người tu tại-gia được hưởng đời này và cả đời sau nữa, là phước hữu-lậu, (hữu = có; lậu = rỉ chảy) hưởng riết rồi có ngày sẽ cạn, và khi hết phước sẽ phải bị khổ-sở trở lại, nhứt là còn chưa được giải-thoát vì phải tái-sanh lại trong cảnh Luân-hồi. Còn phước mà bậc tu-hành mong được hưởng là phước được giải-thoát hoàn-toàn, vượt khỏi vòng sanh-tử của Luân-hồi. Phước đó gọi là phước vô-lậu, (vô = chẳng có), hưởng hoài chẳng bao giờ dứt, vì một khi đã được hoàn-toàn giải-thoát rồi thì chứng được vô-sanh, (vô = chẳng có, sanh = ở đây là tái-sanh, sanh trở lại); chẳng còn phải lận-đận trong việc chết đi, sống lại, chết đi ... nữa, để chịu Khổ.

Với sự phân-biệt giữa hai loại phước, hữu-lậu và vô-lậu, cùng mục-đích thấp và cao giữa hai hạng tu-hành tại-gia và xuất-gia, giờ đây ta thấy rõ vì sao Sư Dã-Hoà-La đã "thua" vua Di-Lan. Sư thất-bại trong cuộc đối-đáp, chỉ vì Sư chưa phân-biệt được phước hữu-lậu của kẻ tu tại nhà, với phước vô-lậu của bậc xuất-gia; và nhứt là mục-đích cao-cả của việc xuất-gia: giải-thoát khỏi cảnh Luân-hồi, tránh mọi sự Khổ, chớ chẳng phải chỉ mong được sung-sướng trong đời này và đời sau mà thôi đâu.

Và đây cũng là dịp để ta phân-biệt thêm việc tu phước và việc tu huệ. Tu huệ khác với tu phước ở chỗ là nhằm phát-triển Trí-Huệ, khi theo đúng Tam Vô-lậu-học (= ba môn học vô-lậu, giúp ta đến nơi giác-ngộ và giải-thoát: Giới, Định, Huệ). Nhờ giữ Giới thanh-tịnh, thân-tâm thường an-lạc, nên tâm dễ đắc Định. Nhờ tâm an-định mà Trí-Huệ được phát-triển. Nhờ Trí-Huệ sáng-

suốt mới cắt đứt được các loại phiền-não, chắm-dứt sự luyến-ái, mà chúng được vô-sanh, vĩnh-viễn thoát khỏi vòng luân-quần khổ-sở của Luân-hồi.

Đức Phật được tôn-xưng là bực Lương-Túc-Tôn, tức là vị đã thực-hiện đầy-đủ cả hai Phước và Huệ (lương= hai; túc= đầy-đủ; tôn = tôn-trọng).

*

108.- Có mấy hạng sa-môn?

Nơi tiểu-mục số 018, Tì-kheo Na-Tiên có nêu lên bốn hạng người đi tu theo hạnh sa-môn: (1) người vì nợ-nần; (2) người vì sợ quan-quyền; (3) người vì nghèo-khó; và (4) người muốn dứt bỏ mọi khổ-nhọc đời này, đời sau. Và Tì-kheo Na-Tiên cho biết, mình đi tu làm sa-môn là vì cầu Đạo.

Ba hạng người trước đi tu, chỉ vì muốn trốn tránh, hoặc nợ-nần, hoặc bị rắc-rối ở cửa quan, hoặc vì quá nghèo-khó. Trốn việc đời mới đi tu, mục-đích này chẳng mấy chính-đáng. Cũng như các người vì thất-vọng, tình-duyên dở-dang, sự-nghiệp tiêu-tan, mới vào chùa để tìm nguồn an-ủi; việc xuất-gia như thế khó mà bền lâu được; hễ nổi đau-khổ được nguôi-ngoại rồi là khó mà chẳng nhớ và quay lại với việc đời ở thế-gian. Sự xuất-gia cần được đặt trên căn-bản: thấy rõ và hiểu thấu các nỗi Khổ ở thế-gian, quyết lòng cắt đứt mọi ràng-buộc ở gia-đình và xã-hội, để tìm cho bằng được con đường giải-thoát. Có vì cầu Đạo, thì đạo-tâm mới vững-bền, tinh-tấn tu đến ngày giác-ngộ.

(Về ý-nghĩa của hai chữ sa-môn và tì-kheo, xin người đọc chịu phiền xem lại Phần Tìm hiểu Nghĩa Chữ.)

-----*-----

II.- Vấn-đề: Tái-sanh Luân-hồi

109.- Vấn-đề tái-sanh được nêu lên nhiều lần trong quyển Tì-kheo Na-Tiên .

Đề-mục quan-trọng thứ nhì, thường được nhắc đi nhắc lại trong quyển "Tì-kheo Na-Tiên" này là vấn-đề tái-sanh. Xuyên qua bản Phỏng-dịch, ta thấy Vua Di-Lan đã nêu vấn-đề này tất cả mười bốn lần, mỗi lần với một khía-cạnh khác, và rải-rác khắp quyển sách:

Các tiêu-mục số 019; số 037; số 038; số 043; số 044; số 045; số 047; số 049; số 050; số 070; số 071, 072; số 073; và số 087.

Theo các tiêu-mục vừa được liệt-kê trên đây, quyển "Ti-kheo Na-Tiên" đã xét vấn-đề tái-sanh dưới các khía-cạnh sau đây:

1.- Tại sao phải sanh trở lại? Ai phải sanh trở lại, còn ai thì chẳng phải sanh trở lại nữa? Người hết tái-sanh lại có tự-biết điều đó chẳng? Vua hỏi Na-Tiên có biết mình còn phải tái-sanh nữa không?

2.- Khi tái-sanh, dùng thân cũ hay có thân mới? Chỗ đã làm thiện-ác nay đi về đâu? Thân mới có mang theo nghiệp cũ chẳng? Thế nào là Danh-Sắc triển-chuyển theo thời-gian, tòng theo các nguyên-nhân dây chuyền?

3.- Cái "gốc sanh-tử" của con người là gì?

4.- Chết cùng lúc, có đến nơi tái-sanh cùng một lúc không?

5.- Thế-gian có sự-vật nào tự-nhiên mà sanh ra chẳng?

*

110.- Thắc-mắc lớn: Chết rồi, đi về đâu?

Trước khi tìm hiểu Nghĩa Ý của các tiêu-mục nói trên, xin được phép xét qua hai điểm thắc-mắc lớn thường thấy: (1) Chết rồi, sẽ đi về đâu? (2) Có "hiện-tượng" tái-sanh thật-sự hay không?

Với mạng sống hiện nay trung-bình vào khoảng sáu, bảy mươi năm, con người thường thắc-mắc tự-hỏi: Khi chết rồi, sẽ đi về đâu? Khoa-học, trong hiện-trạng, còn chưa có câu trả lời dứt-khoát. Tùy theo giáo-lý và tín-điều riêng-biệt, đối với hiện-tượng "sau cái chết", các tôn-giáo đã có lắm cách giải-thích khác nhau.

Phật-giáo khẳng-định với thuyết Luân-hồi rằng, chúng-sanh sau đời sống hiện-tại, tùy theo sự dẫn-dắt của nghiệp-lực, do các hành-vi thiện-ác đã qua gây nên, mà tái-sanh lại vào một trong sáu nẻo: ba đường dữ: (1) địa-ngục, (2) nga-quí và (3) súc-sanh) và ba đường lành: (4) cõi Người, (5) cõi Thần, và (6) cõi Trời). Chỉ trừ những bực tu-hành đặc-đạo, nghiệp-lực đã dứt hẳn và chứng được vô-sanh (vô= chẳng; sanh= sanh lại, ở đây là tái-sanh) an-

ngủ trong cảnh vắng-lặng của Niết-bàn vĩnh-cửu, mới chẳng còn tái-sanh nữa.

(Với sự trình-bày quá sơ-lược về lý-thuyết Luân-hồi như trên đây, chắc-chắn chẳng thể nào giải-tỏa được nỗi thắc-mắc to-lớn về câu hỏi "Chết rồi, đi về đâu?" Tuy nhiên căn-bản của vấn-đề có liên-quan đến các cảnh-giới ngoài vòng thế-tục, như cảnh địa-ngục, cảnh Trời, cho nên chẳng thể dùng lời-lẽ và bằng-cớ cụ-thể ở cõi đời này mà minh-chứng được. Thái-độ khôn-khéo đối với mọi lý-thuyết là nên cởi-mở, chẳng bác-bỏ hẳn, mà cũng chẳng chấp-nhận ngay, cứ nên ... để bỏ ngỏ, "chờ và xem"!).

*

111.- Có "hiện-tượng" tái-sanh hay không?

Câu hỏi về tái-sanh vừa nêu trên đây rất khó mà có hẳn một lời đáp rõ-ràng, thẳng-thắn với đầy-đủ các chứng-minh của khoa-học hiện-đại được. Tại sao? Vì "hiện-tượng" tái-sanh diễn ra chẳng phải chỉ ở tại thế-gian này, mà còn ở các cảnh-giới khác, ở bên kia thế-giới nữa. (Gọi là "hiện-tượng", một biến-cố thật-sự có xảy ra trong một khung-cảnh không-gian và thời-gian nào đó). Cũng vì lẽ đó, trong quyển "Ti-kheo Na-Tiên", ta đâu thấy "vấn-đề việc tái-sanh có thật hay không?" được đặt ra; trái lại, tác-giả xem đó là một sự-việc dĩ-nhiên, và mặc-nhiên chấp-nhận rằng hiện-tượng tái-sanh là có thật, rồi bàn ngay đến các khía-cạnh khác của tái-sanh như, ai phải tái-sanh, khi tái-sanh cái gì còn, cái gì mất, v.v... Phải chăng đó là một thái-độ dựa theo một sự tin-tưởng tiên-thiên, chẳng cần chứng-minh, cứ xem vấn-đề tái-sanh là một hiện-tượng thiên-nhiên, một sự-việc tự-nhiên, hễ chết đi rồi tất phải có sanh trở lại trong vòng Luân-hồi. Đó cũng tựa như đối với loài thảo-mộc, hễ già cõi, có trái, có hột, thì hột giống sẽ nảy mầm sanh cây khác để tiếp-tục chủng-loại mãi mãi.

Hiện-tượng tái-sanh có thật hay chẳng có thật? Quả tình, với khả-năng trí-óc của con người trong hiện-tại đây chẳng thể nào trả lời chính-xác và dứt-khoát được. Tại sao? Thử phân-tách việc tái-sanh ra làm ba giai-đoạn: (1) có một cá-thể chết đi tại thế-gian này; (2) cá-thể đó, trong thời-gian chẳng còn có mặt ở thế-gian, được biến-đổi tại một cảnh-giới nào đó, để có được một thân-tâm mới khác; (3) sự sanh ra đời của một cá-thể sau khi được biến-đổi, hoặc ở thế-gian, hoặc ở một cảnh-giới khác. Trong ba giai-đoạn đó, trí-óc con người ở thế-gian, chỉ nhận-thấy rõ ràng được có hai: một, khi chết và một, khi sanh. Còn việc quả-quyết rằng chính cá-thể đã chết nay sanh lại

dưới thân-thể mới này, thì vượt khỏi sự hiểu-biết của tâm-trí bình-thường. Thế cho nên, chẳng thể nào có được một câu trả lời dứt-khoát bằng lời-lẽ của thể-tục.

Giáo-lý Phật-học căn-cứ trên lời dạy của Đức Phật Thích-ca mâu-ni tuyên-bố khi Ngài đấng đạo tại Bồ-đề đạo-tràng rằng, với thiên-nhân-thông, Ngài nhìn thấy chúng-sanh chết nơi này tái-sanh lại nơi kia, trong vòng Luân-hồi khổ-sở và luân-quần. Lời tuyên-bố rất rõ-ràng này căn-cứ trên kinh-nghiệm bản-thân của Đức Phật ngay sau khi Ngài vừa được giác-ngộ và giải-thoát hoàn-toàn. Lời tuyên-bố ấy giải-tỏa được nỗi thắc-mắc "Chết rồi, đi về đâu?" cho những ai tin-tưởng vào Giáo-lý nhà Phật; và dĩ nhiên đối với một bực đại-sư như tác-giả quyển "Na-Tiên Ti-kheo Kinh" này, thì việc tái-sanh được xem như một sự-thật có thật chẳng cần phải bàn-cãi nữa; và vì lẽ đó mà quyển sách này đã chẳng đặt lại vấn-đề tái-sanh có thật hay là chẳng có thật.

Đối với những ai cứu-xét vấn-đề ấy theo nhãn-quan lạnh-lùng và khách-quan của khoa-học, chỉ có việc tin hay là chẳng tin vào lời tuyên-bố của Đức Phật mà thôi; nhưng xin được phép nhắc lại lần nữa, đối với các người chưa tin hay chẳng tin, chớ vội bác-bỏ, nên có một thái-độ dè-dặt, bỏ-ngỏ, "chờ và xem".

*

112.- Cái gì mất, cái gì còn, khi chết đi?

Con người ở thế-gian khi nhìn vào người chết, biết rõ thân-xác ấy sẽ tan-rã, còn phần tâm-linh, vốn vô-hình, chẳng biết chắc được rồi sẽ ra thế nào, còn hay mất.

Đối với người mê-tín, phần "linh-hồn" vốn bất-diệt sẽ thoát ra khỏi thân-xác và đi đầu-thai, hoặc sanh trở lại ở thế-gian, hoặc được lên Thiên-đàng, hay bị đọa xuống địa-ngục. Sự tin-tưởng vào một "linh-hồn bất-diệt" chưa thấy được chứng-minh đầy-đủ với bằng-cớ cụ-thể, cho nên Phật-học xem đây là một tà-kiến được gọi là thường-kiến, nghĩa là một ý-kiến sai-lầm cho rằng nơi thân-tâm con người đã có sẵn một phần tinh-túy, cốt-lõi, chẳng hề biến-diệt; đã là "người" rồi, thì bao giờ cũng là "người" mãi, cho dầu sống tại đây, hay hiện-diện nơi các cảnh-giới khác.

Trái ngược hẳn với thường-kiến, có đoạn-kiến, cũng là một tà-kiến cho rằng, một khi chết đi, thì cùng với sự tan-rã của thân-thể, phần tâm-linh cũng tan-rã và tiêu-diệt theo, chẳng còn gì tồn-tại cả: chết là hết! Đây là sự tin-tưởng

của phần đông dân-chúng thiên-cận thấy thầy chết vô-tri nằm bất-động, liền cho đó chẳng còn gì nữa cả.

Thường-kiến và đoạn-kiến đều phủ-nhận việc tái-sanh, bác-bỏ việc tu-hành trong hiện-đời và sẽ đưa đến hậu-quả tai-hại: sống-chết mãi trong thân-phận khổ nhiều, sướng ít của chúng-sanh.

*

113.- Tại sao phải tái-sanh lại? Ai phải tái-sanh lại, còn ai chẳng phải tái-sanh nữa?

Sau khi trình-bày hai điểm thắc-mắc lớn về cái chết và tái-sanh, (chẳng thấy sách "Tì-kheo Na-Tiên" này có bàn đến), giờ đây xin được tiếp-tục tóm-lược và tìm hiểu ý-nghĩa các tư-tưởng nêu trong cuộc đàm-luận giáo-pháp giữa nhà vua và vị tu-sĩ.

Nơi tiêu-mục số 019, Phần Phỏng-dịch, Vua Di-Lan có hỏi Na-Tiên:

- Ai còn phải tái-sanh lại, và ai chẳng còn sanh lại?

Na-tiên đáp:

- Người quyên-luyện niềm ân-ái nhiều, lắm sự ham-muốn thì sanh lại ở đời sau; người đã dứt sạch sự ân-ái, bỏ hết mọi ham-muốn, thì đời sau chẳng phải sanh trở lại.

Câu trả lời của Tì-kheo Na-Tiên rất rõ-ràng và dứt-khoát: ai còn (1)quyên-luyện sự ân-ái, (2)lắm sự ham-muốn, thì phải tái-sanh trở lại ở đời sau. Quyên-luyện sự ân-ái là gì? Ân-ái trở vào mối tình giữa vợ-chồng, hoặc sự trứu-mén giữa nam-nữ. Sự ham-muốn, ở đây, chỉ vào tất cả những tham-vọng và đòi-hỏi còn chưa được thoả-mãn; một cách tổng-quát, còn sự ham-muốn là còn muốn được sống lâu thêm nữa, để có thể được hưởng-tho những điều mình hằng mơ-ước.

Vua Di-Lan lại hỏi thêm:

- Còn người một lòng niệm Chánh-Pháp, niệm thiện, có trí-huệ và siêng làm điều thiện, cũng chẳng sanh lại đời sau, phải không?

Na-Tiên đáp:

- Người lấy nhứt-tâm niệm Chánh-Pháp, niệm thiện, niệm trí-huệ, và các điều lành khác, nhờ đó đời sau chẳng phải sanh trở lại.

Nhứt-tâm niệm Chánh-Pháp, niệm thiện, niệm trí-huệ và các điều lành, là cách thứ hai để khỏi phải tái-sanh lại chịu khổ trong cõi Luân-hồi. Nhứt-tâm niệm Chánh-Pháp nghĩa là gì? Đó là: một lòng cố chuyên-chú nhớ nghĩ đến Chánh-Pháp và tuân-hành theo. Chánh-Pháp dạy ta ba môn học vô-lậu: Giới, Định, Huệ; và tuân-hành theo Chánh-Pháp thì phải giữ giới (trong đó có sự dứt hẳn việc dâm-dục) cho tâm thanh-tịnh, để sớm đắc định-lực và phát-triển trí-huệ. Đây là việc tu huệ như ta đã biết ở tiêu-mục số 107, vừa nói ở trên. Nhờ trí-huệ mà cắt đứt mọi sự tham-luyến, do đó mới chấm-dứt được sự tái-sanh; theo như lời Na-Tiên giải-thích tiếp theo: "Vương từng thấy việc gặt lúa chẳng? Tay trái cầm bó lúa. Tay phải cắt đứt các cọng lúa. Trí-huệ con người cắt đứt được sự tham-ái, cũng như ta gặt lúa, cắt lúa vậy..."

*

114.- Người hết tái-sanh lại có tự-biết điều đó chẳng?

Từ tiêu-mục số 019, ta phải nhảy đến tiêu-mục số 038, Phần Phỏng-dịch, để có thể trả lời câu hỏi vừa nêu trong tiêu-mục số 114 trên đây. Vua hỏi Na-Tiên:

- Có người chẳng sanh lại ở đời sau không, và có tự-biết được việc chẳng sanh lại ấy chẳng?

- Dĩ nhiên, có người như thế, tự biết mình chẳng còn tái-sanh.

Và Na-Tiên đưa ra một thí-dụ về người nông-phu có lúa dự-trữ năm trước, năm nay chẳng trồng lúa nữa, thì tự biết mình chắc-chắn chẳng có lúa mới. Thí-dụ giản-dị này hàm chứa một ý-tưởng sâu-xa. Ý-tưởng gì? Hễ có gieo mạ, trồng lúa, thì mới có thóc mới. Gieo mạ đây hàm chứa ý-tưởng hễ gieo nhân, thì có quả là thóc mới. Người dứt hẳn sự tham-ái, việc dâm-dục, bỏ mọi ham muốn, thì chẳng gieo nhân nữa, nên đâu còn phải chịu hậu-quả phải tái-sanh vào đời sau; nào có khác chi kẻ nông-phu kia chẳng gieo mạ thì làm gì có lúa mới để phải gặt vào năm tới.

Rồi Na-Tiên kết-luận:

- Người đã đắc-đạo cũng lại như thế, tự biết rằng đã dứt bỏ ân-ái, sướng-khổ, chẳng còn tham-tâm, do đó biết rõ đời sau chẳng sanh lại.

*

115.- Vua hỏi Na-Tiên có biết mình còn phải tái-sanh nữa không?

Tại tiểu-mục số 044, nhà Vua hỏi thẳng Na-Tiên:

- Na-Tiên nay có sanh trở lại đời sau không?

Đây là một câu hỏi thẳng-thắn, chờ đợi một câu trả lời minh-bạch rằng "có" hay "không có". Nhưng câu trả lời của Na-Tiên dường như chẳng đáp-ứng đúng hẳn vào hậu-ý của nhà Vua. Tại sao? Na-Tiên đáp:

- Lời Đại-Vương hỏi tôi đây, trước tôi đã đáp rồi: Nếu như tôi còn có sự lưu-luyến về ân-ái, thì đời sau sẽ sanh trở lại; còn nếu dứt được sự ân-ái, thì tôi chẳng sanh lại nữa.

Đáp như thế, mới nghe qua, tưởng như đó là lời nói "phân hai" chẳng quả-quyết rằng mình đã dứt được sự ân-ái để khỏi tái-sanh, mà cũng chẳng nói chắc rằng mình vẫn còn sự ân-ái. Nhưng nếu ta nghĩ sâu-xa thêm một chút nữa, sẽ thấy chỗ thành-thật và khéo-léo của Tì-kheo Na-Tiên trong lời đáp. Thành-thật ở chỗ nào? Việc chấm-dứt sự ân-ái của mình, chính mình mình biết lấy, có nói thẳng ra, lấy chi làm bằng-cớ, rồi ai "làm chứng" cho mình? Vì lẽ đó, Na-Tiên mới dùng chữ "nếu" trong câu trả lời. Khéo-léo ở chỗ nào? Nếu nói toạc ra rằng đã từ lâu mình dứt hẳn sự ân-ái và nay mình đã chứng-đắc được vô-sanh rồi, (chẳng còn tái-sanh nữa), thì đó là lời -- tuy thành-thật -- nhưng vẫn mang ít nhiều sự khoe-khoang mình đã đắc-đạo.

Ngày nay, ta thấy lắm hành-giả thiếu chơn-chánh rêu-rao đã chứng đắc đạo này quả kia, tưởng nên xem kỹ lại lời đáp của Na-Tiên.

*

116.- Khi tái-sanh, dùng thân cũ hay có thân mới?

Xin trở lại tiểu-mục số 037, Phần Phỏng-dịch, đề cứu-xét vấn-đề vừa nêu.

Vua hỏi Na-Tiên:

- Người chết rồi đi theo hướng các ngỗ thiện và ác, có phải lấy thân-tâm cũ sanh ra lại, hay là dùng thân-tâm mới?

- Cũng chẳng phải lấy thân-tâm cũ sanh ra lại, mà cũng chẳng phải lià bỏ thân-tâm cũ.

Câu trả lời này của Na-Tiên rất thâm-sâu, tưởng nên suy-gẫm thêm cho cẩn-thận, vì có liên-quan đến hai vấn-đề: tái-sanh, và khi chết đi, cái gì còn, cái gì mất.

Trước hết, ta nên xét qua chữ "thân-tâm". Trong Phật-học, chữ thân-tâm trở vào sự kết-hợp của năm uẩn (còn gọi là năm ấm, tức là năm nhóm): sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, và thức-uẩn, tạo nên một cá-thể (tức là một chúng-sanh). Sắc-uẩn là phần vật-chất, thân, tức là thân-thể, do bốn đại có: (1) chất cứng (gọi là địa, đất), (2) chất lỏng (thủy, nước), (3) chất khí (phong, gió) và (4) hơi nóng (hoả, lửa) mà lập thành. Còn tâm là phần tinh-thần do sự tập-hợp của bốn uẩn: thọ-uẩn (các tình-cảm), tưởng-uẩn (các tri-giác), hành-uẩn (các ý-nghĩ biến-chuyên bên trong) và thức-uẩn (các sự hiểu-biết). Như mọi người đều biết chắc, khi chết đi, phần thân tan rã, các yếu-tố trở về với bốn đại. Còn phần tâm, vì lúc sống phải dựa theo phần vật-chất của thân mà sanh-hoạt, nên khi thân mất, thì tâm cũng tan-rã theo. Vấn-đề quan-trọng là các yếu-tố của tâm, có yếu-tố nào còn, yếu-tố nào mất, và đi về đâu? Giáo-lý nhà Phật, cả hai tông Nam và Bắc đều cho rằng các yếu-tố của tâm khi chết đi thì liền hòa tan vào hư-không. Riêng giáo-lý Bắc-tông nói rõ hơn, trong thức-uẩn có một phần của A-lại-da-thức, còn gọi là tạng-thức, chịu ảnh-hưởng của nghiệp-lực dẫn-dắt đến một trong sáu nẻo thiện-ác của Luân-hồi. Nghiệp-lực là gì? Đó là ảnh-hưởng của các hành-động cố-ý đã qua của cá-thể lúc còn sống, vẫn còn tồn-tại tiềm-tàng, nay phát-động lại và đưa đến việc tái-sanh; vì lẽ đó nên Bắc-Tông còn gọi thức A-lại-da là nghiệp-thức, nơi tàng-trữ ảnh-hưởng các hành-nghiệp (hành-vi cố-ý cũ). Sự tồn-tại của thức A-lại-da sở dĩ có được là vì thức này chứa các chủng-tử (= hạt giống); (chủng-tử chỉ là một tiếng suông thôi, được dùng tượng-trung, để chỉ ảnh-hưởng của hành-động cố-ý cũ).

Kế đến là chữ Nghiệp, tiếng Sanskrit là Karma, tiếng Pali là Kamma, bao gồm ảnh-hưởng của (1)thân-nghiệp, hành-động cố-ý của thân, (2)khẩu-nghiệp, lời nói cố-ý, (3)ý-nghiệp, tư-tưởng cứ đeo đuổi mãi trong lòng. Một hành-vi cố-ý dầu đã qua rồi, nhưng ảnh-hưởng của nó có thể phát-động trong hiện-tại, cũng như trong tương-lai; vì lẽ đó nghiệp-lực mới phát-sanh dẫn-dắt đi theo các "ngõ thiện và ác", như lời của Vua Di-Lan nói, khi hỏi Tì-kheo Na-Tiên.

Trở lại câu trả lời của Na-Tiên, "chẳng phải thân-tâm cũ sanh lại, mà cũng chẳng phải lià bỏ thân-tâm cũ", ta thấy Tì-kheo Na-Tiên muốn nhấn mạnh đến mối liên-quan mật-thiết giữa thân-tâm cũ và thân-tâm mới: (1) thân-tâm mới đây chẳng phải hoàn-toàn là do thân-tâm cũ sanh trở lại, nhưng phải chịu ảnh-hưởng nặng-nề của thân-tâm cũ; (2) giữa thân-tâm cũ và thân-tâm mới vừa có sự liên-tục, vừa có sự biến-đổi.

Về điểm (1), ai ai cũng biết chắc, chẳng thể nào bảo rằng một thân-tâm cũ khi gần chết và một thân-tâm mới khi sanh ra, cả hai đều chỉ là một thân-tâm cho được.

Về điểm (2), sự liên-tục giữa hai thân-tâm, với sự biến-đổi giữa thân-tâm cũ để trở thành thân-tâm mới, Tì-kheo Na-Tiên đưa ra năm thí-dụ để chứng-minh. Thí-dụ thứ nhất là, trong khi sống, thân-tâm lúc còn bé khác hơn thân-tâm lúc trưởng-thành, tuy khác nhưng vẫn là một, với các sự biến-đổi theo năm tháng lớn lên. Thí-dụ thứ hai là, có sự liên-tục giữa hai thân-tâm cũ và mới, chẳng hề có một cá-thể nào khác xen vào giữa hai thân-tâm ấy; cũng ví như người học sách thì kẻ ngồi bên cạnh chẳng thể nhận lấy công đọc sách của người ấy được. Thí-dụ thứ ba: cũng ví như người đã phạm tội, đâu có thể bắt kẻ vô-tội chịu hình-phạt thay cho mình được. Thí-dụ thứ tư: lại ví như ngọn đèn có đủ dầu cháy đến sáng, từ đầu hôm, đến nửa đêm cho đến gần sáng, vẫn là một ngọn đèn, mặc dầu ánh-sáng lu-mờ hay tỏ-rạng mỗi lúc có khác nhau. Thí-dụ thứ năm: sự biến-đổi của sữa, từ sữa tươi, qua kem, qua bơ rồi thành phó-mát; làm sao lấy phó-mát để biến trở ngược lại thành sữa tươi cho được.

Năm thí-dụ kể trên được Tì-kheo Na-Tiên dùng để chứng-minh sự biến-đổi trong tinh-thần con người: "Tinh-thần con người cứ triển-chuyển tiếp nối nhau... một cái đi thì một cái đến. Con người tòng theo tinh-thần từ lúc sanh ra cho tới già, đến khi chết, tinh-thần lại một lần nữa hướng về nẻo sanh, rồi triển-chuyển liên-tục mãi..."

Lời giải-đáp của Tì-kheo Na-Tiên được vua Di-Lan khen ngợi là Lành thay! Lành thay!, nhưng trí thiển-cận của Thiện-Nhựt thấy còn chưa được thoả-mãn hoàn-toàn. Tại sao? Na-Tiên dùng chữ tinh-thần để chỉ sự liên-tục giữa thân-tâm cũ và thân-tâm mới, danh-từ này quá tổng-quát, còn chưa được rõ-ràng bằng lời giải-đáp trong Giáo-ly Bắc-Tông: trong phần tâm-linh, có yếu-tố thức; trong yếu-tố thức, có phần A-lại-da thức dung chứa các chủng-tử (= ảnh-hưởng của các hành-động cố-ý cũ) vẫn còn tiềm-tàng chờ đủ cơ-duyen để tái phát-động, khiến cho xảy ra việc tái-sanh dưới một thân-tâm mới còn

chịu ảnh-hưởng nặng-nề của thân-tâm cũ. Nếu bảo rằng, chắc gì thức A-lại-da còn tồn-tại khi chết đi, thì Thiện-Nhục chẳng đủ khả-năng để chứng-minh được sự tồn-tại đó; nhưng trí nông-cạn của mình vẫn thấy rằng một hành-vi cố-ý đã xảy ra, ảnh-hưởng của nó chẳng thể nào tiêu-diệt hết được. Dầu có gọi ảnh-hưởng đó là gì, nghiệp-lực hoặc Karma, hay Kamma, gì gì đi nữa, ảnh-hưởng ấy vẫn còn đó, trừ khi cơ-duyên chưa đầy-đủ nên chưa kịp phát-sanh, hay chẳng phát-sanh được mà thôi. Nếu hành-giả chuyên-tâm làm việc thiện, thì các việc ác đâu có cơ-hội nảy sanh cho mình, và các điều thiện mình làm cũng có thể thay-đổi được ảnh-hưởng của các hành-vi sai-lầm cũ.

Tuy cuối tiêu-mục số 037, Vua Di-Lan có lời khen: Lành thay! Lành thay! như thế, nhưng Thiện-Nhục phỏng-đoán nhà Vua chưa hẳn hoàn-toàn thỏa-mãn, vì tiếp theo nơi tiêu-mục số 043, nhà Vua đặt lại vấn-đề một lần nữa, với Tì-kheo Na-Tiên:

- Con người chết rồi, khi sanh lại ở đời sau, là ai vậy?
- Danh và Thân sanh lại ở đời sau.
- Danh cũ và Thân cũ của người ấy sanh lại chẳng?
- Chẳng phải như vậy. Chẳng phải Danh cũ, cũng chẳng phải Thân cũ đã giữ lấy thân-tâm này ở đời nay làm điều thiện ác cho đến đời sau, mà sanh ra lại đâu.
- Như khiến dùng thân-tâm này làm điều thiện, điều ác ở đời này, rồi đời sau chẳng sanh lại, thì cứ hết sức làm điều thiện, điều ác cũng được thoát hết, chẳng phải chịu khổ lại nữa hay sao?
- Nơi đời này làm điều thiện, thì đời sau chẳng sanh lại nữa, liền được giải-thoát. Còn người chẳng ngừng làm điều thiện, điều ác thì phải sanh lại về sau, cho nên chẳng được giải-thoát.

Đọc tới đây, ta thấy lời giải-đáp của Na-Tiên còn vấp phải hai chỗ chẳng được rõ-ràng: (1) chẳng nói rõ Danh là gì? và Thân là gì? (2) bảo: chẳng phải Danh, Thân cũ đã giữ lấy thân-tâm này, mà sanh lại đời sau. Về điểm (1), mãi đến trang 35 Bản Phỏng-dịch, nơi tiêu-mục số 045, ta mới thấy định-nghĩa của hai danh-từ Danh và Thân. Về điểm (2), câu trả lời còn chưa trọn-vẹn của Na-Tiên: "chẳng phải thân-tâm cũ sanh trở lại", đã khiến Vua Di-Lan vội rút ra một hệ-luận (sai-lầm): nếu thân-tâm cũ chẳng sanh lại, thì cứ việc hết-sức làm các điều ác, rồi cũng được thoát hết.

Nhưng mục-đích của tiểu-mục số 043 đang cứu-xét đây chẳng phải là nhắc lại cái gì còn, cái gì mất của thân-tâm cũ, khi thân-tâm mới sanh ra? mà để chứng-minh rằng: thân-tâm cũ là căn-bản cho việc tái-sanh lại. Như thế nghĩa là sao? Na-Tiên đã dùng một loạt sáu thí-dụ cụ-thể để chứng-minh một cách gián-tiếp: căn-bản của việc tái-sanh, chính là vì thân-tâm đời này làm các điều thiện-ác cho nên phải tái-sanh lại.

Sáu thí-dụ nào? Đó là: (1) trộm trái cây; (2) trộm thóc; (3) đốt lửa cháy nhà; (4) đốt đuốc cháy thành; (5) tiền sính-lễ cưới vợ; (6) sữa chua. Đọc kỹ lại sáu thí-dụ đó -- mà Na-Tiên đã khéo chọn trong các việc tranh-tụng mà nhà Vua thường gặp phải khi phân-xử -- ta thấy ở mỗi thí-dụ có sự tranh-chấp giữa một người đã gieo nhân, và một người dành lấy việc gặt quả: (1) một anh trồng cây, còn một anh hái trộm quả; (2) một người gieo mạ trồng lúa, bị kẻ kia gặt hết thóc, (3) chú nọ đốt lửa sưởi ấm, lại để lửa bốc lan ra đã cháy nhà mình còn thiêu luôn ngôi lầu bên cạnh; (4) tên kia đốt đuốc sáng để ăn cơm ở nhà mình, để lửa bùng lên thiêu hủy luôn cả một thành-phố; (5) cậu này mang sính-lễ xin cưới một cô bé, bị chàng nọ cưới tranh khi nàng con gái ấy đến tuổi trưởng-thành; (6) một kẻ mua sữa tươi gởi lại chủ nuôi bò, sau đến lấy, trách sao chủ bò lại đổi ra sữa chua. Để tự bào-chữa, sáu người làm sái-quấy đã đưa ra một lập-luận rất là... buồn cười: (1) tôi hái trái, chớ nào trộm cây của anh; (2) tôi gặt thóc, chớ nào đá động gì đến lúa-mạ anh đã gieo; (3) lửa tôi đốt trong nhà tôi, tôi đâu đốt lầu anh kia; (4) lửa cháy thành-thị bùng to lên nào phải là lửa nhỏ của tôi đã đốt trong nhà; (5) tôi nay đi cưới cô thiếu-nữ này, nào liên-hệ gì với đũa bé trước kia anh đã cầu-hôn; (6) sữa lúc tôi gởi thì tươi chớ đâu có chua như bây giờ. Thật là buồn cười cho họ, vì khi lập-luận, họ đã chẳng chịu nhìn thấy rõ-ràng nguyên-nhân trước kia đã làm căn-bản cho việc sanh ra hậu-quả ngày nay. Và sau mỗi thí-dụ buồn cười đó, Na-Tiên đều đưa ra một kết-luận rất nghiêm-trang, hàm-súc một chơn-lý sâu-xa mà lý-trí người thường ít khi chịu lưu-tâm để nhìn thấy:

- Đời người cũng lại như thế. Người đời nay dùng thân-tâm này làm điều thiện, điều ác, cho đến khi sanh lại vào đời sau, thì thân-tâm làm thiện-ác ở đời này là căn-bản vậy.

Và điều thiếu-sót của hạng người thiện-cận trên đây là chẳng thấy nổi vai-trò của thời-gian trong việc đi từ nguyên-nhân đến hậu-quả: có nguyên-nhân gây ra hậu-quả ngay trong hiện-tiền, mà cũng có nhiều nguyên-nhân chỉ gây ra hậu-quả sau một thời-gian dài, có thể từ một hay nhiều đời trước nữa.

Trở lại danh-từ Danh-Thân được nói ngay ở đầu tiểu-mục số 043, ta tìm thấy định-nghĩa của danh-từ này nơi tiểu-mục số 045, Phần Phỏng-dịch. Theo Na-Tiên, tám thân hiện nay đang thấy đây là Thân, còn chỗ nhớ nghĩ trong lòng là Danh. Thiện-Nhựt thấy cần phải nói lại cho đúng theo Giáo-lý cả hai Tông Nam và Bắc. Tiếng Pali Nàma-Rùpa thường được dịch ra tiếng Hán-Việt là Danh-Sắc: Danh chỉ phần tâm-linh, gồm có bốn uẩn: thọ, tưởng, hành và thức; còn Sắc chỉ phần vật-chất, tức là sắc-uẩn. Danh-Sắc hợp lại lập thành ra Thân-tâm của một cá-thể, tức là một chúng-sanh; danh-từ Danh-Sắc chánh-thức được công-nhận trong giáo-lý cả hai tông Nam và Bắc để dịch chữ Nàma-Rùpa. Còn riêng chữ Thân thường được dùng để dịch chữ Pali Kàya, với ý-nghĩa là thân-thể, hay một tập-hợp, hoặc một nhóm. Thiện-Nhựt chẳng may-mắn để có được bản chánh-văn của quyển "Tì-kheo Na-Tiên" bằng tiếng Phạn, nên chẳng dám phê-bình sự thiếu-sót của dịch-giả Hán-văn trong Hán-Tạng; nhưng Thiện-Nhựt tha-thiết mong độc-giả mỗi khi đọc Phần Phỏng-dịch của Thiện-Nhựt, hễ gặp hai chữ Danh-Thân thì xin đọc và hiểu cho đó là Danh-Sắc.

*

117.- Chỗ đã làm thiện, ác nay đi về đâu và thân mới có mang theo nghiệp cũ không?

Lẽ ra đang bàn về Danh-Sắc (trong bản dịch Hán-văn, dịch-giả dùng chữ Danh-Thân), thì nên nói ngay đến sự triển-chuyển của Danh-Sắc, từ lúc sơ-sanh cho đến lúc chết đi và tái-sanh lại; nhưng vấn-đề này có liên-hệ đến lý Mười hai Nhân-Duyên, khá phức-tạp và hết sức tế-nhị, cho nên Thiện-Nhựt xin hãy xét nốt cho xong các điều thiện-ác đã làm nay đi về đâu và ảnh-hưởng về sau của các điều ấy.

Tiểu-mục số 071, Phần Phỏng-dịch, có chỗ hơi lủng-củng, vì Vua Di-Lan đang hỏi về Trí, mà Na-Tiên lại quay sang trả lời về các hành-vi thiện-ác đã làm. Vua hỏi:

- Xét cho kỹ, có trí hay chẳng có trí?
- Trí chẳng có. Thí-dụ như có người trộm trái dưa, người ấy có tội chẳng?
- Có tội chớ!
- Lúc trồng dưa chẳng có trái; có gì nay lấy trộm trái dưa mà lại có tội?

- Giá như chẳng trồng dưa, có gì lại có trái được; cho nên kẻ trộm chẳng thể nào bào-chữa được.

- Con người cũng lại như vậy, vì đời này làm điều thiện-ác, nên sanh ra ở đời sau liền thọ thân mới.

Rõ-ràng ta thấy Na-Tiên chẳng nói gì thêm tại sao chẳng có trí, mà trở lại các điều thiện-ác đã làm và bàn thêm về ảnh-hưởng của chúng đến đời sau. Kế đó, Na-Tiên lại đưa ra tiếp thêm hai thí-dụ -- rất hay -- để chứng-minh điều đó:

- Các điều thiện-ác của một người đi theo người ấy như bóng theo thân-hình; người tuy chết, chỉ có thân mất, chớ các hành-động đã làm thì chẳng mất. Ví như ban đêm đốt đèn viết thơ, đèn tắt nhưng chữ vẫn còn đó; khi đèn sáng trở lại thì chữ hiện lên. Đời này, con người làm chổ thiện-ác còn đó, thành ra đến đời sau thì phải thọ lấy như thế.

Đến tiêu-mục số 072, tiếp theo, Vua Di-Lan có hỏi Na-Tiên:

- Chỗ đã làm thiện-ác có thể phân-biệt chỉ rõ chổ ấy hiện ở đâu chẳng?

- Chẳng thể phân-biệt để chỉ rõ chổ đã làm điều thiện-ác ở vào chổ nào.

Để chứng-minh, Na-Tiên đưa ra thí-dụ cây chưa trổ trái, thì chẳng thể nào bảo trước nhánh nào sẽ có trái, nhánh nào không. Và Na-Tiên lại kết-luận, người chưa đắc-đạo chẳng thể biết trước thiện-ác ở vào đâu. Thiện-Nhựt xin tán-thán việc khéo chọn thí-dụ này của Na-Tiên, và xin đồng-ý rằng chẳng thể chỉ rõ vị-trí nào trong không-gian và thời-gian đang lưu-trữ chổ thiện-ác đã làm đó; nhưng Thiện-nhựt xin nhắc lại hai điều: (1) người tu-hành tuy chưa đắc đạo cũng biết chắc, làm một hành-vi ác là tạo nhân, thế nào cũng mang lại quả xấu về sau; (2) giáo-lý Bắc-Tông có nói: thức A-lại-da tàng-trữ các chủng-tử của việc thiện-ác, đó phải chẳng là nơi mà ta có thể suy-đoán các hành-vi thiện-ác còn ghi lại ảnh-hưởng của nguyên-nhân để chờ khi đầy-đủ cơ-duyên thì tái-phát lại dưới hình-thức hậu-quả. Nếu đi sâu hơn nữa, đòi hỏi một sự mô-tả thật tỉ-mỉ về thức A-lại-da, thì xin nói thêm rằng, thức này thuộc về tiềm-thức (tiềm = tiềm-tàng, đang chìm sâu bên trong) mà khoa Tâm-lý-học hiện-đại vẫn còn chưa khám-phá được hết các chi-tiết.

Và trước khi kết-thúc việc tìm hiểu các hành-vi thiện-ác đã cố-ý làm trong thời-gian qua, sẽ có ảnh-hưởng đến việc tái-sanh về sau, Thiện-Nhựt xin tóm-tắt lại:

1.- Mọi hành-vi cố-ý của (1) thân, (2) miệng và (3) của tâm-ý đều tạo nên nghiệp, có ảnh-hưởng trong việc tái-sanh, chiếu theo luật Nhân-Quả;

2.- Nghiệp, trước do mình tạo ra, sau nghiệp lại làm chủ mình, dẫn dắt mình đi theo các nẻo Luân-hồi. Kể cũng công-bằng chớ! Có tự-do trong hành-động (lúc sống), thì phải gánh lấy nghiệp cũ (khi tái-sanh), vì đó là trách-nhiệm. Tự-do phải đi đôi với Trách-nhiệm!

*

118.- Thế nào là Danh-Sắc triển-chuyển qua Thời-gian, tông theo các nguyên-nhân dây chuyền?

Bây giờ xin quay lại vấn-đề Danh-Sắc. Nơi tiểu-mục số 045, Phần Phỏng-dịch, Na-Tiên đã định-nghĩa Danh-Sắc rất rõ-ràng:

- Tám thân hiện nay đang thấy đây là Thân/Sắc, còn chỗ nhớ nghĩ trong lòng là Danh (...). Thân/Sắc và Danh của con người, trước sau liên-quan nhau, ví như mâm con gà-con trong chất lỏng và vỏ cứng bên ngoài, lớn lên cho đến khi thành con gà con...

Về Thời-gian, nơi tiểu-mục số 046, Phần Phỏng-dịch, Na-Tiên nói:

- Lấy việc quá-khứ đã qua làm lâu dài; cũng lấy việc vị-lai sắp tới làm lâu dài; chỉ có hiện-tại bây giờ là chẳng dài lâu.

Như thế, theo Na-Tiên, Thời-gian được chia ra làm quá-khứ, hiện-tại và vị-lai; trong ba thời ấy, chỉ có hiện-tại, đứng làm chuẩn ở giữa, thì chẳng dài lâu, tức là chẳng có thời-gian-tính, hay nói đúng ra, hiện-tại là ngay trong một khoảnh-khắc đang nói đây mà thôi.

Tiểu-mục số 047, Phần Phỏng-dịch, là một trong các tiểu-mục vừa dài và khó nhứt của quyển "Tì-kheo Na-Tiên". Ý chánh tiểu-mục này là chỉ vào thân-tâm biến-chuyển, qua thời-gian, từ lúc sơ-sanh đến khi chết đi và tái-sanh lại, chẳng dứt. Sự biến-chuyển này được diễn ra tùy thuộc vào các nguyên-nhân dây chuyền.

Trong việc tóm-lược và tìm hiểu sự biến-chuyển đó, Thiện-Nhựt xin lần-lượt: (1) nhắc lại vấn-tất diễn-tiến của sự biến-chuyển (tiểu-mục số 047-a); (2) nêu lên các nguyên-nhân dây chuyền dọc theo sự biến-chuyển đó (tiểu-mục số 047-b) và hai thí-dụ chứng-minh (tiểu-mục số 047-c); (3) rút gọn lại

sự trình-bày của Na-Tiên về việc phối-hợp giữa sáu căn, sáu trần và sáu thức trong sự biến-chuyển liên-tục (tiểu-mục 047-d).

Và sau cùng, Thiện-Nhật xin đối-chiếu lời giải-thích của Tì-kheo Na-Tiên với các điểm căn-bản trong giáo-pháp có liên-quan đến Lý Mười-hai Nhân-Duyên, tại tiểu-mục riêng số 119, tiếp theo sau.

Tóm-tắt:

1.- Do sự ngu-si lấy ba thời: quá-khứ, hiện-tại và vị-lai làm căn-bản, nên tinh-thần nảy sanh ra. Tinh-thần sanh ra sắc; sắc sanh danh, danh sanh sáu thức. Do sự phối-hiệp ở trong danh, liền biết sướng-khổ; sướng sanh ra ân-ái, ân-ái kéo theo ham-muốn, khiến có sự truyền-đạt. Rồi tòng theo sự truyền-đạt mà có sanh, có già, có bệnh, có chết, có ưu-sầu, đau-đớn trong nội-tâm. Hiệp các nỗi khổ vừa kể thì thành ra con người, có sống-chết chẳng bao giờ dứt.

2.- Các danh-từ in nghiêng trong tiểu-đoạn "1" trên đây nêu rõ thứ-tự các nguyên-nhân dây chuyền. Để chứng-minh sự sống-chết tiếp-nối nhau chẳng bao giờ dứt, Tì-kheo Na-Tiên đưa ra hai thí-dụ:

- (a) trứng gà nở ra gà, gà lại đẻ trứng, rồi lại nở ra gà ...
- (b) vẽ một vòng tròn khép kín, tượng-trung sự tiếp-nối chẳng dứt.

Rồi, Na-Tiên trích-dẫn Kinh Phật: "Đời người sống chết cũng như bánh xe chuyển lăn, sanh-tử, tử-sanh, chẳng bao giờ dứt tuyệt."

3.- Sự biến-chuyển chẳng bao giờ dứt-tuyệt đó được Tì-kheo Na-Tiên trình-bày lại dưới hình-thức của sự phối-hợp giữa các căn, trần và thức. Do mắt (căn) thấy sắc (trần), nhãn-thức (thức) liền khởi lên sanh ra giác-tri (= hiểu-biết), ba sự-việc đó (mắt, hình-sắc và nhãn-thức) phối-hiệp lại mà sanh ra sướng-khổ; do sự sướng sanh ra ân-ái, kéo theo sự ham-muốn, khiến cho có sự truyền-đạt; và do đây mà có sự sanh sanh ra, tạo nên nguyên-nhân cho việc làm các điều thiện-ác. Những gì vừa được nói về mắt, sắc và nhãn-thức, được nhắc lại với các căn, các trần và các thức còn lại.

*

119.- Đối-chiếu lập-luận của Na-Tiên với Lý Mười-hai Nhân-Duyên trong giáo-lý.

(Trước khi đối-chiếu, Thiện-Nhật xin người đọc xem kỹ lại các tiêu-mục số 043, 045, 046, nhứt là số 047, vì phần tóm-tắt trên đây quá sơ-lược, đã lướt bỏ qua nhiều chi-tiết.)

1.- Trình-bày sơ-lược Lý Mười-hai Nhân-Duyên:

Lý Mười-hai Nhân-Duyên, còn gọi là Lý Duyên-Sanh, hoặc Lý Duyên-Khởi, là một lý-thuyết căn-bản của Phật-giáo. Nó vạch rõ do đâu mà chúng-sanh sanh ra ở đời, lớn lên, già bệnh rồi chết, để phải tái-sanh lại, rồi cứ luân-chuyển mãi trong sáu nẻo Luân-hồi.

a.- Mười-hai Nhân-Duyên là những gì? Theo thứ-tự, (1) Vô-minh, tức là sự ngu-si; (2) Hành, tức là sự-vật bị biến-đổi theo điều-kiện; (3) Thức, tức là nghiệp-thức, ảnh-hưởng của các hành-vi cố-ý cũ; (4) Danh-Sắc, tức là thân-tâm; (5) Lục nhập tức là sáu giác-quan; (6) Xúc, tức là sự tiếp-xúc giữa các giác-quan với các trần (cảnh-vật bên ngoài); (7) Thọ, tức là các cảm-giác; (8) Ái, tức là sự khao-khát, mến-thích quá; (9) Thủ, tức là đeo giữ chặt; (10) Hữu, tức là sự hiện-hữu, cuộc sống; (11) Sanh, tức là sanh ra đời; (12) Lão-tử, tức là già, chết.

b.- Sự luân-chuyển của Mười hai Nhân-Duyên: Sự luân-chuyển theo dây chuyền của Mười-hai Nhân-Duyên quay theo hai chiều:

(i) - Chiều Lưu-chuyển đưa đến sự tái-sanh lần-quần trong vòng Luân-hồi, chia ra ba thời-kỳ:

- thời quá-khứ: (1)Vô-minh duyên Hành; (2)Hành duyên Thức; (3)Thức duyên Danh-Sắc. (Chữ duyên có nghĩa là cơ-duyen, hay là các điều-kiện làm thay-đổi; nói: "Vô-minh duyên Hành", tức là muốn nói: vì có Vô-minh sanh ra, cho nên Hành mới sanh ra theo);

- thời hiện-tại: (4)Danh-Sắc duyên Lục-nhập; (5)Lục-nhập duyên Xúc; (6)Xúc duyên Thọ; (7)Thọ duyên Ái; (8)Ái duyên Thủ; (9)Thủ duyên Hữu;

- thời vị-lai: (10) Hữu duyên Sanh; (11) Sanh duyên Lão-tử; (12) Lão-tử duyên Vô-minh, khép kín vòng tròn của Luân-hồi lại, để cứ tiếp-tục quay mãi như thế.

(ii) - Chiều hoàn-diệt: nhằm phá vỡ vòng Luân-hồi, chẳng còn phải tái-sanh nữa: (1) hễ Vô-minh diệt, thì Hành diệt, (2) hễ Hành diệt, thì Thức diệt; (3) hễ Thức diệt, thì Danh-Sắc diệt; (4) hễ Danh-Sắc diệt, thì Lục-nhập diệt; (5) hễ Lục-nhập diệt, thì Xúc diệt; (6) hễ Xúc diệt, thì Thọ diệt; (7) hễ Thọ diệt, thì Ái diệt; (8) hễ Ái diệt, thì Thủ diệt; (9) hễ Thủ diệt, thì Hữu diệt; (10) hễ Hữu diệt, thì Sanh diệt; (11) hễ Sanh diệt thì Lão-tử diệt; (12) hễ Lão-tử diệt, thì Vô-minh diệt.

Vòng Luân-hồi tựa như sợi dây xích có mười hai khoen, mỗi khoen là một Nhân-duyên; hễ bẻ gãy được một khoen, vòng Luân-hồi liền bị phá vỡ và chẳng lưu-chuyển được nữa (tức là người tu-hành đã chứng đắc được sự vô-sanh.)

2.- Tìm hiểu sơ-lược về Lý Mười-hai Nhân-Duyên

Thân-phận của mọi chúng-sanh là phải chịu Khổ thì nhiều mà hưởng sướng thì ít, cứ sống đi chết lại mãi mãi trong vòng lẩn-quẩn. Con đường thoát khỏi vĩnh-viễn cảnh Khổ là phải vượt ra ngoài vòng Luân-hồi. Vòng Luân-hồi khép kín lại do sự luân-chuyển dây chuyền của Mười-hai Nhân-duyên, ví như mười hai khoen của sợi dây xích cứ trói buộc mãi mọi chúng-sanh. Lý Mười-hai Nhân-duyên có dạy những chỗ có thể phá-vỡ, như (1) diệt vô-minh; như (2) trừ tham-Ái; như (3) chẳng chấp-Thủ; như (4) hộ-trì các căn nơi Lục-nhập; như (5) phòng-vệ các căn nơi Xúc và Thọ ... Nhưng trong việc tu-hành, thường được nghe dạy hai điều quan-trọng: thứ nhất là diệt-trừ sự luyến-ái, như trong Kinh Chuyển Pháp-Luân Đức Phật có dạy tại Khổ-tập-đế; và thứ hai là việc phát-triển Trí-huệ để diệt Vô-minh, qua ba môn học trong Chánh-Pháp: Giới, Định, Huệ. Vì tại đây đang cứu-xét ý-nghĩa lời giải-đáp của Tì-kheo Na-Tiên liên-quan đến Danh-Sắc, nên xin được phép tạm ngưng việc tìm hiểu về Lý Mười-hai Nhân-Duyên.

3.- Đối-chiếu lời giải-đáp của Na-Tiên về Danh-Sắc và giáo-lý về Mười hai Nhân-Duyên:

(a).- Vì tôn-trọng bản dịch Hán-văn trong Đại-Tạng, Thiện-Nhật đã ghi là Danh-Thân, tức là thân-tâm của một cá-thể khi còn sống và khi tái-sanh lại. Danh-từ chánh-thức Danh-Sắc được dùng cả trong hai Tông Nam, Bắc, để chỉ thân-thể là phần vật-chất và tâm là phần tinh-thần; phần tinh-thần này được gọi là Danh (Pali: Nàma), còn phần vật-chất được gọi là Sắc (Pali: Rùpa). Xin nói lại cho đúng.

(b).- Chữ ngu-si, đọc thấy nơi tiểu-mục 047-a, trong giáo-ly Bắc-tông thường gọi là Vô-minh (vô= chẳng có; minh= sáng). Vì thế, nguyên-nhân đầu-tiên trong chiều lưu-chuyển của Lý Mười-hai Nhân-Duyên, chính là sự ngu-si, nói theo tiếng Hán-Việt là vô-minh. Ta tự hỏi: Tại sao lại ngu-si? Ngu, vì lúc gần chết quá sợ-hãi, muốn sống lâu thêm nữa; chính sự ham-muôn đó là một ý-nghiệp dẫn-dắt cá-thể ấy theo các nẻo tái-sanh. Mà hễ còn tái-sanh là còn chịu Khổ dài-dài, thế cho nên, đó chẳng phải thiếu trí-khôn hay sao? Nhưng mặt khác, Na-Tiên bảo: "Hễ ngu-si sanh, thì tinh-thần sanh", thì Thiện-Nhựt chẳng hoàn-toàn đồng-ý với chữ tinh-thần. Tại sao? Thường thường hễ tinh-thần sanh ra, làm sao mà ngu-si cho được, vì tinh-thần có khả-năng hiểu-biết, suy-luận, v.v. Lý Mười-hai Nhân-Duyên nói chính-xác hơn: Vô-minh duyên Hành, có nghĩa là hễ đã có vô-minh làm nhân-duyên (làm điều-kiện), thì sẽ có Hành khởi-sanh ra.

Hành là gì? Nguyên chữ Hành, tiếng Hán-Việt, dùng để dịch chữ Pali Sankhàra, với ba nghĩa chánh: (1) điều-kiện gây ra sự biến-đổi; (2) sự-vật bị điều-kiện-hoá, tức là các sự-vật bị các điều-kiện chung quanh làm biến-đổi; (3) chính sự biến-đổi đó, do các điều-kiện gây ra. Như thế, chữ Hành trở vào các pháp hữu-vi, tức là các sự- vật phải chịu thay-đổi vì hoàn-cảnh chung quanh hay vì các điều-kiện khác.

(Xin lưu-ý người đọc: chữ pháp, nơi danh-tứ các pháp hữu-vi, có nghĩa là các sự vật nói chung, chữ pháp tiếng Pali là dhamma, tiếng Sanskrit là dharma, viết chữ dh bằng chữ thường; xin đừng lầm với nghĩa chữ Dhamma/Dharma, có nghĩa là Giáo-pháp, Chánh-pháp, thì chữ Dh ở đầu lại được viết hoa.)

Trở lại với chữ Tinh-thần mà Na-Tiên đã dùng, khi nói "hễ ngu-si sanh, thì tinh-thần sanh", đáng lý Na-Tiên nên nói: "hễ có vô-minh, thì có Hành sanh ra" mới chính-xác hơn, mặc dầu tinh-thần cũng là một sự-vật bị điều-kiện-hoá, cũng là một pháp hữu-vi, tức cũng như là một Hành vậy.

(c).- Kế đó, Na-Tiên nói: "Tinh thần sanh Thân, Thân sanh Danh, Danh sanh Sắc, Sắc sanh ra sáu Thức..." ĐỐI-chiếu với Lý Mười-hai Nhân-duyên trong Giáo-ly, ta có: "Hành duyên Thức, Thức duyên Danh-Sắc, Danh-Sắc duyên Lục-nhập", thì thấy rõ chỗ sai-lầm của Na-Tiên trong lời đáp. Sai chỗ nào? Làm sao mà tinh-thần sanh ra tám thân vật-chất cho được? Làm sao mà tám thân trở ngược lại sanh ra Danh tức là phần tinh-thần được? Làm sao mà sắc (= vật-chất) vốn vô-tri lại có thể sanh ra sự hiểu-biết, tức là thức cho được.

Cả câu nói trên đây của Na-Tiên, tưởng nên sửa lại theo thứ-tự trong Lý Mười-hai Nhân-duyên, từ Hành cho đến Lục-nhập, thì mới đúng được.

Lại nữa, xin được phép thưa rõ thêm về ba Nhân-Duyên đầu: Vô-minh, Hành, Thức, lưu-chuyên trong thời quá-khứ. Trong đời trước, khi lâm-chung, cá-thể vì sợ-hãi cái chết sắp đến, nên khao-khát đời sống lâu thêm nữa, đó là Vô-minh. Sự vô-minh ấy làm khởi sinh lên Hành, một pháp hữu-vi về tâm-linh, rồi Hành duyên với Thức, (Thức đây là nghiệp-thức, một yếu-tố (hay chủng-tử) của thức A-lại-da, dẫn cá-thể đến các nẻo tái-sanh vào thời hiện-tại.) Việc tái-sanh, ở đây, có nghĩa là nghiệp-thức hoà-nhập với tinh cha, huyết mẹ, thành ra bào-thai, vì chưa tượng hình đủ các bộ-phận nên mới được tạm gọi Danh-Sắc (Nàma-Rùpa, tinh-thần và vật-chất). Với thời-gian, thai-nhi phát-triển đầy-đủ các cơ-quan, các giác-quan (các căn); và khi lọt lòng mẹ, các căn tiếp-xúc với hoàn-cảnh chung quanh, nên gọi là Lục-nhập, làm khởi lên sáu thức; chữ thức này mới thật-sự chỉ vào các sự hiểu-biết ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý (từ nhãn-thức cho đến ý-thức.)

(d).- Đến tiêu-đoạn 047-d, Phần Phỏng-dịch, nhan-đề: Sáu căn, sáu trần, và sáu thức phối-hiệp, sự trình-bày của Na-Tiên về nguyên-nhân sâu-xa của việc tái-sanh, do các việc làm thiện-ác phát-xuất từ các căn, hết sức rõ-ràng và thật là tỉ-mỉ, làm sáng-tỏ thêm rất nhiều cho Lý Mười-hai Nhân-duyên.

Rõ-ràng như thế nào? Trong khi Lý Mười-hai Nhân-duyên có dạy: "Lục-nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu", mà chẳng chỉ rõ cho thấy sự biến-chuyển từ Nhân-duyên trước đến Nhân-duyên sau, thì Na-Tiên đã vạch rõ ra được sự phối-hiệp xảy ra nơi Lục-nhập giữa ba yếu-tố: căn, trần và thức, tạo nên sự giác-tri khiến cá-thể có sự hiểu-biết về sướng-khổ (tức là Thọ), rồi tòng theo Thọ mà sanh ra ân-ái, ham-muốn (tức là Ái và Thủ); và chính sự ham-muốn này là nguyên-nhân sanh ra hữu-trí (tức là Hữu, hiện-hữu, cuộc sống) để có sự sanh sanh ra, làm nguyên-nhân cho cá-thể thi-hành điều thiện-ác sau này. Đó là nguyên-nhân sâu-xa của việc tái-sanh: do các điều thiện-ác phát-xuất từ các căn, mà Na-Tiên nói ở tiêu-đoạn 047-d, , Phần Phỏng-dịch.

Tỉ-mỉ như thế nào? Na-Tiên chẳng những chỉ rõ sự phối-hiệp nơi Lục-nhập, giữa một căn, một trần và một thức, mà trình-bày thật là tận-tường luôn cả sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý), sáu trần (hình-sắc, âm-thanh, mùi, vị, xúc-chạm và ý-niệm) và sáu thức (nhãn-thức, nhĩ-thức, tị-thức, thiệt-thức, thân-thức và ý-thức).

Sau khi kể lại tỉ-mỉ và trình-bày rõ-ràng như thế, Na-Tiên đi đến một kết-luận, rất sắc-bén, "Như thế, con người triển-chuyển, sanh-tử, tử sanh, chẳng bao giờ dứt tuyệt."

*

120.- Cái "gốc sanh-tử" của chúng-sanh là gì?

Lời kết-luận trên đây đã khiến Vua Di-Lan đưa ra thêm một câu hỏi rất sâu-sắc, liên-quan chẳng những riêng đến việc tái-sanh mà còn đến tận gốc-rễ của việc sống-chết của chúng-sanh.

Vua hỏi (nơi tiêu-mục số 049, Phần Phỏng-dịch):

- Ta (chỉ) muốn hỏi Na-Tiên, cái gốc sanh-tử của con người là gì?

Na-Tiên đã đáp rất dài (tiêu-mục số 049-a, b và c), nêu lên vừa cái "gốc sanh-tử" của con người, vừa giải-thích nguyên-nhân của sự tái-sanh và của sự chứng-đắc được vô-sanh.

Về cái gốc sanh-tử, Na-Tiên nói:

- Cây-cối sanh ra, lấy chồi non làm gốc; ngũ cốc lấy hạt lúa làm gốc; thiên-hạ, vạn-vật đều lấy gốc của loài mình mà sanh ra. Con người thì tông theo sáu tình-cảm, ân-ái, làm gốc.

Giải-thích thêm về sự khởi-phát của cái gốc sanh-tử đó nơi con người, Na-Tiên nhấn mạnh đến vai-trò của sáu căn: do sáu căn mà có nguyên-nhân gây ra tái-sanh, mà cũng do sáu căn mà chấm-dứt được tái-sanh. Giải-thích như thế nào?

(a) từ sáu căn đến nguyên-nhân phải tái-sanh: Sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm-ý) tiếp-xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), và sáu thức (từ nhãn-thức đến ý-thức), phối-hiệp nhau sanh ra sừng-khổ (tình-cảm), rồi sừng sanh ra ham-muốn, ân-ái, làm nguyên-nhân cho sự sanh sanh ra; tông theo sanh mà có già, có bệnh, có chết, rồi lại có sự tái-sanh tiếp theo chẳng dứt... Lời giải-thích này, Na-Tiên đã có nói ở đoạn trước, theo đúng với Lý Mười-hai Nhân-duyên, từ Lục-nhập (căn, trần, thức) duyên Xúc (phối-hiệp lại), Xúc duyên Thọ (tình-cảm), Thọ duyên Ái (ái-ân), Ái duyên Thủ và Thủ duyên Hữu (sự sống). Như thế, do có sự phối-hiệp của sáu căn

với sáu trần và sáu thức mà sanh ra sướng và ân-ái (Thọ và Ái) làm nguyên-nhân của sự tái-sanh.

(b) từ sáu căn đến chứng-đắc vô-sanh: Na-Tiên bảo, "Nếu chẳng có mắt, thì chẳng thấy hình-sắc, chẳng hay chẳng biết; tòng theo sự chẳng hay chẳng biết nên chẳng có sự phối-hiệp; chẳng có sự phối-hiệp thì chẳng có sướng-khổ; chẳng có sướng-khổ liền chẳng sanh ra ân-ái; chẳng ân-ái thì chẳng sanh ham-muốn, chẳng có ham-muốn thì chẳng có ...sự sanh sanh ra, chẳng già, chẳng chết, chẳng sầu, chẳng khóc... Chẳng có các điều khổ đó, liền đắc được đạo Nê-Hoàn (= Niết-Bàn)".

Đây là lập-luận theo chiều hoàn-diệt của Lý Mười-hai Nhân-duyên, nhằm phá vỡ vòng Luân-hồi, để chứng đắc vô-sanh của cõi Niết-bàn. Phá-vỡ vòng Luân-hồi tại đâu? Các chữ "Nếu chẳng có mắt" ám-chỉ Nhân-duyên Lục-nhập, vì mắt là một căn trong Lục-nhập. Các chữ "chẳng có sự phối-hiệp" trở vào Nhân-duyên Xúc; các chữ "chẳng có sướng-khổ liền chẳng sanh ân-ái" chỉ vào hai Nhân-duyên Thọ và Ái; còn các chữ "chẳng ân-ái thì chẳng sanh ham-muốn" muốn nói đến Nhân-duyên Thủ... Như thế, việc phá-vỡ, theo Na-Tiên, phải bắt đầu tại Nhân-duyên Lục-nhập, rồi từ đó theo ảnh-hưởng dây-chuyền đến các Nhân-duyên khác tiếp theo.

Nhưng, xét kỹ lại, ta thấy lập-luận đó chẳng được "chỉnh" mấy, vì nếu bảo "chẳng có mắt, tai, mũi... " thì con người hóa thành vật vô-tri "chẳng hay, chẳng biết" gì cả mất rồi, còn có Trí đâu để phá các phiền-não, hầu được giải-thoát mà chứng-đắc cõi Niết-bàn vô-sanh?

Thế cho nên, Thiện-Nhật xin được nói rõ thêm, để đoạn văn này của Na-Tiên, được phù-hợp với lời dạy trong Giáo-ly. Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm-ý, chẳng thể nào đem ra diệt đi cho được; mà cũng chẳng thể nào ngăn cản được sự "phối-hiệp" giữa các căn-trần-thức, sẽ sanh ra sướng-khổ. Điều có thể làm được -- và điều này được Đức Phật dạy rõ trong Chánh-Pháp -- là phải biết phòng-vệ các căn, mỗi khi chúng tiếp-xúc với các trần, tức là mắt chỉ nên nhìn vào chỗ đáng nhìn, tai chẳng nghe những chỗ chẳng đáng nghe, mũi ... v.v., như thế, do sự phối-hiệp đứng-đắn giữa căn-trần-thức, các thức chẳng đưa tới chỗ ham-muốn chạy theo các thú-vui vật-chất, để rồi sa-ngã vào các điều ác, mà hậu-quả là vẫn còn bị vòng Luân-hồi ràng-buộc mãi bằng việc tái-sanh. Vậy thì, thay vì nói diệt các căn, phải nói phòng-vệ các căn, hoặc hộ-trì các căn, thì mới đúng.

Thiện-Nhật xin chịu lỗi với người đọc, vì vừa qua, đã quá đông-dài và rườm-rà khi Tìm hiểu sự triển-chuyển của Danh-Sắc qua thời-gian trong việc tái-sanh, nơi tiêu-mục số 047. Bây giờ, xin tóm-tắt tiêu-mục số 087, nói đến một vấn-đề nhỏ, thuộc loại tò-mò, chẳng mấy quan-trọng.

*

121.- Hai người chết cùng lúc, có tái-sanh cùng một lúc, ở hai nơi xa gần khác nhau không?

Vua Di-Lan hỏi:

- Nếu như có hai người cùng chết vào một lúc, một người tái-sanh lên cõi Trời Đại-Phạm, còn một người sanh lại tại Kế-tân, cách đây bảy trăm hai mươi dặm, ai là người đến trước?

Na-Tiên đáp:

- Cả hai đến nơi cùng một lúc.

Lời giải-đáp này khiến cho vua Di-Lan ngạc-nhiên, vì từ nơi này đến cõi Trời Đại-Phạm thì xa, còn đến Kế-tân thì gần, sao lại hai kẻ xuất-phát từ một chỗ đến hai nơi xa gần khác nhau mà tới cùng một lúc được. Nhưng câu trả lời của Na-Tiên được giải-thích thêm bằng hai thí-dụ: (1) hễ nghĩ đến hai thành-phố xa gần khác nhau, thì hai sự nghĩ đến mỗi nơi ấy đều lâu bằng nhau; (2) một con chim đậu trên cao, một con đậu dưới thấp, nhưng bóng của chúng cùng rọi lên đất cùng một lúc. Như thế, theo Na-Tiên, thời-gian suy-nghĩ trong đầu, và thời-gian ánh-sáng rọi từ thân chim xuống đất, đều xảy ra một cách tức-khắc, chẳng kéo dài, chẳng có thời-gian-tính. Phải chăng Na-Tiên muốn ám-chỉ: việc tái-sanh xảy ra tức-khắc, ngay vào lúc vừa chết? Điều này, khoa-học trong hiện-trạng còn chưa có câu trả lời dứt-khoát. Mặt khác, trong Kinh sách Phật-học, lại thường nói: ở trên cõi trời Dục-giới, một ngày dài bằng một năm dưới trần-thế.

Như Thiện-Nhật có thưa trước, vấn-đề này thuộc vào loại tò-mò, chẳng đem lại ích-lợi gì rõ-rệt cho việc tu-hành, vì nếu được xảy ra ngay tức-khắc, hay lâu hơn, thì cũng chẳng làm thay đổi chi được kết-quả của việc tái-sanh cả.

Còn một việc khác, quan-trọng hơn việc đến nơi tái-sanh, cần cứu-xét trước khi tạm kết-thúc vấn-đề sống-chết. Đó là:

*

122.- Chẳng hề có việc tự-nhiên mà sanh ra .

Nơi tiểu-mục số 050, Phần Phỏng-dịch, Vua hỏi:

- Thế-gian có vật nào tự-nhiên mà sanh ra chẳng?

Câu trả lời của Na-Tiên rất rõ-ràng:

- Chẳng hề có vật nào tự-nhiên mà tự-sanh ra lấy cả; phải có nguyên-nhân mới sanh ra.

Rồi Na-Tiên đưa ra nhiều thí-dụ cụ-thể, dễ thấy, để chứng-minh: (1) tòa điện cao phải do gỗ, đất và công thợ xây nên; (2) đồ gốm do đất sét, được thợ nặn nung trong lò rồi mới thành vật-dụng được; (3) cây đờn phải có người khảy mới ra tiếng; (4) có hai khúc gỗ, cũng còn phải có người cọ lâu mới ra lửa; (5) có kiếng, có ánh mặt trời rồi cũng phải có người cầm kiếng rọi nắng, thì bụi-nhụi mới bắt lửa...

Nhưng câu trả lời và các thí-dụ đó hàm-chứa một sự-thật mà con người, vì mê-tín, hoặc thiếu thông-minh, còn chưa chịu nhìn-nhận: chẳng có sự-vật gì ngẫu-nhiên sanh ra cả; phải có nguyên-nhân, thì mới có hậu-quả được.

Hãy cho phép Thiện-Nhật kể một thí-dụ... vui-vui:

Thằng bé-con hỏi cha nó:

- Ai sanh ra con?

- Cha-mẹ sanh ra con.

- Ai sanh ra cha-mẹ?

- Ông bà sanh ra cha-mẹ.

- Ai sanh ra ông bà?

- Ông-cố, bà cố sanh ra ông bà.

- Ai sanh ra ông bà cố?

- Ông sơ, bà sơ, sanh ra ông bà cố.
- Ai sanh ra ông bà sơ?
- Ông bà thủy-tổ sanh ra.
- Ai sanh ra ông bà thủy-tổ?
- Ông Bành-tổ sanh ra.
- Ai sanh ra ông Bành-tổ?
- Thượng-đế sanh ra ông Bành-tổ.
- Ai sanh ra Thượng-đế?
- !!!

Chẳng thể biết được nguồn-gốc cuối-cùng ở vào đâu cả. Thế cho nên, chỉ biết: hễ cái này có, thì cái kia có; hễ cái này diệt, thì cái kia diệt. Đó là Luật Nhân-Quả ghi trong Phật-học: hễ có Nhân thì tất có Quả; chẳng hề có Quả mà lại chẳng có Nhân bao giờ.

Đối với các tôn-giáo cuồng-tín, bảo rằng vạn-vật này do một đấng Thượng-Đế toàn-năng nắm quyền thưởng-phạt, sáng-tạo nên, tưởng cần phải suy-gẫm lại.

*

123.- Vấn-đề tái-sanh Luân-hồi: tin hay chẳng tin?

Vấn-đề tái-sanh trong vòng Luân-hồi đã được sách "Tì-kheo Na-Tiên" này bàn rất dài-dòng, mà Phần Tìm hiểu về Nghĩa Ý do Thiện-Nhựt viết lại càng thêm rườm-rà; nhưng Thiện-Nhựt vẫn còn thấy cần nên nói thêm một tiểu-đoạn nữa, để riêng tặng các bạn trẻ mà niềm tin chỉ đặt trọn-vẹn vào Khoa-học thực-nghiệm.

Như có thưa trước (nơi tiểu-mục số 111, Phần Tìm hiểu Nghĩa Ý), việc tái-sanh, nếu thật-sự có, phải xảy ra vào ba giai-đoạn: (1) khi chết ở thế-gian này, (2) có sự biến-đổi ở một cảnh-giới khác, (3) khi sanh trở lại ở đời này; trong ba giai-đoạn ấy, con người chỉ biết chắc có hai: giai-đoạn (1) và giai-đoạn (3), còn thời-gian ở cảnh-giới khác có sự thay đổi thế nào thì chẳng thể

nào biết chắc được. Giai-đoạn (2) này vượt khỏi tầm nghe-thấy và hiểu-biết của con người ở thế-gian, và khoa-học thực-nghiệm trong hiện-trạng vẫn còn chưa thấy có khám-phá rõ-rệt nào. Chỉ có hai trường-hợp này mà thôi: (a) hoặc có tái-sanh; (b) hoặc chẳng có tái-sanh, chẳng thể còn có một trường-hợp thứ ba nào khác nữa. Và cũng chỉ có thể có hai thái-độ: (a) hoặc tin; (b) hoặc chẳng tin. Vậy thì, tại sao ta lại chẳng cân-phân lợi-hại của hai trường-hợp, bên nào ít, bên nào nhiều, để chọn một thái-độ cho đúng-đắn và hợp lý: tin hay chẳng tin?

Người tin, tạm gọi là ông A, có thái-độ của kẻ tu-hành, tuân theo Chánh-Pháp, giữ gìn giới-luật, siêng làm điều thiện. Còn người kia chẳng tin, tạm gọi là ông B, có thái-độ của người chẳng biết gì đến Chánh-Pháp, tự cho mình có đủ tự-do hành-động điều thiện, điều ác, và mục-đích ở đời là theo đuổi các thú-vui vật-chất để hưởng-thụ.

Những gì xảy ra cho A và B, khi chẳng có tái-sanh thật-sự?

Bất-lợi:

- A sẽ bị bất-lợi:
 - = uổng mất công tu-hành,
 - = bỏ qua dịp để hưởng-thụ các thú-vui vật-chất của đời;
- B chẳng bị bất-lợi nào cả.

Lợi:

- A đang có lợi:
 - = được đời kính-nể vì đức-hạnh;
 - = tránh được các tội-ác có thể gây hại cho mình và gia-đình
- B đang có lợi "lớn":
 - = hưởng các thú-vui vật-chất cho thỏa-thích một đời.

Những gì xảy ra cho A và B, khi thật-sự có việc tái-sanh?

Lợi:

- A sẽ được lợi:
 - = được hưởng phước-báu vì hành-động thiện của mình;
 - = có cơ-duyên được giải-thoát vĩnh-viễn khỏi cảnh Khô;

- B đang có lợi:
= chẳng uổng-phí một đời vì hiện hưởng thú-vui vật-chất;

Bất-lợi:

- A chẳng bị bất-lợi nào cả.

- B đang và sẽ bị bất-lợi:
= hậu-quả hiện nay của hành-vi xấu-ác để giành danh-lợi;
= quả-báo, kéo dài nhiều đời, của các hành-động xấu;
= chẳng bao giờ có cơ-hội để được giải-thoát vĩnh-viễn.

Cân-phân lợi-hại để quyết-định thái-độ tin hay chẳng tin, ta thấy rõ: cân cân nghiêng hẳn về phía A: tin có tái-sanh.

Dẫu có tái-sanh hay chẳng có, A cũng vẫn có lợi: lợi vì giới-đức thanh-tịnh của mình trong hiện-đời, chẳng những tránh gây ra tội-ác mà còn đem lại sự kính-nể của người khác.

Còn về phần B, mỗi lợi khi chẳng có tái-sanh, là hưởng-thụ các thú vui vật-chất, nhưng chỉ trong một đời mà thôi, chưa kể vì tranh giành danh-lợi có thể gây ra tội-ác và chịu hình-phạt trong hiện-đời. Nhưng khi có tái-sanh thật-sự thì mỗi bất-lợi vô-cùng to-tát của B, là phải chịu quả-báo trải qua nhiều đời nơi các ác-đạo; đó là chưa nói đến sự khiếm-khuyết mọi cơ-hội để được giải-thoát khỏi thân-phận khổ nhiều sướng ít của chúng-sanh cứ phải trầm-luân triền-miên trong cõi Luân-hồi.

Đối với các bạn trẻ chẳng chịu tin vào việc tái-sanh, Thiện-Nhật xin mời xét qua hai điểm này: (1) lỡ-lã gì khi tin có tái-sanh, chẳng qua chỉ thiếu dịp hưởng-thụ bữa-bãi các thú-vui vật-chất; (2) còn mất-mát nào lớn hơn nữa, khi thật-sự có tái-sanh, là bỏ qua đi cơ-duyên được giải-thoát vĩnh-viễn mọi Khổ-sở, để hiện-hữu mãi mãi trong sự tự-do, tự-tại hoàn-toàn?

Về vấn-đề này, Thiện-Nhật xin thưa nốt một điều tâm-sự, trước khi chấm dứt: Thiện-Nhật tự xem mình là một Phật-tử, gọi Đức Phật là đấng Từ-phụ, có lẽ nào mình chẳng chịu tin lời của đấng Cha lành, khi Ngài bảo, chính Ngài đã nhìn thấy chúng-sanh chết nơi đây, sanh lại nơi kia.

Làm con mà chẳng chịu tin Cha, thì còn tin ai đây?

III.- Vấn-đề: Phân-biệt các điều thiện, ác .

124.- Năm điều thiện và năm điều ác là những gì?

Đề-mục quan-trọng thứ ba là vấn-đề phân-biệt các điều thiện ác, tiếp theo các đề-tài: (I) tại sao đi tu làm sa-môn và (II) tái-sanh Luân-hồi, vừa xét qua. Nhắc lại: cuối tiểu-mục số 019, Phần Phỏng-dịch, khi Vua Di-Lan hỏi, "người một lòng niệm Chánh-Pháp, ... siêng làm các điều thiện, phải chăng sẽ khỏi tái-sanh?", Na-Tiên đáp, "Phải ", rồi trong hai tiểu-mục số 020 và 021, có kể ra năm điều thiện và năm điều ác như sau:

a.- Năm điều thiện là: (1) thành-tín, (2) hiếu-thuận, (3) tinh-tấn, (4) nhứt-tâm và (5) trí-huệ;

b.- Năm điều ác là: (1) tham-dâm, (2) giận-hờn, (3) mê ngủ, (4) vui-đùa, (5) nghi-ngờ.

Năm điều thiện vừa kể, khi ta xét qua nội-dung và tìm hiểu về Ba mươi bảy Phạm Trợ-Đạo, thì thấy cũng tương-tợ với Ngũ căn, tức là năm nguồn-gốc làm phát-sanh ra các điều thiện. Còn năm điều ác thì dường như Na-Tiên nhắc đến Ngũ cái, tức là năm sự ngăn-che, năm cái nắp úp lên che đậy (Pali: Nivarana). Cái gì bị che-đậy? Đó là Trí-Huệ bị ngũ-cái che-mờ. Ngũ cái gồm có: (1) Tham-lam, (2) Giận-hờn, (3) Thụy-miên, Hôn-trâm (=mê ngủ), (4) Trạo, Hối (vọng-động và hối-tiếc), và (5) Nghi; năm cái nắp đó úp lên khiến Trí-huệ bị mờ.

Về ảnh-hưởng của năm điều thiện có thể phá tan được năm điều ác, nơi cuối tiểu-mục số 021, trang 18, Na-Tiên đưa ra một thí-dụ cụ-thể về viên ngọc thanh-thủy-châu của nhà Vua, có thể lọc sạch được nước bùn làm cho nước trở nên tinh-khiết để uống.

Thế nào là thiện, ác?, ta chẳng tìm thấy một định-nghĩa tổng-quát của hai chữ đối-ngịch này trong sách "Tì-kheo Na-Tiên". Thông-thường, điều thiện, còn gọi là điều lành, là điều có lợi cho kẻ khác và cũng lợi cho đường tu của mình. Những gì gây tổn-hại cho người, dầu có lợi về vật-chất cho mình, đều được xem là điều ác, còn được gọi là điều bất-thiện, chắc-chắn có hại cho đường tu của mình.

Trở lại với tiểu-mục số 020, Phần Phỏng-dịch, trả lời câu hỏi: Các điều thiện là những gì?, Na-Tiên có kể tới cả sáu điều: (1) thành-tín, (2) hiếu-thuận, (3) tinh-tấn, (4) niệm thiện, (5) nhứt-tâm, (6) trí-huệ. Nhưng điều (4) về "niệm

thiện" có lẽ hơi dư-thừa, vậy nên xin tạm giữ lại năm điều thôi. Tiếp theo, Na-Tiên định-nghĩa và cho thí-dụ về mỗi điều thiện vừa kể, như sau:

1.- Thành-tín: là tin có Phật, có Kinh-Pháp, có Tăng-Ni, có A-la-hán; tin có đời này, đời sau; tin làm lành gặp lành, làm ác gặp ác. Như thế, đó là niềm tin, chẳng còn vương chút nghi-ngờ nào, vào ngôi Tam-Bảo, vào sự tái-sanh Luân-hồi, và vào Luật Nhân-Quả.

2.- Hiếu-thuận (tiểu-mục số 023): là tuân theo Ba mươi bảy Phẩm Kinh (Trợ Đạo), vì 37 phẩm Kinh này đều đặt căn-bản nơi sự hiếu-thuận. Khoan bàn về 37 Phẩm Trợ Đạo, ta thấy ngay có sự "chẳng chỉnh" trong lời Na-Tiên, hay đúng hơn, trong cách phiên-dịch lời nói của Na-Tiên ra chữ Hán. "Chẳng chỉnh" ở điểm nào? Chữ Hiếu-thuận vốn là một danh-từ trong Nho-giáo, chỉ các bổn-phận của con đối với cha-mẹ. Mặc dầu các bổn-phận này đều đặt căn-bản trên các điều thiện, nhưng chẳng vì thế, nếu dùng ở đây, danh-từ Hiếu-thuận sẽ gây hiểu-lầm là các điều thiện chỉ qui gọn vào các bổn-phận làm con trong gia-đình. Và lại, khi xét đến nội-dung, ta thấy 37 Phẩm Trợ Đạo bàn về các vấn-đề khác, đâu phải chỉ có hiếu và thuận.

So với bản dịch của N.K.G. Mendis, trong quyển The Questions of King Milinda, ấn bản BPS, Tích-Lan, năm 1993, điều thiện thứ hai này được ghi là Morality, tương-đương với danh-từ Hán-Việt là Đạo-đức, (tức là Giới-đức, Giới-luật, Đức-hạnh) thì có phần hợp-lý hơn.

3.- Tinh-tấn: Nơi tiểu-mục số 022, Na-Tiên chẳng định-nghĩa thế nào là tinh-tấn mà liền đưa ra hai thí-dụ: (1) các vị tu-hành thấy người đi trước chùng-đắc các đạo-quả thì noi gương để nỗ-lực tu-hành theo; (2) nước sông tràn ngập hai bên bờ, dân-chúng chẳng dám lội qua; nhưng khi thấy một người khác từ xa đến, biết cách vượt qua, nên dân ở đó bắt chước lội qua theo. Sự bắt chước để noi gương các người đi trước đã thành-công, còn cần có một sự cố-gắng gia-công hơn lên; nỗ-lực đó mới chính là nghĩa của sự tinh-tấn.

Mãi đến tiểu-mục số 032, Na-Tiên mới đưa ra một định-nghĩa rất rõ-ràng và đầy-đủ về tinh-tấn: giữ điều lành, giúp cho điều lành thêm lớn, đó là tinh-tấn. Na-Tiên lấy thí-dụ đưa thêm quân tiếp-viện giúp binh-đội đang yếu-thế ở mặt trận, để thắng được; thí-dụ này rất phù-hợp với Vua Di-Lan, vì Vua cũng là vị tướng tài-giỏi.

4.- Nhứt-tâm (tiểu-mục số 034): cũng chẳng thấy Na-Tiên đưa ra định-nghĩa của chữ nhứt-tâm, mà chỉ nói đến tâm quan-trọng của sự-việc này làm nơi nương-tựa cho việc phát-sanh các điều thiện, thí-dụ như (1) tòa lâu-đài cần

có nền-móng để dựng lên; như (2) ba quân dàn ra để bảo-vệ đức Vua khi ra trận. Và Na-Tiên kết-luận: Trong các điều thiện, nhứt-tâm làm căn-bản; các người học Đạo trước nhứt nên qui về nhứt-tâm...

Nhơn dịp này, xin thêm vào đây định-nghĩa của sự nhứt-tâm: sự tập-trung tâm-ý, gom vào một điểm duy-nhứt. Nói cách khác, có sự nhứt-tâm, khi tâm an-định, chú-ý thật cao-độ vào một việc duy-nhứt, chẳng lảng-xao vì các việc khác; chẳng nghe, chẳng thấy gì ở bên ngoài. Thí-dụ: đang đọc Kinh, chú-ý vào lời Kinh, hiểu nghĩa Kinh, nghĩ đến việc áp-dụng lời Kinh vào sự tu-hành. Còn nếu "miệng đang đọc-tụng mà cái bụng lại đi chợ" thì chẳng hề có sự nhứt-tâm.

5.- Trí-huệ (tiểu-mục số 035): Na-Tiên nhắc lại lời mình đã nói khi trước về Trí-huệ ở tiểu-mục số 019, trí-huệ cắt-đứt được sự tham-ái, cũng như ta gặt lúa, cắt các cọng lúa vạy. Đây là khả-năng của Trí-huệ đoạn-trừ được tất cả các phiền não. Tận-trừ các phiền-não tức là dẹp hết các điều bất-thiện, khiến cho các điều thiện có cơ-hội để nảy sinh và phát-triển, đó là công-năng lớn của Trí-huệ trong công-cuộc tu-hành.

Sau khi kể năm điều thiện, từ Thành-tín cho đến Trí-huệ ở tiểu-mục số 020, trang 18, thì nơi tiểu-mục số 040, Na-Tiên lại kể năm điều thiện một lần nữa, gồm có: (1) tin-tưởng, (2) giới-luật, (3) tinh-tân, (4) trí-huệ, (5) nhứt-tâm niệm Đạo.

So-sánh hai tiểu-mục kể trên, ta thấy trong hai lần, lời nói của Na-Tiên có sự lặp-lại, nhưng chẳng giống h lẫn nhau. Nay, nếu sắp-xếp lại có thứ-tự, để cho dễ hiểu, ta có thể kể năm điều thiện đó là: (1) niềm tin; (2) giới-luật; (3) tinh-tân; (4) nhứt-tâm; (5)Trí-huệ, mà vẫn tôn-trọng được ý-tưởng của tác-giả quyền "Tì-kheo Na-Tiên", trong hai lần phát-biểu ở hai tiểu-mục trước và sau.

Và có lẽ nhờ đó mà lời văn được "chỉnh" hơn, khi chữ Giới-luật thay thế cho chữ Hiếu-thuận, như đã được ghi trong Hán-tạng.

Năm điều thiện vừa nói, được Tì-kheo Na-Tiên ví như năm vị thuốc dùng để chữa bệnh. Bệnh gì? Na-Tiên nói: Căn bệnh cũng như các điều ác. Ta thấy rõ, với thí-dụ này nơi tiểu-mục số 040, công-năng và hiệu-quả của năm điều thiện là diệt trừ các điều ác, để chấm dứt vĩnh-viễn các nỗi Khổ trong thân-phận của chúng-sanh. Nhắc lại, nơi tiểu-mục số 021, Na-Tiên ví năm điều thiện với viên thanh-thủy-châu lọc nước và năm điều ác như nước bùn.

*

125.- Kinh Thập-Thiện kể mười điều thiện cụ-thể hơn.

Năm điều thiện ghi trong sách "Tì-kheo Na-Tiên", tuy đầy-đủ nhưng còn quá trừu-tượng, chưa cho thấy rõ hành-động cụ-thể nào gây ra điều thiện, thái-độ nào tạo nên việc ác. Có một bản Kinh trong Hán-Tạng, Kinh Thập Thiện-nghiệp-đạo, kể rõ mười hành-vi cụ-thể trong đời sống hằng ngày tạo nên thiện-nghiệp, giúp người tu-hành được tái-sanh lên cõi Trời. (Kinh Thập-Thiện là bản Kinh số 600 trong Đại-Tạng, do Ngài Học-Hi [Siksánanda, phiên-âm: Thực-Soa Nan-Đà] dịch từ chữ Phạn ra Hán-văn). Mười điều thiện đó là: (1) chẳng sát-sanh; (2) chẳng trộm-cắp; (3) chẳng tà-hạnh; (4) chẳng nói dối; (5) chẳng nói lưỡi hai chiều; (6) chẳng nói lời thô-ác; (7) chẳng nói lời vô-nghiã; (8) chẳng tham-lam; (9) chẳng giận-dữ; và (10) chẳng có tà-kiến.

Thiện Nhựt xin ghi thêm vào đây mười điều thiện này để bổ-túc cho lời chỉ-dạy của Tì-kheo Na-Tiên về các điều thiện và ác.

*

126.- Phải làm điều thiện từ trước.

Giờ đây, xin "nhảy" đến tiêu-mục số 062, để nghe Tì-kheo Na-Tiên trả lời câu hỏi sau đây của vua Di-Lan:

- Người muốn làm điều thiện, nên làm trước ngay, hay là để sau này mới làm?

- Phải làm ngay từ trước, để đến sau mới làm thì chẳng ích-lợi chi.

Rồi Na-Tiên đưa ra ba thí-dụ chứng minh sự cần-thiết phải làm ngay trước các điều thiện, chẳng chần-chờ: (1) đang khát mới sai người đào giếng, làm sao có nước ngay để uống liền? (2) đang đói mới đi cấy ruộng, làm sao có cơm để ăn liền? (3) bị kẻ thù xâm-lãng, rồi mới lo tuyển binh, luyện tướng, sao kịp chiến-đấu nữa? Và Na-Tiên kết-luận: Người ngu bỏ điều thiện, làm điều ác, rồi sau này ngồi đó khóc than, có ích vào đâu. Kẻ nào dứt bỏ điều trung-chánh, theo điều bất-chánh, đến lúc sắp chết, sẽ hối-hận về sau.

*

127.- Trót gây điều ác, nay phải làm gì?

Lại "nhảy" thêm ba bước nữa đến tiểu-mục số 084, tiểu-mục số 089, và tiểu-mục số 090, để xét đến vấn-đề: trót gây tội-ác, giờ phải làm gì?

Vua Di-Lan thắc-mắc, nơi tiểu-mục số 084:

- Sa-môn các khanh thường nói, con người tại thế-gian làm việc ác trong trăm năm, đến khi gần chết mà biết niệm Phật, thì được tái-sanh lên cõi Trời. Ta chẳng thể tin lời này. Lại nữa, sa-môn các khanh còn nói, giết một mạng sanh-vật, đến lúc chết sẽ sa-đọa vào địa-ngục. Ta cũng chẳng tin được lời này.

Để thuyết-phục Vua, Na-Tiên đưa ra một thí-dụ rất ý-nghị: cầm hòn đá nhỏ để trên mặt nước, đá chìm; còn lấy chiếc thuyền chở đầy khảm các hòn đá lớn, thuyền lại nổi. Tại sao? Vì thuyền có sức chở nặng được. Thuyền ví như Chánh-Pháp; niệm Phật theo đúng Chánh-Pháp, thì có thể cứu-vãn được người có tội khỏi bị sa địa-ngục.

Vua Di-Lan lại hỏi, nơi tiểu-mục số 089:

- Người làm điều thiện được phước lớn, rồi làm điều ác thì bị tai-ương lớn chẳng?

Câu trả lời của Na-Tiên, mới nghe qua, dễ làm ta ngạc-nhiên:

- Người làm điều thiện được phước lớn; rồi làm điều ác thì bị tai-ương nhỏ.

Ta có thể thắc-mắc, tự hỏi: hễ làm điều thiện rồi, thì rồi đâu có làm điều ác gì đi nữa cũng chỉ bị tai-ương nhỏ mà thôi chẳng? Chẳng phải như vậy đâu! Lời giải-đáp của Na-Tiên có hai phần: (1) làm điều lành nhỏ có thể được phước lớn, như trong Kinh có nói đến trường-hợp của kẻ cụt tay chơn, dâng cúng một bó hoa lên Đức Phật, được phước lớn trong 91 kiếp chẳng bị đọa địa-ngục; (2) người siêng làm lành, nếu trót làm điều ác, sở dĩ bị tai-ương nhỏ, là do biết ăn-năn hối-cải, tội tiêu dần đi. Thiện-Nhật thiện nghĩ, về điểm (1), người cụt tay dâng bó hoa cúng-dường Đức Phật, sở dĩ được hưởng phước-báu lớn, là vì Đức Phật chính là một phước-điền to-lớn và quý-báu nhưt trong các loại ruộng phước, hễ ai gieo nhân bố-thí nơi Ngài, thì sẽ được quả-báo vô-cùng sâu-rộng. Về điểm (2), sở dĩ tai-ương nhỏ đến với người biết hằng ngày ăn-năn, hối-cải việc bất-thiện trót làm, là vì tâm của

người ấy càng ngày càng trở nên thanh-tĩnh, khiến cho nghiệp-báo xấu-ác nặng-nề chẳng có đủ cơ-duyên để trở quả.

Nơi tiêu-mục số 090, Vua lại hỏi:

- Người trí làm điều ác, kẻ ngu cũng làm điều ác, thì ai chịu tội nặng hơn.
- Kẻ ngu làm ác bị tai-ương lớn, còn người trí làm ác chịu tai-ương nhỏ.

Câu trả lời này làm Vua ngạc-nhiên chẳng ít, vì thông-thường trách-nhiệm nặng sẽ đè lên người có trí biết điều quấy mà còn cố làm; và người ngu chẳng biết tội, lẽ ra phải chịu hình-phạt nhẹ hơn. Nhưng lời giải-thích tiếp theo của Na-Tiên rất chi là hữu-lý. Na-Tiên lấy thí-dụ, có thanh sắt nung đỏ, kẻ bị phỏng tay nhiều chính là người chẳng biết đó là thanh sắt bị đốt; còn người trí biết trước, đại gì nắm lâu để tay bị phỏng nặng. Nhưng cái lý sâu-xa của sự-kiện: "cùng làm ác, người trí bị tai-ương nhẹ hơn người ngu" là ở điểm biết hối lỗi. Người trí biết lỗi mình, nên ngày ngày sám-hối, khiến tâm sớm thanh-tĩnh lại. Còn người ngu, vì chẳng biết hậu-quả nặng-nề của tội-ác, lại chẳng biết sám-hối, thì còn lằm tai-ương sẽ đến nữa với mình, đó là chưa kể hiện đang bị khờ-sở vì hành-vi ác đã trót làm.

-----*-----

IV.- Vấn-đề: Ba mươi bảy Phẩm Trợ Đạo.

128.- Ba mươi bảy Phẩm Trợ Đạo gồm có những gì?

Nhắc lại: nơi tiêu-mục số 020, trả lời câu Vua hỏi, "các điều thiện là những gì?", Na-Tiên có nói đến năm điều thiện, trong đó có điều thiện thứ hai là sự Hiếu-thuận. Đến tiêu-mục số 023, Na-Tiên định nghĩa chữ Hiếu-thuận là "tất cả các điều thiện. Ba mươi bảy Phẩm Kinh đều đặt căn-bản nơi sự hiếu-thuận". Lời giải-thích "hơi lòng-vòng" này của Na-Tiên, khiến người đọc thêm bờ-ngõ, vì hai lẽ sau đây: (1) như đã xét qua nơi Phần Tìm hiểu về Nghĩa Ý (tiêu-mục số 124-2), chữ Hiếu-thuận chẳng thích-hợp bằng chữ Giới-luật, để chỉ điều thiện thứ hai; (2) Na-Tiên nói đến 37 Phẩm Kinh mà chẳng chỉ rõ là các Phẩm Kinh nào.

Nếu được phép "nói lại" chỗ Na-Tiên đã kể ra năm điều thiện, Thiện-Nhục sẽ xin "nói lại" như vậy: (1) thành-tín, (2) giới-đức, (3) tinh-tấn, (4) nhứt-tâm, (5) trí-huệ; và điều (2): Giới-đức làm căn-bản cho 37 Phẩm Trợ-Đạo. Như

thể có lẽ rõ-ràng hơn, khi chỉ ra đích-xác 37 Phẩm Kinh là các Phẩm Kinh nào.

Danh-từ chánh-thức của Bắc-Tông là Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo, còn gọi là 37 Bồ-đề-phân; tiếng Pali là Bojjhanga.

Do đâu mà có con số 37? Ba mươi bảy Phẩm Trợ Đạo gồm có:

- 1.- Tứ niệm-xứ: bốn lãnh-vực giữ chánh-niệm 4 pháp;
- 2.- Tứ Chánh-cần: bốn nỗ-lực làm điều lành thêm lớn 4 pháp;
- 3.- Tứ Như-ý-túc: bốn tâm-nguyện được đầy-đủ 4 pháp;
- 4.- Ngũ căn: năm nguồn-gốc phát-sanh các điều thiện 5 pháp;
- 5.- Ngũ lực: năm sức mạnh làm phát-sanh điều thiện 5 pháp;
- 6.- Thất giác-chi: bảy yếu-tố của sự giác-ngộ 7 pháp;
- 7.- Bát Chánh-đạo: con đường chơn-chánh tám ngành 8 pháp;

Cộng lại: 37 pháp.

So-sánh với "37 Phẩm Kinh" nói ở tiêu-mục số 023 vừa nêu trên, ta thấy rõ bảy nhóm của Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo liên-quan rất chặt-chẽ với bảy nhóm của Ba mươi bảy Phẩm Kinh, được nói trong sách "Tì-kheo Na-Tiên", tuy tên gọi mỗi nhóm có khác, nhưng nội-dung mỗi nhóm, ở hai bên, vẫn tựa-tựa nhau.

Giờ đây, xin đi sâu vào chi-tiết của mỗi nhóm, trong Ba mươi bảy Phẩm Kinh mà đúng lý ra ta phải gọi là Ba mươi bảy Phẩm Trợ Đạo.

*

129.- Tứ niệm-xứ: bốn lãnh-vực để giữ chánh-niệm.

Nơi tiêu-mục số 024, Phần Phỏng-dịch, Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Bốn sự dừng-ý là những gì?

Na-Tiên gọi Tứ niệm-xứ là Bốn sự dừng-ý, và giải-thích:

- Đức Phật dạy: "Một là quán thân, thì thân dừng lại; hai là quán sự đau-đớn thì sự đau-đớn ngừng lại; ba là quán tâm-ý, thì ý dừng lại; bốn là quán pháp, thì pháp dừng lại. Đó là bốn phép quán dừng-ý."

Lời giải-thích này của Na-Tiên đã dựa trên bản Kinh Niệm-xứ, một bản Kinh rất quan-trọng dạy cách giữ gìn chánh-niệm, khi tu-tập thiền-quán (Kinh Satipatthana, Trung-Bộ Kinh, bản kinh số 10; Pali: Satipatthana, Majjhima Nikaya, 10). Bốn lãnh-vực quán-niệm mà ta cần giữ chánh-niệm là: (1) quán thân; (2) quán thọ; (3) quán tâm và (4) quán pháp. Như thế, nơi lãnh-vực thứ hai: quán thọ, Na-Tiên đã dùng chữ "sự đau-đớn" để chỉ một loại cảm-thọ, được nói trong Kinh Niệm-xứ.

Lại nữa, Na-Tiên bảo, (hễ) "quán thân thì thân dừng lại...", chữ "dừng" này có nghĩa là các tư-tưởng, các ý-nghĩ trong tâm, lúc đang quán thân, đều dừng, đều trụ lại, chẳng còn chạy bông-lông, bị xao-lãng về các vấn-đề khác. Đây là công-năng của việc quán, khiến cho chánh-niệm khởi lên và an-trụ ngay trong lãnh-vực đang quán-chiếu; nói cách khác, khi quán thân thì giữ được chánh-niệm an-trụ lại trên ý-niệm thân-thể và vắng bóng các ý-tưởng khác. Đó là phương-pháp đào-luyện sự tập-trung tư-tưởng trong các phép quán-niệm, khiến cho tâm trở nên thanh-tịnh để sớm đi vào thiền-định.

*

130.- Bốn sự đoạn-ý chẳng phải là Tứ Chánh-cần .

Nhóm thứ hai Bốn sự đoạn-ý trong Ba mươi bảy Phẩm Kinh được Na-Tiên nói đến nơi tiêu-mục số 025, chắc chắn chẳng phải là nhóm thứ hai: Tứ Chánh-cần, tức là bốn nỗ-lực làm cho các điều thiện tăng-trưởng thêm lên, được nói trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo.

Thế nào là đoạn-ý? Na-Tiên giải-thích:

-... khi đã phân-biệt được bốn sự dừng-ý rồi, thì chẳng nhớ nghĩ đến nữa, đó là bốn sự đoạn-ý...

Theo sự giải-thích như vậy, thì đoạn-ý có nghĩa là chẳng nhớ nghĩ đến nữa. Phải chăng Na-Tiên muốn nói, hễ khi tâm-ý đã dừng lại được rồi, thì đừng nhớ nghĩ gì đến các việc khác nữa. Nếu đúng như thế, thì bốn sự đoạn-ý được Na-Tiên nói đến, thật ra, vẫn còn nằm trong lãnh-vực Tứ niệm-xứ của Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo; vì khi ta tu-tập quán-niệm mà giữ được chánh-niệm an-trụ, thì mọi tư-tưởng khác đều vắng bóng, chỉ còn lưu lại có đề-tài thiền-quán duy-nhứt nơi tâm-ý đang tập-trung.

Và ta có thể kết-luận: nhóm thứ nhứt dừng-ý và nhóm thứ hai đoạn-ý, do Na-Tiên nói đến trong Ba mươi bảy Phẩm Kinh, cũng chỉ là một nhóm mà

thôi, vì dùng ý rồi đoạn ý chỉ là một hành-vi duy-nhứt của tâm: bỏ các ý khác để chỉ chọn một ý mà quán-niệm.

Thế nào là Tứ Chánh-cần trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo? Đó là bốn nỗ-lực để khiến các điều ác bị tiêu-diệt và đồng thời làm gia-tăng thêm lên các điều thiện. Tứ Chánh-cần là tên khác của Tinh-tấn.

Bốn nỗ-lực nào?

- 1.- Điều ác đã sanh, phải cố dứt-trừ;
- 2.- Điều ác chưa sanh, phải cố ngăn-ngừa đừng cho sanh;
- 3.- Điều thiện chưa sanh, phải cố làm nảy-sanh ra;
- 4.- Điều thiện đã sanh, phải cố làm tăng-trưởng thêm.

Có được như thế thì mới mong có ngày dứt hết các ác-nghiệp và chẳng còn bị nghiệp dẫn-dắt đi tái-sanh trong cõi Luân-hồi lận-đận.

Nhân đây, xin nhắc đến tiêu-mục số 036, Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Phải chăng các loại Kinh trước sau có dạy nhiều điều khác nhau, nhưng cũng đều chung một hướng là nhằm diệt tất cả các điều ác?

Câu trả lời của Na-Tiên được kèm một thí-dụ cụ-thể:

- Dĩ nhiên, Kinh Phật dạy nhiều loại thiện, nhưng cũng chỉ hướng về nhằm diệt mọi điều ác. Ví như Vương phát bốn đạo binh ra đi chiến-đấu, ý lúc khởi-hành là để công-kích địch-quân, diệt tất cả mọi điều ác vậy.

Thí-dụ về đánh giặc này được nhà Vua tán-thưởng nhiệt-liệt:

- Lành thay! Na-Tiên nói Kinh thật vô cùng thích-thú!

*

131.- Phải chăng Bốn niệm thần-túc là Tứ Như-ý-túc?

Nơi tiêu-mục số 026, Vua Di-Lan hỏi:

- Bốn niệm thần-túc là những gì?

Câu trả lời của Na-Tiên lại liên-quan đến bốn sự thần-thông, mà các bậc đắc đạo-quả A-la-hán đã chứng được:

- Thứ nhất là mắt có thể nhìn thấy thấu-triệt. Hai là tai có thể nghe rõ được thấu-triệt. Ba là có khả-năng biết rõ tâm-trạng của kẻ khác. Bốn là thân-thể có khả-năng bay cao.

Bốn khả-năng siêu-phàm đó thường được gọi trong Kinh-sách là bốn thần-thông: (1) thiên-nhãn-thông, (2) thiên-nhĩ thông, (3) tha-tâm-thông, và (4) thần-túc-thông (bay cao). Muốn đắc được bốn thần-thông này, theo lời Na-Tiên có nói trước đó ở tiểu-mục số 025, là khi đạt được bốn sự đoạn-ý thì liền đạt được bốn niệam thần-túc.

Thế còn Tứ Như-ý-túc trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo là những gì? Đó là bốn điều tâm-nguyện khi tu-hành mong đạt được sự thành-công đầy-đủ trọn- vẹn:

1.- Dục như-ý-túc: mong muốn được thành-tựu hoàn-toàn chí-nguyện tu-hành của mình;

2.- Tinh-tấn như-ý-túc: nỗ-lực thật dũng-mãnh để đạt trọn- vẹn chí-nguyện tu-hành của mình, dầu phải hy-sanh thân-mạng;

3.- Nhứt-tâm như-ý-túc: một lòng chuyên-chú đến chí-nguyện tu-hành, chẳng hề để cho tâm tán-loạn, bị cảnh bên ngoài quyến-rủ.

4.- Quán như-ý-túc: dùng trí-huệ quán-sát chí-nguyện tu-hành của mình, thấu rõ sự nguy-hiêm của đường ác và sự lợi-lạc của đường lành.

Như thế, có sự khác-biệt rõ rệt giữa Bốn niệam thần-túc trong sách Tì-kheo Na-Tiên với Tứ Như-ý-túc trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo.

*

132.- Năm căn và năm lực là những gì?

Nơi hai tiểu-mục số 027 và 028, Vua Di-Lan hỏi:

- Thế nào là năm căn và năm lực?

Na-Tiên đã dùng năm giác-quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân) làm năm căn, và năm sự kèm-chế các giác-quan làm năm lực, để trả lời. Na-Tiên nói:

- Thứ nhứt, mắt thấy sắc đẹp, sắc xấu, ý chẳng dính-mắc. Thứ hai, tai nghe tiếng tốt, lời mắng, ý chẳng dính mắc, v.v... đó là năm căn. Một là kèm-chế mắt; hai là kèm-chế tai, ... để cho ý khỏi bị sa-đọa, đó là năm lực.

Nhưng trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo, ngũ căn, ngũ lực, lại được kể ra như sau:

- 1.- Tín-căn, niềm tin nơi Chánh-Pháp, và Tín-lực, sức mạnh của niềm tin đó, có được nhờ sự tu-tập;
- 2.- Tấn-căn, nỗ-lực diệt-trừ điều ác để gia-tăng điều thiện, và Tấn-lực, sức mạnh của sự cố-gắng bền-bỉ đó;
- 3.- Niệm-căn, tâm nhớ nghĩ luôn luôn đến lục niệm: (1) niệm Phật, (2) niệm Pháp, (3) niệm Tăng, (4) niệm Giới, (5) niệm Thí, (6) niệm Thiên. Còn Niệm-lực là sức mạnh của niệm-căn được tu-tập thêm vững-bền.
- 4.- Định-căn, tâm luôn an-trú trong chánh-niệm. Định-lực là sức mạnh đưa tâm an-tịnh vào các cõi thiên-định.
- 5.- Huệ-căn, trí sáng phát-giác các phiền-não, vọng-tướng. Huệ-lực là sức mạnh của trí-huệ quét sạch vọng-tướng, cắt đứt phiền-não.

So-sánh năm căn, năm lực ở hai nơi, sách "Tì-kheo Na-Tiên" này với Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo, ta thấy có sự khác-biệt; nhưng nếu xét theo "nghĩa gốc" của chữ căn = nguồn-gốc làm phát-sanh, thì cả hai nơi đều hợp-lý cả: (1) năm giác-quan, được gọi là năm căn, vì từ các nơi đó phát-sanh ra sự hay-biết về cảnh bên ngoài; (2) từ tín-căn đến huệ-căn được gọi là năm căn, vì từ các nơi đó phát-sanh ra các điều lành. Hóa ra, chẳng có sự chống-đổi giữa hai loại năm căn.

Mặt khác, lời đáp của Na-Tiên nói, năm lực là năm sự kèm-chế các giác-quan, chẳng để cho ý bị dính-mắc và sa-đọa, khiến ta nhớ lại sự phòng-vệ các căn, sự hộ-trì các căn đã được chúng ta bàn qua về Lý Mười hai Nhân-Duyên, tại hai Nhân-duyên: Xúc và Thọ. Khi các căn (mắt, tai, mũi...) được phòng-vệ, hộ-trì, thì sự tiếp-xúc (Xúc) với cảnh-vật bên ngoài chẳng lôi-kéo cảm-thọ (Thọ) chạy theo con đường ác; điều này cho ta thấy rõ sự kèm-chế đó là năm lực ở các giác-quan, tạo nên sức mạnh diệt điều ác và tăng thêm điều lành, cũng giống nhau với tấn-căn trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo. (Xin xem lại tiêu-mục số 120, Phần Tìm hiểu Nghĩa Ý.)

Hơn nữa, xem lại tiểu-mục số 040, ta thấy có một sự trùng-hợp giữa năm điều thiện của Na-Tiên kể ra, rất giống nhau với năm căn và năm lực trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo.

*

133.- Bảy Giác-ý hay là Bảy Giác-chi?

Nơi tiểu-mục số 029, Na-Tiên kể bảy yếu-tố của sự giác-ngộ, gọi đó là Bảy Giác-ý, và trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo thì được gọi là Thất Giác-chi:

Bảy Giác-ý Thất Giác-chi

- 1.- Ý giác-ý
 - 2.- Phân-biệt giác-ý
 - 3.- Tinh-tấn giác-ý
 - 4.- Khả giác-ý
 - 5.- Ý giác-ý
 - 6.- Định-giác-ý
 - 7.- Hộ giác-ý
- 1.- Trạch-pháp
 - 2.- Tinh-tấn
 - 3.- Hi
 - 4.- Khinh-an
 - 5.- Niệm
 - 6.- Định
 - 7.- Xả.

Nhận-xét đầu-tiên về bản đối-chiếu này là thứ-tự trước sau của mỗi yếu-tố chẳng giống nhau ở hai cột; nhưng điều này chẳng quan-trọng, miễn sao có đủ bảy thành-phần là được. Nhận-xét thứ hai là tên gọi của vài yếu-tố khác nhau, chẳng biết có sự sai-biệt về nội-dung hay không. Ta sẽ xét qua ý-nghĩa của mỗi yếu-tố, dựa theo tên gọi trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo.

1.- Yếu-tố thứ nhứt là Trạch-pháp, sự lựa chọn một pháp-môn thích-hợp với căn-cơ của mình để tu-tập theo. Yếu-tố trạch-pháp này lại bao gồm được cả hai yếu-tố: (1) ý giác-ý và (2) phân-biệt giác-ý trong lời giải-đáp của Na-Tiên: (1) chữ "ý giác-ý", nhứt là chữ "ý" còn chưa diễn-tả đầy đủ nghĩa-lý bằng chữ "pháp" trong chữ pháp-môn; (2) chữ phân-biệt trong Phân-biệt giác-ý, đâu có đủ ý-nghĩa bằng chữ Trạch: vừa lựa và vừa chọn lấy một pháp-môn để tu-tập.

2.- Yếu-tố thứ hai là Tinh-tấn lại được Na-Tiên xếp vào yếu-tố thứ ba. Thứ-tự này chẳng quan-trọng, khi cả hai cột đều có nói đến sự tinh-tấn, nỗ-lực tu-tập rất cần-thiết, sau khi đã chọn được pháp-môn thích-hợp với mình, để tu-tập hầu sớm đắc giác-ngộ.

3.- Yếu-tố thứ ba là Hỷ, sự vui mừng vì thấy pháp-môn mình chọn đưa đến các kết-quả khả-quan. Hỷ giác-chi được Na-Tiên gọi là Khả giác-ý, xếp vào yếu-tố thứ tư. Theo nghĩa trong chữ Hán, Hỷ là mừng; Khả là "có thể, vừa ý, đáng thích", thì kể ra cũng gần nghĩa với nhau.

4.- Yếu-tố thứ tư là Khinh-an, sự nhẹ-nhàng, sáng-khoái của thân-tâm, trước sự tu-tập hướng về giác-ngộ có kết-quả khả-quan. Khinh-an tương-đương với yếu-tố thứ năm ý giác-ý. Chữ ý, nghĩa gốc trong chữ Hán-Việt là dựa vào; ở đây, có nghĩa là tâm dựa vào nơi sáng-khoái về thể-xác để được vui-vẻ mà sớm đắc được định-lực. Nếu chẳng quá chú-trọng đến từ-ngữ, ta thấy nếu dùng tiếng khinh-an để thay-thế cho tiếng ý, thì vừa nhẹ-nhàng lại vừa thanh-lịch hơn.

5.- Yếu-tố thứ năm là Niệm, tức là chánh-niệm luôn luôn nhớ nghĩ đến pháp-môn đang tu-tập. Yếu-tố quan-trọng này giúp hành-giả luôn chú-tâm đến việc tu-tập trong mọi thời, lại chẳng thấy nói đến trong Bảy Giác-ý, khiến cho lời Na-Tiên giải-thích còn thiếu-sót.

6.- Yếu-tố thứ sáu là Định được nói đến ở cả hai bản Bảy Giác-ý và Thất Giác-chi. Đó là định-lực đưa tâm-trí hành-giả vào các cõi thiền-định, để phát-triển được Huệ sớm đưa đến bờ giác-ngộ.

7. Yếu-tố sau cùng là Xả giác-chi, tức là tâm bình-đẳng, biết buông-xả, chẳng dính-mắc, gặp việc thuận chẳng mến-thích, gặp chuyện nghịch chẳng oán-than. Na-Tiên dùng chữ "Hộ" vào trong Hộ giác-ý, yếu-tố sau cùng của Bảy giác-ý, theo thiền-kiến, chẳng diễn-tả được hết ý-nghĩa của yếu-tố Xả. Tại sao? Vì ý-niệm Xả chính là đỉnh cao của sự giác-ngộ: người đã giác-ngộ rồi, tâm an-nhiên, tự-tại, giải-thoát khỏi mọi ràng-buộc, điều ác chẳng vương-mắc mà ngay cả điều thiện cũng chẳng ôm-ấp, thì còn có điều chi trong cái tâm-trạng rộng-rang, vắng-vẻ đó để mà còn bảo-vệ hộ-trì nữa?

*

134.- Bát Chánh-Đạo là những gì?

Nơi tiêu-mục số 030, Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Thế nào là tám loại đạo-hạnh?

Ta hãy sắp xếp câu trả lời của Na-Tiên, song song với các yếu-tố của con đường tám ngành Bát Chánh-Đạo, được kể rõ-ràng và đầy-đủ trong Kinh Chuyên Pháp-Luân, là bản Kinh đầu-tiên của Đức Phật, sau khi Ngài thành Đạo, giảng tại vườn Lộc-Uyển cho năm anh em ông Kiều-Trần-Như nghe.

Tám loại đạo-hạnh Bát Chánh-Đạo

- 1.- Trục-kiến
 - 2.- Trục-niệm
 - 3.- Trục-ngữ
 - 4.- Trục-mạng
 - 5.- Trục-nghiệp
 - 6.- Trục phương-tiện
 - 7.- Trục-ý
 - 8.- Trục-định
- 1.- Chánh tri-kiến
 - 2.- Chánh tư-duy
 - 3.- Chánh-ngữ
 - 4.- Chánh-mạng
 - 5.- Chánh-nghiệp
 - 6.- Chánh tinh-tân
 - 7.- Chánh-niệm
 - 8.- Chánh-định.

Nhận-xét đầu-tiên là chữ Chánh, nơi cột hai, được chữ Trục, nơi cột một, thay-thế. Y-nghĩa của hai chữ ấy gần tương-đương nhau: "ngay-thẳng, chơn-chánh, đứng-đắn", cho nên chẳng có chi đáng nói. Về nội-dung của mỗi ngành, ta nên xét từng môn: từ chánh tri-kiến cho đến chánh-định.

1.- Chánh-tri-kiến, sự thấy-nghe, hay-biết, thật chơn-chánh đứng-đắn, có thể xem tương-đương với Trục-kiến nơi cột một.

2.- Chánh tư-duy, sự suy-nghĩ, phán-xét đứng-đắn, thì khó lòng được xem cùng nghĩa với chữ trục-niệm. Thông-thường, động-từ niệm có nghĩa là luôn nhớ-nghĩ trong lòng; như thế, trục-niệm, chỉ có nghĩa là "nhớ nghĩ thẳng-thắn" chẳng diễn-tả hết được các khả-năng đứng-đắn và bao-quát của Trí-huệ là suy-nghĩ và phán-đoán.

Hai môn: Chánh tri-kiến và Chánh tư-duy được xếp vào môn thứ ba, Huệ-học, trong ba môn học vô-lậu Giới, Định, Huệ.

3.- Chánh-ngữ, Chánh-mạng, Chánh-nghiệp có thể được xem như tương-đương với Trục-ngữ, Trục-mạng, Trục-nghiệp nơi cột một, nếu nghĩa của chữ Trục, ngoài ý ngay-thẳng ra, được mang thêm ý-nghĩa của sự đứng-đắn, chơn-chánh. Chánh-ngữ là lời nói chơn-chánh, chẳng thô-ác, chẳng đâm-thọc, các ý-nghĩa này có thể được bao gồm trong Trục-ngữ. Chánh-mạng là cách sanh-sống bằng các nghề-nghiệp chơn-chánh, thật-thà, chẳng gian-xảo, chẳng độc-ác, rất phù-hợp với chữ trục-mạng. Chánh-nghiệp là những hành-động của thân, miệng, và tâm-ý đều đứng-đắn, chơn-chánh, chẳng gây ra ác-nghiệp và vì thế chữ Trục-nghiệp có thể xem tương-đương với chữ Chánh-nghiệp.

Ba môn: Chánh ngữ, Chánh-mạng, Chánh-nghiệp được xếp vào môn học thứ nhất, Giới-học, trong ba môn học vô-lậu.

4.- Nơi mục số (6), Chánh tinh-tấn khác khá xa với Trục phương-tiện; vì Tinh-tấn có nghĩa là nỗ-lực giữ-gìn và làm tăng-trưởng điều thiện; còn Phương-tiện là những phương-pháp tiện dụng, dùng để thi-hành hầu đạt được mục-tiêu. Tuy nhiên, có điểm tương-đồng giữa hai ý-niệm: Tinh-tấn và Phương-tiện, là các nỗ-lực đã cố-gắng để đạt được mục-tiêu, mặc dầu mục-tiêu có thể khác nhau. Và mục-tiêu của Tinh-tấn được nói rõ: tăng điều thiện; còn mục-tiêu của Trục phương-tiện vẫn để bỏ ngõ. Dầu sao đi nữa, trong lăm sách giáo-lý Phật-học, nhiều vị đại-sư đã chẳng ngại dùng từ-ngữ Chánh phương-tiện để thay thế cho danh-từ Chánh Tinh-tấn khi giảng về Bát Chánh-Đạo.

Môn Chánh tinh-tấn có thể được đem xếp vào cả hai môn Giới và Định, vì sự nỗ-lực có thể thi-hành trong việc giữ-gìn Giới-luật, hoặc để áp-dụng vào việc tu-tập Thiên-định.

5.- Chánh-niệm nơi mục số (7) được xếp ngang hàng với Trục-ý. Đứng lý ra, nên đem chữ Trục-niệm ở mục số (2), cột một, xuống ngang với Chánh-niệm thì hay biết mấy; vì chữ Trục-ý chẳng thể nào thay-thế cho chữ Chánh-niệm được: Trục-ý chỉ là một ý ngay-thẳng; trong khi Chánh-niệm lại là ý chủ-chốt, qui-tụ hết các ý-tưởng khác về một trọng-điểm đang được quán-chiếu. Bước đầu đi vào định-lực là phải có chánh-niệm và giữ chánh-niệm luôn sáng-tỏ, cái điều mà một ý ngay-thẳng, trục-ý, dù mạnh đến đâu cũng chưa thể làm được.

6.-Chánh-định và Trục-định chẳng chống-đối nhau, vì cả hai đều nói lên định-lực chơn-chánh, trái hẳn với tà-định của bàng-môn ngoại-đạo.

Hai môn Chánh-niệm và Chánh-Định thuộc về môn Định-học trong ba môn học vô-lậu: Giới, Định, Huệ.

*

135.- Lấy tám loại đạo-hạnh (Bát Chánh-Đạo) làm căn-bản tu-hành.

Nơi gần cuối tiêu-mục số 031, Na-Tiên có nói:

- Chư đệ-tử Phật cầu Đạo... nhân biết sự khổ-nhọc ở thế-gian, nên mới dứt bỏ mọi ham-muôn mà một lòng niệm tám loại đạo-hạnh.

Như thế, trong Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo, Na-Tiên đã chọn lấy Bát Chánh-Đạo, (mà Na-Tiên gọi là tám loại đạo-hạnh) làm căn-bản tu-hành. Lấy Bát Chánh-Đạo làm căn-bản tu-hành cũng tựa như trong hai thí-dụ Na-Tiên đưa ra ngay trước đó: (1) kiến-trúc-sư trước khi xây một thành-trị, cần phải lượng-định nền móng; (2) người diễn trò trước khi diễn phải dọn dẹp mặt đất cho bằng phẳng.

Thường nghe nói, Chánh-Pháp có tám vạn bốn ngàn pháp-môn,, nay Na-Tiên mách cho vua Di-Lan sự chọn lựa pháp-tu giản-dị và đầy-đủ như thế, quả là điều rất đáng tán-thưởng, vì thế nhà Vua đã khen-ngợi:

- Lành thay! Lành thay!

-----*-----

V.- Vấn-đề: Trí - Huệ .

Trước khi bước sang Vấn-đề V: Trí-huệ, Thiện Nhựt thấy cần nhắc lại sự liên-tục trong ý-tưởng khi tóm-tắt lại nội-dung của quyển "Tì-kheo Na-Tiên", vì các câu hỏi của vua Di-Lan nêu lên đều tùy hứng, gặp đâu hỏi đó, chẳng theo một thứ-tự nào.

- Thắc-mắc đầu-tiên của vua Di-Lan là tại sao đi tu làm sa-môn? Điều này ta đã xét qua tại Vấn-đề I: đi tu làm sa-môn.

- Trước lời đáp của Na-Tiên, đi tu để khỏi chịu khổ mãi vì tái-sanh Luân-hồi, Vua Di-Lan muốn biết: thế nào là tái-sanh? Điều này ta đã xét qua tại Vấn-đề II: tái-sanh trong cõi Luân-hồi.

- Trước câu hỏi của vua Di-Lan, người niệm Chánh-Pháp và siêng làm điều thiện có khỏi phải sanh lại không?, Na-Tiên đã giải-thích sự phân-biệt giữa các điều thiện-ác. Điều này ta đã xét qua tại Vấn-đề III: phân-biệt các điều thiện và điều ác.

- Trong khi nói về các điều thiện, Na-Tiên có bàn đến Ba mươi bảy Phẩm Kinh làm căn-bản cho các điều thiện. Điều này ta vừa mới xét qua xong, tại Vấn-đề IV: Ba mươi bảy Phẩm Trợ-Đạo.

- Và sau đây là Vấn-đề V: Trí-huệ. Do niệm Chánh-Pháp và siêng làm các điều lành, mà hành-giả biết sống luôn luôn theo đúng các đạo-hạnh của Bát Chánh-Đạo, nhờ đó mà phát-triển được Trí-Huệ. Rồi lại nhờ có Trí-Huệ mà cắt đứt mọi phiền-não, diệt-trừ hết các điều ác, nên được giác-ngộ và giải-thoát khỏi cảnh Luân-hồi.

Năm vấn-đề trên đây được sợi dây đường-lối tu-hành luôn xuyên qua và kết-chặt lại một mối, giúp cho việc Tìm hiểu Nghĩa Ý của quyển "Tì-kheo Na-Tiên" có lớp-lang thứ-tự, vượt qua được dễ-dàng các câu hỏi quá nhiều và tùy hứng của Vua Di-Lan.

*

136.- Vấn-đề Trí-Huệ được đặt ra ở đây như thế nào?

Cuộc vấn-đáp giữa Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên về vấn-đề Trí-huệ, rải-rác qua nhiều câu hỏi, tại các tiêu-mục:

- số 019: Thú-vật có trí chãng?
- số 035: Trí-huệ là như thế nào?
- số 039: Khả-năng hiểu-biết của Trí-huệ như thế nào?
- số 090: Người trí, kẻ ngu cùng làm ác, ai nặng tội hơn?
- số 094,: Trí-huệ tư-duy đến các sự-việc cao-thâm.
- số 095: Thế nào là Tinh-thần, Trí-huệ, và Tự-nhiên.

Như thế, chỉ trong sáu tiêu-mục rời-rạc, Trí-huệ được xét đến ở

Như thế, chỉ hai khía-cạnh: (1) về mặt lý-thuyết: (a) Thế nào là Trí-huệ; (b) khả-năng hiểu-biết của Trí-huệ ra sao; (c) Trí-huệ với Tinh-thần và Tự-nhiên; (2) về mặt sự-kiện cụ-thể: (a) thú-vật có trí không; (b) người trí với kẻ ngu cùng làm ác, ai chịu tội nặng hơn?

*

137.- Thế nào là Trí-Huệ?

Nơi tiểu-mục số 035, Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Trí-huệ là như thế nào?

- Tôi đã có nói trước rồi (tiểu-mục số 019), trí-huệ có khả-năng cắt đứt các nghi-ngờ, làm sáng tỏ các việc thiện...

Rồi Na-Tiên đưa ra thêm hai thí-dụ: (1) như cầm đèn vào nhà tối, ánh-sáng (tượng-trung cho trí-huệ) đẩy lùi bóng tối (tượng-trung cho sự ngu-mê); (2) như cầm dao bén (tượng-trung cho trí-huệ) chặt cây (tượng-trung cho các điều ác). Trước đây nơi cuối tiểu-mục số 019, Na-Tiên có ví Trí-huệ như cái lưỡi-hái cắt các bó lúa (tượng-trung cho các điều ác). Qua ba thí-dụ trên, Na-Tiên muốn chỉ rõ hiệu-năng của Trí-huệ là phá bỏ, dứt trừ sự Vô-minh (ngu-mê), sự nghi-ngờ và tiêu-diệt được các điều ác.

Đến tiểu-mục số 039, Vua Di-Lan hỏi về khả-năng hiểu-biết của Trí-huệ, như sau:

- Người có trí-huệ sáng-suốt có biết hết muôn sự-vật chăng, hay có chỗ còn chưa hiểu-biết kịp?

Câu trả lời của Na-Tiên phân-biệt ra hai trường-hợp:

- (1) với người thường, họ biết được điều chưa học và chưa kịp hiểu; đồng thời cũng biết được điều đã học và đã hiểu;

- (2) với bậc trí-giả, họ thấy rõ con người và vạn-vật đều phải qua đi, qui về KHÔNG, chẳng được tự-tại. Vì lòng ham muốn vui-sướng con người đã gieo trồng nguồn-gốc của Khổ; người trí biết như thế, và tòng theo đó mà tiến đến Khổ-Huệ, biết rõ-ràng sự vô-thường, sự thành-bại, cho nên Trí-huệ khác với người thường.

Ta thấy rõ: sự khác-biệt về Trí-huệ giữa hai hạng người, chính là sự thấu-đáo về nỗi Khổ, đưa đến Khổ-Huệ, cái Trí-Huệ sáng-suốt biết rõ nguồn-gốc của Khổ và cách diệt-trừ dứt-khoát Khổ. Nếu sự suy-đoán của Thiên-Nhục chẳng lầm-lẫn thì đó chính là Trí-huệ Bát-Nhã Ba-la-mật (Sanskrit: Prajna Paramitra; Pali: Panna Paramitta), cái Trí-huệ toàn-hảo đưa đến bờ giác-ngộ.

Tiếp theo đó, Vua lại hỏi:

- Người có trí-huệ rồi, thì ngu-si ở vào đâu?

- Người có trí-huệ thì ngu-si tự tiêu-diệt hết. Ví như người cầm đèn vào trong nhà tối, phòng sáng lên, tức màn tối đen bị tiêu-diệt.

Thí-dụ trí-huệ như ánh-sáng, ngu-si như bóng tối này được Na-Tiên đưa ra hơn một lần. Nó rất đúng-đắn, dễ thấy và dễ hiểu. Nhưng lời vấn-đáp liền sau đó, giữa Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên, lại có chỗ chẳng được hoàn-toàn hợp-lý. Chẳng hợp-lý ở điểm nào? Xin hãy đọc kỹ lại lời vấn-đáp giữa hai người:

- Trí-huệ cũng lại như vậy, người có trí thì ngu-si tất tiêu-diệt.

- Thế còn trí-huệ của trí-giả nay lại ở đâu?

- Người dùng trí để làm công-việc, làm xong thì trí-huệ liền tiêu-diệt, nhưng sự-việc mà trí-huệ đã làm thì còn đó. Ví như ban đêm viết thơ bên đèn, viết xong tắt đèn, nhưng bức thơ còn đó. Bực trí-giả cũng lại như thế, làm xong việc đã làm, trí-huệ liền tiêu-diệt, nhưng việc làm thành-tựu vẫn tiếp-tục còn tại đó.

Thí-dụ "viết thơ ban đêm bên đèn" này rất đáng tán-thưởng. Tuy nhiên, theo thiển-kiến của Thiện-Nhật, chỗ chẳng hoàn-toàn hợp-lý là khi Na-Tiên bảo, làm xong việc đã làm, thì trí-huệ liền tiêu-diệt. Làm sao mà trí-huệ tiêu-diệt đi được, khi mà khả-năng suy-tư, phán-đoán của nó vẫn còn đó, nơi tâm-trí của trí-giả? Có chẳng là khi làm xong việc đã làm, thì trí-huệ đã hoàn-tất nhiệm-vụ của nó nên nó đâu cần tự lộ-bày ra nữa. Vả lại, người có trí có bao giờ lại đem khoe trí-huệ của mình ra đâu, vì nếu làm như thế, thì lại hóa ra kiêu-hợm, thiếu khiêm-tốn, và có một thái-độ "chẳng khôn-ngoan" chút nào cả. Nếu Na-Tiên nói, "làm xong việc đã làm, trí-huệ chẳng lộ-bày ra nữa", có lẽ chính-xác hơn là khi Na-Tiên nói, "làm xong việc đã làm, thì trí-huệ liền tiêu-diệt."

Tiểu-mục số 094, Vua Di-Lan có hỏi:

- Bực đã đắc Đạo có khả-năng suy-nghĩ đến tất cả các sự-việc cao-xa thâm-diệu chẳng?

Na-Tiên đáp, Dĩ nhiên là có, và nói thêm, các Kinh Phật thật hết sức thâm-ảo về mọi sự-việc... đều phải do Trí-huệ đoán-định ra.

Tiếp theo là tiêu-mục số 095: Tinh-thần, Trí-huệ và Tự-nhiên, quá vắn-tắt, chẳng thấy Na-Tiên chỉ cho thấy rõ mối tương-quan giữa ba điều đó. Na-Tiên chỉ cắt-ngheo rất sơ-lược:

- Tinh-thần chủ về sự hiểu-biết; trí-huệ thông-hiểu được Đạo; còn Tự-nhiên là hư-không chẳng có người.

Thật ra, giữa ba ý-niệm: tinh-thần, trí-huệ và tự-nhiên, có một mối tương-quan mà người trí-giả cần nên xét qua, vì ích-lợi của sự tu-tập. Theo lời của Na-Tiên, tinh-thần đây chủ về sự hiểu-biết, tức là Thức trong Duy-Thức-học. Nhờ có sự hiểu-biết đứng-đắn, chơn-chánh mà trí-huệ phát-triển hướng về Đạo. Còn về danh-từ Tự-nhiên, Na-Tiên giải-thích là hư-không chẳng có người, thì Thiện-Nhật xin thú-nhận chẳng hiểu rõ được tư-tưởng của vị Tì-kheo lỗi-lạc này. Phải chăng Na-Tiên muốn nói đến Thiên-nhiên, hoặc ám-chỉ vào chữ Pháp-giới dùng trong Kinh-sách, tức là muôn sự-sự vật-vật trong vũ-trụ. Nếu đó là Pháp-giới, thì theo Trí-huệ của bậc trí-giả đã giác-ngộ, vũ-trụ này chính là cái hư-không rỗng-rang, chẳng có Ngã, chẳng có người. Tại sao? Vì muôn sự-vật đều mang hình-tướng hỗn-hợp, chẳng có bất cứ sự-vật nào tự-nhiên tự mình mà sanh ra lấy một mình được; nếu phân-tách hình-tướng hỗn-hợp đó ra các thành-tố, thì có gì tồn-tại nữa đâu, chẳng qua chỉ còn lại một cái thể Không rỗng-rang, vắng-vẻ, bao-trùm lên tất cả muôn loài? Một khi tinh-thần đã hiểu-biết bản-thể trống-rỗng và vô-ngã của vũ-trụ, của tự-nhiên, là như thế, thì trí-huệ sẽ hướng về Đạo tìm con đường giải-thoát ra khỏi mọi ràng-buộc, trong đó sự chấp-thủ vào cái Ta, cái Ngã là nặng-nề nhứt.

Mấy dòng trên đây là một cố-gắng liêu-lĩnh của Thiện Nhật để ráng tìm hiểu tiêu-mục về Tinh-thần, Trí-huệ và Tự-nhiên đã quá giản-lược lại vô-cùng bí-hiêm, kính mong người đọc nên dè-dặt và rộng-lượng tha cho tội "bạo gan."

*

138.- Trí-huệ với Bản-năng, và với Nghiệp-lực .

Nơi cuối tiêu-mục số 019, Vua Di-Lan hỏi:

- Trâu, ngựa, thú-vật nuôi trong nhà có trí hay chẳng có trí?
- Trâu, ngựa, thú-vật nhà đều có trí cả, nhưng tâm chẳng đồng.

Xin đồng-ý với Na-Tiên về điểm thú-vật cũng có trí-huệ, nhưng trí-huệ ấy chẳng phát-triển được như trường-hợp của loài người. Thú-vật có tâm hay không, thì ta chẳng thể có câu trả lời này chung cho mọi loài; đối với các loài thú-vật nuôi trong nhà, nhút là những con vật như khi, chó, voi, kút, rất khó mà quả-quyết chúng chẳng có tâm. Điều chắc-chắn là nơi các hạng chúng-sanh thấp-kém này, cuộc sống tùy theo bản-năng nhiều hơn là nương vào trí-năng.

Tiểu-mục số 090: Người trí, kẻ ngu cùng làm ác, ai nặng tội hơn? đã được xét qua rồi, nhưng nay tại đây xin có thêm một cái nhìn khác về phương-diện hành-nghiệp (hành-động cố-ý, đã tạo nên nghiệp).

Cả hai người làm lỗi đều có gây ra ý-nghiệp, nhưng người trí biết thành-tâm sám-hối, nên ngày qua ngày, ý-nghiệp sẽ nhẹ đi, bớt được ảnh-hưởng của nghiệp-lực; còn kẻ ngu kia vì cố-tâm hành-động nên ý-nghiệp vẫn còn nguyên đó, chỉ chờ đủ cơ-duyên đưa đến nghiệp-quả nặng-nề. Chung qui, nhờ trí-huệ biết sám-hối, tâm mới trở nên thanh-tịnh hơn, và do đó mà có cơ chịu tai-ương nhẹ bớt đi được.

Lẽ ra, bàn về Trí-huệ được nói trong quyển "Tì-kheo Na-Tiên" đến đây cũng tạm đủ; nhưng có một đoạn văn trong sách, rất dài-dòng, nói về Trí nhớ, tuy không liên-quan đến Trí-huệ nhiều, nhưng nội-dung lại thuộc về Trí-năng, tưởng nên nhân đây đem ra xét luôn: đó là hai tiểu-mục số 081 và số 082.

*

139.- Trí nhớ và các cách nhớ lại của con người.

Một trong những khả-năng quan-trọng của Tâm-trí con người là nhớ lại các việc đã xảy ra trong quá-khứ. Khả-năng này trong khoa Tâm-lý hiện-đại gọi là Ký-ức (ký= ghi chép; ức= nhớ nghĩ). Cùng với tuổi già, trí-óc lu mờ đi khiến cho ký-ức trở nên yếu-ớt và có người già-cả lại bị bệnh mất trí nhớ, trở nên lú-lẫn.

Vua Di-Lan hỏi Tì-kheo Na-Tiên nơi tiểu-mục số 081:

- Con người có khả-năng nào để nhớ lại được các sự-việc đã xảy ra thật lâu-xa chẳng?

Câu trả lời của Na-Tiên lại trở vào một trường-hợp đặc-biệt:

- Người ta lúc ưu-sầu hay nhớ đến các sự-việc xảy từ lâu-xa.

Nếu sự ưu-sầu khiến ta nhớ lại, thì sự mừng-rỡ, háo-hức cũng có thể gọi lại trong đầu hình-ảnh cũ. Nhưng xét cho cùng kỳ lý, dĩ-vãng đã qua rồi, chẳng có cách chi mà diễn-tả lại đúng trăm phần trăm cho được, vì lẽ hình-ảnh cũ được nhắc lại thật-sự chỉ là sự tái-tạo, với nhiều thêm bớt, tô bóng hoặc bôi đen, và thái-độ cùng tình-cảm của người nói lẫn người nghe lại chính là tình-cảm và thái-độ đương-thời, chớ chẳng thể nào phù-hợp hoàn-toàn với khung-cảnh ngày trước. Đó là điều mà Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên đã nhận-định tiếp theo:

- Ngay bây giờ, Ta có nhớ lại, nhưng chẳng giống đúng hẳn.

- Có thể là chẳng giống đúng, bởi vì Đại-Vương đã tưởng-tượng thêm ra.

Kê đó, sang qua tiêu-mục tiếp theo, số 082, Tì-kheo Na-Tiên đã vì vua Di-Lan mà kê ra 16 cách để nhớ lại việc cũ. Rất khó sắp-xếp cho có thứ-tự cả 16 cách nhớ này: nào là vì việc cũ là một đại-sự nên được nhớ dai, nào là vì khổ-sở, vì nghĩ đến điều lành mà hồi-tưởng lại cảnh cũ, nào là vì được nhắc lại, vì có tính-toán, có ghi chép, có chỉ-dạy cho kẻ khác, có mắc nợ-nần, v.v... mà chẳng quên việc xưa. Xét cho kỹ 16 "cách nhớ" đó, hầu hết chẳng phải thật-sự là những "cách" đã làm cho ta nhớ lại được, mà chỉ là những "dịp", những "lúc", nào mình được nhắc-nhở để nhớ ra lại. Trong khoa Tâm-lý-học ứng-dụng vào việc giáo-dục, có vài cách để dạy học-sinh nhớ dai. Xin tạm kê ra ba bốn điều, để phụ vào 16 "cách" của Na-Tiên:

1.- Cách để nhớ dai đầu-tiên là phải chịu khó ôn lại. Điều đã học, dầu được ghi chép cẩn-thận, nếu lâu lâu chẳng giở ra xem lại, thì có thể quên đi mất. Vì thế, phương-châm của giáo-dục là sự lập-lại thật nhiều lần, sự thường ôn lại cho nhuần.

2.- Muốn nhớ kỹ một từ-ngữ lạ, thì phải vận-dụng các giác-quan cùng một lúc: tai nghe tiếng Thầy dạy, miệng lẩm-bẩm nhắc lại tiếng đó, tay viết lên giấy chữ đó, và mắt nhìn vào cho kỹ. Như thế, sau này rui có quên, thì cả mấy giác-quan đó sẽ giúp cho việc cố nhớ lại.

3.- Khi muốn nhớ dai nhiều điều cùng một lúc, nên sắp-xếp các điều ấy thành một hay hai "câu thiệu", rồi học thuộc lòng, sau này sẽ nhớ lại được đủ hết. Thí-dụ, 21 tỉnh miền Nam Việt-Nam ngày xưa được ghi trong hai câu thiệu này:

Gia, Châu, Hà, Rạch, Trà, Sa, Bến, Long, Tân, Sóc;
Thủ, Tây, Biên, Mỹ, Bà, Chợ, Vĩnh, Gò, Cần, Bạc, Cấp.

Sau khi học thuộc lòng nhiều lần, hẳn phải kể lại 21 tỉnh ấy, chỉ cần nhớ lại hai câu thiệu và thêm vào:

Gia-định, Châu-đốc, Hà-tiên, Rạch-giá, Trà-vinh, Sa-đéc,
Bến-tre, Long-xuyên, Tân-an, Sóc-trăng;
Thủ-dầu-một, Tây-ninh, Biên-hoà, Mỹ-tho, Bà-rija, Chợ-lớn,
Vĩnh-long, Gò-công, Cần-thơ, Bạc-liêu và Cấp (Vũng-Tàu).

Đó là cách nhớ nhiều việc trong một lần.

4.- "Trí nhớ ở đầu ngón tay": học chữ Nho, một chữ có nhiều nét ngoằn-ngoè, khi học chữ mới, đưa ngón tay trở vẽ chữ ấy lên trên không-khí nhiều lần, sau này muốn nhớ lại, lấy ngón tay cứ vẽ lại, sẽ dễ nhớ. Áp-dụng lối nhớ này tại các tủ đựng áo ở nhà trường dành cho mỗi học-sanh, mỗi trò có một ống khoá-số, mà bí-số (số bí-mật) dành riêng chỉ người xử-dụng biết mà thôi: dùng ngón tay mở tới mở lui nhiều lần, hằng ngày thì quen tay. Bỏ lâu chẳng dùng, như trong thời-gian nghỉ hè, đi học trở lại, quên mất bí-số, thì cứ lấy ngón tay xoay tới xoay lui một lát, may ra sẽ nhớ lại bí-số của mình...

Còn nhiều "thuật" khác nữa, tùy theo sự tưởng-tượng phong-phú của từ cá-nhơn, nhưng với 16 cách nhớ của Na-Tiên đã quá nhiều rồi, Thiện-Nhật chỉ dám kể thêm 4 cách nữa cho chẵn ... hai chục!

Trước khi chấm dứt Phần Tìm hiểu về vấn-đề Trí-Huệ, lại một lần nữa, Thiện-Nhật xin nhắc lại:

1.- Giáo-lý nhà Phật tuy rất bao-quát nhưng có thể thu-gọn lại về mặt thực-hành vào ba môn: Giới-Định-Huệ. Nhờ giữ giới thanh-tịnh mà hành-nghiệp được trong-sáng, khiến thân-tâm an-tĩnh, tâm sớm vào định-lực. Nhờ có định-lực mạnh-mẽ mà Trí-huệ phát-triển, diệt-trừ các phiền-não, chướng-ngại, sớm đến nơi giác-ngộ và giải-thoát.

2.- Việc giác-ngộ và giải-thoát phải tự-mình thực-hiện lấy, chẳng thể nào trông-chờ vào sự cứu-rỗi của bất cứ ai. Và trong nỗ-lực này, hành-giả phải nhờ vào Trí-huệ sẵn-có nơi mình, được tăng-trưởng thêm dọc theo con đường tu-tập. Vì lẽ đó, vấn-đề Trí-huệ là vấn-đề hàng đầu mà người học Phật phải lưu-tâm đến.

3.- Phật-học có rất nhiều pháp-môn, từ niệm Phật vãng-sanh, giữ giới đầu-đà, tu-tập các cấp thiền-định, trì-chú theo mật-tông, v.v... có pháp-môn Bát-nhã (Trí-huệ) chủ-trương dùng các khả-năng của Trí-huệ tu-tập hầu sớm đắc Đạo. Nhưng việc đi sâu vào các chi-tiết của pháp-môn này lại nằm ngoài lãnh-vực Tìm hiểu quyển "Tì-kheo Na-Tiên", vì thế, Thiện-Nhựt chỉ nói lướt qua; người đọc muốn biết thêm, xin chịu phiền tìm đọc bản Kinh căn-bản của pháp-môn đó là bản Tâm-Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ có vồn-vẹn 260 chữ mà thôi.

-----*-----

VI.- Vấn-đề: Các loại cảm-thọ .

140.- Ba loại cảm-thọ: lạc-thọ, khổ-thọ và xả-thọ .

Mở đầu quyển Trung của "Kinh Na-Tiên Tì-kheo", tác-giả bàn về các loại cảm-thọ nơi tiêu-mục số 042, rất dài. Nhận-xét sơ-khởi là cuộc vấn-đáp giữa nhà Vua Di-Lan và vị Tì-kheo Na-Tiên đã đi quá sâu vào các chi-tiết nhỏ, hơi vụn-vặt, khiến cho người đọc khó lòng nhận ra được đại-cương và tầm quan-trọng của các cảm-thọ đối với việc tu-tập để đi đến sự giác-ngộ và giải-thoát.

Để tìm hiểu tiêu-mục rắc-rối này, trước hết xin tóm-tắt cuộc vấn-đáp và lời giải-thích của Na-Tiên về các cảm-thọ; sau đó sẽ đưa ra các nhận-xét về tiêu-mục đó:

A.- Tóm-tắt tiêu-mục số 042, về các cảm-thọ:

1.- Vua Di-Lan đặt vấn-đề: Con người cảm thấy vui, thì thiện hay bất thiện? Con người cảm thấy khổ, thì thiện hay bất-thiện?

2.- Na-Tiên chẳng trả lời ngay câu hỏi này, mà đưa ra một thí-dụ: tay trái nắm thanh sắt nung nóng đỏ, tay phải nắm hòn băng lạnh-buốt, cả hai tay đều bị phỏng cả. Rồi Na-Tiên hỏi: "Cả hai tay bị nóng hay bị lạnh?" Khi nghe vua Di-Lan đáp: "Một tay nóng, một tay lạnh, cùng bị phỏng cả", thì Na-Tiên lại bảo: "Cả hai tay đều nóng!"

3.- Chẳng hiểu được lời đáp của Na-Tiên, Vua xin giải-thích thêm. Na-Tiên chẳng giải-thích thêm "tại sao khi bị phỏng, cả hai tay đều nóng" mà lại bảo rằng, trong Kinh Phật có nói đến việc đó và kể ra ba mươi sáu sự-việc gây nên các loại cảm-thọ vui, buồn, và chẳng vui chẳng buồn:

(a) sáu việc khiến cho lòng mừng: mắt thấy có chỗ hợp với sự mong-cầu, nên lòng mừng; và khi, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, miệng nếm vị, thân sờ vật, tâm nghĩ đến ý, nếu tất cả cảm-nhận đều hợp với sự mong-cầu, thì mừng trong lòng;

(b) sáu việc bên ngoài khiến trong lòng mừng: mắt thấy sắc đẹp, tai nghe tiếng tốt, mũi ngửi mùi thơm, miệng nếm vị ngon, thân chạm vật trơn-láng, tâm-ý nghĩ điều yêu-thích, nếu biết tất cả các cảm-nhận đó đều vô-thường, thì lòng sanh ra mừng;

(c) sáu việc bên trong khiến lòng buồn: khi bên trong lòng chẳng mong-muốn mà mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm-ý phải cảm-nhận từ bên ngoài các điều bất-như-ý, thì sanh buồn lòng;

(d) sáu việc bên ngoài khiến lòng người chẳng mừng: thấy sắc xấu, nghe tiếng ác, ngửi mùi thúi, nếm vị đắng, thân chạm vật thô-cứng, tâm nhớ điều oán-ghét, thì sanh lòng chẳng vui;

(e) sáu việc khiến lòng chẳng mừng cũng chẳng rầu: sáu giác-quan cảm nhận các sự-việc chẳng đáng buồn cũng chẳng đáng vui thì trong lòng cũng chẳng mừng cũng chẳng rầu;

(f) sáu việc bên ngoài khiến cho lòng sầu: mắt thấy cái chết, nghĩ ra được lẽ vô-thường, tự-hỏi sao mình có được ý-niệm này rồi mà sao còn chưa đắc-đạo, vì thế lòng buồn. Nghe tiếng tốt hay xấu, ngửi mùi thơm hay thúi, nếm vị ngọt hay đắng, chạm vật thô hay láng, nhớ việc thương hay ghét, vẫn giữ thái-độ thản-nhiên, lại nghĩ mình đã có ý-niệm đó rồi, cứ sao lại chưa đắc-đạo, nên lòng buồn.

4.- Khi Na-Tiên kể xong ba mươi sáu việc đó, vua Di-Lan lại khen: "Lành thay! Lành thay!", rồi chuyển sang hỏi đến vấn-đề khác. Chẳng biết nhà Vua có hiểu tại sao Na-Tiên kể 36 sự-việc đó với dụng-ý gì hay không?

B.- Nhận xét:

1.- Nếu chỗ tóm-tắt trên đây theo sát được ý-tưởng trong bản nguyên-tác của "Kinh Na-Tiên Tì-kheo", thì quả thật, tiểu-mục số 042 trên đây đã ghi lại một cuộc đàm-luận giữa hai người: "ông nói gà, bà nói vịt!" Sao dám nói hỗn-hào như thế? Vì:

- Na-Tiên chẳng đáp thẳng vào vấn-đề do vua Di-Lan nêu ra từ đầu: "cảm-thọ vui và buồn là thiện hay bất-thiện?"

- Thí-dụ "bị phỏng tay" của Na-Tiên chẳng thấy có mối liên-quan nào lớn với cảm-thọ. Bị phỏng tay là một cảm-giác. Còn khi bị phỏng tay thì lòng buồn, khổ, đó mới là một cảm-thọ. Cảm-giác khác cảm-thọ: cảm-giác là mức-độ cảm-xúc của cơ-thể trước một sự-khởi kích-thích từ bên ngoài. Cảm-thọ là một tình-cảm do một cảm-giác gây ra trong lòng. Một đặng, cảm-giác xảy trên thân; một đặng, cảm-thọ diễn ra trong tâm. Như thế, một tay bị nóng mà phỏng, một tay bị buốt mà phỏng, thì đó chỉ là hai cảm-giác thôi, có ăn nhằm chi đến cảm-thọ. Nếu có nói thêm rằng khi bị phỏng, bị rát ở da, thì đau, nên buồn lòng, bấy giờ sự buồn lòng đó mới là một cảm-thọ thực-sự. Do đó, ta có thể kết-luận rằng, thí-dụ bị phỏng tay chẳng liên-quan chi nhiều đến cảm-thọ, ngoài cái cảm-giác bị đau rát ở ngoài da.

2.- Đến việc kể ra ba mươi sáu cảm-thọ, ta cũng chẳng thấy Tì-kheo Na-Tiên nói có cảm-thọ nào thiện, cảm-tho nào bất-thiện để trả lời câu hỏi của vua Di-Lan đã đặt ra lúc khởi đầu. Thật ra, căn-cứ theo bản dịch của N.K.G. Mendis ở quyển The Questions of King Milinda, Luận-tạng có kể 36 thể-thức của các cảm-thọ, như sau:

- sáu loại lạc-thọ có liên-quan đến đời thế-tục;
- sáu loại lạc-thọ có liên-quan với sự xuất-thế;
- sáu loại khổ-thọ có liên-quan đến đời thế-tục;
- sáu loại khổ-thọ có liên-quan với sự xuất-thế;
- sáu loại xả-thọ có liên-quan đến đời thế-tục;
- sáu loại xả-thọ có liên-quan với sự xuất-thế;

Ba mươi sáu loại cảm-thọ này trải qua ba thời: quá-khứ, hiện-tại và vị-lai, nhơn lên thành một trăm lẻ tám loại cảm-thọ. Trong 108 loại này, loại nào là thiện, loại nào là bất-thiện; ta cũng chẳng thấy Mendis nêu ra để trả lời câu hỏi của vua Di-Lan.

Nhưng với một chút lý-luận, ta có thể trông thấy rõ được loại nào thiện, loại nào bất-thiện. Những cảm-thọ khổ và lạc nào có liên-quan đến đời thế-tục, vương phải sự chấp-thủ thì đó là bất-thiện. Còn những cảm-thọ khổ và lạc có liên-quan đến sự từ-bỏ của việc xuất-thế, và tất cả xả-thọ thì đó là thiện. Tại sao vậy? Như đã biết qua khi xét về Lý Mười hai Nhân-Duyên, vì có Lục-nhập (= sáu giác-quan) nên có Xúc, vì có Xúc, nên có Thọ, vì có Thọ nên có

Ai, vì có Ai nên có Thủ, tức là sự chấp-thủ; và vì có chấp-thủ nên mới bị lôi-cuốn mãi trôi lăn trong vòng Luân-hồi, đó chẳng phải là bất-thiện hay sao?

3.- Nếu được cho phép, Thiện Nhựt xin liêu-lĩnh ráng viết lại cái tiêu-mục số 042 cho ngắn gọn mà ý-nghĩa cũng tạm khá đầy-đủ, như vậy:

Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Con người khi cảm thấy vui hay buồn, thì thiện hay bất-thiện?

Na-Tiên đáp:

- Có ba loại cảm-thọ: lạc-thọ, khổ-thọ và xả-thọ. Lạc-thọ và khổ-thọ nào có liên-quan đến đời thế-tục, vương phải sự chấp-thủ thì trở nên bất-thiện. Các xả-thọ cùng các cảm-thọ lạc và khổ

nào có liên-quan đến sự từ-khước, rời bỏ các ràng-buộc của đời thế-tục, và chẳng chấp-thủ, thì trở nên thiện.

Vua hỏi tiếp:

- Thế nào là lạc-thọ, là khổ-thọ, là xả-thọ?

- Lạc-thọ là cảm-thọ vui; khổ-thọ là cảm-thọ buồn, và xả-thọ là cảm-thọ chẳng vui mà cũng chẳng buồn.

Vua lại hỏi:

- Cảm-thọ với cảm-giác khác nhau ra làm sao?

- Khi các giác-quan tiếp-xúc với cảnh bên ngoài, có phản- ứng trên thân-thể, đó là cảm-giác. Cảm-giác có thể là đau, là sướng, hoặc chẳng sướng chẳng đau. Khi cảm-giác được truyền vào tâm, có sự cảm-nhận ở tâm, đó là cảm-thọ. Cảm-thọ vui (lạc-thọ) khi tâm thoải-mái và thân cảm thấy sướng; cảm-thọ buồn (khổ-thọ) khi thân khó chịu và tâm bứt-rứt. Cảm-giác chẳng đau, chẳng sướng thường đưa đến trong tâm một cảm-nhận trung-hoà, nên thường gọi là xả-thọ. Nhưng chữ xả trong Phật-học lại có nghĩa rộng hơn: gặp việc như ý, chẳng vui thích quá; gặp việc chẳng vừa ý, chẳng oán-ghét quá, đó là tâm xả, tâm quân-bình, thản-nhiên, chẳng quá xúc-động. Trong sự tu-hành, giữ được tâm an-nhiên, xả-bỏ muôn sự-việc mà biết chẳng cố-chấp điều gì cả thì tâm sớm được giải-thoát...

VII.- Vấn-đề: Đắc Đạo và cõi Niết-bàn.

141.- Vấn-đề đắc Đạo trong quyển "Ti-kheo Na-Tiên"

Mục-tiêu của người tu-hành là sớm đắc Đạo; vấn-đề này được cứu-xét trong cuốn "Ti-kheo Na-Tiên" rải rác trong ba quyển: Thượng, Trung, và Hạ. Các câu hỏi tùy hứng của vua Di-Lan về vấn-đề đắc Đạo và cõi Niết-bàn, dàn trải qua các tiêu-mục sau đây:

- số 041: Vì sao bậc đắc Đạo còn sống phải chịu khổ?
- số 046: Chẳng có thời-gian đối với bậc đã đắc Đạo;
- số 065: Niết-bàn là vượt qua chẳng trở lại.
- số 066: Đắc Đạo Niết-bàn
- số 067: Dầu chưa đắc, cũng biết Niết-bàn là sướng;
- số 074: Có Niết-bàn chẳng?
- số 080: Bậc đắc Đạo khác với kẻ chưa đắc Đạo;
- số 086: Bậc La-hán có thể bay lên trời Đại-Phạm;
- số 088: Dùng bậy việc để học biết Đạo;
- số 091: Sức thần-túc;
- số 092: Ngưng hơi thở;
- số 094, trang 75: Tư-duy đến các việc cao-thâm.

Để việc Tìm hiểu Nghĩa Ý cho có lớp-lang, sự sắp-xếp lại các tiêu-mục vừa kể rất cần-thiết, theo thứ-tự sau đây:

- a.- từ lúc mới học Đạo,
- b.- đến lúc đắc Đạo, được những khả-năng nào;
- c.-cõi Niết-bàn ra sao?
- d.- bao giờ nhập vào cõi Niết-Bàn;

*

142.- Làm cách nào để học biết Đạo?

Giờ đây, xin bắt đầu với tiêu-mục số 088:

Vua hỏi Na-Tiên:

- Con người dùng bao nhiêu việc để học biết Đạo?

- Dừng bảy việc để học biết Đạo.

Rồi Na-Tiên kể ra: (1) phân-biệt điều lành, việc ác; (2) tinh-tấn; (3) vui Đạo; (4) chế-phục tâm-ý theo điều lành; (6) nhứt-tâm; (7) gặp mọi cảnh-ngộ chẳng yêu-ghét. Bảy điều này, Na-Tiên nói thêm, bắt-tất phải dừng hết, điều quan-trọng nhứt là hễ biết phân-biệt thiện-ác, thì cũng đủ. Nghe nói thế, Vua hỏi thêm:

- Nếu chỉ dừng một việc mà biết được Đạo, tại sao lại nói chi đến cả bảy việc?

Na-Tiên trả lời bằng một thí-dụ rất hay: như cầm con dao còn dựng trong hộp thì đâu có thể cắt đứt vật chi được; lòng con người tuy sáng-suốt hiểu rõ, nhưng cũng nên hội đủ sáu việc kia lại thì mới thành Trí. Nghe xong, vua khen: Lành thay!

Nhưng Thiện-Nhứt lại "thầy-lay" nhắc thêm rằng: muốn biết Đạo và học Đạo, hành-giả chỉ cần tuân-thủ ba điều: Giới-Định-Huệ thôi, và ba điều này sẽ đưa đến Trí-Huệ sáng-suốt để thấy rõ-ràng con đường Đạo giải-thoát.

*

143.- Bực đã đắc Đạo khác kẻ chưa đắc Đạo ở điểm nào?

Trở ngược lại với tiêu-mục số 080, ta thấy:

Vua hỏi Na-Tiên:

- Bực đã đắc đạo và người chưa đắc đạo khác nhau ra sao?

- Kẻ chưa đắc đạo còn tâm ham-muốn; còn bực đã đắc đạo thì hết tham-tâm, ... chẳng vì khoái-lạc, chỉ cần ăn để nuôi mạng sống...

Như thế, đặc-điểm của người đắc Đạo, theo Na-Tiên, là dứt được Tâm tham. Tham-dục đứng đầu trong tam độc, nghĩa là ba món độc-hại mà người đắc Đạo đã diệt trừ xong: tham, sân và si.

Nhưng người đắc Đạo chẳng những chỉ dứt bỏ ba độc mà thôi, các bực ấy còn được hoàn-toàn giải-thoát nữa. Cái chi được giải-thoát và giải-thoát khỏi những gì? Sự giải-thoát có hai phương-diện: (1) tâm giải-thoát, (2) trí-huệ giải-thoát. Tâm được giải-thoát khỏi các phiền-não chướng, tức là các trở

ngại do phiền-não gây ra; kể chung là: tham, sân, si, mạn, nghi và ác-khiến. (Mạn là kiêu-căng, phách-lôi; ác-khiến là các tà-khiến: thường-khiến, đoạn-khiến, ngã-khiến, thân-khiến). Trí-huệ được giải-thoát khỏi các sở-tri-chướng, tức là các trở ngại do các kiến-thức sai-lầm gây nên vì quá ô-m-chặt.

Người đắc Đạo lại còn đạt được các quả-vị nữa. Nam-Tông có bốn quả-vị: (1) Tu-đà-huờn, (2) Tư-đà-hàm, (3) A-na-hàm, và (4) A-la-hán. Bắc-Tông có các cấp Bồ-tát: (1) Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi-hướng, Thập địa, (2) Đẳng-giác, (3) Diệu-giác. Quả-vị cao nhất là quả-vị Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, tức là quả-vị Phật.

Và đây là đặc-điểm quan-trọng nhất của bậc đã đắc Đạo là mình tự biết mình được giải-thoát, được sống tự-tại, nhưng chẳng bao giờ phô-trương rằng mình đã đắc được Đạo này hay Quả kia.

*

144.- Bực đắc Đạo có những khả-năng nào?

Đối với thường-nhơn, bực đắc Đạo chắc phải có nhiều khả-năng hơn người chưa tu-hành, và muốn biết vị ấy có các "tài phép" gì mà họ còn chưa có được. Vì lẽ đó, nơi tiêu-mục số 086, Vua Di-Lan mới hỏi Na-Tiên:

- Sa-môn các khanh bảo, bực đắc A-la-hán có thể bay lên cõi Trời Đại-Phạm trong thời-gian một người co-duỗi cánh tay thôi, Ta chẳng thể tin lời ấy được, tại sao vượt qua bao nhiêu ngàn muôn ức dặm như thế mà đến được nhanh-chóng vậy?

Na-Tiên chẳng trả lời thẳng, mà mời Vua thử nghĩ đến thành-phố A-lê-tán, cách đây hơn tám vạn dặm. Vua liền nghĩ trong đầu đến thành-phố ấy. Khi Vua nghĩ xong, Na-Tiên bảo:

- Đại-Vương đã đi qua tám vạn dặm rồi trở về đây, sao mà nhanh thế?

Khen lối giải-thích này của Na-Tiên, Vua nói: "Lành thay!" Như thế, cái khả-năng bay đi xa và nhanh của bực đắc Đạo, theo Na-Tiên, chỉ là sự nhanh-chóng của tư-tưởng có thể vượt qua không-gian chỉ một khoảnh-khắc của cái co-duỗi cánh tay. Phải chăng "thần-thông" biết bay trong không-gian chỉ thực-hiện được bằng tư-tưởng mà thôi? Nghi-vấn này được Na-Tiên "phá bỏ" nơi tiêu-mục số 091, khi vua hỏi:

- Con người có khả-năng dùng thân-thể này bay lên từng tầng trời thứ bảy cõi Đại-Phạm-thiên và đến xứ Bắc-câu-lư-châu rồi trở về chăng?

- Có thể được. (...) Bực đấng Đạo muốn nhảy đến từng Trời thứ bảy cõi Đại-Phạm-thiên và đến xứ Bắc-câu-lư-châu cũng được như-ý vậy.

Theo Na-Tiên, bực đấng Đạo còn có thể luyện-tập thân-thể, ngay cả việc ngưng hơi thở cũng được như ý muốn nữa. Nơi tiêu-mục số 092, Na-Tiên nói:

- ... Còn với bực học Đạo có khả-năng chế-phục thân miệng, trì giữ Kinh-giới, do sự nhút-tâm mà đấng được Tứ-Thiên, do đó liền ngưng được hơi thở ra vào.

Về các khả-năng siêu-phàm của các bực đấng Đạo, Thiện-Nhật xin dựa vào lời giảng trong Kinh-sách, có vài nhận-xét như sau:

1.- Khi thành Đạo tại Bồ-đề đạo-tràng, Đức Phật có đủ tam minh: (1) túc-mạng-minh, nhớ lại được hết các kiếp trước; (2) thiên-nhãn-minh, thấy rõ các chúng-sanh chết nơi đây, sanh lại nơi kia; (3) lậu-tận-minh, biết rõ đã dứt hết các phiền-não.

2.- Có sáu thần-thông, gọi là lục thông: (1) thiên-nhãn-thông, (2) thiên-nhĩ-thông, (3) túc-mạng-thông, (4) tha-tâm-thông, (5) thần-túc-thông, và (6) lậu-tận-thông.

3.- Với các tiến-bộ khoa-học hiện-đại về không-gian, vấn-đề Thần-túc-thông (thân bay trong không-gian) có thể được nhìn dưới một khía-cạnh khác: thần-thông này phải chăng cũng chỉ là một phương-tiện di-chuyển đặc-biệt do các tu-hành đã luyện-tập được, nhưng rất tiếc là các bực đấng Đạo chơn-chánh chẳng bao giờ chịu khó thi-triển cho ta thấy để phá-tan mọi sự ngờ-vực.

4.- Việc ngưng hơi thở hẳn trong một thời-gian thật dài tuy chẳng thể thực-hiện được, nhưng nơi thiên-giả đã đấng các mức Thiên-định cao-cấp, hơi thở trở nên thật tế-nhị, cơ-hồ chẳng còn nghe thấy đến.

*

145.- Bực đắc Đạo suy-tư đến các điều cao-thâm.

Ngoài các khả-năng siêu-phàm ra, các bực đắc Đạo còn hiểu thấu rành-rẽ các lời nói bí-ẩn cao-xa thâm-diệu trong Kinh-Luận nữa. Đó là điều mà Vua Di-Lan muốn Tì-kheo Na-Tiên khẳng-định:

- Bực đắc Đạo có khả-năng suy-nghi đến tất cả các sự-việc cao-xa thâm-diệu chẳng?

- Dĩ nhiên, các bực ấy có đủ khả-năng tư-duy mọi việc thâm-ảo. Kinh Phật thật hết sức là thâm-ảo về mọi sự-việc, chẳng thể nào đo-lường nổi, tất cả mọi sự-việc ấy đều phải do trí-huệ đoán-định ra.

Điều mà Na-Tiên gọi "chẳng thể đo-lường nổi", phải chẳng nằm trong loại các vấn-đề mà Đức Phật đã xem như bất khả tư-nghi, tức là các vấn-đề xuất-thế-gian mà con người thế-tục chẳng thể dùng lời-lẽ ở thế-gian hiểu cho tường-tận được. Các điều đó, bực đắc Đạo có đủ khả-năng để thông-đạt được. Và đối với chúng ta còn đang học Đạo, tưởng cũng đừng quá thắc-mắc về các vấn-đề siêu-hình, cứ bình-tâm tu-tập mãi, sẽ có ngày bừng sáng lên mà giác-ngộ được.

*

146.- Niết-bàn là gì?

Trước khi trả lời câu hỏi trên, có liên-quan đến các tiểu-mục số 046; số 065; số 066; số 074, bàn đến Niết-bàn, ta hãy tìm hiểu nghĩa gốc của chữ này.

Tiếng Phạn (Sanskrit: Nirvana; Pali: Nibbàna) được phiên-âm ra tiếng Hán-Việt bằng hai cách: (1) Nê-hoàn, hoặc (2) Niết-bàn; nhưng từ-ngữ Niết-bàn được thông-dụng hơn. Chữ Niết-bàn có nghĩa gốc như sau: Nir là ra khỏi; Vana là khu rừng u-tối; như vậy, theo nghĩa đen thì "đắc Niết-bàn" là ra khỏi khu rừng âm-u; và theo nghĩa rộng là lià bỏ được nơi đen-tối, phiền-muộn. Nghĩa chuyên-môn trong Phật-học, Niết-bàn là cảnh-giới an-tịch vắng-vẻ, chẳng còn khổ-sở, trở vào tâm-trạng của hành-giả đã diệt-trừ xong tất cả các phiền-não và các chương-ngại, sống trong cảnh an-nhiên, tự-tại. Đừng lầm khi cho rằng Niết-bàn là một nơi chốn xa-xôi nào đó, hết khổ, chỉ có sướng thôi, mà người tu-hành mong đi đến đấy.

Phật-học phân-biệt hai loại Niết-bàn: (1) Hữu-dư Niết-bàn, cảnh-giới của bực đắc quả-vị A-la-hán, chẳng còn tái-sanh nữa, dứt trừ hết phiền-não nơi

tâm, còn tấm thân này sống an-nhiên và tự-tại; (2) Vô-dư Niết-bàn, cảnh-giới an-tịch của hành-giả đắc A-la-hán, sau khi trút bỏ tấm thân thể-xác đã dứt hết nghiệp-báo. Chữ "dư," trong Hữu-dư, là dư-y, là các nghiệp-báo còn sót lại; vô-dư là vô-dư-y là đã dứt sạch hết các nghiệp-báo.

Giờ đây xin quay lại với tiểu-mục số 074, Phần Phỏng-dịch: Có Niết-bàn chẳng? Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Nghĩ cho kỹ, có Niết-bàn chẳng?

- Xét cho kỹ thì có Niết-bàn.

- Na-Tiên có thể chỉ cho Ta thấy Đức Phật ở tại xứ-sở nào nơi Niết-bàn chẳng?

- Chẳng thể chỉ cho thấy được... Ví như có người đốt lửa to lên, rồi dập tắt... thì ta đâu thể chỉ rõ ánh lửa sáng hiện ở chỗ nào được.

Lời đối-đáp này cho thấy rõ: Niết-bàn chẳng phải là nơi chốn, để có thể chỉ bằng tay cho mắt thấy được. (Điều nhận-xét này đã có ở một đoạn trước.)

Trở lại tiểu-mục số 046 về Thời-gian, Na-Tiên có nói:

- Đối với bực đã đắc Nê-hoàn (Niết-bàn) thì chẳng có thời-gian dài lâu; đối với kẻ chưa đắc đạo còn phải sống đi chết lại thì có thời-gian lâu dài...

Đây là đặc-tánh thường-hằng của Niết-bàn, một ý-niệm siêu-thể có tánh-cách phi-thời-gian-tính: Niết-bàn ở đó, còn đó, mãi-mãi như vậy là như vậy.

Đặc-tánh phi thời-gian-tính của Niết-bàn rất gần với ý-nghĩa của "Đạo Niết-bàn là vượt qua, chẳng trở lại" được nói tại tiểu-mục số 065, Phần Phỏng-dịch:

Vua hỏi Na-Tiên:

- Đạo Niết-bàn là vượt qua đi mà chẳng còn có chỗ nào trở lại nữa chẳng?

- Đạo Niết-bàn chẳng còn chỗ nào là có trở lại nữa. Người ngu-mê cứ mãi lo cho tấm thân trong ngoài, thích được ngồi êm; cho nên chẳng thể đắc độ-thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Người hiền-trí học Đạo, trong ngoài thân chẳng vướng-mắc: chẳng ân-ái, chẳng ham-muốn nên chẳng có bào-thai;

chẳng có bào-thai thì chẳng sanh, già, bệnh, chết; hễ chẳng sanh, già, bệnh, chết thì chẳng sầu lo, nội-tâm chẳng đau-đớn, tức liền đắc đạo Niết-bàn.

Nhà Vua lại tò-mò hỏi, nơi tiêu-mục số 066:

- Các người học Đạo tất đắc được Niết-bàn hết cả chẳng?

- Chẳng đắc được Niết-bàn hết tất cả. Các bậc học đạo chơn-chánh, hướng về điều thiện, niệm điều thiện, phụng-hành điều thiện, chỗ chẳng đáng niệm, chẳng đáng phụng-hành thì liền lià xa, dứt bỏ; người như thế thì đắc Niết-bàn.

Và nơi tiêu-mục tiếp theo, số 067, Vua cũng tò-mò hỏi thêm Na-Tiên về người chưa đắc Niết-bàn:

- Người chưa đắc được Niết-bàn, có thể biết Niết-bàn là điều sướng-khoái chẳng?

- Dĩ nhiên, người tuy chưa đắc được Niết-bàn cũng biết Niết-bàn là sướng-khoái.

Vì lý-do nào, chưa chứng thấy mà lại biết chắc? Tại vì, theo lời Na-Tiên, thấy người đi trước đắc Niết-bàn được sung-sướng, kẻ đi sau biết chắc Niết-bàn là an-vui. Và Na-Tiên đưa ra một thí-dụ tương-tự rất xác-đáng: cũng như thấy kẻ bị cắt chơn tay đang la-khóc, thì ta biết ngay rằng, hễ bị chặt tay chơn là có đau-khổ, mặc dầu thân-thể của mình vẫn còn lạnh-lặn. Vậy, tuy tự mình chưa chứng thấy, chưa có được kinh- nghiệm bản-thân, nhưng thấy kẻ khác đang vui hưởng an-lạc trong cảnh-giới Niết-bàn, thì mình cũng biết chắc Niết-bàn là sướng-khoái.

*

147.- Sống đến bao giờ mới "nhập Niết-bàn"?

Ngoài ý-kiến sai-lầm cho rằng Niết-bàn là một nơi chôn ra, thường-nhơn lại còn làm-tưởng "đắc Niết-bàn" hoặc "nhập Niết-bàn" là chết đi; họ còn chưa hiểu được Niết-bàn ở tại đây và ngay bây giờ. Như đã biết, Phật-học phân-biệt Hữu-dư Niết-bàn với Vô-dư Niết-bàn ở chỗ là người còn sanh-hoạt tại thế-gian, vẫn đắc được Niết-bàn, một khi được giải-thoát khỏi mọi phiền-não ràng-buộc, sống cuộc đời an-nhiên tự-tại. Có lẽ, vì thường thấy khi một vị cao-tăng nào qua đời, người ta bảo vị ấy đã viên-tịch, đã nhập-diệt, đã đi

vào cõi Niết-bàn rồi, nên phần đông dân chúng đã đồng-hóa chữ Niết-bàn với cái chết của một bực tu-hành. Đâu phải vậy! Niết-bàn là một cảnh-giới, đúng ra là một tâm-trạng của con người đã hoàn-toàn giải-thoát khỏi các phiền-não, ràng-buộc. Người đắc Đạo vẫn sống, và sống trong cảnh-giới Niết-bàn ngay tại đây và hiện bây giờ!

Tiểu-mục số 041, chấm dứt Quyển Thượng, đã nêu lên thắc-mắc của vua Di-Lan về: tại sao bực đắc-đạo còn sống lại phải chịu khổ?, và được Tì-kheo Na-Tiên phá-giải bằng một lời nói vô-cùng thâm-thúy của Đại-đức Xá-lợi-phất (Pali: Sariputta). Ta nên đọc kỹ tiểu-mục ấy, tóm-tắt lại, rồi sau đó sẽ có vài nhận-xét.

Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Như người đắc đạo, chẳng phải sanh lại ở đời sau, có còn phải chịu cảnh khổ nữa không?

- Hoặc còn phải chịu khổ nữa, hoặc chẳng còn phải khổ nữa.

- Thế nào là còn phải chịu khổ, là chẳng phải chịu khổ nữa?

- Thân còn chịu khổ; tâm-ý hết chịu khổ. Sở dĩ thân còn phải chịu khổ là vì trong hiện-tại thân đó còn là nguồn-gốc của sự khổ.

Tâm-ý sở dĩ hết khổ là vì đã dứt bỏ tất cả các điều ác, chẳng còn ham-muốn chi, cho nên chẳng phải chịu khổ nữa.

- Nếu như người đắc đạo chẳng thể lià thân khổ này, thì đó là chưa đắc được đạo Nê-hoàn (= Niết-bàn) chẳng? Người đắc đạo chẳng còn ân-ái, mà thân còn khổ, dẫu tâm-ý đã an-ôn, thì sự đắc đạo để làm gì? Nếu như người đắc đạo đã thành-công, thì vì có gì mà còn lưu lại ở đây?

- Thí dụ như trên cây, trái còn chưa chín thì chẳng vội hái, nên đợi cho chín muồi. Đại-Vương có biết lời nói của Đại-đức Xá-lợi-phất chẳng. Ngài Xá-lợi-phất lúc còn sống có nói: "Tôi chẳng cầu chết, tôi cũng chẳng cầu sống, tôi chỉ chờ đúng thời ra đi thì ra đi."

Vua khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!"

Tóm-tắt:

Vua Di-Lan có hai thắc-mắc: (1) người đang sống đắc đạo có còn phải chịu khổ nữa không?; (2) đã đắc đạo rồi mà thân vẫn còn khổ, sao chẳng lia thân đi; nếu giữ thân sống thêm, hóa ra đắc-đạo chẳng vô-ích lắm hay sao?

Về thắc-mắc thứ nhất, Na-Tiên giải-đáp: người đã đắc đạo còn sống thì thân còn khổ mà tâm dứt hết các phiền-não rồi nên hết khổ.

Để giải-tỏa mối thắc-mắc thứ hai về việc "tìm cái chết cho hết khổ", Na-Tiên đưa ra một thí-dụ rất hay: "trái cây chưa chín, chưa vội hái, nên đợi lúc trái đã chín muồi."

Và Na-Tiên nhắc lại lời nói vô cùng quý-báu của Ngài Xá-lợi-phất: "Tôi chẳng cầu chết, tôi cũng chẳng cầu sống, tôi chỉ chờ đúng thời ra đi thì ra đi."

Nhận-xét:

1.- Người đắc đạo đang sống thì thân vẫn còn cảm-xúc nên phải chịu cảnh khổ của già và bệnh; nhưng về phần tinh-thần, tâm-ý đã thoát khỏi các phiền-não, chướng-ngại, nên được an-nhiên, tự-tại. Đây là dịp khiến ta nên suy-gẫm đến hai chữ đau-khổ trong tiếng Việt. Đau khác, Khổ khác. Đau là thân đau; còn Khổ là tâm khổ; như khi có cái răng đau, miệng thì nhức-nhối, sao ta lại còn chông thêm nỗi khổ lên cho tâm, để khiến lòng phải buồn-bực, bứt-rứt? Đau răng vẫn còn chưa đủ hay sao, mà lại sanh thêm bực-tức, cau-có để gây Khổ cho lòng mình và cho cả các người ở chung quanh?

2.- Thử phân-tách và tìm hiểu thêm về câu nói quý-báu của Ngài Xá-lợi-phất:

a.- Tôi chẳng cầu chết: Tại sao? Vì tám thân hiện nay còn đây chỉ là tám thân dư-y; sở dĩ còn sống là để trả nốt các dư-nghiệp còn sót lại. Hơn nữa, cầu chết là thái-độ trốn tránh nợ đời; khi nghiệp-lực vẫn còn mà cầu lấy cái chết, thì theo vòng Luân-hồi phải tái-sanh lại, để rồi lại phải chịu Khổ dài-dài. Lại nữa, mạng-sống con người là điều vô-cùng quý-giá, nhờ nó mà ta mới có đủ cơ-duyên biết đến, và tu-tập theo, con đường giải-thoát vĩnh-viễn.

b.- Tôi cũng chẳng cầu sống: Tại sao? Khi sanh ra, nào phải tự tôi cầu cho tôi được sanh ra đâu, vòng Luân-hồi cứ xoay chuyển mãi theo nghiệp-lực cũ mà tái-sanh. Trong cuộc sống hiện-tại còn lại đây, mọi sự ham-muốn đều chấm dứt nơi tâm tôi, còn có điều chi nữa khiến tôi cố đòi ham sống để hưởng? Tâm tôi an-nhiên xem cả hai sự sống và sự chết đều ngang nhau; sống gởi, thác về, nào có chi mà ngại, mà cầu chớ?

c.- Tôi chỉ chờ đúng thời ra đi thì ra đi: Lúc nào mới đúng thời ra đi? Đó là lúc đã dứt sạch nghiệp, do một cái chết tự-nhiên và thanh-thản mang đến. Tôi ra đi, chẳng chút luyến-tiếc, cũng chẳng chút háo-hức, an-nhiên mà ra đi vào cõi vắng-lặng.

d.- Đây là lời nói của một bậc đắc đạo, hoàn-toàn giác-ngộ về lẽ sống chết trong vòng Luân-hồi và con đường giải-thoát về nơi an-lạc vĩnh-cửu. Tưởng nên đóng khung lại câu nói ngàn vàng này, để ghi lấy làm điều tâm-niệm:

* Tôi chẳng cầu chết, tôi cũng chẳng cầu sống,

* Tôi chỉ chờ đúng thời ra đi, thì ra đi.

-----*-----

VIII.- Vấn-đề: Phật

Chữ Phật là tiếng phiên-âm từ chữ Phạn Buddha, có nghĩa là giác-ngộ. Đức Phật Thích-ca mâu-ni là một bậc đại-giác, có thật trong lịch-sử. Trong quyển "Tì-kheo Na-Tiên" này, vấn-đề: Phật được nói đến rải-rác qua các tiểu-mục:

số 068: Chưa từng thấy Phật đâu có nghĩa là chẳng có Phật;

số 069: Chẳng ai thắng nổi Đức Phật;

số 076: Thân-tướng trang-nghiêm của Đức Phật;

số 077: Đức Phật đâu phải là đệ-tử của Đại-Phạm Thiên;

số 078: Đức Phật tự biết lấy Kinh-kệ và Giới-luật;

số 083: Đức Phật biết hết cả, sao chẳng dạy một lần?

Sắp-xếp lại các tiểu-mục kể trên theo thứ-tự về nội-dung, ta có:

1.- Thân-tướng trang-nghiêm của Đức Phật;

2.- Khả-năng siêu-việt của Đức Phật:

a.- Tự biết lấy Kinh-Kệ và Giới-luật; Ngài chẳng phải là đệ-tử của vị Đại-Phạm Thiên-Vương.

b.- Đức Phật biết hết cả, sao chẳng dạy đệ-tử hết một lần?

c.- Chẳng ai thắng nổi Đức Phật.

*

148.- 32 tướng trang-nghiêm trên thân Phật.

Nơi tiểu-mục số 076, Phần Phỏng-dịch, Vua Di-Lan có hỏi Tì-kheo Na-Tiên về thân-tướng trang-nghiêm của Đức Phật:

- Đức Phật thật có 32 tướng trang-nghiêm, 80 vẻ đẹp tùy-hình, thân màu vàng ròng tỏa ánh hào-quang chói?

Na-Tiên đáp, Đức Phật có đủ các tướng ấy. Vua lại hỏi tiếp:

- Cha mẹ Đức Phật cũng có đủ các tướng đẹp đó chăng?

Khi nghe Na-Tiên đáp, chẳng có, nhà Vua liền kết-luận:

- Đời người sống chết hình-tướng đều giống theo chủng-loại của mình. Cha mẹ Đức Phật đã chẳng có các tướng tốt ấy, thì xét kỹ, Đức Phật nhứt-định chẳng có các tướng trang-nghiêm ấy.

Để bác-bỏ lập-luận của nhà Vua, Na-Tiên lấy thí-dụ hoa sen nở trong bùn mà chẳng giống với bùn đen nước đục, lại có hương thơm ngào-ngạt, và kết-luận:

- Tuy cha mẹ của Đức Phật chẳng có các tướng trang-nghiêm đó, nhưng xét kỹ ra Đức Phật lại có đủ các tướng đẹp. Đức Phật sanh ra ở thế-gian, lớn lên ở thế-gian, mà chẳng giống theo sự-đời ở thế-gian.

Vua chấp-nhận lời giải-thích và khen: "Lành thay!"

Về vẻ đẹp tôn-nghiêm trên thân-hình của Đức Phật, các Kinh-sách và Từ-điển Phật-học có kể rõ đủ cả; ta chỉ cần nhớ các đặc-điểm quan-trọng, ngày nay thường thấy trên các tượng Phật, như: nhục-kế, núm thịt trên đỉnh đầu, hai tai dài thông xuống đến gần vai, tấm thân vàng chói...

Tiểu-mục số 068, kết-thúc quyển Trung của sách "Tì-kheo Na-Tiên" này, ghi lại cuộc vấn-đáp lý-thú giữa Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên, về vấn-đề: "Đức Phật có thật hay chẳng có thật?"

Vua hỏi Na-Tiên:

- Na-Tiên có từng thấy Đức Phật chưa?

- Chưa từng thấy Đức Phật.

Rồi Vua lại hỏi liên-tiếp, Sư-phụ của Na-Tiên, các vị Tổ-sư khác có thấy Đức Phật chăng? Trước lời đáp của Na-Tiên, các vị đó chưa từng thấy Đức Phật, Vua đi đến kết-luận là: hễ chưa ai thấy Phật, tức là chẳng hề có Đức Phật. Lời kết-luận hơi vội-vàng này của Vua bị Na-Tiên bác-bỏ một cách gián-tiếp với thí-dụ về năm trăm con sông đổ chung về một chỗ. Vua chẳng thấy chỗ ấy, các vị tiên-vương cũng chẳng thấy, nhưng chỗ ấy vẫn có thật.

Lập-luận này của Tì-kheo Na-Tiên dạy ta một điều quan-trọng: sự-việc mình còn chưa thấy, chẳng nên quả-quyết vội-vã rằng việc ấy chẳng hề có thật. Biết đâu sự-việc ấy hiện có tại một cảnh-giới khác hoặc đã xảy ra vào một thời-đại xa-xưa nào mà người thế-tục hiện nay chẳng chứng-kiến được, để thấy bằng mắt, nghe bằng tai. Trường-hợp hiển-nhiên là các luồng sóng âm-thanh truyền lan khắp không-gian mà con mắt thịt, lỗ tai trần, đâu cảm-nhận được. Tưởng nên có một thái-độ dè-dặt, chẳng quá tin, mà chẳng bác-bỏ hẳn.

*

149.- Khả-năng siêu-việt của Đức Phật.

Những người sùng-tín thường tin-tưởng rằng vị Giáo-chủ của tôn-giáo mình đang theo là một đấng toàn-năng, toàn trí, siêu-việt. Đó chẳng phải là điều mà người Phật-tử chơn-chánh tha-thiết ôm-ấp trong lòng.

Nơi tiêu-mục số 078, Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Đức Phật có học biết và phụng-hành tất cả Kinh-kệ và Giới-luật chăng?
- Đức Phật có học biết và phụng-hành tất cả Kinh-kệ và Giới-luật.
- Đức Phật theo bực Thầy nào mà học biết như thế?
- Đức Phật chẳng có Thầy. Khi đắc đạo, Đức Phật tự mình hiểu biết hết tất cả Kinh-kệ và Giới-luật...

Như thế, có lẽ theo Na-Tiên, trước khi thành Đạo, phải chăng tu-sĩ Cồ-đàm đã chẳng theo học Đạo với một vị thầy nào chăng? Theo tài-liệu lịch-sử, khi vừa xuất-gia, tu-sĩ Cồ-đàm (Pali: Gotama) có theo học Thiền với hai thiền-sư ngoại-đạo tên là: (1) Alara Kalama; (2)Uddaka Ramaputta. Vì nhận thấy hai bực Thiền-định cao-cấp này: (1) Vô-sở-hữu-định, (2)Phi-tướng phi phi-tướng-định, chẳng đưa đến sự giải-thoát hoàn-toàn, nên tu-sĩ Cồ-đàm bỏ đi,

và tự tìm ra lấy con đường Đạo để tu-tập đến ngày đắc quả-vị Phật. Trí-huệ của Ngài khi đắc đạo là Trí vô-sus, chẳng phải nhờ có Thầy mới thông-hiểu được.

Nơi tiêu-mục số 077, Vua Di-Lan có nói đến một phạm-hạnh của Đức Phật (là chẳng giao-hội với phụ-nữ) cũng giống với phạm-hạnh của vị Trời ở tầng thứ bảy cõi Dục-giới là vị Đại-Phạm Thiên-Vương, và kết-luận: Đức Phật là đệ-tử của vua Trời Đại-Phạm. Na-Tiên bác-bỏ lý-luận sai-lầm này bằng cách hỏi lại Vua:

- Đệ-tử của vị Trời Đại-Phạm có niệm hay chẳng có niệm?
- Đệ-tử của Đại-Phạm Thiên-Vương vẫn còn có niệm.
- Như thế, vị Trời Đại-Phạm và các đệ-tử cũng đều là đệ-tử của Đức Phật cả.

Tại sao? Vì nơi Đức Phật chánh-niệm lúc nào cũng sáng-tỏ, và mọi vọng-niệm đã được dứt sạch từ lâu.

Nơi tiêu-mục số 083, Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Đức Phật biết hết tất cả những sự-việc đã qua từ lúc khởi thủy cho đến các việc trong tương-lai nữa chẳng?
- Dĩ nhiên, Đức Phật biết hết tất cả mọi sự-việc.

Cái trí thông-hiểu hết tất cả muôn sự-sự vật-vật, trong Kinh-sách gọi là Nhứt-thiết-trí. Riêng về các việc quá-khứ, bậc đại-giác có được túc-mạng-minh, tức là sự thông-hiểu về các đời kiếp đã qua.

Vua lại hỏi tiếp:

... Đức Phật biết hết tất cả mọi sự-việc, tại sao Ngài lại chẳng dạy ngay hết cho các đệ-tử, mà cứ dạy từ-từ thôi?

Câu hỏi này khá "ngớ-ngẩn", vì dạy hết một lần, làm sao mà đệ-tử thấu-nhận và thực-hành theo cho kịp. Na-Tiên lại kể thêm một thí-dụ rất dí-dỏm: vị y-sĩ tùy bệnh mà cho thuốc, chớ đâu lại đem hết tất cả thuốc-men trong thiên-hạ ra cho bệnh-nhơn uống một lần!

Và sau cùng, trở lại tiểu-mục số 069, khởi đầu quyển Hạ của sách Tì-kheo Na-Tiên này, ta thấy Vua Di-Lan thắc-mắc, khi nghe nói: Chẳng ai có thể thắng nổi Đức Phật. Vua hỏi:

- Làm sao lại biết chắc chẳng có ai thắng nổi Đức Phật?

Na-Tiên đem lòng tin đặt vào đức Thế-tôn mà giải-đáp thắc-mắc này: Các người đã đắc-đạo và đạo-pháp cùng nói, chẳng hề có ai thắng nổi Đức Phật, cho nên tôi (Na-Tiên) tin điều ấy. Dường như lời giải-đáp đó chẳng làm Vua thoả-mãn, nên Ngài hỏi tiếp:

- Lấy cái chi mà biết rằng chẳng hề có ai thắng nổi Đức Phật?

Na-Tiên liền cầm lên một quyển sách cổ, hỏi lại Vua:

- Vị thầy trước-tác quyển sách này là ai vậy?

Khi nghe Vua đáp, "tác-giả tên là Chát", thì Na-Tiên hỏi làm sao mà Vua biết được. Vua liền đưa ra cái lý-lẽ "biết được" sau đây:

- Nhờ đọc sách xưa truyền lại nên biết được tên ông ta là Chát.

Na-Tiên liền "chụp" ngay lấy lý-lẽ đó làm lý-lẽ của mình, và nói:

- Cũng vì lẽ đó mà sa-môn chúng tôi khi thấy được Kinh Phật và Giới-luật, thì cũng như thấy được Đức Phật, chẳng khác. Chánh-đạo và Kinh, Giới do Đức Phật thuyết-giảng vô cùng thâm-diệu và sáng-khoái, được truyền dạy về sau; vì lẽ đó mà tôi biết rằng chẳng hề có ai thắng nổi Đức Phật cả.

Nếu các đọc-giả trẻ tuổi chẳng dễ-dàng chấp-nhận lý-lẽ của Na-Tiên đưa ra, thì Thiện Nhựt xin nêu thêm hai điểm:

1.- Đương thời với Đức Phật, có sáu vị sư-trưởng cầm đầu sáu giáo-phái -- Kinh sách thường gọi là lục sư ngoại đạo -- thường tranh-luận với Đức Phật, chẳng có vị nào thắng nổi Đức Phật cả.

2.- Trong các thuyết vũ-trụ-quan, nhiều tôn-giáo chủ trương, Thượng-Đế sáng-tạo ra muôn loài, cho đến nay vẫn chưa thấy có một tôn-giáo nào chứng-minh được sự-thực cả. Đạo Phật chủ-trương chẳng có vị Hoá-chủ nào cả, chỉ có Luật Nhân-Duyên chi-phối vũ-trụ. Và cho đến nay, khoa-học hiện-

đại còn chưa thấy có ai, với đầy-đủ lý-lẽ vững-chắc, bác-bỏ được thuyết vũ-trụ-quan đó của Phật-giáo.

Trước khi chấm dứt việc Tìm hiểu về vấn-đề Phật trong quyển sách này, Thiện-Nhựt xin phép trích vài câu nơi quyển sách nhan-đề Thủ-bản về Phật-Học (A Manual of Buddhism by the Venerable NARADA Maha Thera). Ngài Narada viết về cuộc đời Đức Phật:

Ngài sanh ra như một con người. Ngài đã sống một cuộc đời của bậc vĩ-nhơn. Và Ngài đã nhập-diệt như một vị Phật.

IX.- Vấn-đề: Con người và thuyết Vô-ngã

Thắc-mắc to lớn nhất trong đời người là: Con người là ai? Phật-giáo trả lời rất cương-quyết: Chẳng có gì là con người cả. Một trong ba đặc-tướng của vũ-trụ là vô-ngã.

Trong phần Tìm hiểu về vấn-đề này đã được cuốn sách "Tì-kheo Na-Tiên" nêu ra và giải-quyết như thế nào, xin xét qua các tiêu-mục:

- số 051: "Cái gì" là Người?
- số 052: Mắt và tâm cùng thấy;
- số 053: Giác-quan và tâm phối-hiệp nhau;
- số 054: Vui-sướng nghĩa là gì?
- số 055: Giác-tri là gì?
- số 056: Sở-niệm là gì?
- số 057: Thế nào là nội-động?
- số 058: Các tâm-niệm phối-hiệp nhau rồi chẳng tách ra riêng từ món được;
- số 060: Năm giác-quan;
- số 061: Tại sao có sự bất-bình-đẳng giữa loài người?
- số 063: "Lộc riêng" phải chăng là Nghiệp-lực?
- số 075: Sa-môn giữ-gìn thân, chớ chẳng mến thân;
- số 096: Phân-tách kỹ thân-tâm ra, đó là vô-ngã chăng?

Xem các tiêu-mục nêu trên theo thứ-tự trước sau, ta thấy có được sự may-mắn là trọn vấn-đề được xét thẳng một mạch, liên-tục, từ trang 43 cho đến trang 51; một sự may-mắn mà ta rất ít gặp nơi quyển "Tì-kheo Na-Tiên" này, vì các câu hỏi tùy-hứng của vua Di-Lan, gặp đâu hỏi đó, nên toàn-bộ cuộc vấn-đáp giữa hai người có vẻ hơi thiếu mạch-lạc phần nào.

Thế thì, trong 13 tiểu-mục vừa nêu trên, ý-nghĩa chánh-yếu của cuộc đàm-luận giữa vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên là gì? Khi giải-đáp các thắc-mắc của nhà Vua, vị Tì-kheo đặt trọng-tâm vào việc chứng minh rằng, nơi thân-tâm con người chẳng hề có một chút gì, vật-chất hay tinh-thần, mà thường-hằng và tự-lập, chẳng thay-đổi trong thời-gian con người đó còn sanh-hoạt.

Muốn chứng-minh điều ấy, Na-Tiên đã phân-tách thân-tâm con người ra các bộ-phận, và chỉ cho thấy rõ: (1) chẳng có yếu-tố nào làm chủ cả; (2) các hoạt-động của con người đều do sự phối-hiệp giữa các yếu-tố vật-chất và tâm-linh, chẳng thấy có ai hoặc cái gì đứng ra làm chủ-chốt để ta có thể gọi ai đó hoặc cái gì đó là một con người đang có các hành-động ấy.

Kết-luận tất-nhiên của lập-luận chứng-minh này phải là sự Vô-ngã, chẳng có "cái Ta" của con người, mặc dầu thuyết vô-ngã này chẳng được Tì-kheo Na-Tiên minh-thị nói rõ thêm ra trong sách.

*

150.- Thế-gian chẳng có "người".

Bắt đầu bằng câu hỏi của Vua Di-Lan, nơi tiểu-mục số 051:

- Người ở thế-gian là có "người" hay là chẳng có "người"?

Câu trả lời của Na-Tiên rất là quả-quyết, phủ-nhận hoàn-toàn:

- Xét nghĩ cho kỹ, thế-gian chẳng thể nào có "người", thì gọi "ai" hay "cái gì" là "người" cho thích-hợp được.

Câu trả lời phủ-định của vị Tì-kheo chẳng giải-tỏa được thắc-mắc của nhà Vua, nên Vua hỏi tiếp:

- Mạng sống trong thân là "người" chẳng?

Có lẽ, nhà Vua nhìn thấy các sanh-vật chung quanh đây, sở dĩ khác với các vật vô-tri như sỏi, đá, là ở chỗ có "cái gì đó" bên trong các sanh-vật ấy đã làm cho chúng hoạt-động được, chớ chẳng như các thi-thể nằm chết bất-động. "Cái gì đó" đã thúc-đẩy hành-động của sanh-vật, nên nhà Vua mới gọi là mạng sống, và nơi loài người, mạng sống ấy nằm trong thân người. Vì thế, nhà Vua mới nghĩ ra và hỏi Na-Tiên: "Mạng-sống trong thân đó là người chớ gì?"

Na-Tiên bác-bỏ ý phỏng-đoán đó của Vua Di-Lan về mạng sống trong thân là con "người", bằng một tràng lý-luận rất dài-dòng, mà ta có thể tóm-tắt lại như vậy: Nếu mạng sống nằm ngay tại mắt, hay tại giác-quan khác, có sao một giác-quan như mắt, hoặc tai, hoặc mũi,.. chẳng thể vừa nghe, ngửi, nếm, sờ... Rồi Na-Tiên đi đến kết-luận:

- Người theo mắt thấy hình-sắc, tâm-thần chuyển-động, tâm-thần chuyển-động tức sanh sướng-khổ, cùng với ý-niệm hiệp lại; tai, mũi, miệng, ý cũng cùng hiệp nhau lại làm cho tâm-ý có ý-niệm là tâm-thần chuyển-động. Tâm-thần chuyển-động tức sanh sướng-khổ, tòng theo sướng-khổ mà sanh ra ý, ra niệm, cứ triển-chuyển cùng nhau mà thành, ắt chẳng hề có một vị chủ thường-hằng nào cả.

Xin hãy tìm hiểu ý-nghĩa của lời kết-luận trên của Na-Tiên, và sẽ đưa ra nhận-xét có liên-quan đến lý-thuyết vô-ngã tiếp theo đó.

Khi Na-Tiên bảo "Tâm-thần chuyển-động", tức là nói đến cái "mạng sống", mà Vua Di-Lan muốn nói đến, đang thúc-đẩy các hành-động trên thân-thể. Sự chuyển-động của tâm-thần đó đã được Na-Tiên vạch rõ là do sự "phối-hiệp giữa các giác-quan: mắt, tai, mũi, miệng, ý, cùng hiệp nhau lại làm cho tâm-ý có ý-niệm là tâm-thần chuyển-động". Vậy thì, khiến cho tâm-thần phải chuyển-động chính là sự phối-hiệp giữa tất cả giác-quan, chớ đâu phải là mạng sống tại một giác-quan.

Khi Na-Tiên bảo, "Tâm-thần chuyển-động tức sanh sướng-khổ; tòng theo sướng-khổ mà sanh ra ý, ra niệm, cứ triển-chuyển cùng nhau mà thành, ắt chẳng hề có một vị chủ thường-hằng nào cả.", ta nên chia câu này ra bốn đoạn ngắn, để tìm hiểu:

a.- "Tâm-thần chuyển-động tức sanh sướng-khổ": đây là lúc các cảm-giác tại các giác-quan được chuyển vào ý-thức nơi tâm, để trở thành tri-giác, tức là sự "sướng-khổ" đó;

b.- "tòng theo sướng-khổ mà sanh ra ý, ra niệm": đây là lúc có sự phối-hiệp tại tâm, ảnh-hưởng của mỗi tri-giác, hoặc sướng, hoặc khổ, chịu thêm ảnh-hưởng của các tri-giác khác, hoà-hiệp nhau lại mà tạo thành một tâm-trạng chung, gọi đó là ý, là niệm.

c.- "cứ triển-chuyển cùng nhau mà thành": đây là lúc tâm-trạng chung được phát-triển và biến-đổi theo ảnh-hưởng của mỗi tri-giác mà thúc-đẩy thành ra

hành-động; " cùng nhau mà thành" tức là cái tâm-trạng chung của các tri-giác phối-hiệp lại cùng nhau mà thành ra hành-động".

d.- "ắt chẳng hề có một vị chủ thường-hằng nào cả": đây chính là kết-luận tất-nhiên phải đi đến: chẳng hề có một "ai" hoặc một "cái gì" chẳng bị biến-đổi, còn hoài ở đó (=thường-hằng) đứng ra làm "chủ" điều-khiển mọi việc, từ cảm-giác ở các giác-quan, qua sự phối-hợp thành tâm-trạng chung, cho đến khi sanh ra hành-động. Nơi mỗi giai-đoạn tâm-sanh-lý này, chỉ thấy các yếu-tố từ bên ngoài (cảm-giác) và các yếu-tố bên trong (tri-giác, tâm-trạng) hoạt-động phối-hợp nhau mà thôi.

Đã chẳng có "ai" làm vị chủ thường-hằng nơi thân-tâm này, thì gọi thân-tâm này là vô-chủ, là vô-ngã, chẳng đúng hay sao?

Sau đây là phần nhận-xét về tiểu-mục số 051, về: "Cái gì" là "Người"?:

1) Để bác-bỏ câu nói của vua Di-Lan: Mạng sống trong thân là con "người", Na-Tiên đã dùng sáu giả-thiết: nếu mạng sống ở mắt, ở tai, ở mũi, ở miệng, ở thân và ở thức, để chứng-minh rằng ở mỗi một trong sáu căn đó, mạng-sống chẳng hoàn-toàn làm chủ được, hoặc chỉ thấy ở mắt, hoặc chỉ nghe ở tai, mà chẳng thể dùng mắt để nghe, để ngửi, nếm,.. và như thế, đáng lý ra Na-Tiên phải nên đi đến kết-luận là "mạng-sống nếu nằm ở một trong các căn thì đâu thể nào là một "con người" cho đầy-đủ trọn-vẹn được", nhưng rất tiếc là Na-Tiên lại chỉ trách nhà Vua rằng: "Lời nói của Đại-Vương trước sau chẳng tương-ứng nhau" mà thôi, khiến cho người nghe, bị chìm ngập trong sáu giả-thiết quá dài-dòng, chẳng thấy ra được cái kết-luận tất-nhiên vừa kể đó.

2) Na-Tiên lại đưa ra ba thí-dụ: (1) Ngồi trong tòa điện này, nếu phá rộng các cửa, vách ra, mắt có thể nhìn thấy xa được; nhưng nếu mở bết mắt lớn ra, vênh tai rộng thêm ra, nghễnh mũi to ra, lè lưỡi dài ra, banh da cho rộng ra, khai ý cho bao-quát ra, thì cũng chẳng thể nào thấy, nghe, ngửi, nếm, sờ, nghĩ, được thêm ra chút nào. Khi kể xong thí-dụ này, đáng lý Na-Tiên đi đến kết-luận, nếu "mạng sống" ở các căn, thì sao con "người" có "mạng sống" đó vẫn còn bị giới-hạn khi các căn được mở rộng?; đặng này Na-Tiên chỉ biết trách nhà Vua "lời nói của Đại-Vương trước sau chẳng tương-ứng nhau" mà thôi.- (2) Nhìn thấy người giữ kho vua đứng trước mặt, rồi khi anh ta quay đi, nhà Vua cũng biết rõ lúc anh còn trước mặt, lúc anh đi khỏi. Kể xong thí-dụ này, Na-Tiên chẳng thấy có kết-luận nào về thí-dụ đó (và lần này chẳng thấy trách Vua hai lời nói chẳng được tương-ứng). Đúng ra, thí-dụ này cho

ta thấy, khi mắt nhìn đối-tượng bên ngoài, cảm-giác được truyền vào tâm, phối-hiệp với thức mà trở thành tri-giác, bấy giờ sẽ tạo nên một tâm-trạng bên trong. Đây là một thí-dụ chỉ cho thấy rõ sự phối-hiệp nơi tâm, giữa ba yếu-tố có tánh-cách tâm-sanh-lý: trần (= người giữ kho), căn (= mắt vua nhìn) và thức (= tâm vua nhận-thức), tạo thành một tâm-trạng; và chính tâm-trạng đó đưa đến hành-động của ý (là biết) tiếp theo.- (3)Thí-dụ thứ ba lại khá "buồn cười": có thùng rượu ngon, đê cổ một người rồi nhận đầu y vào thùng, và hỏi kẻ bị đê cổ đã "thường-thức" rượu ra sao! Kẻ ấy làm sao mà biết vị rượu ngon hay dở được, đã bị sặc muốn chết mà còn hỏi? Nhưng thí-dụ này chỉ cho ta thấy sự triển-chuyển của tâm-trạng do sự phối-hiệp, của ba yếu-tố tâm-sanh-lý, ở bên trong: bị đê cổ, lại sặc rượu là yếu-tố sanh-lý, làm khởi lên cảm-giác khó thở, khiến cho việc lười ném được vị của rượu, bị che-mờ khuất mất nơi thức, nên chẳng thể "thường-thức" nôi rượu ngon hay dở (yếu-tố tâm-lý). Nhưng Na-Tiên lại chẳng nêu ra cho ta thấy rõ sự phối-hợp của các yếu-tố và sự triển-chuyển bên trong tâm-thân, mà chỉ tiếp-tục trách nhà Vua trước sau nói chẳng tương-ứng.

3) Thiện Nhựt thấy có hai thí-dụ giản-dị, dễ hiểu, có thể giúp ta hé thấy được phần nào chơn-lý vô-ngã nơi thân-tâm năm uẩn này. Đó là hai câu chuyện, một thuộc về địa-hạt nhơn-sanh, một thuộc về thời-tiết:

a.- Vua muốn chọn người làm quan giữ kho-tàng, truyền lệnh cho các ứng-viên mặc quần-áo nhẹ, mỏng, đi ngang qua một hành-lang hẹp, có ánh-sáng lờ-mờ, hai bên vách để rất nhiều vật kim-châu bảo-ngọc. Khi ra khỏi đường hầm, ai bước đi nhẹ-nhàng thoăn-thoắt là người ngay-thẳng. Còn ứng-viên nào bước nặng-nề vì sợ các vật quý-giá lầy trộm dẫu trong mình rơi xuống, là những kẻ có tham-tâm. Những gì đã xảy ra trong khoảng hành-lang lờ-mờ ánh-sáng? Mắt nhìn thấy bảo-vật (căn và trần phối-hiệp) bụng khởi lòng tham (thức làm khởi lên tâm-sở tham) tay dớp lầy, dẫu kín vào người (gây thành hành-vi bất-thiện). Thời-gian họ đi ngang qua hành-lang, chính là lúc mà sự phối-hợp của các yếu-tố tâm-sanh-lý đang triển-chuyển để biến thành hành-vi bất-thiện. Chỉ có các yếu-tố tâm-sanh-lý đang hoạt-động, chớ chẳng thấy "con người" nào nằm bên trong thân-tâm các ứng-viên đã thúc-dục họ vì tham-tâm mà hành-động bất-chánh.

(Thú-tội: Thiện Nhựt đã lén ăn cắp mẩu chuyện trên đây trong nền văn-chương Pháp-quốc, tại một tác-phẩm của văn-hào Voltaire)

b.- Trời vần-vũ sắp mưa. Gió to, sét chớp nhoáng, sấm nổ âm-âm. Rồi mưa ào ào đổ xuống. Người bình-dân ít học thì bảo: óng Trời giận đánh bà Trời,

bà Trời khóc! nên mưa to. Kê mê-tín, ghiền truyện Tàu bảo: Bắc-hải Long-vương (vua Rồng) đang huy-động Vân-đồng (thần mây), Điện-mẫu (bà sấm-sét) và Thủy-thần (thần nước) hóa ra một trận mưa to! Một hiện-tượng thời-tiết, có gió, có sấm-sét, có mây mưa, ngày nay khoa-học giải-thích: khí trời nóng, hơi nóng bốc lên gặp khí lạnh thành gió chuyển, hơi nước gặp nắng bốc lên không, gặp khí lạnh rơi xuống thành mưa. Nào có đâu ông Trời với bà Trời đánh nhau, nào có thấy bóng-dáng của chú Vân-đồng, bà Điện-mẫu, Thủy-thần với Ngài Long-vương?

c.- Hai thí-dụ cho thấy: (a) ở địa-hạt tâm-sanh-lý, chỉ có sự phối-hợp giữa các yếu-tố bên ngoài và bên trong, sanh ra tâm-trạng, rồi triển-chuyển đưa đến hành-động, chớ nào có một "con người" ẩn-núp trong thân-tâm năm-uẩn này để chủ-xướng ra hành-động. - (b) ở địa-hạt thời-tiết, chỉ có sự chênh-lệch giữa áp-suất không-khí mới gây nên gió, mưa, bão-tố, chớ nào có vai-trò nào của thần-thánh.

4) Một điểm quan-trọng trong giáo-lý nhà Phật là Lý Duyên-sanh theo đó, bất cứ một sự-việc nào xảy ra cũng phải có nguyên-nhân: "cái này có, nên cái kia có; cái này diệt, nên cái kia diệt". Vì chẳng thấu-triệt được mối liên-hệ chặt-chẽ giữa nguyên-nhân và hậu-quả cho rõ ràng, nên ta thường có những lối giải-thích các hiện-tượng một cách sai-lạc, rời xa sự-thật. Một trong những ý-kiến sai-lạc này là ngã-kiến, cho rằng trong thân-tâm này có ẩn-tàng một "con người", một cái "Ta", một cái "Ngã", đứng làm chủ mọi hành-động, rồi lại chính cái "Ngã" ấy lại được đi đầu-thai để tiếp-tục cuộc sống mãi mãi mà hưởng-thọ. Sự sai-lầm của ngã-kiến là chẳng xét trong thân-tâm này, mọi hành-động, từ vật-chất đến tinh-thần, cũng đều có nguyên-nhân cả, hoặc do yếu-tố vật-chất, hoặc do yếu-tố tâm-linh, chớ thật chẳng hề do một người nào ở trong thân-tâm này chủ-xướng. Nói lên sự vắng-bóng của "con người" trong thân-tâm này, chính là lý-thuyết vô-ngã. Bao giờ người học Phật bỏ đi được sự chấp-thủ vào cái ngã, cũng như người trí-thức đã bỏ được lối giải-thích sai-lầm của kẻ ngu như "khi trời mưa, cho là ông Trời đánh bà Trời", thì bấy giờ mới thấy được, rõ-ràng và thênh-thang, con đường giác-ngộ và giải-thoát do đạo Phật chủ-trương.

*

151.- Từ nhãn-thức đến ý-thức .

Sau tiểu-mục dài và khó vừa qua, ta lại đến một tiểu-mục kế, số 052, chẳng kém rắc-rối, mặc dầu vấn-đề, nếu xét kỹ ra, chẳng quá phức-tạp. Tiểu-mục kế này bàn về Mắt và Tâm cùng thấy.

Nhắc lại: sau khi được Na-Tiên giải-tỏa thắc-mắc "chẳng có cái gì gọi là con người trong thân-tâm này cả", Vua Di-Lan lại hỏi:

- Khi con người mắt thấy, thì mắt và tâm có cùng nhau phát-sanh hay không?

- Dĩ nhiên, cả hai đồng thời cùng phát-sanh.

- Mắt thấy trước hay là tâm thấy trước?

- Mắt thấy trước, tâm thấy sau.

(Thiện-Nhục xin mở một dấu ngoặc: Vua và Na-Tiên đang nói đến nhãn-thức và ý-thức. Phật-học, theo Nam-tông, phân-biệt sáu sự hiểu-biết gọi là sáu thức: (1) nhãn-thức (thấy ở mắt), (2) nhĩ-thức (nghe ở tai), (3) tĩ-thức (ngửi ở mũi), (4) thiệt-thức (nếm ở lưỡi), (5) thân-thức (xúc-chạm trên thân) và (6) ý-thức (sự hiểu-biết nơi tâm-ý). Năm thức trước, Bắc-tông gọi là tiền ngũ thức (tiền= trước; ngũ= năm; thức= biết), xảy ra tại năm giác-quan ở bên ngoài; còn ý-thức, là thức thứ sáu, ở bên trong tâm, thường có tánh-cách phối-hiệp.)

Câu hỏi kế-tiếp của Di-Lan có vẻ hơi "ngớ-ngẩn":

- Cả hai có nói với nhau như vậy chẳng? Mắt nói với Tâm, chỗ tôi thấy trước, anh nên theo sau mà thấy. Tâm nói với Mắt, chỗ anh đã thấy, tôi nên theo đó mà thấy sau.

- Cả hai chẳng nói với nhau gì hết.

Nếu ta cho câu hỏi của vua Di-Lan là "ngớ-ngẩn", thì câu trả lời vấn-tất của Tì-kheo Na-Tiên như trên cũng quá đủ rồi. Nhưng thắc-mắc của nhà Vua chẳng phải "ngớ-ngẩn" đâu, khi Ngài hỏi tiếp:

- Khanh há chẳng có nói, "đồng thời cùng nhau phát-sanh" hay sao? Vì có gì mà cả hai lại chẳng nói với nhau như vậy?

Chỗ thắc-mắc của nhà Vua chẳng "ngớ-ngẩn" chút nào, vì nhà Vua nghĩ rằng, nếu chẳng có "nói với nhau" trước, thì tại sao Tâm lại biết nhìn thấy đúng vào chỗ mà Mắt đã thấy? Nhưng phải chăng lời-lẽ của nhà Vua còn quá đơn-sơ, khi Ngài bảo, Mắt nói với Tâm, và Tâm nói với Mắt; làm sao mà hai cơ-quan vật-lý (mắt) và tâm-lý (tâm) lại có khả-năng biết nói cho được? Lẽ ra, nhà Vua nên hỏi như vậy: "Khanh nói cả hai, Mắt và Tâm, đồng-thời cùng nhau phát-sanh, thì có phải chẳng là đã có một sự liên-lạc, một sự cảm-ứng, giữa hai nơi Mắt và Tâm? Nếu vấn-đề được đặt ra như thế, thì có lẽ bốn thí-dụ dài-dòng, rắc-rối về (1) nước chảy theo xuống dưới; (2) hai người cùng đi theo hướng cửa; (3) đi theo vết xe trước; (4) tính-đếm theo số, của Na-Tiên chẳng còn cần-thiết nữa vì quá rườm-rà.

Sao lại hỗn-hào dám bảo bốn thí-dụ của Na-Tiên là chẳng còn cần-thiết và rườm-rà? Trước, hãy xét qua bốn thí-dụ Na-Tiên đưa ra nhằm chứng-minh rằng, Mắt và Tâm chẳng nói với nhau gì hết.

1.- Trên núi cao có mưa lớn. Sau trận mưa đầu, nước theo triền núi chảy xuống. Đến trận mưa sau, nước cũng chảy xuống, theo con đường mà nước trước đã chảy. Nước trước, nước sau có nói gì với nhau đâu, mà cùng chảy xuống theo phía dưới. Rồi Na-tiên kết-luận: "Mắt và Tâm cũng lại như thế, chẳng nói gì với nhau. Đó gọi là đi theo xuống dưới."

2.- Thành-trị chỉ có một cửa ra vào. Một người ra trước, đi theo hướng cửa mà ra khỏi thành. Kẻ khác, đi sau, cũng đúng theo lối hướng cửa mà ra. Cả hai chẳng có dặn bảo gì với nhau, mà cùng theo hướng cửa. Rồi Na-Tiên kết-luận: "Mắt và Tâm cũng lại như thế, chẳng có nói với nhau gì cả. Đó gọi là đi theo hướng cửa. Tai, mũi, miệng, thân và ý, cũng lại như thế."

3.- Trên một con đường, xe đi trước, bánh lăn để lại vết trên mặt đường. Xe đi sau lăn bánh theo vết xe trước. Hai xe đâu có nói gì với nhau. Rồi Na-Tiên cũng kết-luận: "Cũng vậy, Mắt chẳng nói với Tâm, ... tai, mũi, miệng, thân và tâm, cũng chẳng nói gì với nhau.

4.- Thí-dụ thứ tư: "đi theo số" rất khó hiểu. Na-Tiên bảo: "Theo số là tính đếm. Sách vở, học vấn là số. Tai, mắt, mũi, miệng, thân, tâm từ từ biết rõ, rồi cùng hiệp lại sáu sự-việc đó cho đến khi thành chỗ hay-biết, mà chỗ hay-biết này chẳng phải chỉ tòng theo sự hay-biết của mỗi một nơi nào cả." Nghe xong, vua khen: "Lành thay!" Chẳng biết Vua đã hiểu thí-dụ này như thế nào mà lại khen, chớ riêng Thiệu Nhựt còn ngu-dốt lại thấy khó hiểu quá. Nơi bản dịch Anh-văn của N.K.G. Mendis, thí dụ thứ tư này được dịch như sau:

"As, sire, a beginner is clumsy in the crafts of reckoning on the fingers, calculation, reckoning and writing, but after a time by practice in careful working he becomes deft, even so, sire, it is through practice that where eye-consciousness arises there too mind-consciousness arises. There is no conversation between them. They arise because of practice."

"Tâu Bệ-hạ, như kẻ mới học nghề còn vụng-về trong các kỹ-xảo về ước-tính trên đầu ngón tay, sự tính-toán, ước-lượng, và viết-lách, nhưng sau một thời-gian bằng sự thực-tập làm việc cẩn-thận, người ấy trở nên khéo-léo; mặc dầu vậy, tâu Bệ-hạ, chính nhờ sự thực-tập mà nơi nào nhãn-thức phát-khởi thì ý-thức cũng phát-khởi theo. Chẳng hề có cuộc nói chuyện nào giữa chúng cả. Cả hai phát-khởi do sự thực-tập."

Bây giờ, giả-dụ như ta quên phứt đi năm hàng chữ Việt ở đầu trang 196 này, và lấy ý và lời của bản Anh-văn, thì ta có thể hiểu được thí-dụ thứ tư này, một cách dễ-dàng: Mắt và Tâm chẳng nói gì với nhau cả; chính do sự thực-tập mà nhãn-thức và ý-thức cùng nhau phát-khởi lên đồng-thời.

Nhưng mà chẳng lẽ tác-giả quyển "Na-Tiên Tì-kheo Kinh" lại chẳng thấy chỗ "dài-dòng và rườm-rà" của bốn thí-dụ đó mà lại viết ra tiêu-mục số 052, dài như thế. Tác-giả có thâm-ý muốn chứng tỏ một điều gì đây mà ta chưa kịp nhìn thấy để hiểu chẳng? Tiêu-mục 052 tiếp theo Tiêu-mục số 051 nói về "Cái gì là "người"?", trong đó tác-giả chứng-minh nơi thân-tâm này chẳng có "ai" hoặc "cái gì" đã làm, đã nói, như "con người" cả, mà chỉ có các yếu-tố tâm-sanh-lý phối-hiệp nhau mà đưa đến các hành-vi của thân, miệng, và ý thôi. Chính tại nơi Tiêu-mục số 052 này, lại một lần nữa, tác-giả muốn chứng-minh: khi mắt thấy, chẳng có "ai" hoặc "cái gì" đã nói, từ mắt đến tâm, cả; chỉ có nhãn-thức khởi lên gây thành một cảm-ứng đến tâm, khiến cho ý-thức cùng phát-khởi theo. Mấy yếu-tố vật-lý, sanh-lý, và tâm-lý (mắt thấy vật đối-tượng, nhãn-thức, ý-thức, tâm) đó phối-hợp nhau ở tâm, khiến cho ý-thức khởi lên, rồi mới có sự hay-biết là đang thấy vật. Chỉ có thế, chớ chẳng có "người" nào nói lên điều gì cả. Nếu vấn-đề chỉ là như thế, thì tại sao ta chẳng chọn một vài thí-dụ khác, để chỉ rõ mối liên-lạc giữa mắt (nhãn-thức) với tâm (ý-thức), và sở dĩ mắt đã thấy và rồi tâm cũng hay-biết rằng đang thấy theo, đó là do sự phối-hiệp ở bên trong tâm giữa nhãn-thức với ý-thức mà thành ra tri-giác: thấy?

Trí thô-thiền của Thiện Nhựt nghĩ ra được một thí-dụ, chẳng biết có thích-hợp cho vấn-đề nêu trên hay không:

- Một nút bấm-điện có dây điện nối liền với một động-cơ. Gần nút bấm-điện có một bóng đèn nhỏ, phát cháy lên khi có luồng điện chạy qua dây. Bật nút bấm-điện, đèn cháy và động-cơ quay. Khi thấy đèn cháy, có "ai" đã đứng đó quát lên bảo với động-cơ phải chạy chăng? Nguyên-nhân làm động-cơ quay chính là luồng điện đã chạy qua dây rồi đến động-cơ làm cho máy này phát-động lên. Nếu chẳng có dây điện, nếu chẳng có luồng điện, làm gì máy chạy được. Cùng thế ấy, mắt nhìn vật, cảm-giác này được truyền vào trong, do hệ-thống thần-kinh từ mắt đến não, khiến cho tâm bên trong nhận-biết là mắt đang thấy vật: mắt như bóng đèn ở nút bấm-điện; sợi dây truyền điện cũng như hệ-thống thần-kinh, động-cơ cũng tựa như não và tâm bên trong. Như thế, ta thấy rõ, nhãn-thức được truyền vào trong tâm, nơi đây ý-thức liền phối-hiệp với cảm-giác mà thành ra một tri-giác: hay-biết rằng đang thấy vật được mắt nhìn đến.

Độc-giả khó tánh sẽ bảo, quyển "Tì-kheo Na-Tiên" được soạn cách đây gần hai ngàn năm, làm gì nhơn-loại đã biết đến điện-khí mà đưa ra một thí-du như thế. Thế thì, Thiện Nhựt xin nói lại, để phù-hợp với sức hiểu-biết của người ít học ngày xa-xưa: Ngoài cổng chùa có sợi dây chuyền vào cửa chùa bên trong, đầu dây này buộc vào một cái chuông. Hễ có ai giựt-giựt đầu dây ngoài cổng, thì chuông bên trong chùa kêu bon-bon, sẽ có người ra mở cửa. Kẻ muốn vào chùa, người ra mở cổng, hai người đâu có nói gì với nhau, sao lại cùng biết là có khách muốn vào chùa? Chẳng qua, có cái chuông. Nhưng mà, giá mà dây chuông bị cắt đứt, giá mà chẳng giựt-giựt đầu dây, chú tiểu trong chùa có biết mà ra mở cổng chăng?

Thiện-Nhựt thấy hai thí-du "vô-duyên" của mình cũng đã quá dài, và quá rườm-rà lắm rồi, nên chỉ biết chấp tay lại sám-hối và nguyện- cầu cho người đọc nhìn thấy ra được lẽ vô-ngã nằm ẩn-sâu trong bốn thí-du của Na-Tiên: chẳng có "ai" trong thân-tâm này cả!

*

152.- Giác-quan và tâm phối-hiệp sanh ra sướng-khổ .

Vua lại hỏi Na-Tiên:

- Mắt người khi nhìn thấy, có cùng với sự sướng-khổ sanh ra một lượt chăng?

- Mắt thấy và sự sướng-khổ đồng sanh ra, đều theo nhau hiệp lại mà sanh ra.

- Thế nào là hiệp?

Câu hỏi của nhà Vua và lời giải-đáp của Na-Tiên đều qui về sự phối-hiệp của nhân-thức với ý-thức nơi tâm, sanh ra cảm-thọ: sướng hay khổ. Tiêu-mục số 053, trang 48 này tiếp-tục khai-triển ý-chánh của vấn-đề: "Con người và thuyết Vô-ngã"; tiếp-tục và khai-triển ở điểm: các cảm-thọ sướng hay khổ là do sự phối-hiệp của nhân-thức (hoặc các thức khác) nơi ý-thức ở tâm, chớ chẳng có một "người" nào trong thân-tâm này đã gây ra và gánh chịu lấy cảm-thọ đó cả.

Lời đáp của Na-Tiên tiếp theo đã giải-thích, bằng hai thí-dụ, thế nào là hiệp. Điều đáng tiếc là Na-Tiên chẳng nhân cơ-hội này để khai-triển thêm thuyết vô-ngã, thêm một lần nữa, để người học Phật thấy cho tường-tận, cảm-thọ chỉ là cảm-thọ (tức là một yếu-tố tâm-lý của thân-tâm), chớ cảm-thọ chẳng phải là "người" đang có cảm-thọ đó.

Na-Tiên đưa ra hai thí-dụ về sự phối-hiệp (giống với Xúc trong Lý 12 Nhân-Duyên): (1) hai bàn tay nắm nhau lại, một ví cho mắt, một thế cho hình-sắc, hiệp nhau lại thành phối; (2) hai hòn đá hiệp nhau; một hòn làm tâm, một hòn làm ý-chí, cả hai hiệp nhau thành phối.

Kế đó, Vua lại hỏi Na-Tiên, nơi tiêu-mục số 054:

- Sướng có mấy loại?

Na-Tiên chẳng trả lời có mấy loại vui-sướng, chỉ giải-thích thế nào và khi nào, thì sướng. Theo Na-Tiên, vui-sướng là tự-mình giác-tri, tức là tự mình biết mình... sướng.

Rồi Na-Tiên kể ra hai thí-dụ về khi nào sướng: (1) kẻ hiền-lành, tận-tâm phục-vụ Vua, được Vua ban thưởng tiền-bạc. Kẻ ấy đem tiền ra tiêu-phí, tự-nghĩ ta phụng-sự Vua, được Vua thưởng tiền, nên ta vui sướng; (2) người làm điều thiện, nói lời thiện, tâm-niệm thiện được sanh lên cõi Trời, hưởng mọi lạc-thú, tự-nghĩ mình nay sung-sướng là nhờ khi còn ở trần-gian lúc nào cũng tuân theo điều thiện.

Đến Tiêu-mục số 055, Vua hỏi tiếp:

- Giác là như thế nào?

Câu trả lời của Na-Tiên rất ngắn: Tòng theo sự hiểu-biết là giác. Và Na-Tiên đưa ra thí-dụ người giữ kho vua biết trong kho có bao nhiêu vàng bạc, châu ngọc... đó gọi là giác-tri. Vua Di-Lan khen: "Lành thay!".

Nhưng Thiện Nhựt thấy chưa thoả-mãn về thí-dụ và lời giải-thích về giác, giác-tri, của Na-Tiên. Chưa thỏa mãn ở điểm nào?

1.- Chữ Hán-Việt Giác có nghĩa là hiểu-biết, được chánh-thức dùng trong Phật-học để dịch chữ Phạn Bodhi, giác, giác-giả; tức là người đã giác-ngộ và giải-thoát như Đức Phật. Theo ý này, (1) Tự-giác là tự mình đã hiểu thấu lẽ sống chết và được giải-thoát khỏi cảnh Khổ của Luân-hồi: đây là người biết tu-hành theo đạo Phật. (2) Giác-tha là đem sự giác-ngộ của mình ra chỉ dạy cho kẻ khác, để họ được giác-ngộ theo: đây là hạng Bồ-tát. (3) Giác-hành viên-mãn là việc tự-giác cùng với công-cuộc giác-tha đã thi-hành xong trọn vẹn: đây là bậc đại-giác, tức là Đức Phật.

2.- Chữ Hán-Việt giác-tri được Vua Di-Lan và Na-Tiên dùng để chỉ sự hiểu-biết, thì trong hai chữ "giác" và "tri", cả hai đều có nghĩa là hiểu-biết cả; nếu nói cả hai, thì thừa-thãi đi một chữ. Nhưng nếu sắp thứ-tự trước sau lại, để giác-tri thành ra tri-giác thì ý-nghĩa của chữ này được dùng trong Phật-học lại khác hẳn. Vì tri-giác là một yếu-tố tâm-lý trở vào việc một cảm-giác từ một giác-quan bên ngoài đưa vào bên trong tâm, phối-hiệp với ý-thức, trở thành một tri-giác. Trong năm uẩn của thân-tâm, thọ-uẩn gồm có các cảm-giác; còn tướng-uẩn chính là sự tập-hợp của các tri-giác. Thí-dụ: khi có cảm-giác nóng ở tay, tâm thấy khó chịu mới sanh ra khổ, đó là tri-giác.

3.- Còn thí-dụ của Na-tiên về người giữ kho vua, người ấy biết trong kho có bao nhiêu vàng bạc, châu báu, v.v. sự hiểu-biết đó, nói cho đúng nghĩa đen của danh-từ này thì chẳng phải là tri-giác, hoặc giác-tri được; sự hiểu-biết đó chẳng qua chỉ là một kiến-thức, nằm sẵn trong ý-thức, hoặc trong tiềm-thức của anh ta mà thôi.

Kế-tiếp là tiểu-mục số 056, Vua hỏi Na-Tiên:

- Con người có sở-niệm của mình. Có bao nhiêu sở-niệm?

Na-Tiên chẳng trả lời có bao nhiêu sở-niệm? mà chỉ giải-thích nhân khi nào mà có sở-niệm. Na-Tiên bảo, con người có sở-niệm, nhân vì có sở-tác. Rồi đưa ra hai thí-dụ: (1) một người pha thuốc độc rồi uống, hoặc cho kẻ khác uống, thì mình bị khổ, kẻ kia cũng khổ; (2) kẻ làm ác, lại dạy người khác cũng làm ác, khiến cho cả hai phải sa địa-ngục.

Mục-tiêu-mục của tiểu-mục này là chỉ cho thấy rõ ảnh-hưởng của ý-định khởi lên trong tâm đưa đến hành-động bên ngoài. Hễ có ý-định ác thì hành-động sẽ ác theo. Ngược lại nếu có ý-định lành, thì sẽ làm hành-động thiện.

Thiện Nhựt thiền nghĩ: chữ sở-niệm đây, mặc dầu chẳng được Na-Tiên định-nghiã, nhưng nó mang lấy ý-nghĩa của chữ ý-định. (Theo nghĩa gốc, sở-niệm = sở là chỗ; niệm là nghĩ nhớ trong lòng; còn sở-tác = sở là nơi, tác là làm, là có hành-động). Nếu ta xét chữ sở-niệm của Na-Tiên dùng theo khía-cạnh: ý-định trong lòng, thì tiểu-mục số 056 này sẽ dễ hiểu hơn, vì ý-định đưa đến hành-vi thiện hoặc ác.

Đến tiểu-mục số 057: Thế nào là nội-động? phải thú-thật là lời văn trong Bản Phỏng-dịch mù-mờ và hơi khó hiểu. Nhưng cứ xin chép lại đoạn này và thử đề-nghị một lối tìm hiểu khác:

Vua hỏi Na-Tiên:

- Thế nào là nội-động?
- Ý-chí bên trong nổi lên là nội-động.
- Động và Hành thời ra sao?
- Thí-dụ như chậu đồng, nồi đồng có người đến đốt nấu lên; các khí-cụ đó phát ra tiếng và có dư-âm, đó là hành. Con người cũng như vậy, ý-chí khởi lên, nhân đó mà có hành-động.

Vua khen: Lành thay!

1)- Trước hết, xin tìm hiểu nghĩa chữ của các danh-từ quan-trọng:

a.- Nội-động có nghĩa là chuyển-động ở bên trong. Cái gì chuyển động? Câu trả lời của Na-Tiên nói rõ: đó là ý-chí bên trong nổi lên.

b.- Ý-chí là gì? Đó là ý-muốn quyết-tâm hành-động, một yếu-tố tâm-lý ở trong tâm.

c.- Động là gì? Đó phải là "ý-chí bên trong nổi lên" vừa nói.

d.- Hành là gì? Hành nghĩa thường là làm; ở đây có lẽ nói đến các hành-động được làm ra bên ngoài.

e.- Dur-âm là gì? Nghĩa đen là âm-thanh vẫn còn kéo dài, tuy nhỏ hơn tiếng nghe lúc ban đầu. Tại đây, chữ dur-âm trở vào Hành.

2)- Kế đó, Ý-chánh của tiểu-mục này là gì? - Đó là: "Ý-chí khởi lên trong tâm đưa đến hành-động bên ngoài." Ý-chánh này có liên-hệ với tiểu-mục trước (số 056) nói về sở-niệm và sở-tác, tức là có chỗ nghĩ ác thì làm ác, có chỗ nghĩ thiện thì làm lành. Vậy mục-tiêu của tiểu-mục này là bổ-túc cho tiểu-mục trước: chỉ rõ thêm, sở-niệm (chỗ nghĩ thiện-ác), chịu ảnh-hưởng của ý-chí khởi lên (nội-động) mà có hành-động ra bên ngoài (sở-tác).

3)- Giờ đây, nếu tóm-tắt hai tiểu-mục liên-tiếp lại, ta thấy tác-giả muốn nói: "Khi trong tâm khởi lên ý-chí, một yếu-tố tâm-lý như các sở-niệm khác ở trong tâm (lúc đó gọi là nội-động) thì đưa đến các hành-động (sở-tác) thiện hay ác ở bên ngoài." Như vậy, chung qui vấn-đề chỉ giản-dị là: "Vì ý-chí mạnh hơn các sở-niệm khác, khi đang động-tâm, nên đưa đến sở-tác, tức là hành-động thiện-ác bên ngoài."

4)- Còn lại cái thí-dụ nồi đồng đun sôi có ý-nghĩa gì? - Cái nồi đồng đun nước sôi sùng-sục ví với cái tâm-trạng đang động ở bên trong (nội-động); khi bốt lửa, tiếng nước reo còn văng-vẳng (dur-âm), được ví với các hành-động thiện-ác ở bên ngoài.

5)- Sau khi tìm hiểu nghĩa ý của tiểu-mục số 057 xong như trên, Thiện Nhựt nhân khi thấy nói đến nội-động, xin có vài nhận-xét, liên-quan đến Tâm, nhìn hai dưới khía-cạnh: (a) giáo-lý Phật-học và (b) Tâm-lý-học hiện-đại.

a.- Giáo-lý Phật-học chia thân-tâm con người ra làm hai phần: (1) thân, gồm các phần về vật-chất, gọi là sắc, kể chung hết các bộ-phận trên thân là sắc-uẩn; (2) tâm, gồm các yếu-tố tinh-thần, vô-hình, phân ra bốn nhóm: thọ-uẩn (các cảm-giác), tưởng-uẩn (các tri-giác), hành-uẩn (các tâm-sở), và thức-uẩn (các sự hiểu-biết bên trong). Như thế, tâm chẳng phải là một bộ-phận, hay cơ-quan nào riêng-biệt mà do bốn uẩn kia kết-hợp lẫn-lộn lại. Vì lẽ đó, vào bất kỳ một lúc nào, tình-trạng hỗn-hợp của tâm cũng khó giữ cho yên-tĩnh được, bởi các yếu-tố tâm-lý cứ thay phiên nhau khởi lên, kéo dài rồi qua đi, khiến cho tâm-trạng (= tình-trạng của tâm) cứ liên-miên thay đổi mà chính cá-nhơn đó cũng chẳng ngờ và hay-biết rõ đến được. Sự thay-đổi của tâm-trạng đó, được gọi là nội-động, sự biến-động xảy ra bên trong. Thế cho nên, khi Tì-kheo Na-Tiên gọi ý-chí khởi lên là nội-động, có lẽ chẳng chính-xác cho lắm; vì ý-chí chỉ là một yếu-tố tâm-lý cũng như các yếu-tố khác, (trong Phật-học gọi các yếu-tố tâm-lý là các tâm-sở); các tâm-sở này cũng có thể

khởi lên trong tâm như ý-chí vậy. Trong các yếu-tố tâm-lý, có thứ mạnh, có thứ yếu, có thứ dai-dẳng, có thứ phớt qua; nhưng ý-chí vừa mạnh-mẽ lại vừa bền-bí, cho nên mới đưa tới được hành-động ra bên ngoài.

Nhân nói tới nội-động, sự biến-động trong tâm, ta tự-hỏi, có một tình-trạng tâm nào được hoàn-toàn yên-ôn, vắng-lặng chẳng bị biến-động không, tâm-trạng an-tĩnh đó gọi là gì, và có cách nào để tu-tập cho được an-tâm? - Tâm chẳng bị nội-động, an-ôn, vắng-lặng, được gọi là tâm an, khi nào tất cả các ý-niệm dừng lại, và hành-giả sắp bước vào định, nên còn gọi là định-tâm. Khi tu-tập theo ba môn học vô-lậu là Giới-Định-Huệ hết sức chuyên-cần, thì hành-giả chẳng những đắc được định-tâm mà trí-huệ cũng được phát-triển thêm. Bước đầu trong việc tu-tập theo Giới-Định-Huệ là làm sao cho chánh-niệm lúc nào cũng luôn sáng-tỏ trong tâm. Chánh-niệm là một niệm chánh, niệm đó có nhiệm-vụ chiếu soi lên các tâm-sở khác, qui-tụ được tâm-tư vào trong khung-cảnh: ở đây và bây giờ, khiến cho các vọng-niệm phải chìm lặng xuống. Tu-tập là giữ sao cho thân-tâm lúc nào cũng tỉnh-táo, biết rõ-ràng rằng mình ngay bây giờ đang làm gì, đang nghĩ gì ở đây. Chỉ có thế mà thôi! Nhưng nên biết rằng, giữ được chánh-niệm hăm bốn giờ trong ngày, thì chỉ có bậc đại-giác như chư Phật, chư Bồ-tát mới làm được. Sao lại khó như vậy? Vì lòng người luôn luôn chuyển-động, ngay cả trong giấc ngủ cũng còn nằm mơ.

b.- Tâm-lý-học hiện-đại chia tình-trạng của Tâm ra làm ba vùng hay là ba bình-diện: (1) vùng ý-thức, sáng-tỏ mà ta có thể hay-biết rõ được các ý-tượng, kiến-thức, hoặc tình-cảm nào hiện có mặt nơi tâm; (2) vùng tiềm-thức, lờ-mờ, mà các tư-tưởng, tình-cảm, hiểu-biết, tuy chẳng còn nhớ thấy được rõ-ràng, nhưng chúng có thể trỗi trở lên, hơi mơ-hò, tại vùng ý-thức lại; (3) vùng vô-thức, mờ-mịt, tuy các tình-cảm, tư-tưởng, kiến-thức, nay chẳng còn nhớ nghĩ rõ đến được nữa, nhưng chúng có thể gặp lúc bất-thần nào đó có đủ cơ-duyên thì trở lại vùng tiềm-thức hay vùng ý-thức.

6)- Và trước khi tạm kết-thúc việc tìm hiểu tiểu-mục số 057 này, Thiện-Nhật xin nhắc lại một mẩu chuyện lý-thú trong Pháp-Bảo-Đàn có liên-quan đến vấn-đề nội-động. Nơi Phẩm I, Hành-Do, Kinh Pháp-Bảo-Đàn, có thuật việc Lục-Tổ Huệ-Năng, bấy giờ còn là cư-sĩ, đến chùa Pháp-Tánh. Trước sân chùa, gió thổi ngọn phướn phát-phơ, có hai vị Tăng đang tranh-cãi nhau. Người nói, "gió động", kẻ cãi lại, "phướn động", tranh-luận nhau mãi chẳng thôi. Huệ-Năng bước ra nói: "Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, tâm hai ông đang động đấy!" Mọi người kinh-ngạc nhìn vị cư-sĩ quê-mùa nói một câu chí-lý. Pháp-sư Ấn-Tông, trụ-trì chùa Pháp-Tánh, nghe mọi

người bàn-tán, mới ra mời Ngài Huệ-Năng lên ngồi trên chiếu và trọng-đãi. Sau đó, nhà sư nhận ra vị cư-sĩ này chính là Lục-Tổ, nên bái nhận Ngài làm "Thầy", rồi mới làm lễ thí-phát cho.

Tại sao: "chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động"? (Phướn, chữ Hán-Việt là phan, hoặc tràng phan, tức là lá cờ dài, hẹp, treo lên cao, dòng-đưa theo ngọn gió). "Chẳng phải gió động", vì làm sao mà biết có gió động, nếu chẳng thấy có lá phướn phát-phơ cuộn bay theo cơn gió? "Chẳng phải phướn động", vì còn chưa thấy rõ cái gì đã làm cho phướn phải lung-lay? Hóa ra sự chuyên-động ở bên ngoài, mà hai nhà Sư đang tranh-cãi, đúng ra, là do ở nguyên-nhân hỗ-tương giữa gió và phướn; chấp riêng vào gió cũng sai, mà chấp riêng vào phướn cũng lầm. Còn chỗ đúng-đắn nhưt, mà ít người trông thấy ra được, lại chính là sự chuyên-động ở bên trong tâm (sự nội-động) của hai vị Tăng: tâm họ đang ôm chặt ý-kiến riêng của mình để chống-đôi lại ý-kiến của kẻ kia. Xét thấu tận đến tâm của những kẻ khác, có lẽ chỉ các bậc đã giác-ngộ như Ngài Lục-Tổ, mới nhìn được và thấy ra sự nội-động ở trong cả hai tâm-trạng của hai vị tu-hành còn cố-chấp đó.

*

153.- Các tâm-sở đã phối-hiệp rồi chẳng tách ra được .

Nhắc lại: Vấn-đề IX: "Con người và thuyết Vô-ngã" đang được cứu-xét từ tiểu-mục số 051, đến tiểu-mục số 058, sắp được ta tìm hiểu, đều có mục-đích chứng-minh rằng trong thân và trong tâm này chẳng hề có một "con người" nào cả, mà chỉ có các yếu-tố tâm-sanh-lý đã phối-hiệp nhau đưa đến sự cảm-nhận, sự suy-nghĩ và hành-động, tựa hồ như có một "con người" đang cảm-nhận, đang suy-nghĩ và đang hành-động vậy.

Nơi tiểu-mục số 058, Vua hỏi Na-Tiên:

- Hiệp, trí, niệm, ý, động, những thứ đó hiệp nhau lại, rồi sau muốn phân-biệt mỗi thứ ra được chăng?

- Nếu đã khiến hiệp nhau lại rồi thì chẳng phân-biệt ra mỗi thứ được nữa.

Rồi để chứng-minh, Na-Tiên lấy một thí-dụ ... khá "ngon-lành"! Vua sai đầu-bếp nấu canh, canh phải có nước, thịt, hành, tỏi, gừng, muối, bột. Canh nấu xong dung lên, Vua bảo lấy vị gừng riêng ra, để nếm, có được không? Lấy riêng làm sao được? Canh đã nấu rồi, đâu có thể tách mỗi vị riêng-biệt ra được.

Na-Tiên liền kết-luận:

- Các sự-việc ấy lại cũng như thế, một khi đã hiệp chung thành một rồi thì chẳng thể lấy riêng ra được, đây là sướng-khổ, đây là trí, đây là động, đây là ý-niệm.

Câu hỏi của nhà Vua, lời đáp và thí-dụ của Na-Tiên cần được đào sâu thêm:

1)- Các tâm-sở: hiệp, trí, niệm, ý, động, do nhà Vua đưa ra, đem so với các thuật-ngữ dùng trong Phật-học ngày nay, thì lời nói của Vua chẳng được chính-xác cho lắm:

a.- Hiệp: khi một giác-quan đối trước với vật đối-tượng bên ngoài, có sự tiếp-xúc; sự tiếp-xúc giữa giác-quan và đối-tượng, trong Phật-học ngày nay ta gọi đó là Xúc. Vậy thay vì nói Hiệp như trong bản dịch Hán-Văn, ta thấy nếu Na-Tiên dùng chữ Xúc, thì sẽ phù-hợp với Lý Mười Hai Nhân-Duyên hơn, vì khi có Lục-nhập (tức là sáu căn, hay là sáu giác-quan), thì sẽ có Xúc, tức là sự tiếp-xúc của Lục-nhập với đối-tượng.

b.- Trí: Vua và Na-Tiên dùng các chữ chí, giác, giác-trí, và trí như cùng một nghĩa với nhau, để nói đến các tri-giác trong Phật-học. Thế nào là tri-giác? - Khi các cảm-giác tại các giác-quan được truyền vào tâm, liền có sự phối-hợp giữa ý-thức với các thức ở giác-quan, để tạo thành tri-giác, nghĩa là, tâm đang nhận-biết hiện có cảm-giác ở ngoài vào. Rồi từ sự nhận-biết đó mà sự sướng-khổ khởi-sanh lên.

c. Niệm và Ý: Hai chữ này thật ra chẳng khác gì nhau, thông-thường ta thấy khi nói một niệm tức là muốn nói đến một ý, hoặc một tư-tưởng. Trong Phật-học, ý, hay niệm, hay tư-tưởng, đều là những tâm-sở, hiện-diện trong một thời-gian nơi tâm, và có ảnh-hưởng đến tâm-trạng của cá-thể. Nếu ta hiểu hai chữ Ý và Niệm như trong Phật-học ngày nay, thì hai chữ Niệm, Ý trong câu hỏi của nhà Vua nêu ở tiểu-mục số 058, tất phải có một chữ thừa-thãi, vì trùng với chữ kia.

d.- Động: chẳng biết nhà Vua muốn hỏi chữ Động là theo ý chữ nội-động mà Na-Tiên đã cắt nghĩa như là ý-chí, hay là theo nghĩa chữ động trong hành-động? Nếu năm chữ "hiệp, trí, niệm, ý, động" nói đến các tâm-sở, thì chữ động, chữ thứ năm trong năm chữ, phải có nghĩa là ý-chí, tức là ý-muốn quyết-tâm sẽ làm, nhưng còn chưa làm; còn nếu chữ động, chữ thứ năm ấy, lại chỉ về một động-tác bên ngoài, thì đó là một hành-động, đã biểu-hiện ra ngoài rồi, chớ chẳng còn ở trạng-thái một tâm-sở bên trong nữa.

e.- Tóm-tắt lại việc tìm hiểu về năm chữ "Hiệp, trí, niệm, ý, động" trong câu hỏi của vua Di-Lan, ta thấy ý nhà Vua muốn hỏi như vậy: từ các cảm-giác bên ngoài đưa vào tâm cho đến lúc thành ra các tri-giác, thì các tâm-sở đã được phối-hiệp nhau rồi, có thể nào phân-tách riêng ra lại từng món được nữa không?

2)- Tại sao các tâm-sở phối-hiệp thành một tâm-trạng chung thì chẳng thể tách riêng ra được? Na-Tiên đã dùng lý-luận tương-tự để trả lời câu hỏi vừa nêu đó: món canh thịt "ngon" kia có nhiều gia-vị đã nấu chín xong rồi, các món gia-vị đã hoà-tan hết trong nước canh thì làm sao tách riêng ra được. Cách lập-luận tương-tự này dùng chỗ giống nhau giữa canh và tâm-trạng, để chứng-minh sự bất-khả-phân của nhiều tâm-sở đã được phối-hiệp; nhưng lập-luận tương-tự ấy đã chẳng vạch rõ được, để cho ta thấy, tại sao chẳng thể nào phân-tách nổi. Lý-do "chẳng thể tách ra được" là vì, từ bước đầu ở các cảm-giác, qua các giai-đoạn kế: tri-giác, sương-khổ, rồi đến ý-chí, để chuyển thành hành-động, thì các tâm-sở vừa được kê đó đã bị biến-thái, chịu ảnh-hưởng lẫn nhau rồi phối-hiệp lại với nhau mà thành một tâm-trạng chung; và tâm-trạng chung này, tuy do các yếu-tố tâm-sở trước mà có, nhưng các yếu-tố đó đã cùng biến-thái theo tâm-trạng, đâu còn giữ y nguyên nữa, mà hòng tách ra để tìm lại. Vậy, để bổ-túc cho lập-luận tương-tự của Na-Tiên, ta nên nói thêm:

"Các sự-việc lại cũng như thế, một khi đã hiệp chung nhau lại làm một rồi, thì chẳng lấy riêng ra được" ... Vì các tâm-sở đã phối-hiệp nhau thành tâm-trạng chung, nay đã biến-thái theo tâm-trạng, nên chẳng còn giữ nguyên-trạng nữa. Do vậy, chẳng thể tách rời chúng riêng ra được.

3)- Trước khi kết-thúc việc tìm hiểu tiêu-mục số 058, xin được phép nói sơ qua về các Tâm-sở. Tâm-sở là gì? Tâm là lòng; sở là chỗ; tâm-sở là những gì hiện đang có mặt ở trong lòng. Theo Duy-Thức-học của Phật-giáo Bắc-Tông, tâm-lý con người chia ra làm 6 tâm-vương và 51 tâm-sở. Tâm-vương là các hoạt-động chánh của sáu thức: nhãn-thức, nhĩ-thức, tị-thức, thiệt-thức, thân-thức và ý-thức. Còn tâm-sở là các hoạt-động phụ-thuộc khởi lên tiếp theo các tâm-vương; thí-dụ, nhãn-thức nhận biết thấy có bông hồng, liền khởi ý-muốn ngắt bông hồng đó; khởi lên ý-muốn đó là tâm-sở tác-ý.

Một cách tổng-quát, 51 tâm-sở chia thành (1) tâm-sở thiện, như tâm-sở tín (tin-tưởng), tâm-sở tinh-tần (cố gắng), tâm-sở tầm (biết thẹn với lòng mình), và (2) tâm-sở bất-thiện, như tâm-sở tham, tâm-sở sân...

*

154.- Vai-trò của các giác-quan .

Nhắc lại: qua các tiểu-mục từ số 051 đến số 059 và 060 sắp tìm hiểu ở đây, Vua Di-Lan và Na-tiên bàn về các giác-quan và tâm, làm khởi lên tri-giác, sướng-khổ và đưa đến hành-động. Chính các cảm-giác tại giác-quan ở ngoài, các tri-giác, sướng-khổ ở trong tâm, đã chủ-động khiến cho cá-thể có sự nhận-biết đưa đến hành-động ở bên ngoài; tuyệt-nhiên chẳng có một "ai", hoặc một "cái gì" đã đứng ra nhận-biết hay hành-động cả: đó là thuyết vô-ngã, cho rằng bên trong thân-tâm này, chẳng có cái "Ta", cái "Ngã" chủ-động nào cả. Tiếp theo đây là hai đoạn văn trong quyển "Tì-kheo Na-Tiên" xét về vai-trò và ảnh-hưởng của các giác-quan đến thân-tâm này.

Nơi tiểu-mục số 059, nhan-đề Vị của muối, có một đoạn nói về vai-trò của mắt. Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên:

- Người dùng mắt nhìn muối có thể riêng biết vị của muối chẳng?
- Đại-Vương có thể biết được như thế không?... Mắt chẳng thể nào biết được vị của muối ...

Đây là một điều thường-thức hết sức sơ-đẳng mà ai ai cũng biết: vai-trò riêng-biệt của mỗi giác quan. Mắt chỉ để nhìn, tai chỉ để nghe, mũi chỉ để ngửi, lưỡi chỉ để nếm, thân để xúc-chạm ...

Nhưng câu hỏi của nhà Vua đâu phải chỉ hỏi về điều sơ-đẳng đó, mà là: mắt nhìn thấy muối, có biết muối mặn không? Tức là, có phải là do nhờ mắt nhìn thấy được muối, rồi liền biết được ngay vị mặn của muối không? Chắc-chắn là mắt chẳng biết được vị; nhưng khi mắt nhìn thấy muối, thì tại sao ta lại có thể biết ngay là muối mặn? Câu trả lời là: mắt chỉ thấy muối, còn tâm thì biết vị của muối là mặn. Như thế, từ mắt vừa thấy, đến tâm biết vị của muối, đã có những gì xảy ra, hay là đã có "ai" hoặc "cái gì" xen vào làm cho biết được vị? Người hiểu biết đôi chút về Tâm-lý-học sẽ trả lời dễ-dàng: Mắt chỉ có nhiệm-vụ là nhìn thấy; còn nơi Tâm có ý-thức phối-hợp cảm-giác ở mắt cùng với ký-ức (= nhớ lại, vì trước kia đã có lần nếm muối rồi, nên nay biết nó mặn) mà tạo nên tri-giác: biết muối mặn. Quá-trình tâm-lý này, Phật-học diễn-tả lại dưới hình-thức sau đây: Mắt (nhãn-căn) nhìn đối-tượng muối bên ngoài, khởi lên cảm-giác thấy muối, cảm-giác này truyền vào tâm, gặp ý-thức (đang nhận-biết rằng mắt đang thấy muối), phối-hợp với hồi-niệm (=

kinh-nghiệm cũ có lần nếm muối mặn), và tri-giác biết vị của muối là mặn liền khởi lên trong tâm, khiến cho kẻ thấy muối liền biết ngay là muối mặn.

Kế đó, nơi tiêu-mục số 060, Vua lại hỏi Na-Tiên về các tri-giác:

- Nơi thân con người, dùng ngũ tri thành mọi sự-việc, hay là làm một sự-việc mà thành?

Câu hỏi này quá mù-mờ, chẳng cho thấy rõ-ràng ý người hỏi đã muốn hỏi gì. Ngũ tri ở đây có nghĩa là năm tri-giác, do các cảm-giác từ các giác-quan bên ngoài đưa vào, phối hợp với ý-thức bên trong tâm mà thành. Nói cách khác, tại các căn (= giác-quan), nhãn-thức, nhĩ-thức, tị-thức, thiệt-thức, thân-thức truyền cảm-giác vào tâm, cùng với ý-thức kết-hợp lại thành ra năm tri-giác. Nay nếu ta hiểu nghĩa chữ ngũ tri là năm tri-giác, do từ các cảm-giác ở năm căn bên ngoài (mắt, tai, mũi, lưỡi và thân) đưa vào, kết-hợp với ý-thức bên trong tâm mà thành, thì câu hỏi của nhà Vua có nghĩa là: con người dùng năm tri-giác mà thành mọi sự-việc, hay là chỉ cần một tri-giác mà thôi?

Lời Na-Tiên đáp lại cũng chẳng kém mù-mờ, khó hiểu:

- Làm thành mọi sự-việc, chớ chẳng phải do một sự-việc mà thành.

Nếu ta hiểu chữ "sự-việc" ở đây là các tâm-trạng còn ở bên trong, hoặc các hành-động đã lộ ra bên ngoài, thì lời đáp của Na-Tiên có nghĩa là, mọi "sự-việc" đều do cả năm tri-giác phối-hợp lại mà thành, chớ chẳng phải chỉ do một tri-giác. Điều này cũng dễ hiểu, vì mọi tâm-trạng đều do các tâm-sở kết thành, trong số các tâm-sở đó hoặc có một tri-giác hoặc nhiều tri-giác. Hay là mọi hành-động cũng đều do nhiều tri-giác bên trong thúc-đẩy ra bên ngoài, chớ chẳng phải chỉ riêng có một tri-giác. Hiểu theo lối này thì mới phù-hợp với ý-nghĩa trong tiêu-mục trước nói về trong nước canh đã nấu chín, chẳng thể tách riêng ra từng vị được, vì đã có sự phối-hợp giữa các vị-nếm rồi. Tiêu-mục số 060 này chỉ nhắc lại cái ý-tưởng phối-hợp đó, chung cho cả năm loại tri-giác, tạo nên hai thứ "sự-việc" là (1) tâm-trạng, và (2) hành-động. Thế thôi! Và ta lại thấy thí-dụ trồng ngũ cốc trên một thửa đất, do Na-Tiên đưa ra thêm, cũng chẳng còn cần-thiết nữa.

*

155.- Sự bất-bình-đẳng nơi loài người .

Tiếp theo nơi tiểu-mục số 061, Vua Di-Lan hỏi Na-Tiên, vì sao có sự bất-bình-đẳng trong loài người; có người đẹp kẻ xấu, người sang kẻ hèn, người khoẻ-mạnh, kẻ tàn-tật, người được tôn-kính kẻ bị khinh-khi... Tì-kheo Na-Tiên đưa ra thí-dụ cây cối có trái chua quả ngọt, có đắng, có cay, và loài người cũng lại như vậy. Lý-do của sự bất-bình-đẳng, có sẵn từ lúc mới ra đời và lại kéo dài cả cuộc sống, đó là vì, theo lời Đức Phật dạy:

- Tùy người làm điều thiện-ác mà tự mình phải đắc được điều thiện-ác ấy; có người hào-quí, có người bần-cùng, tất cả đều do mạng sống đời trước đã làm điều thiện-ác, mỗi người đều tùy theo đức-hạnh của mình mà được như thế.

Ta thấy lời Đức Phật dạy về sự bất-bình-đẳng, mà Na-Tiên nhắc lại đây, thường được nghe giảng trong Giáo-lý về lý-thuyết Nghiệp-quả: bởi đời trước làm điều bất-thiện nên nghiệp-quả đã dẫn dắt tái-sanh vào chỗ khôn-khó, phải gánh-chịu lấy ác-nghiệp, tức là ảnh-hưởng còn sót lại của các hành-vi cố-ý xấu-ác ở đời trước. Chính thuyết nghiệp-quả này đã giải-thích được, một cách hữu-lý, sự chênh-lệch giữa thân-phận của mọi người. So với các thuyết khác, định-mạng, hoặc ngẫu-nhiên, thuyết nghiệp-quả có phần cao-thâm hơn:

- vì thuyết nghiệp-quả tôn-trọng và đề-cao tự-do cá-nhân: hạnh-phước con người đâu có lệ-thuộc vào một đấng Thượng-đế nào đã áp-đặt sẵn, mà chính mình tự-tạo nghiệp ra lấy cho mình để gánh-chịu: lúc đầu mình làm chủ tạo ra nó, về sau nó trở lại làm chủ mình.

- vì tin ở thuyết nghiệp-quả, hành-động của con người trở nên đứng-đắn hơn, có tinh-thần trách-nhiệm hơn, biết giữ-gìn đức-hạnh cho thanh-cao hơn.

- vì thuyết nghiệp-quả đã giải-thích một cách rất ư công-bằng sự bất-bình-đẳng trong thân-phận của mọi người: đời này cứ tha-hồ làm ác, rồi đời sau sẽ phải chịu khổ, thì trách ai?

*

156.- "Lộc riêng" hay là chính đó là Nghiệp-lực?

Tiểu-mục số 063, khá dài, tuy bàn về chuyện lửa ở dưới địa-ngục, nhưng nếu suy-nghĩ kỹ lại, thì thấy ý-chánh của tiểu-mục có liên-quan đến một

khiá-cạnh của nghiệp-lực. Vua Di-Lan đang thắc-mắc về địa-ngục, nên mới hỏi Na-Tiên như vậy:

- Chư sa-môn các khanh có nói, lửa ở thế-gian chẳng giống với lửa ở địa-ngục. Lại nói, cầm một hòn đá nhỏ đốt trong lửa ở thế-gian mãi cho đến chiều tối, cũng chẳng tiêu-tan, mà cầm một hòn đá lớn đốt trong lửa địa-ngục thì tiêu-tan ngay được. Do đó, Ta chẳng thể tin được. Các khanh cũng lại nói, người làm ác, khi mất, phải chịu sa vào địa-ngục hằng ngàn vạn năm còn chưa chết tiêu được; do đó, Ta lại càng chẳng thể tin lời nói đó được.

Sự thắc-mắc của nhà Vua gồm có hai điểm: (1) lửa ở thế-gian chẳng giống với lửa địa-ngục; (2) thời-gian mạng sống ở thế-gian và địa-ngục khác nhau. Thắc-mắc chính-đáng đó có thể được giải-tỏa ngay được phần nào, bằng một câu trả lời giản-dị: thế-gian và địa-ngục là hai cảnh-giới hoàn-toàn khác nhau, vì thế, lửa và thời-gian ở hai nơi phải khác nhau. Tuy nhiên câu trả lời đó lại gây thêm một thắc-mắc khác:

Hai cảnh-giới thế-gian và địa-ngục đó khác nhau như thế nào, và làm cách sao mà biết được?

Đến cái thắc-mắc mới này, thì xin chịu thôi (!), chẳng thể nào làm cho người thế-gian biết rõ được cảnh-giới ở địa-ngục, trừ phi có một người còn sống đi vào được địa-ngục rồi trở về thuật lại những gì đã nghe thấy nơi cảnh-giới ấy: một việc chẳng có thường-nhơn nào ở thế-gian này làm được cả.

Vì chẳng thể nào trở cho người ở thế-gian thấy được việc xảy ra ở địa-ngục, Na-Tiên phải dùng lý-luận tương-tự để chứng-minh rằng:

(1) ngay tại thế-gian này, có những sự-vật vẫn còn tồn-tại được, trong khi các sự-vật khác, cùng một hoàn-cảnh, lại bị tiêu-tan;

(2) ở địa-ngục cũng thế, tội-nhơn chịu cực-hình chết đi sống lại trong thời-gian rất dài mà chẳng tiêu-tan.

Căn-bản của lập-luận tương-tự này là các bào-thai trong bụng mẹ cứ tiếp-tục nảy nở trong bụng mẹ, mà các thực-phẩm do mẹ ăn vào trong bụng lại được tiêu-hóa hết. Chỗ tương-tự mà Na-Tiên muốn nhấn mạnh đến là, cùng trong bụng mẹ, thai-nhi thì còn, mà thực-phẩm lại tiêu-tan. Na-Tiên đưa ra rất nhiều thí-dụ mang thai, từ giao-long cái, giáp-ngư cái, sư-tử cái, cọp cái, chó cái, trâu cái, ngựa cái,... cho đến các vị phu-nhơn, có bà trưởng-giả "có bầu" cứ ăn-uống như thường mà thai-nhi vẫn được trưởng-duỡng, trong khi các

thực-phẩm thì bị tiêu-hóa ra ngoài. Lý-do là các thai-nhi nhờ có "lộc riêng" mà tồn-tại được. Và sau mỗi thí-dụ đó, Na-Tiên nhắc đi nhắc lại nhiều lần cái kết-luận về việc xảy ra ở địa-ngục:

- Người nơi địa-ngục cũng lại như vậy, sở dĩ ngàn vạn năm chẳng chết tiêu là do ở đời trước làm việc ác còn chưa được giải hết, vì thế mà chẳng chết tiêu. Người ở nơi địa-ngục, lớn lên ở địa-ngục, rồi già-nua cho đến tận thì mới chết được.

Chẳng biết vua Di-Lan đã hiểu chữ "lộc riêng" như thế nào và lập-luận tương-tự của Na-Tiên cho rằng "lộc riêng" đó giống với "việc ác còn chưa được giải hết" có "thấm vào" trí hiểu-biết của nhà Vua chút nào không, mà nhà Vua lại khen lập-luận ấy: Lành thay!

Thiện Nhựt lại nghĩ khác, vì Giáo-lý và khoa-học dường như chẳng chấp-thuận sự giải-thích bằng lập-luận tương-tự như thế đó.

Sản-khoa trong y-học dạy rằng, khi mang thai, nếu mẹ dùng đến thực-phẩm hay dược-phẩm nào có tánh-chất kỵ-thai, có thể bị ... hư thai.

Về mặt Giáo-lý, Phật-học có dạy, nơi lý-thuyết Mười Hai Nhân-Duyên, khi có mặt Vô-minh thì Hành (= hành-nghiệp) nổi lên; khi Hành khởi-sanh thì Thức (= nghiệp-thức) phát-động và đi vào bào-thai nơi bụng mẹ mà trở thành Danh-sắc (= thai-nhi) có được mạng sống. Chính mạng-sống cùng nghiệp-thức đã khiến thai-nhi lớn lên để sau này sanh ra khỏi bụng mẹ. Vậy, có lẽ chữ "lộc riêng", mà Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên đã dùng, trở ngay vào sự phối-hợp giữa hành-nghiệp và mạng sống đó chẳng? Nhưng theo nghĩa đen của chữ Hán-Việt, "lộc" là phước riêng của một cá-nhơn, như nói "người được hưởng lộc", như gọi người chết là "thất lộc". Thiện Nhựt lấy làm lạ tại sao tác-giả, hay dịch-giả Hán-văn, chẳng dùng đến chữ "Nghiệp" thay thế cho chữ "lộc" trong quyển "Tì-kheo Na-Tiên" này, mà lại lấy chữ "lộc" vừa tốt vừa quý ở thế-gian đây, để ví với "tội cũ" đã vừa xấu lại vừa dữ còn chưa được giải-tiêu ở địa-ngục kia.

Nếu còn có người thắc-mắc, làm sao biết chắc có địa-ngục, và địa-ngục ra làm sao, thì tưởng nên căn-cứ vào Giáo-lý mà nói: những người đắc-đạo như Ngài Mục-kiền-liên chẳng hạn, có thể dùng phép thần-thông mà vào ra địa ngục để thăm mẹ, như trong Kinh Vu-lan có nhắc đến. Và khi mình tu chưa đắc-đạo, tưởng cũng chẳng nên nôn-nóng muốn biết sự-việc ở các cảnh-giới khác, sao lại chẳng chịu nhớ rằng, việc cần-cấp hiện giờ là phải chuyên-cân tinh-tấn tu-tập ngay?

*

157.- Nên có thái-độ nào đối với thân-tâm này?

Như đã xét qua các tiểu-mục vừa kể trong Vấn-đề IX này: Con người và thuyết Vô-ngã, thân-tâm này đã là vô-ngã, chẳng có chủ, thì đối với nó, ta nên có thái-độ như thế nào. Đó là ý-chánh của tiểu-mục số 075, phần Phóng-dịch. Tiểu-mục này cách xa các tiểu-mục vừa cứu-xét, nhưng ý-chánh lại liên-quan đến vấn-đề mà ta đang tìm hiểu.

Vua hỏi Na-Tiên:

- Sa-môn có mến-thương thân-thể của mình chẳng?
- Sa-môn chẳng tự thương-mến thân mình.
- Sa-môn đã chẳng mến-thương thân mình, cứ sao khi nghỉ-ngơi lại muốn nằm nơi êm-ả, khi ăn uống lại muốn vật ngon của đẹp, tự săn-sóc mình như thế?

Câu hỏi này của Vua, tuy xác-đáng, nhưng có hơi "mĩa-mai" một chút, cho nên lời đáp của Na-Tiên cũng khá "dí-dỏm" để đối lại. Na-Tiên hỏi ngược lại nhà Vua: Khi nhà Vua ra trận bị thương thì làm sao? Vua đáp, thì băng-bó vết thương lại. Na-Tiên hỏi tiếp:

- Đại-Vương vì mến-thương vết thương mà dùng thuốc, dùng cao và bông gòn băng-bó vết thương chẳng?
- Ta chỉ mong-muốn vết thương mau lành, chớ đâu có mến-thương nó.
- Sa-môn cũng lại như vậy, chẳng mến-thương thân mình; tuy ăn uống, tâm chẳng vui-khoái... mà chỉ muốn cho thân-thể khoẻ-mạnh để có thể phụng-hành giới-luật, kinh-kệ của Phật...

Rồi nhân đó, Na-Tiên trích-dẫn một đoạn Kinh: "Thân người có chín lỗ hồng, tựa như chín vết đâm của mâu-thương; từ nơi chín lỗ đó chảy ra chất dơ hôi-thúi..."

Ta đã biết, thân-tâm này là vô-thường, sẽ có ngày tan-rã, nhưng nó rất quý-báu vì nhờ nó mà ta mới có thể học đạo giải-thoát. Do đó, thái-độ đứng-đắn đối với thân-tâm vô-ngã này là phải giữ-gìn nó cho được khoẻ-mạnh để mà

học Đạo, chớ chẳng phải cung-phụng nó để cho nó chạy theo các thú-vui vật-chất.

*

158.- Thân-tâm này, khi phân-tách kỹ ra, là vô-ngã.

Nơi tiêu-mục số 096, câu hỏi cuối cùng của Vua Di-Lan có liên-quan đến thân-phận của con người. Đây là câu hỏi kết-thúc cuộc đàm-luận đầy lý-thú về Phật-Pháp giữa nhà Vua và vị Tì-kheo. Vua hỏi Na-Tiên:

- Được làm người, cái chi làm cho ta đắc được làm người? Mắt thì thấy sắc, tai thì nghe tiếng, mũi thì ngửi mùi, miệng thì nếm vị, thân thì biết chỗ thô, chỗ nhuyễn, trí thì biết phân-biệt điều lành, điều ác, thế thì cái chi làm cho ta đắc được làm người?

Ta nên tìm hiểu ý-nghĩa của câu hỏi quan-trọng này. "Đắc được làm người" tức là được làm "người", và nơi con người ấy, các căn: "mắt, tai, mũi, miệng, thân và trí" khi khởi-động, có phải đó là "con người" chăng? Hay là còn có đặc-điểm quan-trọng, chủ-chốt nào khác ở trong thân-tâm đó làm cho ta được thành "con người"?

Na-Tiên chẳng trả lời ngay, mà hỏi ngược lại Vua:

- Thí dụ như có người khiến cho mắt nhướng lên ra khỏi đồng-tử thì có thấy được rộng xa hơn chăng, khiến cho vành tai to lên thì có nghe được tiếng ở thật xa chăng, khiến cho mũi hình lớn lên thì có ngửi được mùi nhiều thêm chăng, khiến cho miệng mở hoác ra thì có nếm được nhiều vị chăng, khiến cho da thịt căng phồng rộng ra thì có biết thêm thô nhuyễn chăng, khiến cho trí vượt nổi lên thì có suy-niệm được nhiều thêm chăng?

- Chẳng được.

Xét ý-nghĩa của câu vừa qua mà Na-Tiên hỏi ngược lại Vua, ta thấy, Na-Tiên muốn hỏi: giả-dụ các căn có nói rộng giới-hạn thêm ra, thì các cảm-giác ở mắt, tai, mũi, miệng, da và sự suy-niệm ở trí có gia-tăng thêm lên chăng? Tức là, Na-Tiên ngầm cho rằng, các căn đó, dầu cho có nói rộng thêm ra, cũng chẳng phải là các "cái" đã làm cho ta "đắc được làm người". Dụng-ý đó của Na-Tiên đã được Vua đồng-ý, khi Ngài đáp: "Chẳng được."

Đọc tới nữa, ta lầy làm lạ, tại sao Na-Tiên (và tác-giả quyển "Na-Tiên Tì-kheo Kinh" này) đã bỏ lửng cái dụng-ý trên đây mà lại quay sang nói đến khả-năng siêu-việt của Đức Phật: "...nơi chỗ làm, Ngài đã làm được việc thật khó; nơi chỗ biết, ngài đã biết rất thâm-diệu..." khiến cho mạch-lạc đoạn văn này trở nên lỏng-lẻo và... lủng-củng! Đây ta thử đọc tiếp theo ngay đó, thì sẽ thấy rõ chỗ thiếu mạch-lạc:

Na-Tiên liền nói:

- Đức Phật tại chỗ làm, Ngài đã làm được việc thật khó; nơi chỗ biết, Ngài đã biết rất thâm-diệu.

- Chỗ đã làm việc thật khó, chỗ đã biết rất thâm-diệu, ý-nghĩa như thế nào?

- Đức Phật nói: Ngài có thể biết được các bộ-phận ở trong người, giải-thích được những gì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân sờ-chạm, cắt nghĩa các điều thành-bại, các việc nghi-ngờ, giảng rõ các tư-tưởng, ý-niệm, các vấn-đề tâm-linh.

Kế đó, Na-Tiên lại đưa một thí dụ về ngum nước biển, như sau:

- Như có người ngậm một ngum nước biển mặn, có thể nào phân-biệt ra được phần nước nào là nước từ suối chảy đến, phần nước nào từ sông chảy đến chẳng?

- Nước hòa chung lại thành một, làm sao biết riêng được.

- Chỗ Phật đã làm một việc thật khó, là phân-biệt biết rõ hương-vị của mọi thứ nước, như nước biển mà nay Đại-Vương còn chưa phân-biệt được, như thần-trí con người vẫn chưa thấy được trong thân có sáu sự-việc chẳng thể thấy...

Sau thí dụ ngum nước biển đó, Na-Tiên mới đi một kết-luận:

- Bởi thế cho nên, Đức Phật đã giải-thích, tòng theo tâm-niệm mà đến với mắt mới thấy vật, tòng theo tâm-niệm mà đến với tai mới nghe tiếng, tòng theo tâm-niệm mà đến với mũi mới ngửi mùi, tòng theo tâm-niệm đến với miệng mới nếm vị, tòng theo tâm-niệm đến với thân mới biết sướng khổ, nóng lạnh, thô cứng, tòng theo tâm-niệm đến với ý mới biết chỗ qui-hướng. Phật tất biết hết cả, phân-biệt giải-thích rõ-ràng hết cả.

Vương khen: Lành thay!

Tiểu-mục số 096 kết-thúc với lời Vua khen: Lành thay. Như thế, khi Vua hỏi, "cái gì làm cho ta đắc được làm người", Na-Tiên chẳng trả lời thẳng câu hỏi đó, mà lại nói về trí hiểu-biết siêu-việt của Phật, đã làm và biết hết tất cả. Chính vì thấy chỗ "trả lời ăn trót" đó, nên Thiện-Nhật mới phạm tội hỗn-hào, nói tiểu-mục này hơi "lùng-cùng".

Đọc kỹ lại tiểu-mục này nhiều lần, Thiện Nhựt thấy rất rõ-ràng: ý-chánh là nói về thuyết vô-ngã, nơi thân-tâm này chẳng có cái chi đứng làm chủ-chốt cả, chẳng có cái "Ngã" nào ở trong đó đứng ra làm cho Ta "đắc được làm con người cả." Thiện Nhựt lấy làm lạ sao, khi có dụng-ý muốn nói, dầu cho các giác-quan có được mở rộng thêm giới-hạn (như mở bết mí mắt ra, vênh vành tai lên...) cũng chẳng làm cho kẻ đó thấy-nghe-biết nhiều hơn lên thì, đương-nhiên phải đi đến kết-luận là: các giác-quan chẳng thể làm cho ta đắc được con người.

Nhưng rất tiếc, Na-Tiên lại quay sang nói về nhứt-thiết-trí (= trí hiểu biết tất cả) của Đức Phật. Hoặc giả, Na-Tiên muốn dựa lên trên nhứt-thiết-trí của Đức Phật để chỉ cho ta thấy rõ rằng "tòng theo tâm-niệm mà đến với mắt, với tai, ... thì mới thấy được vật, nghe được tiếng", để chứng minh rằng chính cái "tâm-niệm" ấy, hoặc cái tiến-trình từ tâm-niệm đến các giác-quan mới khiến "con người" thấy, nghe, và biết... được. Nhưng tuyệt-nhiên, ta chẳng thấy trong tràng lý-luận của Na-Tiên có một chỗ nào minh-thị khẳng-định, hoặc phủ-định rằng, cái tâm-niệm đó chính là "cái" mà Vua Di-Lan đã muốn hỏi, tức là "cái chi làm cho ta đắc được làm con người?"

Đến đây, ta thấy rõ, muốn trả lời thẳng câu hỏi của vua Di-Lan, thì Na-Tiên chỉ có một giải-pháp duy-nhứt, đúng theo Giáo-ly nhà Phật, là nói: Chẳng có "cái chi" trong thân-tâm này đã khiến cho ta đắc được làm "con người" hết. Và đó là lý-thuyết vô-ngã được Đức Phật dạy trong Kinh Vô-ngã-tướng (Tương-Ung Bộ-Kinh, Q.3, Ph. Tham-luýn, VII, trang 125-129) là bài Kinh thứ nhì của Đức Phật thuyết-giảng tại vườn Lộc-Uýn, sau bài Kinh Chuyển Pháp-Luân, có sự tham-dự nghe của năm anh em ông Kiều-Trần-Như. (Ông Kiều-Trần-Như chứng quả Thánh ngay sau khi nghe bản Kinh thứ nhứt; còn bốn vị kia, nhờ nghe thêm Kinh Vô-ngã-tướng mới chứng được đạo-quả.)

Nhưng, để trả lời câu Vua hỏi, nếu chỉ có mỗi một việc là cứ đáp, chẳng có "cái chi" trong thân-tâm này đã khiến cho ta đắc được làm "con người" là đủ

rồi, thì tại sao Na-Tiên lại dài-dòng trong thí-dụ về ngậm nước biển và nhứt-thiết-trí của Thế-tôn?

Theo ngu-ý, Thiện Nhựt thấy chẳng phải Na-Tiên đã làm mất thời-giờ của nhà Vua chút nào đâu. Khi nêu lên thí-dụ đó, Na-Tiên muốn chỉ cho nhà Vua thấy rằng, chỉ có sự phân-tách hết sức tỉ-mỉ bằng nhứt-thiết-trí của Thế-tôn mới đưa đến sự "phân-biệt giải thích rõ-ràng hết tất cả". Nếu chẳng chịu khó phân-tích thân-tâm tỉ-mỉ như thế, thì làm sao có được một lời giải-thích rõ-ràng và chính-xác? Và khi phân-tách tỉ-mỉ thân-tâm này, ta chỉ thấy có nhiều yếu-tố, hoặc vật-lý như sự-vật đối-tượng bên ngoài, hoặc sanh-lý như các giác-quan, hoặc tâm-lý như các tâm-sở, tâm-niệm, cùng phối-hợp nhau, tác-động lên lẫn nhau, mà thành các sự thấy, nghe, hiểu, biết, hành-động của con người, chớ chẳng hề có một yếu-tố nào đứng làm "con người" vào nằm trong thân-tâm ấy để riêng tự mình mà đóng vai-trò hoàn-toàn chủ-động được cả. Đó chẳng phải lý-do chứng-tỏ rằng con người là vô-ngã hay sao?

Xin nhắc lại: ngay khi vừa tiếp-kiến Na-Tiên và phái-đoàn Tì-kheo đến hoàng-cung, Vua Di-Lan có hỏi: "Ai là Na-Tiên? ... Đầu, ... mắt, tai, mũi, miệng là Na-Tiên chăng?" (tiểu-mục số 013, trang 11). Và Na-Tiên đáp: "Chẳng phải". Đến câu hỏi cuối-cùng này, (tiểu-mục số 096, trang 76), Vua cũng hỏi lại: "... mắt, tai, mũi... cái chi làm ta đắc được con người?" Phải chăng, cả hai câu hỏi, câu hỏi đầu-tiên và câu hỏi cuối cùng của nhà Vua đều qui về chung một vấn-đề duy-nhứt, mà nhà Vua thắc-mắc hơn hết: "Con người là ai?" Và hai lời giải-đáp của Tì-kheo Na-Tiên, vào hai lúc trước và sau, cũng đều được nhà Vua tán-thưởng cả. Cho nên, một bực tinh-ý như Tì-kheo Na-Tiên tất nhận thấy rằng, có lẽ giờ đây chính là lúc nên kết-thúc cuộc đàm-luận và xin kiêu-từ ra về.

Cuộc đàm-luận lý-thú giữa bực Vương-giả với vị Tì-kheo lỗi-lạc có thể kết-thúc tại đây, nhưng công-việc Tìm hiểu Nghĩa Ý vẫn chưa thể gọi là xong-xuôi, vì đã bỏ sót vài câu hỏi của vua Di-Lan, còn chưa được xét đến. Các câu hỏi này chỉ có tầm quan-trọng thứ-yếu về các kiến-thức tổng-quát tại các tiểu-mục: số 059; số 064; số 079; và số 093. Vậy xin xét nốt tại Vấn-đề X: Các câu hỏi linh-tinh về kiến-thức tổng-quát.

-----*-----

X.- Vấn-đề: Các câu hỏi linh-tinh về kiến-thức tổng-quát

159.- Muối, nước biển và biển .

Tại tiêu-mục số 059, nhân thí-dụ của Na-Tiên về món canh có thịt, có muối, có gừng..., Vua Di-Lan nêu lên câu hỏi về vị của muối, như sau:

- Người dùng mắt nhìn vị của muối có thể riêng biết được chẳng?
- Đại-Vương có biết được như thế không? Có thể nào dùng mắt nhìn mà biết được vị của muối hay sao?
- Mắt chẳng thể biết được vị của muối.

Ai cũng biết mỗi giác-quan có cơ-năng riêng: mắt thấy vật, tai nghe tiếng, lưỡi nếm vị, thì làm sao mà mắt có thể nếm được vị. Nhưng con người còn có kinh-nghiệm bản-thân về các vật đối-tượng bên ngoài, một khi có đã có kinh-nghiệm lưỡi nếm vị của muối mặn rồi, thì sau đó, mắt nhìn thấy muối, liền nhớ đến kinh-nghiệm cũ, nên biết ngay chất muối đó, vị của nó thì mặn.

Đến câu hỏi: "Chiếc xe trâu chở muối có riêng biết vị của muối chẳng?", thì quả thiệt là "ngớ-ngẩn" quá, vì lẽ chiếc xe là vật vô-tri, có biết được cảm-giác nào đâu, mà hòng riêng biết vị của muối?

Lại đến một câu hỏi nữa: "Vị của muối có thể cân-lường được chẳng? cũng chẳng kém phần "ngớ-ngẩn". Vị thì chẳng thể nào đặt lên bàn-cân mà cân cho được, nhưng vị mặn, ít hay nhiều, mặn-mặn, mặn-chát, thì có thể được phân-biệt riêng ra, nhưng chỉ bằng lưỡi mà thôi. Còn cân-lường được, chẳng phải là vị của muối, mà là sức-nặng của muối kia. Mấy điều hiểu-biết thường-thức này, có lạ gì với một bực Vương-giả "văn-võ toàn tài, lầu-thông thao lược" như Vua Di-Lan.

Tới tiêu-mục số 093, nhà Vua hỏi vị Tì-kheo về biển và nước biển. Câu trả lời của Tì-kheo Na-Tiên về nước biển có chỗ chẳng được chính-xác cho lắm. Na-Tiên nói:

- Sở dĩ người ta gọi là biển, vì trong nước biển có nửa phần nước, nửa phần muối.

Chỗ thiếu chính-xác đó là nước biển thường chỉ chứa nhiều lắm là một phần trăm chất muối, chớ chẳng phải đến năm mươi phần trăm. Trên thế-giới chỉ

có biển-hồ Mer Morte, ở vùng Trung-Đông, có mật-độ muối trong nước lên đến hai mươi sáu phần trăm mà thôi.

*

160.- Tứ-đại là gì?

Nhân đang bàn chuyện lửa ở thế-gian, lửa ở địa-ngục, nhà Vua hỏi Na-Tiên (tiểu-mục số 064):

- Sa-môn các khanh có nói, đất trong thiên-hạ đều ở tại trên nước, nước ở tại trên gió, gió ở tại trên không, Ta chẳng thể tin là đúng như thế.

Thay vì trả lời thẳng câu Vua hỏi, Na-Tiên cầm bầu nước giơ lên và hỏi ngược lại Vua:

- Nước trong bầu này có phải do gió trì giữ chăng?

- Dĩ nhiên, do gió trì giữ.

- Gió trì giữ nước, cũng lại như vậy.

Vua khen: "Lành thay!"

Chẳng biết Vua hiểu lời giải-thích của Na-Tiên như thế nào, nhưng Thiện Nhựt thấy cần lợi-dụng cơ-hội này để tìm hiểu thêm về Tứ Đại. Thế-giới vật-chất có bốn chất nguyên-tố, có mặt ở khắp nơi, gọi là Tứ Đại (tứ = bốn; đại = lớn). Vì có mặt ở khắp mọi nơi nên được gọi là Đại, là lớn: địa-đại (đất, chất cứng), thủy-đại (nước, chất lỏng), hoả-đại (lửa, hơi nóng) và phong-đại (gió, chất khí). Bốn chất: cứng, lỏng, nóng và hơi này nương vào nhau mà tồn-tại. Chỗ nương vào nhau đó chính là chỗ mà Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên gọi là "trì-giữ".

Nương-tựa vào nhau là như thế nào? Trong đất, đã có nước, có nóng, có hơi; cũng như trong nước, cũng có các chất kia vậy. Và trong bốn đại, luôn luôn có sự tương-trì, khi thì hoà-thuận nhau; có sự tương-khắc nhau, khi thì chống-đối nhau, khiến cho có sự biến-chuyển luôn luôn nơi vật-chất, mà thành ra cái lẽ vô-thường của vạn-vật, luôn luôn biến đổi.

*

161.- Khóc .

Nhân khi nghe nói về Đức Phật tự mình thông-hiểu tất cả Kinh-kệ và Giới-luật, Vua Di-Lan mới hỏi Na-Tiên:

- Có kẻ khi cha mẹ chết thì than-khóc, lệ tràn; lại có người vì nghe Kinh Phật mà ứa lệ, hai lần chảy nước mắt có khác nhau không?

Lời đáp của Na-Tiên có vẻ hơi "ngghiêm-khắc" đối với những người con bởi thương cha mẹ chết mà khóc, vì Na-Tiên bảo:

- Kẻ vì cha mẹ chết mà khóc là do thương-cảm, tâm-niệm ưu-sầu, đau-khổ; các sự ưu-sầu đó tức là ưu-sầu của sự ngu-si. Còn người ứa lệ vì nghe được Kinh Phật là do tâm-niệm từ-ái, nghĩ đến thế-gian khổ-nhọc, nên mới khóc, như thế được phước rất to lớn.

Xin đồng-ý với Na-Tiên là do tâm-niệm từ-ái nghĩ đến cảnh-khổ ở thế-gian mà khóc khi nghe được Kinh Phật, nhưng kẻ khóc vì cha-mẹ chết nào có khóc vì sự ngu-si đâu? Thật ra, cả hai cảnh khóc đều do tâm cảm-động mà ứa lệ. Cảm-động vì người mình thương nay chẳng còn nữa, nên mình mới khóc. Cảm-động vì từ trước đến giờ mình chẳng hiểu rõ thân-phận khôn-khổ của con người nơi thế-gian này, nay nghe Kinh Phật giải rõ chỗ ngu-si của mình ra, chỉ cho mình và các đồng-loại của mình thấy con đường thoát khổ, nên mình mới ứa lệ. Và cả hai cái khóc chơn-thành đều mang lại phước lành cả.

*

162.- Tâm-trạng của Vua Di-Lan và Tì-kheo Na-Tiên sau cuộc đàm-luận về đạo-pháp .

Đến đây chỉ còn tóm-tắt vài trang ở đoạn chót nơi Phần III của cuốn "Na-Tiên Tì-Kheo Kinh", thì có thể kết-thúc việc Tìm hiểu Nghĩa Ý.

Sau câu hỏi chót về "cái chi làm cho ta đắc được làm người?", của nhà Vua, Tì-kheo Na-Tiên cảm thấy đã đến lúc nên kết-thúc cuộc đàm-luận kỳ-thú về Giáo-lý nhà Phật giữa hai người, nên thưa rằng:

- Đã quá nửa đêm rồi, tôi xin ra về...

Trước khi tiễn-biệt, vua nói lời khen tặng (mà cũng tự-khen nữa):

- Được vị Thầy dạy như Na-Tiên, và có đệ-tử như Ta, chắc là mau đắc Đạo lắm.

Kể đó, Vua sai mang mười vạn bộ y thật đẹp để cúng-dường, và mời Na-Tiên cùng các Tì-kheo hằng ngày cứ đến vương-cung để dùng cơm; ngoài ra, nếu có cần dùng điều chi Vua sẽ cung-phụng. Trước lời từ-chối khiêm-nhường của Na-Tiên, Vua Di-Lan thành-khẩn bảo, "Na-Tiên nên nhận để tự giúp mình mà cũng để giúp cho Vua". Na-Tiên thắc-mắc hỏi sao lại tự-giúp mình mà lại cũng giúp cho Vua nữa. Nhà Vua giải-thích rất khéo-léo:

- Sợ e người ngoài bàn-tán bảo rằng Ta keo-kiệt, Na-Tiên đã vì Vua giải hết các chỗ hồ-nghi mà Vua chẳng ban thưởng gì cả. Hoặc sợ e có kẻ khác bảo, Na-Tiên đã chẳng giải nổi được các chỗ Vua còn hồ-nghi, nên chẳng được Vua ban-thưởng gì cả. Na-Tiên mà nhận, đó là giúp Ta được phước, mà cũng giúp cho Na-Tiên giữ được tròn danh-tiếng...

Na-Tiên mới nhận tặng-phẩm và ra về, dưới ánh đuốc của các quan hầu-cận theo lệnh Vua đưa phái-đoàn Tì-kheo về chùa.

Đêm ấy, Vua nằm thao-thức, nghĩ rằng, "đã hỏi Na-Tiên biết bao lời, Na-Tiên đều giải-đáp tất cả. Ta tự nhớ lại các chỗ đã hỏi, chẳng có câu nào Na-Tiên chẳng giải rõ ý Ta..." Với ý-nghĩ ấy, nhà Vua tâm rất hoan-hỉ, nằm an nghỉ cho đến sáng.

Còn phần Na-Tiên, khi về đến chùa, cũng nghĩ, "Đại-Vương đã hỏi tôi biết bao nhiêu sự-việc, tôi cũng đã vì Đại-Vương giảng-giải bấy nhiêu sự-việc. Tôi lại nghĩ, các chỗ Đại-Vương hỏi tôi, tôi đều phân-tách rõ hết..." Với ý-nghĩ ấy, vị Tì-kheo lỗi-lạc tâm rất hoan-hỉ suốt đêm cho đến sáng...

Vài lời xin thưa nốt...

Kính thưa Quý-Vị Đạo-hữu,

Được quý vị đọc đến trang chót này, Thiện Nhựt xin chơn-thành cảm-tạ quý Vị đã chẳng ngại tốn-phí thời-giờ và đã chịu khó xem qua lời văn vụng-về, ý-kiến thô-thiển của Thiện Nhựt trong khi tìm hiểu một bản "Kinh-Luận" rất nổi tiếng này.

Quyển "Tì-kheo Na-Tiên" xuất-hiện trong nền văn-chương Phật-học đã gần hai ngàn năm, dưới nhiều hình-thức từ chữ Phạn, chữ Hán, chữ Miến, chữ Tích-lan, chữ Anh, chữ Pháp, v.v..., với nội-dung khác nhau, tùy nơi xuất-bản. Thiện-Nhật học giáo-lý nhà Phật qua Kinh-sách xuất-xứ từ Hán-Tạng, cho nên Thiện-Nhật mới phỏng-dịch bản Kinh-Luận này trong Đại-Tạng. Thiện Nhật chẳng dám dùng các chữ phiên-dịch, hay chuyên-ngữ, vì biết mình sức học còn non kém, phỏng theo cũng đã khó rồi, huống hồ là dám nghĩ mình dịch đúng. Xin chấp tay cúi đầu chờ đợi lời chỉ-giáo của các bậc cao-minh.

Trong khi tìm hiểu nghĩa chữ và nghĩa ý của bản kinh-luận này, Thiện Nhật đã hơn một lần có lời vô-lễ, như ngó-ngẩn, lúng-cúng, xin quý Vị Đạo-hữu niệm tình tha cho cái tội "bốc đồng" của kẻ vừa mới bước chơn vào đường học Phật. Nhân đây, Thiện Nhật cũng ngỗ lời cam chịu tội với tác-giả và dịch-giả trong Hán-Tạng, vì Thiện Nhật đã tự-tiện thêm vào các tiêu-đề, số tiêu-mục và các chữ nhỏ in nghiêng trong dấu ngoặc. Đó chẳng qua là vì muốn việc tra-cứu lại cho được dễ-dàng, và giải-thích thêm chỗ khó đã phỏng-dịch ra chẳng nổi. Tuyệt-nhiên Thiện Nhật chẳng dám xen vào bản Phỏng dịch để có ý-kiến riêng của mình. Theo ý-hướng này, chỉ chép lại chỗ Tìm hiểu của mình riêng ra tại một phần ở sau, sau bản Phỏng-dịch.

Việc nghiên-cứu tên tác-giả, tên dịch-giả, bản nào đúng theo gốc chánh-văn, Thiện Nhật chẳng dám nghĩ đến, xin chờ đợi sự khảo-sát với đầy-đủ bằng cứ của các học-giả khảo-cổ; và nguyện-câu ý và lời trong Kinh-luận sẽ mang nhiều lợi-lạc cho đường tu của người đọc.

*Trân-trọng,
Montreal, 2005- 03-28
Thiện Nhật*

D- Bản Phiên-âm NA-TIÊN TÌ-KHEO KINH

Quyển Thượng

Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ-thọ, Cấp-cô-độc viên thời, chư Tì-kheo tăng, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, chư Thiên, Vương, đại-thần, trưởng-giả, nhơn-dân cập sự cứu thập lục chủng đạo-giả phạm vạn dư nhơn, ưu Phật tiền thính kinh. Phật tự niệm nhơn chúng nhứt đa thậm bất đắc an. Phật ý dục xả nhơn chúng khứ đáo nhàn bình xứ, tọa tư-duy niệm đạo. Phật tức xả nhơn chúng khứ nhập sơn chí hiệu la tông thọ gian, kỳ thọ hữu thần. Phật tọa kỳ hạ, tư niệm thanh-tịnh chi đạo. Khứ tông thọ bất viễn, hữu quần tượng ngũ bá dư

đầu, trung hữu Tượng-vương hiền thiện, tri thiện ác chi sự, thí như nhơn trạng. Tượng bối chúng đa chu tấp Tượng-vương biên, trung hữu hùng, thư, trường xỉ, trung xỉ, thiếu xỉ giả. Tượng-vương khát, dục hành ẩm thủy; thời chư tiểu tượng tẩu cư tiên nhập thủy ẩm; ẩm dĩ, ư thủy trung tẩu hý não lao thủy linh trọc-ố. Tượng-vương bất năng đắc thanh thủy ẩm. Tượng-vương cơ, dục hành thực thảo; chư tiểu tượng phục tẩu cư tiên thực đạm mỹ thảo, tẩu hý đạo tiền kỳ thượng. Tượng-vương bất năng đắc tịnh thảo thực. Tượng-vương tự niệm, ngã quần tượng đa hoạn, thị chư tượng cấp tiểu tượng tử não thủy linh trọc, linh thảo bất tịnh nhi phản thường ẩm trọc thủy, thực túc tiền chi thảo. Tượng-vương tự niệm, ngã dục khí thị chư tượng khứ đảo nhứt bình xứ khoái gia. Tượng-vương tức khí quần nhi khứ, chuyên hành nhập sơn đảo hiệu la tông thọ gian. Tượng-vương kiến Phật, Phật tọa thọ hạ, tâm đại hoan hỉ, tác tiền chí Phật sở, đê đầu, khuất tất, vị Phật tác lễ, khước tại nhứt diện trụ. Phật tự niệm, ngã khí chúng nhơn, lai tại thị gian; Tượng-vương diệc phục khí chúng tượng lai đảo thị thọ gian, kỳ nghĩa thích đồng. Phật vị Tượng-vương thuyết kinh, ngôn, Phật ư nhơn trung tối tôn; Tượng-vương ư chư tượng trung diệc tôn. Phật ngôn, ngã tâm dữ Tượng-vương tâm thích tương trung hiệp. Ngã dữ Tượng-vương câu lạc thị thọ gian. Tượng-Vương thính kinh cánh, tâm tức khai giải, hiểu tri Phật ý, tiện thị Phật sở bàng dương, kinh hành xứ; dĩ tị thủ thủy sái địa, dĩ tị lao thảo tảo địa, dĩ túc đạo địa linh bình hảo. Tượng-Vương nhứt triều mộ thừa sự như thị. Cửu hậu, Phật tiện thủ vô-vi Nê-hoàn đạo khứ. Tượng-vương bất tri Phật xứ, vị chu tuyên hành, cầu sách Phật bất đắc, đề khắp sâu ưu bất lạc, bất cảm thực ẩm.

Thời quốc trung hữu Phật tự xá tại sơn thượng, danh Ca-la-hoàn; trung hữu ngũ bách sa-môn cộng chỉ; kỳ trung giai đắc A-la-hán đạo, thường dĩ nguyệt lục trai nhứt tụng kinh chí minh thời. Tượng-vương diệc tại sơn thượng cận ư tự biên, Tượng-vương tri hữu lục trai nhứt tụng kinh. Chí kỳ nhứt, Tượng-vương thường hành nhập tự, thính kinh. Chư sa-môn tri Tượng-vương hỉ thính kinh, dục tụng kinh thời tu Tượng-vương lai đảo nãi tụng kinh. Tượng-vương thính kinh triệt minh, bất thụ, bất ngoạ, bất động, bất dao. Tượng-vương sở văn kinh, thừa sự Phật cố.

Cửu hậu, Tượng-vương diệc dĩ thọ chung tử, tiện đắc vi nhơn, tác tử sanh Bà-la-môn gia, bất phục văn Phật kinh diệc bất kiến sa-môn, tiện khí gia, nhập thâm sơn, học Bà-la-môn đạo. Tại sơn thượng chỉ cận tỉ diệc hữu nhứt Bà-la-môn đạo-nhơn câu tại sơn thượng tương dữ vãng lai cộng vi tri-thức. Kỳ nhứt nhơn tự niệm, ngã ()* thế-gian khẩn quan ưu khổ lão, bình tử hậu đương nhập địa-ngục, ngạ-qui, súc-sanh, bản cùng trung dụng; thị cố, ngã

trừ đầu tu, bị cà-sa tác sa-môn, cầu độ thế vô-vi đạo. Kỳ nhưt nhơn tự niệm, ngã nguyện dục cầu tác quốc-vương đắc tự-tại, linh thiên-hạ nhơn dân giai cộng thuộc ngã, tùy ngã giáo lệnh. Lương nhơn cộng nguyện như thị. Cử hậu, nhị nhơn các phục thọ chung, đắc ư thế-gian tác nhơn, kỳ nhưt nhơn tiên thế túc mạng cầu tác quốc-vương giả sanh ư hải biên, vi quốc vương thái tử. Phụ mẫu tiện tự tử vi Di-Lan. Kỳ nhưt nhơn tiên thế túc mạng dục cầu độ thế vô-vi Nê-Hoàn đạo giả, sanh ư Thiên-Trúc, Kế-Tân huyện. Phụ mẫu tiện tự vi Đà-Liệt sanh tiện bị cà-sa câu sanh; sở dĩ dữ cà-sa câu sanh giả bản túc mạng sở nguyện; kỳ gia hữu nhưt tượng-vương diệc đồng nhưt sanh Thiên-Trúc, danh Tượng vi Na. Phụ mẫu tiện nhân Tượng, tự kỳ tử danh vi Na-Tiên.

[* Tôi tìm mãi chữ () mà chẳng thấy được trong hai quyển Từ-điển Hán-Việt của Thiệu-Chửu và của Trần-Trọng-San. (Thiền-Nhựt).]

Na-Tiên trưởng đại, niên thập ngũ lục, hữu cữu-phụ tự Lâu-Hán. Lâu-Hán tác sa-môn hữu tuyệt diệu chi tài, thế-gian vô tử, nhãn năng triệt thị, nhĩ năng triệt thính, tự tri sở tông lai sanh, hành tức năng phi xuất, năng vô gián nhập vô không tự tại biến hóa vô sở bất tác, thiên thượng thiên hạ nhơn dân cập quyên phi nhuyển động chi loại tâm sở niệm Lâu-Hán giai dự tri chi. Na-Tiên tiện tự vãng đạo cữu phụ kế tự thuyết ngôn, ngã ý Phật đạo dục trừ đầu tu, bị cà-sa tác sa-môn, kim ngã đương vị cữu phụ tác đệ-tử ninh khả trì ngã tác sa-môn gia. Lâu-Hán tri Na-Tiên túc mạng tác thiện hữu huệ thậm trọng ai chi, nhân thính linh tác sa-di. Na-Tiên thủy tác tiểu sa-di, thọ thập giới, nhưt tụng kinh học vấn tư-duy kinh giới tức đắc tứ thiên, tất tri chư kinh, độc vị thọ đại sa môn giới. Đ thời quốc sơn trung hữu Phật tự xá danh viết Hoà-Thiền. Hoà Thiền tự trung hữu ngũ bá sa môn giai đắc A-la-hán đạo, trung hữu đệ nhưt A-la-hán danh Át-Bi-Viết năng tri thiên thượng thiên hạ, khứ lai, hiện tại chi sự. Na-Tiên niên mãn nhị thập, nhân tác đại sa môn, thọ đại sa-môn giới, tiện đạo Hoà-Thiền tự trung, chí Át-Bi-Viết sở, thời ngũ bá A-la-hán đạo dĩ thập ngũ nhưt thuyết đại sa-môn giới kinh tại giảng đường, thượng tọa đại sa-môn giai nhập. Na-Tiên diệc tại kỳ trung. Chúng sa-môn tất tọa, Át-Bi-Viết tất thị tọa trung chư sa-môn tâm giai thị A-la-hán, độc Na-Tiên vị đắc A-la-hán đạo. Át-Bi-Viết tiện thuyết Thí-dụ kinh ngôn, nhưc nhập chiết mẽ, mẽ chính bạch trung hữu hắc mẽ, tức thích bất hảo, kim ngã tọa trung giai thanh bạch, độc Na-Tiên vị hắc, vị đắc A-la-hán đạo. Na-Tiên văn Át-Bi-Viết thuyết kinh như thị sàu, tiện khởi vị ngũ bá sa-môn tác lễ dĩ, tức xuất khứ. Na-Tiên tự niệm, ngã bất nghi tại thị tòa trung tọa; ngã diệc vị đắc độ thoát, kỳ dư sa-môn giai dĩ độ thoát, thí nhưc chúng sư-tử trung hữu hồ cầu linh ngã diệc như thị, ngã tông kim bất đắc đạo giả bất

phục nhập chúng trung tọa dã. Át-Bi-Viết tri Na-Tiên ý, tiện hô Na-Tiên trước tiên, dĩ thủ ma Na-Tiên đầu, nhữ kim đặc A-la-hán bất cửu, vật sâu ưu dã. Át-Bi-Viết tiện dục tọa chỉ Na-Tiên, Na-Tiên phục hữu nhứt sư niên bát thập dư, tự Ca-Duy-Viết. Kỳ huyện trung hữu nhứt ưu-bà-tắc đại hiền thiện đương nhứt phạn Ca-Duy-Viết đệ-tử. Na-Tiên chí, vị sư trì ứng khí hành thủ phạn cụ; sư lệnh Na-Tiên khẩu hàm thủy hành đẩu ưu-bà-tắc gia thủ phạn cụ. Đu-bà-tắc kiến Na-Tiên niên thiếu đoan chánh hành dữ nhơn tuyệt dị túc tri hữu huệ dự văn hữu minh chí chi danh năng thuyết kinh đạo. Đu-bà-tắc kiến Na-Tiên nhập kỳ xá trung, tiện tức khởi lập tiên vi tác lễ khước xoa thủ ngôn, ngã phạn chư sa-môn nhứt cửu lai thường hữu vị ngã thuyết kinh giả kim tông ngã. Na-Tiên cầu ai nguyện vị ngã thuyết kinh giải ngã ngu si. Na-Tiên tức tự niệm, ngã thọ sư giáo lệnh ngã khẩu hàm thủy, bất đặc ngữ. Ngã kim thổ thủy giả vi phạm sư giới, như thị vân hà. Na-Tiên niệm ưu-bà-tắc diệc cao tài hữu chí, ngã vị kỳ thuyết kinh tương tức đặc đạo. Na-Tiên thổ thủy nhi tọa tức vị thuyết kinh: nhơn bố thí tác thiện, phụng hành kinh giới, kim thể an ổn, hậu thể tiện sanh thiên thượng hạ sanh nhơn trung, tức đương minh huệ, đương quý, hậu bất phục nhập địa-ngục, nga-quỉ, súc-sanh trung; nhơn bất phụng hành kinh giới giả, ư kim thể khổ, hậu thể đọa tam ác đạo trung vô hữu xuất thời. Đu-bà-tắc văn kinh tâm tức hoan-hỉ. Na-Tiên tri ưu-bà-tắc tâm hoan hỉ tiện phục thuyết thâm kinh, ngôn: Thế gian vạn vật giai đương quá khứ vô hữu thường tại giả, vạn vật quá khứ giai khổ, thế gian nhơn thân diệc như thị, thế gian nhơn giai ngôn thị ngã thân quá ngã hứa thị giai bất đặc tự tại Nê-Hoàn đạo giả tối lạc; Nê-Hoàn hữu bất sanh, bất lão, bất bệnh, bất tử, bất sâu, bất ưu, chư ác căn khổ giai tất tiêu diệt. Na-Tiên thuyết kinh dĩ, ưu-bà-tắc tức đặc đệ nhứt Tu-đà-huòn đạo; Na-Tiên diệc tự đặc Tu-đà-huòn đạo. Đu-bà-tắc đại hoan-hỉ tiện vị Na-Tiên hảo mỹ phạn; Na-Tiên ngữ ưu-bà-tắc tiên thủ cụ trước sư bát trung. Na-Tiên phạn cánh tảo thẩu cát tất, trì phạn cụ hoàn dữ sư. Sư kiến phạn cụ ngôn, nhược kim nhứt trì phạn cụ lai đại hảo, dĩ phạm chúng nhơn ước, đương trực xuất nhữ. Na-Tiên sâu bất lạc. Sư ngôn hội chúng ti-kheo tăng; chúng ti-kheo tăng tất hội tọa. Sư ngôn, Na-Tiên phạm ngã tào chúng nhơn ước lai đương cộng trực xuất, bất đặc chỉ chúng trung dã. Át-Bi-Viết thuyết thí dụ ngôn, như nhơn trì nhứt tiền xạ lưỡng chuẩn, như thị tào nhơn bất ứng trực xuất dã. Na-Tiên tự thuyết đặc đạo, diệc linh ưu-bà-tắc đặc đạo bất ứng trực xuất Na-Tiên. Sư Ca-Duy-Viết ngôn, chính sử nhứt tiền trúng bá chuẩn hội vi chúng nhơn ước bất đặc lưu chỉ dư nhơn tất bất năng như Na-Tiên đặc đạo đương dĩ tuyệt hậu, bất trực xuất Na-Tiên giả dư nhơn phục hiệu vô dĩ khước hậu. Chúng tọa trung giai mặc nhiên tùy sư giáo tức trực xuất Na-Tiên. Na-Tiên tiện dĩ đầu diện trước sư tức khởi biến vi chúng ti-kheo tăng tác lễ. Lễ cánh, tiện khứ nhập thâm sơn trung, tọa thọ hạ, trú dạ tinh tấn niệm đạo bất giải, tiện tự

thành đắc A-la-hán đạo, năng phi hành diệc năng nhãn triệt thị, nhĩ triệt thính, diệc năng tri tha nhơn tâm sở niệm, tự tri tiên thế sở tông lai sanh. Đắc A-la-hán dĩ, tiện tức lai hoàn nhập Hoà-Thiền tự trung, chư tì kheo tăng trung, khẩu đầu cầu ai hỏi quá Hoà-Thiền chư tì kheo tăng. Chư tì kheo tăng khước thính chi. Na Tiên tác lễ cánh, tiện xuất khứ. Na-Tiên chuyển hành nhập chư quận huyện giai khúc lý hạng, vị nhơn thuyết kinh giới giáo nhơn vi thiện, trung hữu thọ ngũ giới giả, trung hữu đắc Tu-đà-huòn đạo, trung hữu đắc Tư-đà-hàm đạo giả, trung hữu đắc A-na-hàm đạo, trung hữu tác sa-môn đắc A-la-hán đạo giả. Đệ nhứt tứ Thiên vương, đệ nhị Đạo lợi thiên, Đệ Thích, đệ thất Phạm thiên vương, giai lai đáo Na-Tiên tiên tác lễ, dĩ đầu diện trước túc khước tọa. Na-Tiên giai vị chư nhơn thuyết kinh danh tự triệt văn tứ Thiên. Na-Tiên sở hành xứ chư Thiên, nhơn, dân, quỷ, thần, long kiến Na-Tiên vô bất hoan hỉ giả, giai đắc kỳ phước. Na-Tiên tiện chuyển đáo Thiên-Trúc Xá-Kiệt quốc, chỉ Tiết-Đê-Ca tự, trung hữu tiên thế cố tri-thức nhứt nhơn tại hải biên, tác Quốc-vương thái-tử, danh Di-Lan. Di-Lan thiếu tiểu hảo hỉ độc kinh học dị đạo tất tri dị đạo kinh pháp nan, dị đạo nhơn vô hữu năng thắng giả. Di-Lan phụ vương thọ chung, Di-Lan tức lập vi Quốc-vương. Vương vấn tả hữu biên thần, ngôn: "Quốc trung đạo nhơn cập nhơn dân thù năng dữ ngã cộng nan kinh đạo giả?" Biên thần bạch Vương ngôn: "Hữu hữu học Phật đạo giả nhơn hô vi sa-môn, kỳ nhơn trí-huệ bác đạt, năng dữ đại vương cộng nan kinh đạo." Kim tại Bắc phương Đại Tần, quốc danh Xá-Kiệt, cổ Vương chi cung. Kỳ quốc trung, ngoại an ản nhơn dân giai thiện, kỳ thành tứ phương giai phục đạo hành, chư thành môn giai điêu văn khắc lậu, cung trung phụ nữ các hữu xứ sở, chư giai thị lý la liệt thành hành quan đạo quảng đại liệt tứ thành, hành tượng, mã, xa, bộ, nam nữ xí thanh thừa môn. Đạo nhơn thân thích công sự, tế dân cập chư tiểu quốc, giai đa cao minh, nhơn dân bị phục ngũ sắc côn hoàng, phụ nữ phó bạch giai trước châu hoàn, quốc thổ cao tảo trên bảo đa; tứ phương mãi khách mại mãi giai dĩ kim tiền ngũ xác phong tiện, gia hữu trừ súc, thị biên la mãi chư mỹ canh, phạn cơ tức đắc thực, khát ẩm bồ đào tạp tửu lạc bất khả ngôn. Kỳ quốc vương tự Di-Lan dĩ Chánh pháp trị quốc. Di-Lan giả cao tài hữu trí minh thế kinh đạo năng nan khứ lai kiến tại chi sự, minh ư quan sự chiến đấu chi thuật, trí mưu vô bất thông đạt. Thời Vương xuất thành du hí chư binh chúng truân nhiều ngoại. Kỳ Vương tâm tự công cao, ngã vi Vương năng đáp cửu thập lục chủng kinh đạo nhơn sở vấn bất cùng, nhơn tâm thích phát tiện dự tri sở ngôn. Vương ngữ chư bàng thần viết: "Thượng tảo nhập thành diệc vô sở tác thị gian, ninh hữu minh kinh đạo nhơn sa-môn năng dữ ngã cộng nan kinh thuyết đạo giả vô?" Vương bàng thần danh Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần, Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần bạch Vương, ngôn: "Nhiên, hữu sa-môn tự Dã-Hoà-La đại minh kinh đạo, năng dữ Vương cộng nan kinh thuyết đạo."

Vương tiện sắc Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần hành vắng thỉnh lai. Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần ngôn: "Đại thiện! Vương dục tương kiến giả, đương tự lai nhĩ, ngã bất vắng dã." Triêm-Di-Lợi hoàn bạch Vương như thị; Vương tức thừa xa, dữ ngũ bá kỵ cộng vắng đáo tự trung. Vương dữ Dã-Hoà-La tương kiến, tiền vấn tấn dĩ, tiện tựu toạ, ngũ bá kỵ tòng tất giai diệc toạ. Vương tức vấn Dã-Hoà-La ngôn: "Khanh dụng hà cố khí gia quyên thê tử, thế đầu tu, bị cà-sa tác sa-môn hò? Khanh sở cầu hà đẳng đạo?" Dã-Hoà-La báo Vương: "Ngã tào học Phật đạo hạnh trung chánh ư kim thế đặc kỳ phước, hậu thế diệc đặc kỳ phước, dụng thị cố, ngã trừ đầu tu, bị cà-sa tác sa-môn." Vương vấn Dã-Hoà-La ngôn: "Hữu nhơn bạch y hữu thê tử ư gia, hữu thê tử hạnh trung chánh ư kim thế đặc kỳ phước bất? Hậu thế diệc đặc kỳ phước bất?" Dã-Hoà-La ngôn: "Bạch y ư gia hữu thê tử hữu hạnh trung chánh ư kim thế đặc kỳ phước, ư hậu thế diệc đặc kỳ phước." Vương ngôn: "Bạch y ư gia hữu thê tử hữu hạnh trung chánh ư kim thế, hậu thế đồng đặc kỳ phước, Khanh vô cố nhi khí thê tử, trừ đầu phát, bị cà-sa tác sa-môn?" Vi Dã-Hoà-La tiện mặc nhiên vô dĩ báo Vương, bàng thần bạch ngôn: "Thị sa-môn đại minh kiện hữu trí bách xúc vị cập thuyết nhĩ." Vương bàng thần cử thủ ngôn: "Vương đắc thắng! Vương đắc thắng!" Dã-Hoà-La tiện mặc nhiên thọ phụ. Vương tức tả hữu cố thị chư ưu-bà-tắc. Chư ưu-bà-tắc diện diệc bất tầm. Vương niệm, thị chư ưu-bà-tắc diện diệc nan tầm giả, độc phục hữu minh kinh kiện sa-môn năng dữ ngã tương nan giả nhĩ. Vương ngữ Triêm-Di-Lợi ninh phục hữu minh huệ sa-môn năng dữ cộng nan kinh thuyết đạo giả vô? Thời Na-Tiên giả chư sa-môn sư, thường dữ chư sa-môn câu xuất nhập, chư sa-môn giai sử thuyết Kinh. Na-Tiên thời giai tri chư Kinh yếu nan năng thuyết thập nhị bộ Kinh, thuyết Kinh nhi chủng chủng biệt dị chương đoạn cú giải dĩ tri Nê-Hoàn chi đạo, vô hữu năng cùng giả, vô hữu năng đắc thắng giả, năng giải chư nghi, năng minh tư giả sở ngôn, trí như giang hải, năng phục cứu thập lục chủng đạo, vi Phật tứ bối đệ tử sở kính, vi chư trí giả sở qui-ngưỡng, thường dĩ kinh đạo giáo thọ nhơn. Na-Tiên lai đáo Xá-Kiệt-quốc, kỳ sở tương tùy đệ tử giai phục cao minh Na-Tiên như mãnh sư-tử. Triêm-Di-Lợi bạch Vương: "Hữu dị sa-môn tự Na-Tiên trí-huệ thâm diệu, minh chư Kinh yếu, năng giải chư nghi, vô sở bất thông, năng dữ Vương cộng nan kinh đạo." Vương vấn Triêm-Di-Lợi: "Thâm năng dữ ngã cộng nan kinh đạo bất?" Triêm-Di-Lợi ứng duy: "Nhiên, năng dữ Vương cộng nan kinh đạo, thượng năng dữ đệ thất Phạm Thiên cộng nan kinh đạo, hà hướng ư nhơn." Vương tức sắc Triêm-Di-Lợi tiện hành thỉnh Na-Tiên lai. Triêm-Di-Lợi tức vắng đáo Na-Tiên sở, bạch ngôn: "Đại Vương dục tương kiến." Na-Tiên tức dữ chư đệ tử tương tùy, đáo Vương sở. Vương tuy vị thường dữ Na-Tiên tương kiến, Na-Tiên tại chúng nhơn trung bị phục hành bộ dữ nhơn tuyệt dị, Vương dao kiến ẩn tri thị Na-Tiên. Vương tự thuyết ngôn, ngã tiền

hậu sở kiến nhơn chúng đại đa nhập đại tòa trung, đại đa vị thường tự giác khùng bố như kim nhứt kiến Na-Tiên. Na-Tiên kim nhứt định thẳng ngã, ngã định bất như hĩ ngã tâm hoàng hoàng bất an dã. Triêm-Di-Lợi bạch Vương ngôn: "Na-tiên dĩ lai tại ngoại, Na-tiên ký chí." Vương vấn Triêm-Di-Lợi: "Hà sở thị Na-Tiên giả?" Triêm-Di-Lợi nhân chỉ thị Vương. Vương tức đại hoan hỉ, chính ngã sở ản giả cảnh thị Na-Tiên. Vương tức kiến Na-Tiên y bị hành bộ dữ chúng nhơn tuyệt dị. Na-Tiên tức đáo, tiền tương vấn tán ngữ ngôn Vương tiện đại hoan hỉ, nhân cộng đối tọa Na-Tiên ngữ. Vương ngôn: "Phật kinh thuyết ngôn, nhơn an ản tôi vi đại lợi nhơn tri () tức tôi vi đại phú, nhơn hữu sở tín tôi vi đại hậu, Nê-Hoàn đạo giả tôi vi đại khoái. Vương tiện vấn Na-Tiên: "Khanh tự hà đẳng?" Na-Tiên ngôn: "Phụ mẫu tự ngã vi Na-Tiên, tiện hô ngã vi Na-Tiên, hữu thời phụ mẫu hô ngã vi Thủ-La-Tiên, hữu thời phụ mẫu hô ngã Duy-Ca-Tiên, dụng thị cố nhơn giai thức tri ngã thể gian nhơn giai hữu thị tự nhĩ." Vương vấn Na-Tiên: "Thùy vi Na-Tiên giả?" Vương phục vấn, ngôn: "Đầu vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Đầu bất vi Na-Tiên dã." Vương phục vấn: "Nhãn, nhĩ, ty, khẩu vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhãn, nhĩ, ty, khẩu, bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "Cảnh, hạng, kiên, tý, túc, thủ, vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "(), cước vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "Nhan sắc vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "Khổ, lạc, vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "Thiện, ác, vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "Thân vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "Can, phế, tâm tì, mạch, trường, vị, vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "Nhan sắc, khổ lạc, thiện ác, thân, tâm, hiệp thị ngữ sự ninh vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "Thanh hưởng, suyễn tức, vi Na-Tiên gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất vi Na-Tiên." Vương phục vấn: "Hà sở vi Na-Tiên giả?" Na-Tiên vấn Vương, ngôn: "Xa, hà sở vi xa giả? Trục vi xa gia?" Vương ngôn: "Trục bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Võng vi xa gia?" Vương ngôn: "Võng bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Phúc vi xa gia?" Vương ngôn: "Phúc bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Cốc vi xa gia?" Vương ngôn: "Cốc bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Viên vi xa gia?" Vương ngôn: "Viên bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Ách vi xa gia?" Vương ngôn: "Ách bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Dư vi xa gia?" Vương ngôn: "Dư bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Giang vi xa gia?" Vương ngôn: "Giang bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Cái vi xa gia?" Vương ngôn: "Cái bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Hiệp tụ thị chư tài mộc trước nhứt diện ninh vi xa gia?" Vương ngôn: "Hiệp tụ thị chư tài mộc trước nhứt diện bất vi xa dã." Na-Tiên ngôn: "Giả linh bất hiệp tụ thị chư tài mộc ninh vi xa gia?" Vương ngôn: "Bất hiệp tụ thị chư tài mộc bất vi xa." Na-tiên ngôn: "Am-thanh vi xa

gia?" Vương ngôn: "Am-thanh bất vi xa." Na-Tiên ngôn: "Hà sở vi xa giả?" Vương tiện mặc nhiên bất ngữ. Na-Tiên ngôn: "Phật kinh thuyết chi, như hiệp tụ thị chư tài mộc dụng tác xa nhân đắc xa; như diệp như thị, hiệp tụ đầu, diện, nhĩ, ty, khẩu, cảnh, hạng, kiên, tý, cốt, nhục, thủ, túc, can, phế, đả, tì, thận, trường, vị, nhan sắc, thanh hương, suyễn tức, khổ lạc, thiện ác, hiệp tụ danh vi nhưn." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!"

Vương phục vấn Na-Tiên: "Năng dữ ngã cộng nan Kinh thuyết đạo bất?" Na-tiên ngôn: "Như sử Vương trì trí-huệ dữ ngã tương vấn giả, năng tương nan. Vương trì kiêu quý giả ý, bất năng tương nan." Vương vấn Na-Tiên ngôn: "Trí giả, chư hà đẳng loại?" Na-Tiên ngôn: "Trí giả đàm cực tương cật ngữ, tương giải ngữ, tương thượng ngữ, tương hạ ngữ, hữu thắng, hữu phụ; chính ngữ, bất chính ngữ tự tri thị phi, thị vi tối trí trí giả, bất dụng tác sân nộ; trí giả như thị." Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Vương giả ngữ, hà đẳng loại?" Na-Tiên ngôn: "Vương giả ngữ tự phóng tứ cảm hữu vi lệ bất như Vương ngữ giả, Vương tức cường tru phạt chi. Vương giả ngữ như thị." Vương ngôn: "Nguyện dụng trí giả ngữ, bất dụng Vương giả ngữ, mặc phục trì đối Vương giả ý dữ ngã ngữ, dữ ngã ngữ đương như dữ chư sa-môn ngữ, đương như dữ chư đệ tử ngữ, đương như dữ chư ưu-bà-tắc ngữ, đương dĩ dữ chúng sa-môn cấp sử giả ngữ vô đắc hoài khủng bố cực chánh tâm đương tương khai ngộ." Na-Tiên ngôn: "Đại thiện!"

Vương ngôn: "Ngã dục hữu sở vấn." Na-Tiên ngôn: "Vương tiện vấn." Vương ngôn: "Ngã dĩ vấn." Na-Tiên ngôn: "Ngã dĩ đáp." Vương ngôn: "Đáp hà đẳng ngữ?" Na-Tiên ngôn: "Vương diệp vấn ngã hà đẳng ngữ?" Vương ngôn: "Ngã vô sở vấn. Na-Tiên diệp vô sở đáp." Vương nội tự tư-duy niệm, thị sa-môn đại cao minh huệ, ngã phủ thủy đương đa hữu sở vấn. Vương ý tự niệm, nhựt dục minh đương vân hà minh nhựt đương thỉnh Na-Tiên qui ư cung trung thiện tương nan vấn. Vương cáo Triêm-Di-Lợi ngữ Na-Tiên, kim nhựt bách minh, minh nhựt tương thỉnh qui ư cung trung thiện tương nan vấn. Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần tức bạch Na-Tiên ngôn: "Nhựt dục minh, Vương đương hoàn cung. Minh nhựt, Vương dục thỉnh Na-Tiên." Na-Tiên ngôn: "Đại thiện!" Vương tức ký mã hoàn cung. Đ mã thượng, Vương tục niệm Na-Tiên tự ý niệm dục ngôn Na-Tiên, Na-Tiên, niệm chí minh nhựt.

Minh nhựt, Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần cập bàng thân bạch ngôn: "Vương thăm đương thỉnh Na-Tiên bất?" Vương ngôn: "Đương thỉnh chi." Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần ngôn: "Thỉnh giả, đương sử dữ kỹ sa-môn câu lai?" Vương ngôn: "Tại Na-Tiên dục dữ kỹ sa-môn câu lai nhĩ." Vương chủ tàng giả, danh Khan. Khan bạch Vương ngôn: "Linh Na-Tiên dữ thập sa-môn câu lai

khả nhĩ." Vương phục ngôn: "Thính Na-Tiên dục dữ kỹ sa-môn câu lai nhĩ." Khan phục bạch Vương ngôn: "Linh Na-Tiên dữ thập sa-môn câu lai khả." Vương phục ngôn: "Thính Na-Tiên tự tại dục dữ kỹ sa-môn câu lai." Khan phục bạch Vương: "Linh Na-Tiên dự thập sa-môn câu lai khả nhĩ." Vương văn Khan ngữ đại số, Vương tiện sân nô Khan: "Sở nhữ chân khan vô bối, nhữ tự vi Khan bất vọng nhữ cường tích Vương vật; tự nhữ vật thường vân hà? Nhữ bất tri nghịch ngã ý đương hữu tru phạt chi tội." Vương ngôn: "Khả khứ ai xá nhữ tội, kim ngã tác Vương vi bất năng kham phạm sa-môn gia?" Khan tiện tầm quý, bất cảm phục ngữ. Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần tức vãng đảo Na-Tiên sở, tiện tiền tác lễ, bạch ngôn: "Đại Vương thỉnh Na-Tiên." Na-Tiên ngôn: "Vương đương linh ngã dữ kỹ sa-môn câu hành?" Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần ngôn: "Tự tại Na-Tiên dục dữ kỹ sa-môn câu hành." Na-Tiên tiện dữ Dã-Hoà-La-Tự bát thập sa-môn câu hành. Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần tất câu hành; đán dục nhập thành, Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần đạo trung tịnh vấn, Na-Tiên tác nhứt đối Vương ngôn, "Vô hữu hà dụng vi Na-Tiên". Na-Tiên vấn Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần: "Khanh ý hà sở vi Na-Tiên giả?" Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần ngôn: "Ngã dĩ suyễn tức xuất nhập mạng khí vi Na-Tiên." Na-Tiên vấn Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần ngôn: "Nhơn khí nhứt xuất bất phục hoàn nhập, kỳ nhơn ninh phục sanh bất?" Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần ngôn: "Khí xuất bất hoàn định vi tử dã." Na-Tiên ngôn: "Như nhơn xuy già khí nhứt xuất bất phục hoàn nhập, như nhơn trì đoàn kim đồng xuy hỏa khí nhứt xuất thời ninh đắc phục hoàn nhập bất?" Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần ngôn: "Bất phục hoàn nhập." - "Như nhơn dĩ giác xuy địa, khí nhứt xuất thời ninh phục hoàn nhập bất?" Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần ngôn: "Bất phục hoàn nhập." Na-Tiên ngôn: "Đồng khí xuất bất phục hoàn nhập, nhơn hà dĩ cố do bất tử?" Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần ngôn: "Suyễn tức chi gian ngã bất năng tri, nguyện vị ngã tào giải thuyết chi." Na-Tiên ngôn: "Suyễn tức chi khí giai thân trung sự, như nhơn tâm hữu sở niệm giả; thiệt vi chi ngôn, thị vi thiệt sự; ý hữu sở nghi tâm niệm chi, thị vi tâm sự; các hữu sở chủ phân biệt, thị chi giai không. Vô hữu Na-Tiên dã." Triêm-Di-Lợi-Vọng-Quần tâm tức khai giải tiện thọ ngũ giới vi ưu-bà-tắc. Na-Tiên tiện tiền nhập cung, đảo Vương sở thượng điện. Vương tức vị Na-Tiên tác lễ nhi khước Na-Tiên tức toạ. Bát thập sa-môn giai cộng toạ. Vương cực tác mỹ phạm thực. Vương thủ tự trước Na-Tiên tiền phạm. Chúng sa-môn phạm thực dĩ cánh tảo thủ tất cát Vương tức tứ chư sa-môn nhơn nhứt trương tiết cà-sa cách tử các nhứt lượng, tứ Na-Tiên Dã-Hoà-La các tam lĩnh cà-sa, các nhứt lượng cách tử. Vương ngữ Na-Tiên Dã-Hoà-La ngôn: "Lưu thập nhơn cộng chỉ, khiển dư nhơn linh khứ." Na-Tiên tức khiển dư sa-môn linh khứ, lưu thập nhơn cộng chỉ. Vương sắc hậu cung chư quý nhơn, kỹ nữ tất ư điện thượng duy trung thính ngã dữ Na-Tiên cộng nan kinh đạo.

Thời quý nhơn, kỹ nữ tất xuất điện thượng duy trung thánh Na-Tiên thuyết kinh. Thời Vương trì tòa tọa ư Na-Tiên tiền. Vương ngôn: "Đương thuyết hà đẳng?" Na-Tiên ngôn: "Vương dục thánh yếu ngôn giả, đương thuyết yếu ngôn." Vương ngôn: "Khanh tào đạo hà đẳng tối yếu giả, dụng hà đẳng cố tác sa-môn?" Na-Tiên ngôn: "Ngã tào dục khí thể-gian cần khổ, bất dục cánh hậu thể cần khổ, dụng thị cố ngã tào tác sa-môn. Ngã tào dụng thị vi tối yếu thiện." Vương ngôn: "Chư sa-môn giai bất dục cánh kim thể, hậu thể cần khổ, cố tác sa-môn gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất tất dụng thị cố tác sa-môn. Sa-môn hữu tứ bối." Vương ngôn: "Hà đẳng tứ?" Na-Tiên ngôn: "Trung hữu phụ trái tác sa-môn; trung hữu úy huyện quan tác sa-môn giả; trung hữu bàn cùng tác sa-môn giả; trung hữu chân dục khí diệt kim thể, hậu thể cần khổ cố tác sa-môn." Na-Tiên ngôn: "Ngã bản chí tâm cầu đạo cố tác sa-môn nhĩ." Vương ngôn: "Kim Khanh dụng đạo cố tác sa-môn gia?" Na-Tiên ngôn: "Ngã thiếu tiêu tác sa-môn, hữu Phật kinh đạo cập đệ tử chư sa-môn giai đa cao minh, ngã tông học kinh giới nhập ngã tâm trung, dĩ thị cố khí kim thể, hậu thể cần khổ cố tác sa-môn." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương vấn ngôn: "Ninh hữu nhơn tử hậu bất phục sanh giả bất?" Na-Tiên ngôn: "Trung hữu ư hậu thể sanh giả, trung hữu bất phục sanh giả." Vương ngôn: "Thùy ư hậu thể sanh giả, thùy bất phục sanh giả?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn hữu ân ái, tham dục giả, hậu thể tiện phục sanh; nhơn vô ân ái, tham dục giả, hậu thể bất phục sanh dã." Vương ngôn: "Nhơn dĩ nhứt tâm niệm Chánh-pháp, thiện, cố hậu thể bất phục sanh gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn dĩ nhứt tâm niệm Chánh-pháp, niệm thiện, trí huệ cập dư thiện sự, cố hậu thể bất phục sanh." Vương ngôn: "Nhơn dĩ nhứt tâm niệm Chánh-pháp, thiện, dữ trí huệ, thị nhị sự kỳ nghĩa ninh đồng bất?" Na-Tiên ngôn: "Kỳ nghĩa các dị bất đồng." Vương vấn Na-Tiên: "Nguu, mã, lục súc phả hữu trí, vô hữu trí?" Na-Tiên ngôn: "Nguu, mã, lục súc các tự hữu trí, kỳ tâm bất đồng." Na-Tiên ngôn: "Vương tàng kiến hoạch mạch giả bất? Tả thủ trì mạch, hữu thủ ngải chi." Na-Tiên ngôn: "Trí huệ chi nhơn đoạn tuyệt ái dục, thí như hoạch mạch." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi dư thiện sự giả?" Na-Tiên ngôn: "Thành-tín, hiểu thuận, tinh tấn, niệm thiện, nhứt tâm, trí huệ, thị vi thiện sự." Vương ngôn: "Hà đẳng vi thành-tín giả?" Na-Tiên ngôn: "Thành-tín giả, vô sở phục nghi; tín hữu Phật, hữu Phật kinh, pháp; tín hữu từ-kheo tăng; tín hữu A-la-hán; tín hữu kim thể; tín hữu hậu thể; tín hữu hiểu thuận phụ mẫu; tín hữu tác thiện đắc thiện; tín hữu tác ác đắc ác; đắc tín thị dĩ hậu tâm tiện thanh tịnh tức khứ ly ngũ ác. Hà đẳng ngũ ác? Nhứt giả, tham dâm; nhị giả, sân khuê; tam giả, thùy miên; tứ giả, hí lạc; ngũ giả, sở nghi. Nhơn bất khứ thị ngũ ác tâm ý bất định; khứ thị ngũ ác ý tiện thanh tịnh." Na-Tiên ngôn: "Thí như Già-Ca-Việt Vương xa mã nhơn tông lệ độ thủy, linh thủy trọc ố; quá độ dĩ khứ, Vương khát dục đắc thủy ẩm. Vương

hữu thanh thủy châu trí thủy trung, thủy tức vi thanh. Vương tiện đắc thanh thủy âm chi." Na-Tiên ngôn: "Nhơn tâm hữu ác thí như trọc thủy; Phật chư đệ tử đắc độ tử sanh chi đạo, tâm dĩ thanh tịnh như châu thanh thủy. Nhơn khước chư ác, thành tín, thanh tịnh, thí như minh nguyệt châu." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương vấn ngôn: "Nhơn tinh tấn thành tín giả vân hà?" Na-Tiên ngôn: "Phật chư đệ tử tự tương kiến bồi trung thoát chư ác tâm, trung hữu đắc Tu-đà-huờn giả, trung hữu đắc Tu-đà-hàm giả, trung hữu đắc A-na-hàm giả, trung hữu đắc A-la-hán giả, trung hữu nhân tương hiệu cử hành thành tín giả, giai diệc đắc độ thế đạo." Na-Tiên ngôn: "Thí như sơn thượng đại vũ, kỳ thủy hạ lưu quảng đại. Vũ biên nhơn câu bắt tri thủy thâm thiên, úy bất cảm độ. Như hữu viên phưng nhơn lai thị thủy, ân tri thủy quảng hiệp, thâm thiên, tự tri lực thế năng nhập thủy tiện đắc độ quá. Vũ biên nhơn chúng tiện hiệu tùy hậu diệc đắc độ khứ. Phật chư đệ tử diệc như thị, kiến tiền nhơn tịnh tâm đắc Tu-đà-huờn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán đạo, giai tông thiện tâm tinh tấn sở trí dã. Phật kinh ngôn, nhơn hữu thành tín chi tâm khả tự đắc độ thế đạo, nhơn năng chế chỉ khước ngũ sở dục, tự tri thân khổ giả nãi năng đắc độ thế nhơn giai tông trí huệ thành kỳ đạo đức." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương ngôn: "Hà đẳng vi hiệu thuận giả?" Na-Tiên ngôn: "Chư thiện giả giai vi hiệu thuận. Phạm tam thập thất phẩm kinh giai do ư hiệu thuận vi bản." Vương ngôn: "Hà đẳng vi tam thập thất phẩm kinh?" Na-Tiên ngôn: "Hữu tứ ý chỉ, hữu tứ ý đoạn, hữu tứ thần túc, hữu ngũ căn, hữu ngũ lực, hữu thất giác ý, hữu bát chủng đạo hạnh." Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Hà đẳng vi tứ ý chỉ giả?" Na-Tiên báo Vương ngôn: "Phật thuyết, nhứt vi thân, thân quán chỉ; nhị vi quán thông dưỡng, thông dưỡng chỉ; tam vi quán ý, ý chỉ; tứ vi quán pháp, pháp chỉ; thị vi tứ ý chỉ." Vương phục ngôn: "Hà đẳng vi tứ ý đoạn?" Na-Tiên ngôn: "Phật thuyết dĩ phân biệt chỉ tứ sự bất phục niệm, thị vi tứ ý đoạn, dĩ đắc tứ ý đoạn tiện tự đắc tứ thần túc niệm." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi tứ thần túc niệm?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt giả, nhĩ năng triệt thị; nhị giả, nhĩ năng triệt thính; tam giả, năng tri tha nhơn trung sở niệm; tứ giả, thân năng phi hành; thị vi tứ thần túc niệm." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi ngũ căn giả?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt giả, nhĩ kiến hảo sắc, ác sắc, ý bất tham trước, thị vi căn. Nhị giả, nhĩ văn hảo thanh, ác thanh, mạ thanh, ý bất tham trước, thị vi căn. Tam giả, tỵ văn hương xú, ý bất tham trước, thị vi căn. Tứ giả, khẩu đắc mỹ vị, khổ, tân, ý bất tham trước, thị vi căn. Ngũ giả, thân đắc tế hoạt, ý diệc bất hỷ, thân đắc thô kiên, ý diệc bất ó, thị vi ngũ căn." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi ngũ lực giả?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt năng chế nhĩ; nhị năng chế nhĩ; tam năng chế ty, tứ năng chế khẩu; ngũ năng chế thân, linh ý bất đoạ, thị vi ngũ lực." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi thất giác ý giả?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt, ý giác ý. Nhị, phân biệt giác ý. Tam, tinh tấn giác ý. Tứ,

khả giác ý. Ngũ, ý giác ý. Lục, định giác ý. Thất, hộ ý; thị vi thất giác ý," Vương phục vấn: "Hà đẳng vi bát chủng đạo hạnh?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt, trực kiến; nhị, trực niệm; tam, trực ngũ; tứ, trực trị; ngũ, trực nghiệp; lục, trực phương tiện; thất, trực ý; bát, trực định; thị vi bát chủng đạo hạnh." Phàm thị tam thập thất phẩm kinh giai do hiểu thuận vi bản. Na-Tiên ngôn: "Phàm nhơn phụ trọng trí viễn hữu sở thành lập giai do địa thành, thế gian ngũ cốc, thọ mộc ngưỡng thiên chi thảo giai do địa sanh." Na-Tiên ngôn: "Thí như sư tượng đồ tác đại thành, đương tiên độ lượng tác cơ chỉ dĩ nãi khả khởi thành." Na-Tiên ngôn: "Thí như kỹ nhơn dục tác, đương tiên tịnh trừ địa bình nãi tác. Phật đệ tử cầu đạo đương tiên hành kinh giới, niệm thiện, nhân tri cần khô, tiện khí chư ái dục, tiện tư niệm bát chủng đạo hạnh." Vương ngôn: "Đương dụng hà đẳng khí chư ái dục?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt tâm niệm đạo ái dục tự diệt." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương phục vấn ngôn: "Hà đẳng vi tinh tấn giả?" Na-Tiên ngôn: "Trì thiện, trợ thiện, thị vi tinh tấn." Na-Tiên ngôn: "Thí như viên tường dục đảo tông biên chủ chi, xá dục khuynh nhượng diệc phục chủ chi; thị vi tinh tấn." Na-Tiên ngôn: "Thí như quốc vương khiển binh hữu sở công kích, binh nhược dục bất như, vương phục khiển binh vãng trợ chi, binh tiện đắc thắng. Nhơn hữu chư ác như binh thiếu nhược thời, nhơn trì thiện tâm tiêu diệt ác tâm, thí như vương tăng binh đắc thắng. Trì ngũ thiện tâm tiêu ngũ ác tâm thí như chiến đấu đắc thắng; thị vi tinh tấn trợ thiện như thị." Na-Tiên ngôn: "Tinh tấn sở trợ trí nhơn thiện đạo dĩ đắc độ thế đạo vô hữu hoàn kỳ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn: "Hà đẳng vi ý đương niệm chư thiện sự giả?" Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn thủ dị chủng huê dĩ lữ hiệp liên hệ chi, phong xuy bất năng tán." Na-Tiên phục ngôn: "Thí như vương thủ tàng giả tri thắng tàng trung kim ngân, châu ngọc, lưu ly, trân bảo, hữu kỳ đa thiếu. Đạo nhơn dục đắc đạo thời ý niệm tam thập thất phẩm kinh, thí như thị chính sở vị niệm độ thế chi đạo giả dã. Nhơn hữu đạo ý nhân tri thiện ác, tri đương khả hành, tri đương bất khả hành, phân biệt bạch hắc, tự tư duy dĩ hậu tiện khí ác tự thiện." Na-Tiên ngôn: "Thí như Vương hữu thủ môn giả tri Vương hữu sở kính giả, tri Vương hữu sở bất kính giả, tri hữu lợi Vương giả, tri hữu bất lợi Vương giả. Thủ môn giả tri Vương sở kính giả, tri lợi Vương giả, tiện nội chi; tri Vương bất kính giả, tri bất lợi Vương giả, thủ môn giả tức bất nội." Na-Tiên ngôn: "Nhơn trì ý diệc như thị; chư thiện giả đương nội chi; chư bất thiện giả bất đương nội. Thủ ý chế tâm thí diệc như thị." Na-Tiên thuyết kinh, ngôn: "Nhơn đương kiên thủ hộ kỳ ý cập thân trung lục ái dục, trì ý kiên thủ tự đương hữu độ thế thời." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương vấn Na-Tiên ngôn: "Hà đẳng vi nhứt kỳ tâm giả?" Na-Tiên ngôn: "Chư thiện trung độc hữu nhứt tâm tối đệ nhứt. Nhơn năng nhứt kỳ tâm, chư thiện giai tùy chi." Na-Tiên ngôn: "Thí như lâu bệ

đương hữu sở ỷ, chư vi thiện giả giai trước nhứt tâm." Na-Tiên ngôn: "Thí như Vương tướng tứ chủng binh xuất hành chiến đấu. Tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh giai đạo dẫn Vương tiền hậu. Phật chư kinh giới cấp dư thiện sự giai tùy nhứt tâm, diệc thí như binh." Na-Tiên thuyết kinh ngôn: "Chư thiện trung nhứt tâm vi bản. Học đạo nhơn chúng đa giai đương tiên qui nhứt tâm, nhơn thân, sanh tử, quá khứ, như thủy hạ lưu, tiền hậu tương tòng, vô hữu trụ thời." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn: "Hà đẳng vi trí huệ giả?" Na-Tiên ngôn: "Ngã tiền thuyết dĩ, nhơn hữu trí huệ năng đoạn chư nghi, minh chư thiện sự, thị vi trí huệ." Na-Tiên ngôn: "Thí như trì đẳng hỏa nhập minh thất, hỏa thích nhập thất tiện vong kỳ minh tự minh. Minh nhơn hữu trí huệ như hỏa quang." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn trì lợi đao triệt mộc, nhơn hữu trí huệ năng triệt đoạn chư ác, thí như lợi đao." Na-Tiên ngôn: "Nhơn u thế gian trí huệ tối vi đệ nhứt, nhơn hữu trí huệ năng đắc độ thoát sanh tử chi khổ." Vương ngôn: "Thiện tai!". Vương ngôn Na-Tiên: "Tiền hậu sở thuyết kinh chủng chủng biệt dị, đản dục thú khước nhứt thiết ác gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, Phật kinh sở thuyết chủng chủng chư thiện giả, đản dục thú khước nhứt thiết ác dã." Na-Tiên ngôn: "Thí như Vương phát tứ chủng binh tuy hành chiến đấu, sơ phát hành thời ý đản dục cộng công địch, khứ nhứt thiết ác nhĩ." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai! Na-Tiên thuyết kinh thậm khoái dã." Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Nhơn tử sở thú thiện ác chi đạo tục trì cố thân thân hành sanh gia, cánh () tha thân hành sanh gia?" Na-Tiên ngôn: "Diệc phi cố thân thân, diệc bất ly cố thân thân." Na-Tiên nhân vấn: "Vương thân tiểu thời, bộ nữ thời, thân chí trưởng đại thời, tục cố thân phi?" Vương ngôn: "Tiểu thời thân dị." Na-Tiên ngôn: "Nhơn tại mẫu phúc trung thủy tùy tinh thời chí tinh tợc thời cố tinh gia dị dã, kiên vi cơ cốt thời cố tinh gia dị dã, sơ sanh thời chí niên sở tuế thời cố tinh gia dị dã. Như nhơn học thư thời bàng nhơn ninh năng đại kỳ công bất?" Vương ngôn: "Bất năng đại kỳ công." Na-Tiên ngôn: "Như nhơn phạm pháp hữu tội ninh khả thủ vô tội chi nhơn đại bất?" Vương ngôn: "Bất khả."

Na-Tiên dĩ tinh thần tội pháp ngữ Vương. Vương ý bất giải, Vương nhân ngôn: "Như nhơn vấn Na-Tiên, Na-Tiên giải chi vân hà?" Na-Tiên ngôn: "Ngã cố tiểu thời thân nhĩ tòng tiểu chí đại tục, cố thân lưỡng đại dữ tiểu thời hàm vi nhứt thân dưỡng thị mạng sở dưỡng." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Thí như nhơn nhiên đẳng hỏa ninh chí thiên minh bất?" Vương ngôn: "Nhiên đẳng du chí minh." Na-Tiên ngôn: "Đẳng trung chủ hỏa chí nhứt dạ thời tục cố hỏa quang bất, chí dạ bán thời cố hỏa quang bất, chí minh thời cố hỏa quang bất?" Vương ngôn: "Phi cố hỏa quang." Na-Tiên ngôn: "Nhiên đẳng tòng nhứt dạ chí dạ bán phục cánh nhiên đẳng hỏa gia, hướng thân thời phục cánh nhiên đẳng gia?" Vương ngôn: "Bất trung dạ khởi cánh nhiên hỏa

tục cố nhứt chủ hỏa chí minh nhĩ." Na-Tiên ngôn: "Nhơn tinh thần triển chuyển tương tục thí như thị, nhứt giả khứ nhứt giả lai, nhơn tông tinh thần sanh chí lão tử hậu, tinh thần cánh thú sở hướng sanh, triển chuyển tương tục, thị phi cố tinh thần diệc bất ly cố tinh thần; nhơn tử dĩ hậu tinh thần nãi hữu sở thú hướng sanh." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhữ chúng hóa tác lạc, thủ lạc thượng phi tiên thành đề hồ, ninh khả thủ đề hồ dĩ lạc thượng phi hoàn phục danh tác nhữ chúng. Kỳ nhơn ngữ ninh khả dụng bất?" Vương ngôn: "Kỳ nhơn ngữ bất khả dụng." Na-Tiên ngôn: "Nhơn thần, nhữ chúng tông nhữ chúng thành lạc, tông lạc thành phi, tông phi thành đề hồ. Nhơn thần diệc như thị, tông tinh thần sanh, tông sanh chí trưởng, tông trưởng chí lão, tông lão chí tử; tử hậu, thần cánh phục ái sanh. Nhứt thân tử đương phục cánh ái nhứt thân; thí như lưỡng chủ cánh tương nhiên." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn hữu bất phục ư hậu thế sanh giả, kỳ nhơn ninh năng tự tri bất?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên hữu, năng tự tri giả." Vương ngôn: "Dụng hà tri chi?" Na-Tiên ngôn: "Kỳ nhơn tự tri vô ân ái, vô tham dục, vô chư ác, dụng thị cố tự tri hậu thế bất phục sanh." Na-Tiên vấn Vương: "Thí như điền gia canh lệ chủng cốc đa đồn liễm trước đồn trung chí hậu tuế bất phục canh, bất phục chủng, đản ngưỡng đồn trung cốc thực. Kỳ điền gia ninh phục vọng đắc tân cốc bất?" Vương ngôn: "Kỳ điền vô sở phục vọng." Na-Tiên ngôn: "Kỳ điền gia hà dụng tri bất phục đắc cốc?" Vương ngôn: "Kỳ điền gia bất phục canh, bất phục chủng, cố vô sở vọng." Na-Tiên ngôn: "Đắc đạo diệc như thị; tự tri dĩ khí quyên ân ái, khổ lạc, vô hữu tham tâm, thị cố tự tri hậu thế bất phục sanh." Vương phục ngôn: "Kỳ nhơn ư hậu thế bất phục sanh giả, ư kim ninh hữu trí dị ư nhơn bất?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, hữu trí dị ư nhơn." Vương ngôn: "Ninh năng hữu minh bất?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, hữu minh." Vương ngôn: "Trí dĩ minh hữu dị đồng hồ?" Na-Tiên ngôn: "Trí dĩ minh đẳng nhĩ." Vương ngôn: "Hữu trí minh giả ninh tất tri vạn sự bất, ninh hữu sở bất cập tri bất?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn trí hữu sở cập, hữu sở bất cập." Vương ngôn: "Hà đẳng vi trí hữu sở cập, hữu sở bất cập?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn tiền sở bất học, tiền sở bất cập, tri; nhơn tiền sở học, tiền sở cập, tri; trí giả sở kiến nhơn cập vạn vật giai đương quá khứ qui không bất đắc tự tại nhơn tâm sở tham lạc giai chủng khổ bản tông thị trí khổ huệ giả, tri phi thường thành bại chi sự trí vi dị ư nhơn." Vương vấn ngôn: "Nhơn hữu trí huệ, si ngu sở tại?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn hữu trí huệ giả, ngu si giai tự tiêu diệt." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn trì đăng hỏa nhập minh thất thất trung giai minh, minh tức tiêu diệt. Trí như thị, nhơn hữu trí huệ chư si ngu giai tất tiêu diệt." Vương ngôn: "Nhơn trí kim vi sở tại?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn hành trí dĩ hậu trí tiện tiêu diệt trí sở tác giả cố tác." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn dạ ư hỏa hạ thư, hỏa diệt, tự tục tại. Trí giả như thị, hữu sở thành dĩ, trí tiện tiêu diệt, kỳ sở tác tục tại."

Vương ngôn: "Trí hữu sở thành dĩ tiện tự diệt, thị hà đẳng ngữ?" Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn bị hỏa dự tác giới hỏa ngữ bình thủy. Như hữu thất hỏa giả, kỳ nhơn trì ngữ bình thủy, thủy trích diệt hoả, hỏa diệt dĩ hậu kỳ cứu hỏa nhơn ninh phục vọng đắc hoàn bình qui gia dụng bất?" Vương ngôn: "Kỳ nhơn bất phục vọng bình phá hỏa diệt khởi phục vọng bình gia." Na-Tiên ngôn: "Đạo nhơn trì ngữ thiện tâm tiêu diệt chư ác diệt thí như bình thủy diệt hoả." Vương ngôn: "Hà đẳng vi ngữ thiện gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt giả, tín thiện hữu ác; nhị giả, bất hủy kinh giới; tam giả, tinh tấn; tứ giả, hữu huệ niệm thiện; ngũ giả, nhứt tâm niệm đạo; vi thị ngữ thiện. Nhơn năng phụng hành thị ngữ thiện giả tiện đắc trí huệ, tiện tri thân cập vạn vật phi thường, tiện tri khổ bất đắc tự tại, tiện tri không vô sở hữu." Na-Tiên ngôn: "Thí như y sư trì ngữ chủng dược nghệ bệnh giả gia dĩ dược âm bệnh nhơn bệnh giả âm dược đắc dĩ y ninh đắc vọng đắc cố dược đắc hành trị nhơn bất?" Vương ngôn: "Bất phục vọng đắc cố dược." Na-Tiên ngôn: "Ngũ chủng dược giả như ngữ thiện trí kỳ y giả như cầu đạo nhơn, kỳ bệnh giả như chư ác; ngu si giả như bệnh nhơn, đắc đạo độ thế giả như bệnh đắc dĩ, nhơn trí sở thành trí nhơn độ thế; đạo nhơn dĩ đắc đạo, trí diệt tự diệt." Na-Tiên ngôn: "Thí như kiện đấu nhơn bã cung trì tiền tiền hành hướng địch dĩ ngữ tiền xạ địch, đắc thắng; kỳ nhơn ninh phục vọng tiền qui qui bất?" Vương ngôn: "Bất phục vọng tiền." Na-Tiên ngôn: "Ngũ tiền giả, nhơn ngữ trí dã, trí nhơn tông trí đắc đạo như kiện đấu đắc thắng địch gia; chư ác giả như chư ác đạo, nhơn trì ngữ thiện diệt khước chư ác, chư ác giai diệt, thiện trí tức sanh, nhơn tông thiện trí đắc thành độ thế đạo giả thường tại bất diệt." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương ngôn: "Như nhơn đắc đạo hậu thế bất phục sanh giả, hậu ninh phục cánh khổ bất?" Na-Tiên ngôn: "Hoặc hữu cánh khổ giả, hoặc hữu bất cánh khổ giả." Vương ngôn: "Cánh khổ, bất cánh khổ vân hà?" Na-Tiên ngôn: "Thân cánh khổ, tâm ý bất cánh khổ." Vương ngôn: "Thân cánh khổ, tâm ý bất cánh khổ, vân hà?" Na-Tiên ngôn: "Thân sở dĩ cánh khổ giả, kỳ thân kiến tại cố cánh khổ; tâm ý khí quyên chư ác vô hữu chư dục, thị cố bất phục cánh khổ." Vương ngôn: "Giả linh đắc đạo nhơn bất năng đắc ly thân khổ giả thị vi vị đắc Nê-Hoàn đạo gia?" Vương ngôn: "Nhơn đắc đạo dĩ diệt vô ân ái thân khổ ý an, hà dụng vi đắc đạo?" Vương ngôn: "Giả linh nhơn đắc đạo dĩ thành đương phục hà lưu?" Na-Tiên ngôn: "Thí như quả vật vị thực bất cường thực dã, dĩ thực diệt vô sở phục đãi." Na-Tiên ngôn: "Vương thuộc sở đạo giả Xá-Lê-Viết sở thuyết, Xá-Lê-Viết tại thời ngôn, ngã diệt bất cầu tử, ngã diệt bất cầu sanh, ngã đản tu thời khả thời chí tiện khứ." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!."

(Na-Tiên từ-kheo Kinh - Quyền thượng)

NA-TIÊN TÌ-KHEO KINH

Quyển Trung

Vương vấn: "Nhơn cánh lạc giả vi thiện gia, bất thiện dã. Nhơn cánh khổ vi thiện gia vi bất thiện dã. Phật đắc vô bất thuyết hữu lạc hoặc hữu khổ." Vương ngôn: "Như sử hữu vi vô hữu khổ." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Như nhơn thiêu thiết trước thủ trung ninh thiêu nhơn thủ bất, phục thủ băng trước thủ trung, kỳ băng ninh phục thiêu nhơn thủ bất?" Vương ngôn: "Nhiên, lưỡng thủ giai uy dã." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Như thị lưỡng thủ trung vật giai nhiệt gia?" Vương ngôn: "Bất lưỡng nhiệt." Na-Tiên ngôn: "Lưỡng lãnh gia?" Vương ngôn: "Bất lưỡng lãnh dã." Na-Tiên ngôn: "Lưỡng thủ trung giai nhiệt." Na-Tiên ngôn: "Ngã trọng vấn Vương, Vương tiền hậu lưỡng nhiệt đương ngôn lưỡng nhiệt, lưỡng lãnh đương ngôn lưỡng lãnh, hà duyên nhứt lãnh, nhứt nhiệt năng đồng ngôn thiêu nhơn thủ hồ?" Vương ngôn: "Trí lự thậm thiên cận bất năng cập thị nan dã. Nguyên Na-Tiên vị ngã giải chi." Na-Tiên ngôn: "Phật kinh thuyết chi, phàm hữu lục sự linh nhơn nội hỉ, hữu lục sự linh nhơn nội sầu; phục hữu lục sự linh nhơn bất hỉ diệt bất sầu, ngoại phục hữu lục sự linh nhơn sầu." Vương vấn: "Hà đẳng vi lục sự linh nhơn nội hỉ?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt giả, mục hữu sở thị, phục hữu sở vọng, thị cố linh nhơn nội hỉ. Nhị giả, nhĩ văn hảo thanh, phục hữu sở vọng, thị cố linh nhơn nội hỉ. Tam giả, tỵ văn hảo hương, phục hữu sở vọng, thị cố linh nhơn nội hỉ. Tứ giả, thiết đắc mỹ vị, phục hữu sở vọng, thị cố linh nhơn nội hỉ. Ngũ giả, thân đắc tế hoạt, phục hữu sở vọng, thị cố linh nhơn nội hỉ. Lục giả, tâm đắc lạc thọ, phục hữu sở vọng, thị cố linh nhơn nội hỉ. Như thị, lục sự linh nhơn nội hỉ." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi ngoại lục sự linh nhơn hỉ?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt giả, nhãn kiến hảo sắc niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên, tiện tự tư duy thâm nhiên vô thường, thị cố linh nhơn ngoại hỉ. Nhị giả, nhĩ văn hảo thanh niệm chi bất khả thường đắc, giai thường khí quyên, thị cố linh nhơn ngoại hỉ. Tam giả, tỵ văn hảo hương niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên, thị cố linh nhơn ngoại hỉ. Tứ giả, khẩu đắc mỹ vị niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên, thị cố linh nhơn ngoại hỉ. Ngũ giả, thân đắc tế hoạt niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên, thị cố linh nhơn ngoại hỉ. Lục giả, tâm niệm ái dục tư duy niệm chi thị giai vô thường, giai đương khí quyên, niệm chi thị dĩ hậu cánh hỉ. Thị vi lục sự linh nhơn ngoại hỉ." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi nội lục sự linh nhơn nội sầu?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt giả, linh nhơn nội sầu giả, mục sở bất hỉ nhi kiến chi, linh nhơn nội sầu. Nhị giả,

nhĩ bất sở dục văn nhi văn chi, linh nhơn nội sàu. Tam giả, tỵ bất dục sở xú nhi khứ chi, linh nhơn nội sàu. Tứ giả, khẩu bất dục sở đắc nhi đắc chi, linh nhơn nội sàu. Ngũ giả, thân bất dục sở trước nhi trước chi, linh nhơn nội sàu. Lục giả, tâm bất khả sở hỷ nhi hữu chi, linh nhơn nội sàu. Thị vi lục sự linh nhơn nội sàu." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi ngoại lục sự linh nhơn bất hỉ?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt giả, mục kiến ác sắc linh nhơn bất hỉ. Nhị giả, nhĩ văn ác thanh linh nhơn bất hỉ. Tam giả, tỵ văn xú tinh linh nhơn bất hỉ. Tứ giả, thiết đắc khổ tâm linh nhơn bất hỉ. Ngũ giả, thân trước thô kiên linh nhơn bất hỉ. Lục giả, tâm hữu sở tăng linh nhơn bất hỉ. Thị vi ngoại lục sự linh nhơn bất hỉ." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi lục sự linh nhơn bất sàu diệc bất hỉ?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt giả, mục hữu sở kiến diệc bất hỉ bất sàu. Nhị giả, nhĩ hữu sở văn âm diệc bất hỉ diệc bất sàu. Tam giả, tỵ hữu sở khứ diệc bất hỉ diệc bất sàu. Tứ giả, khẩu hữu sở đắc diệc bất hỉ diệc bất sàu. Ngũ giả, thân hữu sở xúc diệc bất hỉ diệc bất sàu. Lục giả, tâm hữu sở niệm diệc bất hỉ diệc bất sàu. Thị vi nội lục sự linh nhơn bất hỉ bất sàu." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi ngoại lục sự linh nhơn sàu giả?" Na-Tiên ngôn: "Nhứt giả, mục sở kiến tử giả, nhân tự niệm thân cập vạn vật vô thường, kỳ nhơn tự niệm ngôn, ngã hữu thị niệm, hà dĩ bất đắc đạo nhân ngoại sàu. Nhị giả, nhĩ bất lạc hảo âm, kỳ nhơn tự niệm ngôn, ngã hữu thị niệm hà dĩ bất đắc đạo nhân ngoại sàu. Tam giả, tỵ bất hỷ xú hương, kỳ nhơn tự niệm ngôn, ngã hữu thị niệm hà dĩ bất đắc đạo nhân ngoại sàu. Tứ giả, khẩu bất vị khổ điềm, kỳ nhơn tự niệm, ngã hữu thị niệm hà dĩ bất đắc đạo nhân ngoại sàu. Ngũ giả, thân bất hảo tế hoạt diệc bất đắc thô kiên, kỳ nhơn tự niệm ngôn, ngã hữu thị niệm hà dĩ bất đắc đạo nhân ngoại sàu. Lục giả, tâm bất hỷ ái dục, kỳ nhơn tự niệm ngôn, ngã hữu thị niệm hà dĩ bất đắc đạo nhân ngoại sàu. Thị vi lục sự linh nhơn ngoại sàu." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn dĩ tử hậu, thùy ư hậu thế sanh giả?" Na-Tiên ngôn: "Danh dữ thân ư hậu thế sanh." Vương vấn Na-tiên: "Cố nhơn danh thân hành sanh gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất dã. Phi cố danh diệc phi cố thân trì thị danh thân ư kim thế tác thiện ác nãi ư hậu thế sanh nhĩ." Vương ngôn: "Như sử kim thế dụng thị danh thân tác thiện ác ư hậu thế thân bất phục sanh giả cực khả tác thiện ác kính khả đắc thoát bất phục cánh chư khổ gia." Na-Tiên ngôn: "Đ kim thế tác thiện hậu thế bất phục sanh giả, tiện khả đắc thoát vô gia. Nhơn tác thiện ác bất chỉ đương hậu sanh nhĩ; thị cố bất đắc thoát." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn đạo tha nhơn quả loã, kỳ chủ đắc đạo quả giả tương chí Vương tiền bạch ngôn, thị nhơn đạo ngã quả. Kỳ đạo giả ngôn, ngã bất đạo thị nhơn quả, thị nhơn sở chủng tiêu tài nhĩ, bản bất chủng quả dã, ngã tự thủ quả, ngã hà dụng vi đạo, ngã bất đạo thị nhơn quả, ngã bất ưng hữu tội quá." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Như thị lưỡng nhơn cộng tranh, thùy vi trực giả, thùy bất vi trực giả ." Vương ngôn: "Chủng tài gia vi trực, bản tạo sở chủng;

đạo giả vô trạng ung vi hữu tội." Na-Tiên ngôn: "Đạo hà dụng vi hữu tội?" Vương ngôn: "Sở dĩ đạo giả hữu tội bản chủng tài gia sở chủng tông tài căn sanh cố thượng hữu quả nhĩ." Na-Tiên ngôn: "Nhơn sanh diệt thí như thị, nhơn kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác nãi sanh ư hậu thế, kim thể tác thiện ác giả thị bản dã." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn đạo tha nhơn hòa giá, kỳ chủ đắc đạo tiện khiên vấn chi, nhữ đạo ngã hòa giá. Vi đạo giả ngôn, ngã bắt đạo khanh hòa giá, khanh tự chủng hoà, ngã tự thủ giá, ngã hà dụng vi phạm đạo. Lương nhơn tương khiên chí Vương tiền bạch. Như thị thùy vi trực giả, thùy vi bất trực?" Vương ngôn: "Chủng hòa cốc vi trực, đạo giả vi bất trực." Na-Tiên ngôn: "Hà dĩ tri đạo hòa giá giả vi bất trực?" Vương ngôn: "Thị chủng hòa giả vi bản hữu bất chủng hòa giả vi vô duyên hà hữu giá?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn sanh diệt thí như thị. Nhơn kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác nãi sanh ư hậu thế kim thể tác thiện ác giả thị kỳ bản dã." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn đông hàn ư nhứt xá trung nhiên hỏa dục tự ôn chích; kỳ nhơn khí hỏa nhi khứ sảo sảo nhiên cập bích thổ thiêu ốc liên cập lâu xá. Xá chủ nhân ngôn khởi hỏa giả khiên chí Vương tiền bạch ngôn: "Thị nhơn khởi hỏa diên cập thiêu ngã lâu xá." Nhiên hỏa giả ngôn: "Ngã nhiên tiểu hỏa tự ôn chích nhĩ. Ngã bất thiêu lâu xá." Na-Tiên vấn Vương: "Thùy vi trực giả?" Vương ngôn: "Bản nhiên hỏa giả vi bất trực, bản sở sanh dã." Na-Tiên ngôn: "Nhơn sanh diệt nhĩ, thí như nhơn kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác nãi sanh ư hậu thế kim thể tác thiện ác giả thị bản dã." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn dạ nhiên chúc hỏa trước bích dục dụng tự chiếu phạn thực, chúc sảo khước cập bích thượng cập trúc mộc lâm tài tiện thiêu nhứt xá, hỏa đại xí diên cập thiêu nhứt thành trung, cử thành trung nhơn dân cộng (= hậu (?)) ngôn, nhữ hà vi thiêu nhứt thành trung nãi như thị. Nhiên hỏa giả ngôn, ngã đản nhiên tiểu chúc hỏa dĩ tự chiếu phạn thực nhĩ; thị tự đại hỏa phi ngã hỏa dã. Như thị tiện cộng tranh tụng tương khiên chí Vương tiền." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Như thị, thùy vi trực giả, thùy vi bất trực giả?" Vương ngôn: "Nhiên hỏa giả vi bất trực." Na-Tiên ngôn: "Hà dĩ tri?" Vương ngôn: "Bản thị hỏa sở sanh dã, nhữ phạn thực dĩ bất đương diệt hỏa dã, nhi linh hỏa thiêu nhứt thành trung." Na-Tiên ngôn: "Nhơn sanh diệt thí như thị, nhơn kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác nãi sanh ư hậu thế kim thể tác thiện ác thị kỳ bản dã, nhơn dụng bất tri tác thiện ác cố bất năng đắc độ thoát." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn dĩ tiền phình cầu nhơn gia tiểu nữ, dĩ hậu nữ trưởng đại tha nhơn phục cánh cầu phình cầu nữ, đắc nữ dĩ vi phụ. Tiền sở phình gia lai tự thuyết ngôn, nhữ phản thủ phụ vi hậu gia ngôn, nhữ tự tiểu thời phình nữ ngã tự đại thời phình phụ ngã hà dụng vi anh nhữ phụ gia; tiện tương khiên nghệ Vương tiền." Na-Tiên ngôn: "Vương như thị thùy vi trực giả, thùy vi bất trực giả?" Vương ngôn: "Tiền phình gia vi trực." Na-Tiên ngôn: "Vương hà dĩ tri?" Vương ngôn: "Thị nữ bản tiểu sảo trưởng đại,

thị cố tri vi trực dã thị tiền phinh gia phụ dã." Na-Tiên ngôn: "Nhơn sanh diệc thí như thị. Nhơn kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác nãi sanh ư hậu thể kim thể tác thiện ác giả thị kỳ bản dã." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn trì bình tòng mục ngư gia mãi nhữ chúng. Đắc chúng dĩ, phục hoàn ký kỳ chủ, ngôn, ngã kim hoàn bất cử. Ký nhơn tu du lai hoàn, thủ bình chúng, chúng dĩ chuyên tác lạc. Mạ chúng gia ngôn, ngã trì chúng ký, khanh kim phản trì lạc hoàn ngã. Mục ngư giả ngôn, thị nhữ cố nhữ, kim tự chuyển vi lạc. Lương nhơn cộng tranh tụng, tương khiên nghệ Vương tiền." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Như thị thù vi trực giả?" Vương ngôn: "Mục ngư gia vi trực." Na-Tiên ngôn: "Vương hà dĩ tri?" Vương ngôn: "Nhữ tự mại chúng đình trí địa tự chuyển thành lạc. Mục ngư gia đương hữu hà quá?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn sanh diệc thí như thị. Nhơn kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác nãi sanh ư hậu thể kim thể tác thiện ác giả thị kỳ bản dã." Vương phục vấn: "Kim Na-tiên đương phục ư hậu thể sanh gia?" Na-Tiên báo Vương ngôn: "Dụng thị vi vấn ngã tiền thuyết dĩ, như sử ngã hữu ân ái giả hậu thể đương phục sanh; như sử ngã vô ân ái giả, bất phục sanh." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn kiệt lực sự Vương, Vương đương trì kỳ thiện, sử tứ kỳ tài vật. Kỳ nhơn đắc vật cực tự thí dụng y bị, ẩm thực, hoan lạc; kỳ nhơn luận nghị ngôn, ngã hữu công ư Vương, Vương vị tăng hữu thưởng tứ ngã dã." Na-Tiên vấn Vương: "Như bỉ nhơn đắc thưởng tứ phản ngôn vị tăng đắc, kỳ nhơn ngữ ninh khả dụng bất?" Vương ngôn: "Kỳ nhơn ngữ bất khả dụng." Na-Tiên ngôn: "Thị cố ngã ngữ Vương ngôn, như sử ngã hữu ân ái giả đương phục ư hậu thể sanh; như sử ngã vô ân ái giả, bất phục ư hậu thể sanh." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Khanh tiền sở thuyết nhơn danh dữ thân, hà đẳng vi danh, hà đẳng vi thân giả?" Na-Tiên ngôn: "Kim kiến tại vi thân; tâm sở niệm giả vi danh." Vương phục vấn: "Nhơn hà cố hữu danh hành ư hậu thể sanh, nhi thân bất hành sanh?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn thân dĩ danh tiền hậu tương liên, thí như kê tử trung trap cập dữ thượng bì nãi thành kê tử. Nhơn danh dữ thân tương liên như thị, bất phân dã." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi cửu giả?" Na-Tiên ngôn: "Dĩ quá khứ sự vi cửu, đương lai sự diệc vi cửu, kiến tại sự vi vô hữu cửu." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Thâm vi hữu cửu bất?" Na-Tiên ngôn: "Hoặc hữu cửu, hoặc vô hữu cửu." Vương phục ngôn: "Hà đẳng vi hữu cửu, hà đẳng vi vô hữu cửu?" Na-Tiên ngôn: "Kỳ đắc đạo Nê-Hoàn giả vi vô cửu; vị đắc đạo đương phục cánh tử sanh giả vi hữu cửu. Nhơn ư kim thể hảo bố thí, hiếu ư phụ mẫu ư đương lai thể đương đắc kỳ phước." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Chư dĩ quá khứ sự, đương lai sự, kim kiến tại sự, thị tam sự, hà sở vi bản giả?" Na-Tiên ngôn: "Dĩ quá khứ sự, đương lai sự, kim kiến tại sự, ngu si giả thị kỳ bản dã; ngu si sanh tức

sanh thần, thần sanh thân, thân sanh danh, danh sanh sắc, sắc sanh lục tri; nhưt vi nhãn tri, nhị vi nhĩ tri, tam vi ty tri, tứ vi khẩu tri, ngũ vi thân tri, lục vi tâm tri, thị vi lục tri; thị lục sự giai ngoại hướng. Hà đẳng vi ngoại hướng? Nhãn hướng sắc, nhĩ hướng thanh, ty hướng hương, khẩu hướng vị, thân hướng hoạt, tâm hướng tham dục, thị vi lục ngoại hướng, danh vi phối, phối giả hiệp phối giả tri khổ, tri lạc; tông khổ lạc sanh ân ái, tông ân ái sanh tham dục, tông tham dục sanh hữu trí tiện sanh nhân lão, tông lão nhân bệnh, tông bệnh nhân tử, tông tử nhân khóc, tông khóc nhân ưu, tông ưu nhân nội tâm thông. Phạm hiệp thị chư cần khổ hiệp danh vi nhơn, nhơn dĩ thị cố sanh tử vô hữu tuyệt thời, nhơn cố bản thân bất khả đắc dã." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn chủng ngũ cốc sanh căn, tông căn sanh hành, diệp, thực, chí hậu đắc cốc dĩ hậu niên phục chủng đắc cốc thậm đa." Na-Tiên vấn Vương: "Như nhơn chủng cốc, tuế tuế chủng cốc, ninh hữu tuyệt bất sanh thời bất?" Vương ngôn: "Tuế tuế chủng cốc vô hữu tuyệt bất sanh thời dã." Na-Tiên ngôn: "Nhơn sanh diệp như thị, triển chuyên tương sanh, vô hữu tuyệt thời." Na-Tiên ngôn: "Thí như kê sanh noãn, noãn sanh kê, tông noãn sanh noãn, tông kê sanh kê. Nhơn sanh tử diệp như thị, vô hữu tuyệt thời." Na-Tiên tiện họa địa tác xa luân vấn Vương ngôn: "Kim thị luân ninh hữu giác vô?" Vương ngôn: "Chính viên, vô hữu giác." Na-Tiên ngôn: "Phật kinh thuyết, nhơn sanh tử như xa luân triển chuyên tương sanh vô hữu tuyệt thời." Na-Tiên ngôn: "Nhơn tông nhãn vạn vật sắc thức tức giác tri thị tam sự hiệp, tông hiệp sanh khổ lạc, tông khổ lạc sanh ân ái, tông ân ái sanh tham dục, tông tham dục sanh nhân hữu trí, tông hữu trí nhân sanh, tông sanh nhân tác thiện ác, tông thiện ác tiện sanh; nhĩ văn thanh, thức tức giác tri, tam sự hiệp, tông sanh khổ lạc, tông khổ lạc sanh nhân ân ái, tông ân ái sanh tham dục, tông tham dục sanh nhân hữu trí, tông hữu trí nhân sanh, tông nhân sanh tác thiện ác, tông thiện ác tiện sanh; ty văn hương thức tức giác tri, tam sự hiệp, tông hiệp sanh khổ lạc, tông khổ lạc sanh ân ái, tông ân ái sanh tham dục, tông tham dục sanh nhân hữu trí, tông hữu trí nhân sanh, tông sanh nhân tác thiện ác, tông thiện ác tiện sanh; khẩu đắc vị thức tức giác tri tam sự hiệp, tông hiệp sanh khổ lạc, tông khổ lạc sanh ân ái, tông ân ái sanh tham dục, tông tham dục sanh nhân hữu trí, tông hữu trí nhân sanh, tông nhân sanh tác thiện ác, tông thiện ác tiện sanh; thân đắc tế hoạt thức tức giác tri tam sự hiệp, tông hiệp sanh khổ lạc, tông khổ lạc sanh ân ái, tông ân ái sanh tham dục, tông tham dục sanh nhân hữu trí, tông hữu trí nhân sanh, tông sanh nhân tác thiện ác, tông thiện ác tiện sanh; ý hữu sở niệm thức tức giác tri tam sự hiệp, tông hiệp sanh khổ lạc, tông khổ lạc sanh ân ái, tông ân ái sanh tham dục, tông tham dục sanh nhân hữu trí, tông hữu trí nhân sanh, tông nhân sanh tác thiện ác, tông thiện ác tiện sanh." Na-Tiên ngôn: "Nhơn triển chuyên tương sanh vô hữu tuyệt." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục

vấn Na-tiên: "Khanh ngôn, nhơn sanh tử bất khả đắc bản. Bất khả đắc bản ý vân hà?" Na-Tiên ngôn: "Hữu bản giả đương bất phục sanh, hữu bản giả đương phục quá khứ dụng thị vi bản." Vương ngôn: "Vô bản giả đương bất phục sanh kiến hữu bản giả đương quá khứ như thị bản vi vị tuyệt gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, giai đương quá khứ," Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn sanh tử ninh hữu tòng bàng tăng ích giả bất?" Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Thế gian nhơn cập kỳ hành nhu động chi loại ninh hữu tòng bàng tăng ích giả bất?" Vương ngôn: "Ngã bất vấn Na-Tiên thế gian nhơn cập kỳ hành nhu động chi loại, ngã đản dục vấn khanh nhơn sanh tử bản nhĩ." Na-Tiên ngôn: "Thọ mộc sanh dĩ tài vi bản, ngũ cốc sanh dĩ cốc vi bản, thiên hạ vạn vật giai các dĩ kỳ loại bản sanh. Nhơn tòng lục tình ân ái vi bản." Na-tiên ngôn: "Nhơn hữu nhĩ, hữu sắc, hữu thức; hữu nhĩ, hữu thanh, hữu thức; hữu ty, hữu hương, hữu thức; hữu thiệt, hữu vị, hữu thức; hữu thân, hữu tế hoạt, hữu thức; hữu niệm, hữu pháp, hữu thức; tòng thị sanh khổ lạc, tòng khổ lạc sanh ân ái, tòng ân ái sanh tham dục, tòng tham dục sanh hiệp; thị chư khổ nãi thành vi nhơn nhĩ. Nhĩ, nhĩ, ty, khẩu, thân, thần, thức, niệm, sử hữu trí tịnh hiệp vi phối, tòng phối sanh khổ lạc, tòng khổ lạc sanh ân ái, tòng ân ái sanh tham dục, tòng tham dục nhân sanh hữu trí, tòng hữu trí nhân sanh, tòng sanh nhân lão, nhân bệnh, tòng bệnh nhân tử, nhân ưu, tòng ưu nhân khóc, tòng khóc nhân nội tâm thống; nhơn sanh như thị." Na-Tiên ngôn: "Vô nhĩ bất kiến sắc, bất giác, bất tri; tòng bất giác bất tri vô hữu hiệp; vô hữu hiệp vô hữu khổ lạc; vô hữu khổ lạc, tiện bất sanh ân ái; vô ân ái bất sanh tham dục; vô tham dục vô hữu trí, bất sanh, bất lão; bất sanh, bất lão bất bệnh, bất tử; bất bệnh, bất tử bất sâu, bất khóc; bất sâu, bất khóc, bất nội tâm thống; vô thị chư khổ tiện độ thoát đắc Nê-Hoàn đạo. Vô nhĩ vô sở vấn, vô ty vô sở khứ, vô khẩu vô sở vị, vô thân vô tế hoạt, vô thức vô sở niệm, vô sở niệm vô phối, vô phối vô khổ lạc, vô khổ lạc vô ân ái, vô ân ái vô tham dục, vô tham dục vô bào thai, vô sở bào thai vô sở sanh; bất sanh bất lão, bất lão bất bệnh, bất bệnh bất tử, bất tử bất sâu, bất sâu bất khóc, bất khóc bất nội tâm thống, quyền khí chư khổ, tiện đắc Nê-Hoàn đạo." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Thế gian ninh hữu tự nhiên sanh vật vô?" Na-Tiên ngôn: "Vô hữu tự nhiên sanh vật giai đương hữu sở nhân." Na-Tiên nhân vấn Vương: "Kim Vương sở tọa điện hữu nhơn công phu tác chi gia, tự nhiên sanh hồ?" Vương ngôn: "Nhơn công tác chi tài chuyên xuất ư thọ mộc, viên tường, nê thổ xuất ư địa." Na-Tiên ngôn: "Nhơn sanh diệc như thị giới như hòa hiệp nãi thành vi nhơn; thị cố vô tự nhiên sanh vật dã, giai hữu sở nhân." Na-Tiên ngôn: "Thí như () gia tác khí thủ thổ thủy hòa dĩ vi nê thiêu tác tạp khí vật, kỳ nê bất năng tự thành vi khí hội đương tu nhơn công hữu tân hỏa nãi thành vi khí nhĩ. Thế gian vô hữu tự nhiên sanh dã." Na-Tiên ngữ Vương ngôn: "Thí như không hầu vô ty, vô trụ, vô nhơn cổ giả, ninh năng

tác thanh bất?" Vương ngôn: "Bất năng tự tác thanh." Na-Tiên ngôn: "Nhu sử không hầu hữu ty, hữu trụ, hữu nhơn công cổ giả, kỳ thanh ninh xuất bất?" Vương ngôn: "Hữu thanh." Na-Tiên ngôn: "Nhu thị, thiên hạ vô tự nhiên sanh vật giai đương hữu sở nhơn." Na-Tiên vấn Vương: "Nhu toàn hỏa toại vô lương mộc, vô nhơn toàn giả, ninh năng đắc hỏa bất?" Vương ngôn: "Bất năng đắc hoá." Na-Tiên ngôn: "Thiết hữu lương mộc, hữu nhơn toại chi, ninh năng sanh hỏa bất?" Vương ngôn: "Nhiên, tức sanh hoá." Na-tiên ngôn: "Thiên hạ vô hữu tự nhiên sanh vật giai đương hữu sở nhơn." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Thí như dương toại câu vô nhơn trì chi diệc vô nhựt vô thiên, ninh năng đắc hoá." Na-Tiên ngôn: "Thí như dương toại hữu nhơn trì chi, hữu thiên, hữu nhựt, ninh năng đắc hỏa bất?" Vương ngôn: "Đắc hoá." Na-Tiên ngôn: "Thiên hạ vô hữu tự nhiên sanh vật giai đương hữu nhơn." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Nhược nhơn vô kính, vô minh, nhơn dục tự chiếu, ninh năng tự kiến kỳ hình bất?" Vương ngôn: "Bất năng tự kiến." Na-Tiên ngôn: "Nhu hữu hữu kính, hữu minh, hữu nhơn tự chiếu ninh năng tự kiến hình bất?" Vương ngôn: "Nhiên, tức năng tự kiến." Na-Tiên ngôn: "Thiên hạ vô hữu tự nhiên sanh vật giai hữu sở nhơn." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Thế gian nhơn ninh vi hữu nhơn vô?" Na-Tiên ngôn: "Thế gian bất năng thâm hữu nhơn dã, thích đương hô thù vi nhơn." Vương ngôn: "Thân trung mạng tức vi nhơn bất?" Na-Tiên vấn Vương: "Nhơn thân trung mạng năng dụng nhãn thị sắc bất, năng dụng nhĩ thính âm thanh bất, năng dụng tỵ văn hương bất, năng dụng khẩu tri vị bất, năng dụng thân tri tế hoạt bất, năng dụng ý hữu sở tri bất?" Vương ngôn: "Năng." Na-Tiên ngôn: "Kim ngã dĩ Vương kỳ ư điện thượng tứ diện hữu song tự tại dục tông hà song giả ninh năng kiến bất?" Vương ngôn: "Đắc kiến." Na-Tiên ngôn: "Thiết linh nhơn mạng tại thân trung tự tại dục tông hà không thị nhĩ năng dĩ nhãn thị sắc bất, năng dụng nhĩ thị sắc bất, năng dụng tỵ thị sắc bất, năng dụng khẩu thị sắc bất, năng dụng thân thị sắc bất, năng dụng ý thị sắc bất?" Vương ngôn: "Bất năng." Na-Tiên ngôn: "Thiết linh mạng tại nhĩ năng dĩ nhĩ hữu sở văn bất, năng dĩ nhĩ hữu sở kiến bất, năng dĩ nhĩ tri hương xú bất, năng dĩ nhĩ tri vị bất, năng dĩ nhĩ tri tế hoạt bất, năng dĩ nhĩ hữu sở niệm bất?" Na-Tiên ngôn: "Thiết linh mạng tại tỵ năng dĩ tỵ tri hương xú bất, năng dĩ tỵ văn âm thanh bất, năng dĩ tỵ tri vị bất, năng dĩ tỵ tri tế hoạt bất, năng dĩ tỵ hữu sở niệm bất?" Na-tiên ngôn: "Thiết linh mạng tại khẩu năng dĩ khẩu tri vị bất, năng dĩ khẩu hữu sở kiến bất, năng dĩ khẩu thính âm thanh bất, năng dĩ khẩu văn xú hương bất, năng dĩ khẩu tri tế hoạt bất, năng dĩ khẩu hữu sở niệm bất?" Na-Tiên ngôn: "Thiết linh mạng tại thân trung năng dĩ thân tri tế hoạt bất, năng dĩ thân hữu sở kiến bất, năng dĩ thân thính âm thanh bất, năng dĩ thân tri xú hương bất, năng dĩ thân tri vị bất, năng dĩ thân hữu sở niệm bất?" Na-Tiên ngôn: "Thiết linh mạng tại thức

năng dĩ thức hữu sở niệm bất, năng dĩ thức thính âm thanh bất, năng dĩ thức tri xú hương bất, năng dĩ thức tri vị bất, năng dĩ thức tri tế hoạt bất?" Vương ngôn: "Bất năng tri dã." Na-Tiên ngôn: "Vương sở ngữ tiền hậu bất tương phó." Na-Tiên ngôn: "Nhu ngã dĩ Vương cộng tại điện thượng triệt nhượng tứ song giả thị ninh quang viễn bất?" Vương ngôn: "Nhiên, quang viễn." Na-Tiên ngôn: "Thiết linh mạng tại thân trung () nhãn khứ chi, kỳ thị ninh quang viễn bất, quyết nhĩ linh đại kỳ thính ninh năng viễn bất, quyết tỵ linh đại văn hương ninh năng viễn bất, quyết khẩu linh đại tri vị ninh năng đa bất, phó bác bì phu tri tế hoạt ninh năng đa bất, quyết phán khứ ý kỳ linh ninh đại bất?" Vương ngôn: "Bất dã." Na-Tiên ngôn: "Vương diệc ngữ tiền hậu bất phó." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Vương trì tàng nhơn lai nhập tại Vương tiền trụ, Vương ninh giác tri tại tiền trụ bất?" Vương ngôn: "Tri tại tiền." Na-Tiên ngôn: "Trì tàng giả tức nhập Vương thất ninh tri nhập thất bất?" Vương ngôn: "Tri nhập thất giả." Na-Tiên ngôn: "Thiết linh nhơn mạng tại thân trung nhơn trì vị trước khẩu trung năng tri điềm, thô, toan, hàm, tân, khổ." Vương ngôn: "Tri chi." Na-Tiên ngôn: "Vương sở ngữ tiền hậu bất tương phó dã." Na-Tiên ngôn: "Nhu nhơn cô mỹ tửu trước đại khí trung cấp tắc nhứt nhơn khẩu đảo trí tửu trung linh thường tửu, kỳ nhơn ninh tri tửu vị bất?" Vương ngôn: "Kỳ nhơn bất tri." Na-Tiên ngôn: "Hà dĩ cố bất tri vị?" Vương ngôn: "Vị nhập khẩu đáo thiết thượng, cố bất tri vị." Na-Tiên ngôn: "Vương sở ngữ tiền hậu bất tương phó." Vương ngôn: "Ngã ngu si trí vị cập thị nan, nguyện tương giải chi." Na-Tiên ngôn: "Nhơn tông nhãn kiến sắc thần động, thần động tức sanh khổ lạc ý niệm hiệp nhĩ, tỵ, khẩu, ý, giai đồng hiệp vi ý hữu sở niệm thần động; thần động tức sanh khổ lạc, tông khổ lạc sanh ý, tông sanh niệm, triển chuyển tương thành thích vô thường chủ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn sanh nhãn thời nhãn dĩ thần câu sanh gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, đồng thời câu sanh." Vương phục vấn: "Nhãn cư tiền sanh gia, thần cư tiền sanh gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhãn cư tiền sanh, thần cư hậu sanh." Vương ngôn: "Nhãn ngữ thần ngôn, ngã sở hành sanh xứ, nhữ đương tùy ngã hậu sanh tương ngữ ngôn lưỡng gia, thần ngữ nhãn ngôn, nhữ sở sanh xứ, ngã đương tùy nhữ hậu sanh, lưỡng tương ngữ bất?" Na-Tiên ngôn: "Lưỡng bất tương dĩ ngữ." Vương ngôn: "Khanh bất ngôn đồng thời câu sanh, hà dĩ cố bất tương ngữ gia?" Na-Tiên ngôn: "Hữu tứ sự câu bất tương ngữ." Na-Tiên tự ngôn: "Hà đẳng tứ? Nhứt, vi hạ hành; nhị, vi hướng môn; tam, vi hành triệt; tứ giả, vi số. Thị tứ sự câu bất tương ngữ." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi hạ hành giả?" Na-Tiên báo Vương ngôn: "Cao sơn thượng thiên vũ, kỳ thủy tùy lưu đương như hà hành?" Vương ngôn: "Hạ hành gia." Na-Tiên ngôn: "Hậu phục thiên vũ, kỳ thủy lưu đương phục như hà hành?" Vương ngôn: "Đương tùy tiền lưu thủy xứ hành." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Tiền thủy ninh ngữ hậu

thủy ngôn, nhữ đương tùy ngã hậu lai. Hậu thủy ninh ngữ tiền thủy ngôn, ngã đương tùy nhữ xứ lưu hành. Tiền thủy, hậu thủy tương ngữ ngôn nhĩ bất?" Vương ngôn: "Thủy lưu các tự hành, tiền thủy bất tương ngữ dã." Na-Tiên ngôn: "Nhãn diệc như thủy, nhãn bất ngữ thần ngôn, nhữ đương tùy ngã hậu sanh; thần diệc bất ngữ nhãn ngôn, ngã đương tùy nhữ hậu hành sanh dã. Nhãn dữ thần câu bất tương ngữ dã. Thị cố vi hạ hành. Nhĩ, mục, ty, khẩu, thân, ý, diệc nhĩ." Vương phục vấn: "Hà đẳng vi hướng môn giả?" Na-Tiên ngôn: "Thí như đại thành đô hữu nhứt môn, kỳ trung hữu nhứt nhơn dục xuất đương tòng hà hướng?" Vương ngôn: "Đương tòng môn nhĩ." Na-Tiên ngôn: "Hậu phục hữu nhứt nhơn dục xuất, đương phục tòng hà hướng xuất?" Vương ngôn: "Cố đương tòng tiền nhơn môn xuất nhĩ." Na-Tiên ngôn Vương: "Tiền xuất nhơn ninh ngữ hậu nhơn ngôn, nhữ đương tùy ngã hậu xuất. Hậu nhơn ninh ngữ tiền nhơn ngôn, ngã đương tùy khanh sở tòng môn xuất. Lưỡng nhơn ninh tương ngữ ngôn nhĩ bất?" Vương ngôn: "Tiền nhơn, hậu nhơn câu bất tương ngữ dã." Na-Tiên ngôn: "Nhãn diệc như môn, nhãn bất ngữ thần ngôn, nhữ đương tùy ngã hậu sanh; thần diệc bất ngữ nhãn ngôn, ngã kim đương tùy nhữ hậu sanh. Nhãn dữ thần câu bất tương ngữ dã. Thị vi hướng môn. Nhĩ, ty, khẩu, thân, ý diệc nhĩ." Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Hà đẳng vi triệt hành giả?" Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Tiền xa hành hữu triệt, hậu xa hành đương tòng hà sở hành?" Vương ngôn: "Hậu xa đương tòng tiền xa triệt trung hành." Na-Tiên ngôn: "Tiền xa luân ninh ngữ hậu luân ngôn, nhữ đương tùy ngã xứ tòng hậu lai. Hậu xa luân ninh ngữ tiền luân, ngã đương tùy nhữ xứ hành; ninh tương ngữ ngôn nhĩ bất?" Vương ngôn: "Câu bất tương ngữ dã." Na-Tiên ngôn: "Nhơn diệc như thị. Nhãn bất ngữ thần, ngã sở sanh xứ, nhữ đương tùy ngã sanh; thần diệc bất ngữ nhãn, ngã đương tùy khanh hậu sanh." Na-Tiên ngôn: "Nhĩ, ty, khẩu, thân, thần câu bất tương ngữ." Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi số?" Na-Tiên ngôn: "Số giả, hiệu kế dã. Thư () học vấn thị vi số. Nhĩ, mục, ty, khẩu, thân, thần sảo sảo () tri cộng hiệp thị lục sự nãi vi hữu sở tri bất tòng nhứt sự hữu sở tri dã." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Nhơn mục sanh thời, dữ khổ lạc câu sanh bất?" Na-Tiên ngôn: "Mục dữ khổ lạc câu sanh, giai tương tòng hiệp sanh." Vương phục ngôn: "Hà đẳng vi hiệp giả?" Na-Tiên ngôn: "Lưỡng tương xúc vi hiệp, hiệp giả. Thí như lưỡng dương tương đễ; thị vi hiệp. Nhứt dương như mục, nhứt dương như sắc, hiệp vi danh phối. Thí như nhứt thủ vi mục, nhứt thủ vi sắc, lưỡng thủ hiệp vi phối. Thí như lưỡng thạch, nhứt thạch vi mục, nhứt thạch vi sắc, lưỡng thạch hiệp vi phối. Nhĩ, mục, ty, thân, thần, giai đồng hiệp vi phối. Thí như lưỡng thạch, nhứt thạch như thần, nhứt thạch như chí, lưỡng thạch hiệp vi phối, thần chí hiệp như thị; thị danh vi phối." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Lạc, hà đẳng loại?" Na-Tiên ngôn: "Tự giác tri vi lạc."

Na-Tiên ngôn: "Thí nhược nhơn sự quốc vương, kỳ nhơn hiền thiện, Vương tứ dữ tài vật; kỳ nhơn đắc chi, dụng tự khoái lạc tại sở dục, vi kỳ nhơn tự niệm, ngã sự Vương đắc thưởng tứ, kim đắc lạc, lạc như thị." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn tâm niệm thiện, khẩu ngôn thiện, thân hành thiện; hành thiện như thị, tử hậu đắc sanh thiên thượng, kỳ nhơn ư thiên thượng cực ý tự ngu lạc tự niệm ngôn, ngã tại thế gian thời, tâm niệm thiện, khẩu ngôn thiện, thân hành thiện; thị cố ngã tự trí sanh thử gian, đắc lạc thậm lạc; thị vi giác." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi giác giả?" Na-Tiên ngôn: "Tòng tri vi giác. Thí như Vương hữu trì tàng giả nhập tàng thất trung tự thị thất trung, tri hữu nhược thiên tiền, kim, ngân, châu, ngọc, tăng, bạch, tạp hương sắc giai tri tạp xứ, thị vi giác tri." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Nhơn hữu sở niệm, hà đẳng loại?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn hữu sở niệm nhân hữu sở tác; thí như nhơn hòa độc dược tự âm diệc phục hành âm nhơn, thân tự khổ diệc phục khổ tha nhơn thân." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn tác ác, tử hậu đương nhập Nê-Lê trung chư sở giáo giả giai nhập Nê-Lê trung; ác nhơn hữu sở niệm, sở tác ngôn như thị." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Hà đẳng vi nội động giả?" Na-Tiên ngôn: "Chí niệm nội tiện động." Vương ngôn: "Động hành thời vân hà?" Na-Tiên ngôn: "Thí như đồng huyên đồng phủ hữu nhơn vãng thiêu chi, kỳ khí hữu thanh cử hồ hữu dư âm nhi hành, nhơn như thị chí động niệm nhân hành." Na-Tiên ngôn: "Thiêu thời vi động, hữu dư âm vi hành." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Năng hiệp thủ phân biệt chi bất thị vi hiệp, thị vi trí, thị vi niệm, thị vi ý, thị vi động gia?" Na-Tiên ngôn: "Giả linh dĩ hiệp bất khả phục phân biệt dã." Na-Tiên ngôn: "Vương sử tể nhơn tác mỹ canh, trung hữu thủy, hữu nhục, hữu thông toán, hữu cương, hữu diêm thí, hữu nọa, Vương sắc trừ hạ nhơn ngôn, sở tác mỹ canh như tiền thủ canh trung thủy vị, lai thứ thủ nhục vị, lai thứ thủ thông vị, lai thứ thủ cương vị, lai thứ thủ diêm thí vị, lai thứ thủ nọa vị, lai canh dĩ thành, nhơn ninh năng nhứt nhứt thủ canh vị dữ Vương bất?" Vương ngôn: "Canh nhứt hiệp dĩ hậu bất năng nhứt nhứt biệt vị dã." Na-Tiên ngôn: "Chư sự diệc như thị, nhứt hiệp bất khả biệt dã, thị vi khổ lạc, thị vi trí, thị vi động, thị vi niệm." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Nhơn trì mục thị diêm vị ninh khả biệt tri bất?" Na-Tiên ngôn: "Vương tri nãi như thị gia, năng trì mục thị tri diêm vị?" Vương ngôn: "Mục bất tri diêm vị gia." Na-Tiên ngôn: "Nhơn trì thiết năng tri diêm vị thủ bất năng dĩ mục tri diêm vị dã." Vương phục vấn: "Nhơn dụng thiết tri vị vân?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn giai dụng thiết biệt tri vị." Vương ngôn: "Chư diêm vị giai đương dụng thiết biệt tri gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, Chư diêm vị giai đương dụng thiết biệt tri nhĩ." Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Xa tái diêm ngu ách diêm xa ngu ninh năng biệt tri bất?" Na-Tiên ngôn: "Xa ngu bất

năng biệt tri tri diêm vị dã." Vương vấn Na-Tiên ngôn: "Diêm vị ninh khả xứng bất?" Na-Tiên ngôn: "Vương trí nãi nhĩ năng xứng diêm vị Vương vấn." Na-Tiên ngôn: "Diêm vị bất khả xứng dã. Kỳ khinh trọng khả xứng nhĩ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Phàm nhơn thân trung ngụ tri tác chúng sự sở thành gia, tác nhứt sự thành ngũ tri gia?" Na-Tiên ngôn: "Tác chúng sự sở thành, phi nhứt sự sở thành dã; thí như nhứt địa ngũ cốc đương sanh thời các các tự sanh động loại; nhơn thân trung ngũ sự giai dụng chúng sự các sở sanh." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Thế gian nhơn đầu, tu, phát, phu, diện, mục, nhĩ, ty, khẩu, thân thể, tứ chi, thủ túc, giai hoàn cụ, hà cố trung hữu thọ mạng trường giả, trung hữu đoản mạng giả, hữu đa bệnh giả, trung hữu thiếu bệnh giả, trung hữu bản giả, trung hữu phú giả, trung hữu quý giả, trung hữu tiện giả, trung hữu đại sĩ giả, trung hữu tiểu sĩ giả, trung hữu đoan chánh giả, trung hữu xú giả, trung hữu vi nhơn sở tín giả, trung hữu vi nhơn sở nghi giả, trung hữu minh hiếu giả, trung hữu ngu giả, hà cố bất đồng?" Na-Tiên ngôn: "Thí như chư thọ mộc quả chúng, trung hữu thố bất diêm giả, trung hữu khổ giả, trung hữu tân giả, trung hữu diêm giả, trung hữu chính thố giả." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Thị giai thọ mộc, hà cố bất đồng?" Vương ngôn: "Sở dĩ bất đồng giả, kỳ tài các tự dị." Na-Tiên ngôn: "Nhơn diệc như thị, tâm sở niệm giả các các dị, thị cố linh thể gian nhơn bất đồng nhĩ, trung hữu đoản mạng giả, trung hữu trường mạng giả, trung hữu đa bệnh giả, trung hữu thiếu bệnh giả, trung hữu phú giả, trung hữu bản giả, trung hữu quý giả, trung hữu tiện giả, trung hữu đại sĩ giả, trung hữu tiểu sĩ giả, trung hữu đoan chánh giả, trung hữu xú giả, trung hữu ngữ dụng giả, trung hữu ngữ bất dụng giả, trung hữu minh giả, trung hữu ngu giả." Na-Tiên ngôn: "Thị cố Phật sở ngôn, tùy kỳ nhơn tác thiện ác tự đương đắc chi, trung hữu hào quý giả, trung hữu bản cùng giả, giai thị tiền thế túc mạng thể tác thiện ác các tự tùy kỳ đức đắc chi." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Nhơn hữu dục tác thiện giả đương tiền tác chi gia, đương hậu tác chi hồ?" Na-Tiên ngôn: "Đương cư tiền tác chi, tại hậu tác chi bất năng ích nhơn dã. Cư tiền tác giả hữu ích ư nhơn." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Vương khát dục ẩm thời sử nhơn quật địa tác tỉnh năng phó Vương khát bất?" Vương ngôn: "Bất phó khát dã; đương cư tiền tác tỉnh nhĩ." Na-Tiên ngôn: "Nhơn diệc như thị, nhơn sở cư giai đương cư tiền, tại hậu tác giả vô ích dã." Na-Tiên vấn Vương: "Vương cơ thời nãi sử nhơn canh địa, phần địa, chủng ngũ cốc cơ ninh dụng phạn gia, đương dự hữu trừ?" Vương ngôn: "Bất dã, đương tiên hữu trừ trừ." Na-Tiên ngôn: "Nhơn diệc như thị, đương tiên tác thiện, hữu cấp nãi tác thiện giả vô ích thân dã." Na-Tiên vấn Vương: "Thí như Vương hữu oán đương lâm thời xuất chiến đấu, Vương năng sử nhơn giáo mã, giáo tượng, giáo nhơn, tác chiến đấu cụ hồ?" Vương ngôn: "Bất dã, đương túc

hữu trừ trừ lâm thời tiện khả chiến đấu, lâm thời giáo mã, giáo tượng, giáo nhơn, vô ích dã." Na-Tiên ngôn: "Phật kinh thuyết ngôn, nhơn đương tiên tự niệm thân tác thiện, tại hậu tác thiện vô ích dã." Na-Tiên ngôn: "Vương mạc khí đại đạo tự tà đạo vô hiệu; ngu nhơn khí thiện tác ác hậu tọa đề khốc vô sở ích dã. Nhơn gia khí quyền trung chánh, tự ư bất chánh, lâm tử thời hối tại hậu." Vương ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Khanh tào chư sa-môn ngôn, thế gian hỏa bất như Nê-Lê trung hỏa nhiệt dã. Khanh tào phục ngôn, trì tiêu thạch trước thế gian hỏa trung chí mộ bất tiêu dã. Khanh tào phục ngôn, cực thủ đại thạch trước Nê-Lê hỏa trung khước tiêu tận. Thị cố, ngã bất tín dã. Khanh tào phục ngôn, nhơn tác ác tử tại Nê-Lê trung sở thiên vạn tuế, kỳ nhơn bất tiêu tử; thị cố ngã trọng bất tín thị ngữ dã." Na-Tiên vấn Vương: "Vương ninh văn kiến thủy trung hữu thư mãng, thư giao, thư biết, thư giải, hoài tử dĩ sa thạch vi thực bất?" Vương ngôn: "Nhiên, giai dĩ thị vi thực." Na-Tiên vấn Vương: "Sa-thạch tại phúc trung ninh tiêu bất?" Vương ngôn: "Nhiên, giai tiêu." Na-Tiên ngôn: "Kỳ phúc trung hoài tử ninh phục tiêu bất?" Vương ngôn: "Bất tiêu dã." Na-Tiên ngôn: "Hà dĩ cố bất tiêu?" Vương ngôn: "Tương lộc độc đương nhiên cố bất tiêu." Na-Tiên ngôn: "Nê-Lê trung nhơn diệc như thị, sở thiên vạn tuế bất tiêu tử giả, kỳ nhơn sở tác tội quá vị tận, cố bất tiêu tử." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Thư sư tử, thư hổ, thư cẩu, thư miêu hoài tử giai nhục thực đạm cốt nhập phúc trung thời ninh tiêu bất?" Vương ngôn: "Giai tiêu tận." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Kỳ phúc hoài tử ninh phục tiêu bất?" Vương ngôn: "Bất tiêu dã." Na-Tiên ngôn: "Dụng hà cố bất tiêu?" Vương ngôn: "Độc dụng lộc tương, cố bất tiêu dã." Na-Tiên ngôn: "Nê-Lê trung nhơn diệc như thị, sở thiên vạn tuế bất tiêu tử giả; Nê-Lê trung nhơn sở tác quá ác vị giải, cố bất tiêu tử." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Thư ngư, thư mã, thư lư, thư quân, thư lộc, hoài tử giai thực thảo sô vi xan bất?" Vương ngôn: "Nhiên, giai dĩ thị vi thực." Na-Tiên ngôn: "Kỳ sô thảo ninh ư phúc trung tiêu tận bất?" Vương ngôn: "Giai tiêu tận." Na-Tiên ngôn: "Kỳ phúc trung tử ninh tiêu tận bất?" Vương ngôn: "Bất tiêu tận dã." Na-Tiên ngôn: "Hà cố bất tiêu tận?" Vương ngôn: "Độc dĩ tương lộc đương nhiên cố sử bất tiêu tận." Na-Tiên ngôn: "Nê-Lê trung nhơn diệc như thị; thị tội quá vị tận, cố bất tiêu tử." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Phu nhơn cập trưởng giả phú gia nữ ẩm thực giai mỹ tứ ý thực thực ư phúc trung ninh tiêu bất?" Vương ngôn: "Giai tiêu."

Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Phúc trung hoài tử ninh tiêu bất?" Vương ngôn: "Bất tiêu dã." Na-Tiên ngôn: "Hà dĩ cố bất tiêu?" Vương ngôn: "Độc tương lộc cố sử bất tiêu dã." Na-Tiên ngôn: "Nê-Lê trung nhơn diệc như thị, sở dĩ sở thiên vạn tuế bất tiêu tử giả dụng tiên thế tác ác cố vị giải, cố bất tiêu tử." Na-Tiên ngôn: "Nhơn tại Nê-Lê trung trưởng tại Nê-Lê trung, lão quá tận nãi

đương tử." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Khanh tào chư sa-môn ngôn, thiên hạ địa giai tại thủy thượng, thủy tại phong thượng, phong tại không thượng, ngã bất tín thị dã." Na-Tiên tiện tiền thủ Vương thư thủy thích dĩ tam chỉ toát cử chi, vấn Vương ngôn: "Thị trung thủy vi phong sở trì bất?" Vương ngôn: "Nhiên, vi phong sở trì." Na-Tiên ngôn: "Phong trì thủy diệc như thị." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Nê-Hoàn đạo giai quá khứ vô sở phục hữu gia?" Na-Tiên ngôn: "Nê-Hoàn đạo vô sở phục hữu dã." Na-Tiên ngôn: "Ngu si chi nhơn kính lai sách nội ngoại thân ái toạ, thị cố bất năng độ thoát u lão, bịnh, tử." Na-Tiên ngôn: "Trí giả học đạo nhơn nội ngoại thân bất trước dã; nhơn vô hữu ân ái, vô hữu ân ái giả, vô tham dục giả, vô hữu bào thai; vô hữu bào thai giả bất sanh bất lão; bất sanh bất lão, bất bịnh bất tử; bất bịnh bất ưu, bất khóc; bất ưu bất khóc, bất nội tâm thống, tiện đắc Nê-Hoàn đạo." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Chư học đạo giả tất năng đắc Nê-Hoàn đạo bất?" Na-Tiên ngôn: "Bất năng tất đắc Nê-Hoàn đạo dã. Chánh hướng thiện đạo giả học tri chánh sự, đương sở phụng hành giả phụng hành chi; bất đương phụng hành giả viễn khí chi, đương sở niệm giả niệm, bất đương sở niệm giả khí chi, nhơn như thị giả đắc Nê-Hoàn đạo." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn bất đắc Nê-Hoàn đạo giả ninh tri Nê-Hoàn đạo vi khoái bất?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, tuy vị đắc Nê-Hoàn đạo do tri Nê-Hoàn đạo vi khoái dã." Vương ngôn: "Nhơn vị đắc Nê-Hoàn đạo giả hà dĩ tri vi khoái gia?" Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Nhơn sanh vị thường triệt thủ túc vi thống xứ?" Vương ngôn: "Nhơn tuy vị thường cánh triệt thủ túc do tri vi thống dã." Na-Tiên ngôn: "Hà dụng tri vi thống dã?" Vương ngôn: "Kỳ nhơn triệt thủ túc thời () hô dụng thị tri vi thống." Na-Tiên ngôn: "Nhơn diệc như thị, tiện đắc Nê-Hoàn đạo giả chuyển tương ngữ Nê-Hoàn đạo khoái dụng thị cố tín chi." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Na-Tiên ninh tăng kiến Phật bất?" Na-Tiên ngôn: "Vị tăng kiến dã." Vương ngôn: "Na-Tiên chư sư ninh tăng kiến Phật bất?" Na-Tiên ngôn: "Chư sư diệc bất kiến Phật dã." - "Như sử Na-Tiên cập chư sư bất kiến Phật giả, định vi vô hữu Phật dã." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Vương kiến ngũ bá thủy sở hiệp tụ xứ bất?" Vương ngôn: "Ngã bất kiến dã." Na-Tiên ngôn: "Vương phục cập thái phụ giai kiên thị thủy bất?" Vương ngôn: "Giai bất kiến dã." Na-Tiên ngôn: "Vương phục cập thái phụ giai bất kiên thử ngũ bá thủy hiệp tụ xứ, thiên hạ định vi vô hữu thử ngũ bá thủy sở tụ xứ gia?" Vương ngôn: "Tuy ngã phục cập thái phụ giai bất kiến thử thủy giả, thực hữu thử thủy gia?" Na-Tiên ngôn: "Tuy ngã chư sư bất kiến Phật giả, kỳ thực hữu Phật." Vương ngôn: "Thiện tai!"

(Na-Tiên từ-kheo Kinh - Quyển Trung)

-ooOoo-

NA-TIÊN TÌ-KHEO KINH

Quyển Hạ

Vương phục vấn ngôn: "Vô hữu phục thắng Phật giả gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, vô hữu thắng Phật giả." Vương phục vấn: "Hà dĩ tri vi vô hữu thắng Phật giả?" Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Như nhơn vị tăng nhập đại hải trung ninh tri hải thủy vi đại bất, hữu ngũ bá hà, hà hữu ngũ bá tiểu hà, lưu nhập đại hà: nhứt giả danh Hằng, nhị giả danh Tín-tha, tam giả danh Tư-tha, tứ giả danh ()-xoa, ngũ giả danh Thí-phí-di-nhĩ. Ngũ hà thủy trú dạ lưu nhập hải. Hải thủy diệc bất tăng, bất giảm." Na-Tiên ngôn: "Vương ninh năng văn tri bất?" Vương ngôn: "Thực tri." Na-Tiên ngôn: "Dĩ đắc đạo nhơn cộng đạo thuyết vô hữu năng thắng Phật giả thị cố, ngã tín chi." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà dụng tri vô hữu năng thắng Phật giả?" Na-Tiên vấn Vương: "Tạo tác thư sư giả vi thù?" Vương ngôn: "Tạo tác thư sư giả danh Chất." Na-Tiên ngôn: "Vương ninh tăng kiến Chất bất?" Vương ngôn: "Chất dĩ tử cửu viễn, vị tăng kiến." Na-Tiên ngôn: "Vương vị tăng kiến Chất, hà dụng tri Chất vi tạo thư sư?" Vương ngôn: "Tri cổ thời thư tự chuyển tương giáo cáo, dụng thị, cố ngã tri danh vi Chất." Na-Tiên ngôn: "Dụng thị cố ngã tạo kiến Phật kinh giới như kiến Phật vô dị. Phật sở thuyết kinh đạo thậm thâm khoái, nhơn tri Phật kinh giới, dĩ hậu tiện chuyển tương giáo, dụng thị cố ngã tri vi vô hữu năng thắng Phật giả." Vương phục vấn Na-Tiên: "Tự kiến Phật kinh đạo khả cửu hành chi?" Na-Tiên ngôn: "Phật sở thí giáo cấm kinh giới thậm khoái đương phụng hành chi chí lão." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn tử dĩ hậu thân bất tùy hậu thế sanh gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn tử dĩ hậu cánh thọ tân thân cố thân bất tùy." Na-Tiên ngôn: "Thí như đặng trung chú cánh tương nhiên cố chú tục tại tân chú cánh nhiên. Nhơn thân như thị cố thân bất hành cánh thọ tân thân." Na-Tiên vấn Vương: "Vương tiểu thời tông sư học thư, độc kinh bất?" Vương ngôn: "Nhiên, ngã tục niệm chi." Na-Tiên vấn Vương:

"Vương sở tông sư thọ kinh thư sư ninh phục tri bản kinh thư gia, tất cựu đắc kỳ bản kinh thư?" Vương ngôn: "Bất dã. Sư tục tự tri bản kinh thư nhĩ." Na-Tiên ngôn: "Nhơn thân như thử trí, cố cánh thọ tân thân." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Thảm vi hữu trí vô?" Na-Tiên ngôn: "Vô hữu trí." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn đạo tha nhơn quả loã, đạo giả ninh hữu quá vô?" Vương ngôn: "Hữu quá." Na-Tiên ngôn: "Sơ chủng tải thời thượng vô quả loã, hà duyên đạo giả đương hữu quá?" Vương ngôn:

"Thiết bất chủng tài, hà duyên hữu quả, thị cố đạo giả vô trạng." Na-Tiên ngôn: "Nhơn diệc như thị, dụng kim thể tác thiện ác sanh ư hậu thể cánh thọ tân thân." Vương ngôn: "Nhơn dụng thị cố thân hành tác thiện ác cánh tân thiện ác sở tại?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn chư sở tác thiện ác tùy nhơn như ảnh tùy thân; nhơn tử đản vong kỳ thân, bất vong kỳ hành. Thí như nhiên hỏa dạ thư hỏa diệt kỳ tự tục tại hỏa chí phục thành chi. Kim thể sở tác hành hậu thể thành như thọ chi như thị." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương ngôn Na-Tiên: "Ninh năng phân biệt chỉ thị sở tại bất gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất khả đắc tri thiện ác sở tại." Na-Tiên vấn Vương: "Thọ mộcvi hữu quả thời ngôn ninh năng phân biệt chỉ thị ngôn kỳ chi gian vô hữu quả ninh khả dự tri chi bất gia?" Vương ngôn: "Bất khả tri." Na-Tiên ngôn: "Nhơn vị đắc đạo bất năng dự tri thiện ác sở tại." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn: "Nhơn đương ư hậu thể sanh giả ninh năng tự tri bất." Na-Tiên ngôn: "Kỳ đương sanh giả tự tri." Vương ngôn: "Hà dụng tri chi?" Na-Tiên ngôn: "Thí như điền gia canh chủng thiên vũ thời tiết kỳ nhơn ninh dự tri đương đắc cốc bất?" Vương ngôn: "Nhiên, do tri đương đắc cốc đa." Na-Tiên ngôn: "Nhơn diệc như thị, nhơn đương ư hậu thể sanh dự tự tri." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Thảm hữu Nê-Hoàn vô?" Na-Tiên ngôn: "Thảm hữu." Vương ngôn: "Na-Tiên ninh năng chỉ thị ngã Phật tại kỳ xứ bất?" Na-Tiên ngôn: "Bất năng chỉ thị Phật tại kỳ xứ. Phật dĩ Bát-Nê-Hoàn khứ, bất khả đắc chỉ thị, chỉ thị kiến xứ." Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn nhiên đại hỏa dĩ tức diệt kỳ hoả, hỏa ninh khả phục chỉ thị tri quang sở tại bất?" Vương ngôn: "Bất khả tri xứ." Na-Tiên ngôn: "Phật dĩ Bát-Nê-Hoàn khứ, bất khả phục tri xứ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Sa-môn ninh tự ái kỳ thân bất?" Na-Tiên ngôn: "Sa-môn bất tự ái kỳ thân." Vương ngôn: "Như linh sa-môn bất tự ái kỳ thân giả, hà dĩ cố tự tiêu tức ngộa dục đắc an ôn nhuyễn, ẩm thực dục đắc mỹ thiện, tự hộ thị hà dĩ cố?" Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Ninh tăng nhập chiến đấu trung bất?" Vương ngôn: "Nhiên, ngã tăng nhập chiến đấu trung." Na-Tiên ngôn: "Tại chiến đấu trung, tăng vị đao, nhẫn, tiền sở trúng bất?" Vương ngôn: "Ngã tăng phả vị đao, nhẫn sở trúng." Na-Tiên vấn Vương: "Đao, nhẫn, mâu, tiền thương nại hà?" Vương ngôn: "Ngã dĩ cao, dục, miên, như, lý nhĩ." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Vương vị ái thương cố dĩ cao, dục, miên, như lý gia?" Vương ngôn: "Ngã bất ái thương." Na-Tiên ngôn: "Thù bất ái thương giả, hà dĩ trì cao, dục, miên như lý dĩ hộ chi?" Vương ngôn: "Ngã dục sử tậ dĩ nhĩ, bất ái kỳ thương." Na-Tiên ngôn: "Sa-môn diệc như thị; bất ái kỳ thân, tuy ẩm thực, tâm bất lạc, bất dụng tác mỹ, bất dụng tác hảo, bất dụng tác cơ sắc, thú dục chi thân thể phụng hành Phật kinh giới nhĩ. Phật kinh thuyết ngôn, nhơn hữu cửu khổng vi cửu mâu thương, chư khổng giai xứ xứ bất tịnh." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Phật vi thảm hữu tam thập nhị

tướng, bát thập chủng hảo, thân giai kim sắc hữu quang ảnh gia?" Na-Tiên ngôn: "Phật thâm hữu tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, giai hữu kim sắc hữu quang ảnh." Vương ngôn: "Phật phụ mẫu ninh phục hữu tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, thân giai kim sắc hữu quang ảnh gia?" Na-Tiên ngôn: "Phật phụ mẫu vô thị tướng." Vương ngôn: "Như sử phụ mẫu vô thị tướng giả, Phật diệc vô thị tướng." Vương phục ngôn: "Nhơn sanh tử tượng kỳ chủng loại, phụ mẫu vô hữu thị tướng giả, Phật định vô thị tướng." Na-Tiên ngôn: "Phật phụ mẫu tuy vô thị tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, thân kim sắc giả, Phật thâm hữu thị tướng." Na-Tiên vấn Vương: "Vương tăng kiến liên hoa bất?" Vương ngôn: "Ngã kiến chi." Na-Tiên ngôn: "Thử liên hoa sanh ư địa, trường ư nê thủy chi trung, sắc thậm, hương hảo, ninh phục tượng loại nê thủy sắc bất?" Vương ngôn: "Bất tượng loại địa nê thủy sắc." Na-Tiên ngôn: "Tuy Phật phụ mẫu vô thị chư tướng giả, Phật thâm hữu thị chư tướng; Phật sanh ư thế gian, trường ư thế gian, nhi bất tượng thế gian chi sự." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Phật thâm như đệ thất Thiên vương Phạm sở hành bất dữ phụ nữ giao hội bất?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, thâm ly ư phụ nữ, tịnh khiết vô hà uest." Vương ngôn: "Giả linh Phật như đệ thất Thiên vương sở hành giả, Phật vi đệ thất Phạm đệ tử." Na-Tiên vấn Vương: "Đệ thất Thiên vương giả hữu niệm vô niệm?" Vương ngôn: "Đệ thất Thiên vương Phạm hữu niệm." Na-Tiên ngôn: "Thị cố đệ thất thiên vương Phạm cập thượng chư Thiên giai vi Phật đệ tử." Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Điều minh thanh hà đẳng loại?" Vương ngôn: "Điều minh thanh như nhạn thanh." Na-Tiên ngôn: "Như thị điều vi thị nhạn đệ tử, các tự dị loại; Phật diệc như thị, phi đệ thất Thiên vương Phạm đệ tử." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Phật ninh tất học tri phụng hành kinh giới bất?" Na-Tiên ngôn: "Phật tất học tri phụng hành kinh giới." Vương ngôn: "Phật tông thù sư thọ kinh giới?" Na-Tiên ngôn: "Phật vô sư. Phật đắc đạo thời tiện tất tự tri chư kinh đạo. Phật bất như chư đệ tử học tri. Phật sở giáo chư đệ tử giai đương phụng hành chí lão." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn phụ mẫu tử thời bi đề khốc lệ xuất, nhơn hữu văn Phật kinh diệc phục bi đề khốc lệ xuất, câu lệ xuất ninh hữu biệt dị bất?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn hữu phụ mẫu đề khắp giai cảm tư ái, tư niệm sâu ưu, khổ thống; thử tào ưu giả ngu si ưu nhĩ. Kỳ hữu văn Phật kinh đạo lệ xuất giả giai hữu từ ai chi tâm, niệm thế gian cần khổ, thị cố lệ xuất kỳ đắc phước thậm đại." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Dĩ đắc độ thoát giả, vị đắc độ thoát giả, hữu hà đẳng biệt dị?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn vị đắc độ thoát giả hữu tham dục chi tâm, nhơn đắc độ thoát giả vô hữu tham dục chi tâm, đản dục thú đắc phạn thực chi mạng nhĩ." Vương ngôn: "Ngã kiến thế gian nhơn giai dục khoái thân, dục đắc mỹ thức, vô hữu () túc." Na-Tiên ngôn: "Nhơn vị đắc độ thoát giả phạn thực dụng tác

vinh lạc hảo; nhơn đắc độ thoát giả tuy phạm thực bắt dĩ vi lạc, bắt dĩ vi cam, thú dục chi mạng." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn gia hữu sở tác niệm cửu viễn chi sự bất?"

Na-Tiên ngôn: "Nhơn sâu ưu thời giai niệm cửu viễn chi sự." Vương ngôn: "Dụng hà đẳng niệm chi, dụng chí niệm gia, dụng niệm niệm gia?" Na-Tiên vấn Vương ngôn: "Ninh tăng hữu sở học tri dĩ hậu niệm chi bất?" Vương ngôn: "Nhiên, ngã tăng hữu sở học tri dĩ hậu phục cấp vong chi." Na-Tiên ngôn: "Vương thị thời vô vong gia, nhi vong chi hò?" Vương ngôn: "Ngã thời vãng niệm." Na-Tiên ngôn: "Khả sai Vương vi hữu tượng." Vương phục vấn Na-tiên: "Nhơn hữu sở tác giai niệm như phủ thủy hữu sở tác kim kiến tại sở tác giai dụng niệm tri gia?" Na-Tiên ngôn: "Dĩ khứ chi sự giai dụng niệm tri chi, kim kiến tại chi sự diệc dụng niệm tri chi." Vương ngôn: "Như thị nhơn dẫn niệm khứ sự bất năng phục niệm tân sự." Na-Tiên ngôn: "Giả linh tân giả hữu sở tác bất khả niệm giả diệc như thị." Vương ngôn: "Nhơn tân học thư kỹ xảo vi đường quyên gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn tân học thư họa giả hữu niệm cố linh đệ tử học giả hữu tri, thị cố hữu niệm nhĩ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn dụng kỹ sự sanh niệm gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn phạm hữu thập lục sự sanh niệm. Nhứt giả, cửu viễn sở tác sanh niệm. Nhị giả, tân hữu sở học sanh niệm. Tam giả, nhược hữu đại sự sanh niệm. Tứ giả, tư thiện sanh niệm. Ngũ giả, tăng sở cánh khổ sanh niệm. Lục giả, tự tư duy sanh niệm. Thất giả, tăng tạp sở tác sanh niệm. Bát giả, giáo nhơn sanh niệm. Cửu giả, tượng sanh niệm. Thập giả, tăng hữu sở vong sanh niệm. Thập nhứt giả, nhân thức sanh niệm. Thập nhị giả, hiệu kế sanh niệm. Thập tam giả, phụ trái sanh niệm. Thập tứ giả, nhứt tâm sanh niệm. Thập ngũ giả, độc thư sanh niệm. Thập lục giả, tăng hữu sở ký cánh kiến sanh niệm. Vi thập lục sự sanh."

Nhứt, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi niệm cửu giả?" Na-Tiên ngôn: "Phật đệ tử A-nan, nữ đệ tử ưu bà di Cựu-thù-thiên-bãi niệm ức thế túc, niệm thời sự, cập dư đạo nhơn giai năng niệm khứ thế chi sự, như A-nan nữ đệ bối thậm chúng đa niệm thử dĩ tiện sanh niệm."

Nhị, Vương phục vấn: "Hà đẳng vi tân sở học sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Như nhơn tào học tri hiệu kế hậu phục vong chi, kiến nhơn hiệu kế tiện cánh sanh niệm."

Tam, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi đại sự sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Thí như Thái-tử lập vi Vương, tự niệm vi Vương hào quý; thị vi đại sự sanh niệm."

Tứ, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi tư thiện sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Thí như vi nhơn sở thính hô cực thiện ý tân ngộ đãi chi, kỳ nhơn tự niệm ngôn tích nhựt vi kỳ sở thính hô thiện ý đãi nhơn, thị vi tư thiện sanh niệm."

Ngũ, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi cánh khổ sanh niệm?" Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn tăng vi nhơn sở qua chủy bế hệ lao ngục, thị vi cánh khổ sanh niệm."

Lục, Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Hà đẳng vi tự tư duy sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Thí như tăng hữu sở kiến nhược gia thất tông thân cập súc sanh, thị vi tự tư duy sanh niệm."

Thất, Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Hà đẳng vi tăng tạp sở tác sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn danh vạn vật tự nhan sắc, hương xú, cam khổ, niệm thử ngữ sự, thị vi tạp sanh niệm."

Bát, Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Hà đẳng vi giáo nhơn sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn tự hỉ vong biên nhơn hoặc hữu giả, hoặc vong giả, vong vi giáo nhơn sanh niệm."

Cửu, Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Hà đẳng vi tượng sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn ngu, mã, các tự hữu tượng loại, thị vi tượng sanh niệm."

Thập, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi tăng sở vong sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Thí như nhơn tốt hữu sở vong sở sở độc niệm đắc chi, thị vi tăng sở vong sanh niệm."

Thập nhứt, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi nhân thức sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Học thư giả năng cầu kỳ tự, thị vi nhân thức sanh niệm."

Thập nhị, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi hiệu kế sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Như nhơn cộng hiệu kế thành tựu tất tri sách thuật phân minh, thị vi hiệu kế sanh niệm."

Thập tam, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi phụ trái sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Thí như cổ cổ sở đương trái qui, thị vi trái cực sanh niệm."

Thập tứ, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi nhứt tâm sanh niệm giả?"
Na-Tiên ngôn: "Sa-môn nhứt kỳ tâm tự niệm sở tòng lai sanh thiên ức thể thời sự, thị ngã vi nhứt kỳ tâm sanh niệm."

Thập ngũ, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi độc thư sanh niệm giả?"
Na-Tiên ngôn: "Đế vương hữu cổ chi thư niệm ngôn kỳ đế, kỳ niên thời thư dã, thị vi độc thư sanh niệm."

Thập lục, Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà đẳng vi tăng hữu sở ký cánh kiến sanh niệm giả?" Na-Tiên ngôn: "Nhược nhơn hữu sở ký cánh nhãn kiến chi, tiện sanh niệm, thị vi sở ký sanh niệm."

Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Phật ninh tất tri khứ sự phủ thủy đương lai sự gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, Phật tất tri chi." Vương ngôn: "Giả linh Phật tất tri chư sự giả, hà cố bất nhứt thời giáo chư đệ tử, hà cố sảo sảo giáo chi?" Na-Tiên vấn Vương: "Quốc trung ninh hữu y sư vô?" Vương ngôn: "Hữu." - "Y sư ninh năng tất tri thiên hạ chư đực bất?" Vương ngôn: "Năng tất thức tri chư đực." Na-Tiên vấn Vương: "Kỳ y sư trị bệnh vi nhứt thời dữ đực sảo sảo dữ chi?" Vương ngôn: "Nhơn vị bệnh bất khả dữ dữ đực, ứng bệnh nãi dữ đực nhĩ." Na-Tiên ngôn: "Phật tuy tất tri khứ lai kiến tại chi sự diệc bất khả nhứt thời tất giáo thiên hạ, đương sảo sảo thụ kinh giới linh phụng hành chi nhĩ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Khanh tào sa-môn ngôn, nhơn tại thế gian tác ác chí bá tuế, lâm dục tử thời niệm Phật, tử hậu giả năng đắc sanh thiên thượng. Ngã bất tín thị ngữ. Phục ngôn, sát nhứt sanh, tử tức đương nhập Nê-Lê trung, ngã bất tín thị ngữ." Na-Tiên vấn Vương: "Như nhơn trì tiểu thạch trí thủy thượng, thạch phù gia, một gia?" Vương ngôn: "Kỳ thạch một." Na-Tiên ngôn: "Như linh trì bá mai đại thạch trí thuyền thượng, kỳ thuyền ninh một bất?" Vương ngôn: "Bất một." Na-Tiên ngôn: "Thuyền trung bá mai đại thạch nhân thuyền cố bất đắc một. Nhơn tuy hữu bản ác, nhứt thời niệm Phật, dụng thị cố bất nhập Nê-Lê trung, tiện đắc sanh thiên thượng; kỳ tiểu thạch một giả như nhơn tác ác bất tri Phật kinh, tử hậu tiện nhập Nê-Lê trung."

Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Khanh tào dụng hà đẳng cố hành học đạo tác sa-môn?" Na-Tiên ngôn: "Ngã dĩ quá khứ khổ, hiện tại khổ, đương lai khổ, dục khí thị chư khổ, bất dục phục thọ cánh cố hành học đạo tác sa môn." Vương phục vấn Na-Tiên: "Khổ nãi tại hậu thể hà vi dự học đạo tác sa-môn?" Na-Tiên vấn Vương: "Vương ninh hữu địch quốc oán gia dục tương công kích bất?" Vương ngôn: "Nhiên, hữu địch quốc oán

gia thường dục tương công kích dã." Na-Tiên vấn Vương: "Địch chúa lâm lai thời Vương nãi tác đấu kỳ bị thủ quật thiêm gia, đương dự tác chi hồ?" Vương ngôn: "Đương dự hữu trừ đãi." Na-Tiên vấn Vương: "Dụng hà đẳng cố dự tác trừ đãi?" Vương ngôn: "Bị địch lai vô thời cố." Na-Tiên vấn Vương: "Địch thượng vị lai hà cố dự bị chi?" Na-Tiên phục vấn Vương: "Cơ nãi điền chủng, khát nãi quật tinh gia?" Vương ngôn: "Giai đương dự tác chi." Na-Tiên ngôn: "Thượng vị cơ khát, hà cố dự tác điều độ?" Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Đệ thất Phạm Thiên khứ thị kỷ sở?" Na-Tiên ngôn: "Thậm viễn, linh thạch đại như Vương điện tông đệ thất Phạm Thiên thượng đọa chi lục nguyệt nhứt nãi đọa thử gian địa nhĩ." Vương ngôn: "Khanh tào chư sa-môn ngôn, đắc La-hán đạo như nhơn khuất thân tý khoảnh dĩ phi thượng đệ thất Phạm Thiên thượng." Vương ngôn: "Ngã bất tín thị hành sở thiên vạn ức lý, hà dĩ tạt nãi nhĩ gia?" Na-Tiên vấn Vương: "Vương bản sanh hà quốc?" Vương ngôn: "Ngã bản sanh Đại Tần quốc, quốc danh A-Lê-Tán." Na-Tiên vấn Vương: "A-lê-tán khứ thị gian kỷ lý?" Vương ngôn: "Khứ nhị thiên do tuần hiệp bát vạn lý." Na-Tiên vấn Vương: "Phả tăng ư thử dao niệm bản quốc trung sự bất?" Vương ngôn: "Nhiên, hằng niệm bản quốc trung sự tăng hữu sở tác vi giả." Vương ngôn: "Ngã tức niệm dĩ." Na-Tiên ngôn: "Vương hành bát vạn lý phản phục hà dĩ tạt?" Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhược hữu lưỡng nhơn ư thử câu thời tử, nhứt nhơn thượng sanh đệ thất Phạm Thiên, nhứt nhơn sanh Kế Tân khứ thị thất bá nhị thập lý, thù vi tiên đạo giả?" Na-Tiên ngôn: "Lưỡng nhơn câu thời đạo nhĩ." Vương ngôn: "Tương khứ viễn cận đại đa, hà dĩ câu chí?" Na-Tiên vấn Vương: "Thí niệm A-lê quốc." Vương ngôn: "Ngã dĩ niệm chi." Na-Tiên phục vấn Vương: "Vương thí phục niệm Kế tân." Vương ngôn: "Ngã dĩ niệm chi." Na-Tiên vấn Vương: "Niệm thị lưỡng quốc, hà sở tạt giả?" Vương ngôn: "Câu đẳng nhĩ." Na-Tiên ngôn: "Lưỡng nhơn câu tử, nhứt nhơn sanh đệ thất Phạm Thiên thượng, nhứt nhơn sanh Kế tân diệc đẳng nhĩ." Na-Tiên vấn Vương: "Nhược hữu nhứt song phi điều, nhứt điều ư đại thọ thượng chỉ, nhứt điều ư tiểu ty thọ chỉ, lưỡng điều câu chỉ, thù ảnh tiên tại địa giả?" Vương ngôn: "Kỳ ảnh câu đạo địa nhĩ." Na-Tiên ngôn: "Lưỡng nhơn câu tử, nhứt nhơn sanh đệ thất Phạm Thiên thượng, nhứt nhơn sanh Kế tân diệc câu thời chí nhĩ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn dụng kỹ sự học tri đạo?" Na-Tiên ngôn: "Dụng thất sự học tri đạo. Hà đẳng vi thất? Nhứt giả, niệm thiện ác chi sự. Nhị giả tinh tấn. Tam giả lạc đạo. Tứ giả phục ý vi thiện. Ngũ giả niệm đạo. Lục giả nhứt tâm. Thất giả thích ngộ vô sở tăng ái." Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn dụng thử thất sự học tri đạo gia?" Na-Tiên ngôn: "Bất tất dụng thất sự học tri đạo. Trí giả trì trí biệt tri thiện ác, dụng thị nhứt sự biệt tri

nhĩ." Vương phục vấn Na-Tiên: "Giả linh dụng nhưt sự tri giả, hà vi thuyết thất sự?" Na-Tiên vấn Vương: "Như nhơn trì đao trước thao trung ý bích đao, ninh năng tự hữu sở cát tiết bất?" Vương ngôn: "Bất năng hữu sở cát tiết." Na-Tiên ngôn: "Nhơn tâm tuy minh hội đương đắc thị lục sự cộng thành trí nhĩ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn gia tác thiện đắc phước đại gia, tác ác đắc ương đại gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn tác thiện đắc phước đại, tác ác đắc ương tiểu. Nhơn gia tác ác nhưt tự hồi quá, thị cố kỳ quá nhưt tiểu. Nhơn gia tác thiện nhưt dạ tự niệm hoan hỉ, thị cố đắc phước đại." Na-Tiên ngôn: "Tích giả, Phật tại thời kỳ quốc trung hữu nhơn ngộ vô thủ túc nhi thủ liên hoa trì thượng Phật. Phật tức cáo chư tì kheo ngôn, thử ngộ thủ túc nhi khước hậu cửu thập nhưt kiếp bất phục đọa nhập Nê-Lê trung, súc sanh bệ lệ đạo trung, đắc sanh Thiên thượng; Thiên thượng thọ chung phục hoàn tác nhơn; thị cố, ngã tri nhơn tác tiểu thiện đắc phước đại. Tác ác, kỳ nhơn tự hồi quá nhưt tiêu diệt nhi tận, thị cố ngã tri nhơn tác quá kỳ ương tiểu." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Trí giả tác ác, ngu nhơn tác ác, thử lưỡng nhơn ương cửu, thù đắc đa giả?" Na-Tiên ngôn: "Ngu nhơn tác ác đắc ương đại; trí nhơn tác ác đắc ương tiểu." Vương ngôn: "Bất như Na-tiên ngôn." Vương ngôn: "Ngã quốc trị pháp, đại thần hữu quá tặc tội chi trọng; ngu dân hữu quá tặc tội chi khinh; thị cố trí giả tác ác đắc ương đại, ngu giả tác ác đắc ương tiểu." Na-Tiên vấn Vương: "Thí như thiêu thiết tại địa nhưt nhơn trì vi thiêu thiết, nhưt nhơn bất trì; lưỡng nhơn câu tiền thủ thiêu thiết, thù lạn thủ đại giá gia?" Vương ngôn: "Bất trí giả lạn thủ đại." Na-Tiên ngôn: "Ngu giả tác ác bất năng tự hồi, cố kỳ ương đại. Trí giả tác ác trí bất đương sở vi nhưt tự hồi quá, cố kỳ ương tiểu." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn hữu năng trì thử thân phi hành thượng chí đệ thất Phạm Thiên thượng cập chí Uất-thiên- việt địa cập sở dục chí xứ giả bất?" Na-Tiên ngôn: "Năng." Vương ngôn: "Nại hà trì thử thân thượng đệ thất Phạm Thiên cập Uất-thiên-việt địa cập sở dục chí xứ hò?" Na-Tiên vấn Vương: "Vương ninh tự niệm thiếu tiểu thời khiêu hí nhưt trọng địa bất?" Vương ngôn: "Ngã niên thiếu thời ý niệm dục khiêu tiện khiêu nhưt trọng dư địa gia." Na-Tiên ngôn: "Đắc đạo chi nhơn ý dục khiêu chí đệ thất Phạm Thiên thượng cập chí Uất-thiên-việt địa giả diệc nhĩ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Khanh tào chư sa-môn ngôn, hữu cốt trường tứ thiên lý, hà đẳng thân cốt nãi trường tứ thiên lý?" Na-Tiên vấn: "Vương tăng văn đại hải trung hữu đại ngư danh chất thân trường nhị vạn bát thiên lý giả bất?" Vương ngôn: "Nhiên, hữu đắc, ngã tăng văn chi." Na-Tiên ngôn: "Như thị nhị vạn bát thiên lý ngư kỳ hiệp cốt trường tứ thiên lý." Vương quái chi, vi Vương phục vấn Na-Tiên: "Khanh tào chư sa-môn thuyết ngôn, ngã năng đoạn suyễn tức chi sự." Vương ngôn: "Nại hà đoạn suyễn tức khí gia?" Na-Tiên

vấn Vương: "Ninh tăng văn chí bất?" Vương ngôn: "Ngã văn chi." Na-Tiên ngôn: "Vương dĩ vi chí tại nhơn thân trung gia?" Vương ngôn: "Ngã dĩ vi chí tại nhơn thân trung." Na-Tiên ngôn: "Vương dĩ vi ngu nhơn bất năng chế kỳ thân khẩu giả bất năng trì kinh giới giả, như thử tào nhơn diệc bất lạc kỳ thân." Na-Tiên ngôn: "Kỳ học đạo nhơn năng chế thân khẩu, năng trì kinh giới, năng nhứt kỳ tâm đắc Tứ Thiên tiện năng bất phục suyễn tức nhĩ." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương vấn Na-Tiên: "Vi hô ngôn hải hải vi thị thủy danh vi hải gia? Dụng tha sự cố ngôn hải gia?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn sở dĩ hô vi hải giả thủy dữ cô tham các bán, thị cố vi hải nhĩ." Vương phục vấn Na-Tiên: "Hà dĩ cố hải tất hàm như cổ vị?" Na-Tiên ngôn: "Sở dĩ hải thủy hàm giả đạm súc dĩ lai cửu viễn cập ngư biết trùng đa cộng thanh tiện thủy trung, thị cố linh hàm nhĩ." Vương ngôn: "Thiện tai!". Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn đắc đạo dĩ ninh năng tất tư duy thâm áo chúng sự bất?" Na-Tiên ngôn: "Nhiên, nhơn đắc đạo dĩ năng tất tư duy thâm áo chi sự." Na-Tiên ngôn: "Phật kinh tối thâm áo chi chúng sự bất khả xưng lượng; chúng sự giai trí bình đoạn chi." Vương ngôn: "Thiện tai!" Vương phục vấn Na-Tiên: "Nhơn thân, trí, tự nhiên thử tam sự ninh đồng các dị?" Na-Tiên ngôn: "Nhơn thân giả chủ giác, trí giả hiểu đạo, tự nhiên giả, hư không vô hữu nhơn." Vương phục vấn Na-Tiên ngôn: "Đắc nhơn hà đẳng vi đắc nhơn giả. Nhân thị sắc, nhĩ thính thanh, tỵ văn hương, khẩu tri vị, thân tri thô nhuyễn, chí tri thiện ác chi sự, hà sở vi đắc nhơn giả?" Na-Tiên vấn Vương: "Nhu linh nhơn năng mục tự thị thoát đồng tử khứ chi, thị ninh quảng viễn bất, liệt đại kỳ nhĩ thính thanh ninh quảng viễn bất, quyết tỵ linh đại kỳ văn hương ninh đa bất, khai khẩu linh đại tri vị ninh đa bất, bác cát cơ phu linh tín tri thô nhuyễn bất, bạt khứ kỳ chí thành niệm ninh đa bất?" Vương ngôn: "Bất dã." Na-Tiên ngôn: "Phật tại sở tác thậm nan, Phật tạo sở tri thậm diệu." Vương phục vấn Na-Tiên: "Sở tác hà đẳng thậm nan, hà đẳng thậm diệu?" Na-Tiên ngôn: "Phật ngôn năng tri nhơn phúc trung mục sở kiến sự tất năng giải chi; năng giải mục sự năng giải nhĩ sự, năng giải tỵ sự, năng giải khẩu sự, năng giải thân sự, năng giải bại sự, năng giải nghi sự, năng giải sở niệm sự, năng giải thần sự." Na-Tiên ngôn: "Nhơn thủ hải thủy hàm chi ninh năng biệt tri khẩu trung thủy thị tuyên thủy, thị kỳ lưu thủy, thị ký hà thủy?" Vương ngôn: "Chúng thủy giai hiệp vi nhứt, nan các biệt tri." Na-Tiên ngôn: "Phật sở tác vi nan giai năng biệt tri thị chư thủy vị, kim hải thủy kiến mục tiền chi sự Vương thượng bất năng biệt tri, kim nhơn thần bất kiến nhơn thân trung hữu lục sự bất khả kiến." Na-Tiên ngôn: "Thị cố, Phật giải chi tông tâm niệm chí mục sở kiến, tông tâm niệm chí nhĩ sở thính, tông tâm niệm chí tỵ sở khứu, tông tâm niệm chí khẩu tri vị, tông tâm niệm chí thân tri khổ lạc hàn ôn, thô kiên, tông tâm niệm hữu sở hướng, Phật tất tri, phân biệt giải chi." Vương ngôn: "Thiện tai!"

Na-Tiên ngôn: "Dạ dĩ bán, ngã dục khứ." Vương tức sắc bàng thần thủ tứ đoan điệp bố ốn trí ma du trung trì dĩ vi cự, đương tống Na-Tiên qui cung, sự Na-Tiên như sự ngã thân. Bàng thần giai ngôn: "Thọ giáo." Vương ngôn: "Đắc sư như Na-Tiên, tác đệ tử như ngã, khả đắc đạo tậ." Vương chư sở vấn Na-Tiên triếp sự sự đáp chi. Vương đại hoan hỉ. Vương tức xuất trung tàng hảo y trực thập vạn dĩ thượng Na-Tiên. Vương ngữ Na-Tiên: "Tòng kim dĩ khứ, nguyện Na-Tiên nhựt dữ bát bá sa-môn cộng ư cung trung phạn thực, cập dục sở đắc giai tòng Vương thủ chi." Na-Tiên báo Vương: "Ngã vi đạo nhơn lược vô sở dục." Vương ngôn: "Na-Tiên đương tự hộ, diệc đương hộ ngã thân." Na-Tiên ngôn: "Hà đẳng đương tự hộ cập hộ Vương thân?" Vương báo ngôn: "Khủng nhơn luận nghị hô Vương vi khan, Na-Tiên vi Vương giải chư hồ nghi nhi bất năng tứ dữ; khủng hoặc nhơn ngôn Na-Tiên bất năng giải Vương hồ nghi cố Vương bất thưởng tứ." Vương ngôn: "Na-Tiên thọ giả đương linh ngã đắc kỳ phước, Na-Tiên diệc đương hộ kỳ danh." Vương ngôn: "Thí như sự tử tại kim hạm trung do vi câu bế thường hữu dục vọng khứ, kim ngã tuy vi quốc-vương tại cung tỉnh trung kỳ ý bất lạc dục khí quốc khứ nhi hành học đạo." Vương ngữ cánh, Na-Tiên tiện khởi qui Phật tự.

Na-Tiên thích khứ, Vương thiết tự niệm, ngã vấn Na-Tiên vi hà đẳng sự, Na-Tiên vi giải ngã hà đẳng sự. Vương tự niệm, ngã sở vấn Na-Tiên mạc bất giải ngã ý giả.

Na-Tiên qui Phật tự diệc tự niệm Vương vấn ngã hà đẳng sự, ngã diệc báo Vương hà đẳng sự. Na-Tiên tự niệm, Vương sở vấn giả, ngã diệc tất vi giải chi. Niệm thử sự chí thiên minh.

Minh nhựt, Na-Tiên bị cà-sa trì bát trực nhập cung thượng điện tọa. Vương tiền vị Na-Tiên tác lễ dĩ, cập khước tọa. Vương bạch Na-Tiên: "Na-Tiên thích khứ, ngã tự niệm, vấn Na-Tiên hà đẳng ngữ; Na-Tiên báo ngã hà đẳng ngữ, ngã phục tự niệm sở vấn Na-Tiên, Na-Tiên mạc bất giải ngã ý giả, ngã niệm thị ngữ hoan hỉ an ngọa chí minh. Na-Tiên ngôn: "Ngã hành qui xá diệc tự niệm, Vương vi vấn ngã hà đẳng sự, ngã diệc vị Vương thuyết hà đẳng sự, ngã phục tự niệm, Vương sở vấn ngã triếp vi giải chi. Dụng thị cố hoan hỉ chí minh.

Ngữ cánh, Na-Tiên dục khứ. Vương tiện khởi vị Na-Tiên tác lễ.

(Na-Tiên Tì-kheo Kinh - Quyển Hạ)

Cáo lỗi:

Bản Phiên-âm này còn thiếu chuyển dịch ra tiếng Hán-Việt, có đánh dấu ().
Thiện Nhựt chơn-thành tạ lỗi và kính mong được Quý Vị cao-minh, tinh
thông Hán-học chỉ dạy thêm.

Trân-trọng,
Thiện Nhựt

HẾT